PHẦN VĂN BẢN QUY PHẠM PHÁP LUẬT

BỘ TÀI NGUYÊN VÀ MÔI TRƯỜNG

BỘ TÀI NGUYÊN VÀ MÔI TRƯỜNG **CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: 15/2016/TT-BTNMT *Hà Nội, ngày 11 tháng 7 năm 2016*

THÔNG TƯ
Ban hành Danh mục địa danh dân cư, sơn văn, thủy văn, kinh tế - xã hội phục vụ công tác thành lập bản đồ tỉnh Bình Phước

Căn cứ Nghị định số 45/2015/NĐ-CP ngày 06 tháng 5 năm 2015 của Chính phủ về hoạt động đo đạc và bản đồ;

Căn cứ Nghị định số 21/2013/NĐ-CP ngày 04 tháng 3 năm 2013 của Chính phủ quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Bộ Tài nguyên và Môi trường;

Theo đề nghị của Cục trưởng Cục Đo đạc và Bản đồ Việt Nam và Vụ trưởng Vụ Pháp chế;

Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường ban hành Danh mục địa danh dân cư, sơn văn, thủy văn, kinh tế - xã hội phục vụ công tác thành lập bản đồ tỉnh Bình Phước.

Điều 1. Ban hành kèm theo Thông tư này Danh mục địa danh dân cư, sơn văn, thủy văn, kinh tế - xã hội phục vụ công tác thành lập bản đồ tỉnh Bình Phước.

Điều 2. Thông tư này có hiệu lực thi hành kể từ ngày 01 tháng 9 năm 2016.

Điều 3. Bộ, cơ quan ngang Bộ, cơ quan thuộc Chính phủ, Ủy ban nhân dân các tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương và các tổ chức, cá nhân có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Thông tư này./.

KT. BỘ TRƯỞNG
THỨ TRƯỞNG

Nguyễn Thị Phương Hoa

BỘ TÀI NGUYÊN VÀ MÔI TRƯỜNG **CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

DANH MỤC ĐỊA DANH DÂN CƯ, SƠN VĂN, THỦY VĂN, KINH TẾ - XÃ HỘI PHỤC VỤ CÔNG TÁC THÀNH LẬP BẢN ĐỒ TỈNH BÌNH PHƯỚC

(Ban hành kèm theo Thông tư số 15/2016/TT-BTNMT ngày 11 tháng 7 năm 2016 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường)

Phần I
QUY ĐỊNH CHUNG

1. Danh mục địa danh dân cư, sơn văn, thủy văn, kinh tế - xã hội phục vụ công tác thành lập bản đồ tỉnh Bình Phước được chuẩn hóa từ địa danh thống kê trên bản đồ địa hình quốc gia tỷ lệ 1:25.000, 1:50.000 Hệ VN-2000 khu vực tỉnh Bình Phước.

2. Danh mục địa danh dân cư, sơn văn, thủy văn, kinh tế - xã hội phục vụ công tác thành lập bản đồ tỉnh Bình Phước được sắp xếp theo thứ tự bảng chữ cái tiếng Việt của các đơn vị hành chính cấp huyện gồm thành phố, thị xã và các huyện, trong đó:

a) Cột "Địa danh" là các địa danh đã được chuẩn hóa;

b) Cột "Nhóm đối tượng" là ký hiệu các nhóm địa danh, trong đó: DC là nhóm địa danh dân cư; SV là nhóm địa danh sơn văn; TV là nhóm địa danh thủy văn; KX là nhóm địa danh kinh tế - xã hội;

c) Cột "Tên ĐVHC cấp xã" là tên đơn vị hành chính cấp xã, trong đó: "P." là chữ viết tắt của "phường"; "TT." là chữ viết tắt của "thị trấn";

d) Cột "Tên ĐVHC cấp huyện" là tên đơn vị hành chính cấp huyện, trong đó: "TP." là chữ viết tắt của "thành phố"; "H." là chữ viết tắt của "huyện"; "TX." là chữ viết tắt của "thị xã";

đ) Cột "Tọa độ vị trí tương đối của đối tượng" là tọa độ vị trí tương đối của đối tượng địa lý tương ứng với địa danh trong cột "Địa danh"; đối tượng địa lý thể hiện trên bản đồ bằng ký hiệu dạng điểm, dạng vùng thì giá trị tọa độ tương ứng theo cột "Tọa độ trung tâm"; nếu đối tượng địa lý thể hiện trên bản đồ bằng ký hiệu dạng đường thì giá trị tọa độ tương ứng theo 2 cột "Tọa độ điểm đầu" và "Tọa độ điểm cuối";

e) Cột "Phiên hiệu mảnh bản đồ địa hình" là ký hiệu mảnh bản đồ địa hình tỷ lệ 1:25.000, 1:50.000 chứa địa danh chuẩn hóa ở cột "Địa danh".

Phần II
DANH MỤC ĐỊA DANH
DÂN CƯ, SƠN VĂN, THỦY VĂN, KINH TẾ - XÃ HỘI PHỤC VỤ CÔNG TÁC THÀNH LẬP BẢN ĐỒ TỈNH BÌNH PHƯỚC

Danh mục địa danh dân cư, sơn văn, thủy văn, kinh tế - xã hội phục vụ công tác thành lập bản đồ tỉnh Bình Phước gồm địa danh của các đơn vị hành chính cấp huyện được thống kê trong bảng sau:

STT	Đơn vị hành chính cấp huyện
1	Thị xã Bình Long
2	Thị xã Đồng Xoài
3	Thị xã Phước Long
4	Huyện Bù Đăng
5	Huyện Bù Đốp
6	Huyện Bù Gia Mập
7	Huyện Chơn Thành
8	Huyện Đồng Phú
9	Huyện Hớn Quản
10	Huyện Lộc Ninh

Địa danh	Nhóm đối tượng	Tên ĐVHC cấp xã	Tên ĐVHC cấp huyện	Tọa độ vị trí tương đối của đối tượng						Phiên hiệu mảnh bản đồ địa hình
				Tọa độ trung tâm		Tọa độ điểm đầu		Tọa độ điểm cuối		
				Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	
khu phố An Bình	DC	P. An Lộc	TX. Bình Long	11° 39' 43"	106° 35' 46"					C-48-10-C-a
Mộ 3000 đồng bào An Lộc bị đế quốc Mỹ tàn sát	KX	P. An Lộc	TX. Bình Long	11° 39' 00"	106° 36' 14"					C-48-10-C-a
khu phố Bình An	DC	P. An Lộc	TX. Bình Long	11° 39' 36"	106° 35' 13"					C-48-10-C-a
giáo xứ Bình Long	KX	P. An Lộc	TX. Bình Long	11° 39' 16"	106° 36' 07"					C-48-10-C-a
khu phố Bình Tân	DC	P. An Lộc	TX. Bình Long	11° 40' 03"	106° 35' 34"					C-48-10-C-a
suối Chà Là	TV	P. An Lộc	TX. Bình Long			11° 39' 20"	106° 35' 50"	11° 35' 48"	106° 31' 06"	C-48-10-C-a
đồi Đồng Long	SV	P. An Lộc	TX. Bình Long	11° 40' 03"	106° 36' 22"					C-48-10-C-a
Mộ tập thể Lực lượng Vũ trang An ninh An Lộc	KX	P. An Lộc	TX. Bình Long	11° 39' 28"	106° 35' 27"					C-48-10-C-a
đường Nguyễn Huệ	KX	P. An Lộc	TX. Bình Long			11° 39' 59"	106° 36' 39"	11° 38' 37"	106° 36' 20"	C-48-10-C-a
khu phố Phú An	DC	P. An Lộc	TX. Bình Long	11° 39' 11"	106° 36' 03"					C-48-10-C-a
khu phố Phú Bình	DC	P. An Lộc	TX. Bình Long	11° 39' 19"	106° 36' 19"					C-48-10-C-a
khu phố Phú Cường	DC	P. An Lộc	TX. Bình Long	11° 39' 26"	106° 36' 20"					C-48-10-C-a
khu phố Phú Sơn	DC	P. An Lộc	TX. Bình Long	11° 39' 37"	106° 36' 18"					C-48-10-C-a
khu phố Phú Tân	DC	P. An Lộc	TX. Bình Long	11° 39' 27"	106° 33' 57"					C-48-10-C-a
khu phố Phú Trung	DC	P. An Lộc	TX. Bình Long	11° 39' 08"	106° 36' 14"					C-48-10-C-a
Suối Ru	TV	P. An Lộc	TX. Bình Long			11° 40' 20"	106° 35' 45"	11° 38' 19"	106° 31' 27"	C-48-10-C-a
Ấp Sóc Du	DC	P. An Lộc	TX. Bình Long	11° 40' 05"	106° 34' 26"					C-48-10-C-a
nông trường Xa Cam	KX	P. An Lộc	TX. Bình Long	11° 40' 01"	106° 33' 46"					C-48-10-C-a
chùa Bảo An	KX	P. Hưng Chiến	TX. Bình Long	11° 37' 55"	106° 36' 03"					C-48-10-C-a
Ấp Bình Ninh I	DC	P. Hưng Chiến	TX. Bình Long	11° 38' 04"	106° 34' 24"					C-48-10-C-a
khu phố Bình Ninh II	DC	P. Hưng Chiến	TX. Bình Long	11° 38' 54"	106° 34' 32"					C-48-10-C-a
khu phố Bình Tây	DC	P. Hưng Chiến	TX. Bình Long	11° 39' 17"	106° 35' 03"					C-48-10-C-a
Bưng Vườn Khế	DC	P. Hưng Chiến	TX. Bình Long	11° 36' 33"	106° 35' 22"					C-48-10-C-c
Công ty TNHH MTV Cao su Bình Long	KX	P. Hưng Chiến	TX. Bình Long	11° 38' 26"	106° 36' 19"					C-48-10-C-a

Địa danh	Nhóm đối tượng	Tên ĐVHC cấp xã	Tên ĐVHC cấp huyện	Tọa độ vị trí tương đối của đối tượng						Phiên hiệu mảnh bản đồ địa hình
				Tọa độ trung tâm		Tọa độ điểm đầu		Tọa độ điểm cuối		
				Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	
suối Chà Là	TV	P. Hưng Chiến	TX. Bình Long			11° 36' 37"	106° 36' 21"	11° 35' 20"	106° 36' 43"	C-48-10-C-c
khu phố Đông Phát	DC	P. Hưng Chiến	TX. Bình Long	11° 37' 23"	106° 36' 53"					C-48-10-C-c
suối Hưng Chiến	TV	P. Hưng Chiến	TX. Bình Long			11° 39' 20"	106° 35' 50"	11° 38' 10"	106° 34' 11"	C-48-10-C-a
khu phố Hưng Phú	DC	P. Hưng Chiến	TX. Bình Long	11° 38' 38"	106° 35' 25"					C-48-10-C-a
khu phố Hưng Thịnh	DC	P. Hưng Chiến	TX. Bình Long	11° 38' 58"	106° 35' 51"					C-48-10-C-a
chùa Lam Sơn	KX	P. Hưng Chiến	TX. Bình Long	11° 38' 42"	106° 36' 07"					C-48-10-C-a
Lô Bưng Mía	DC	P. Hưng Chiến	TX. Bình Long	11° 37' 28"	106° 34' 33"					C-48-10-C-c
Suối Ma	TV	P. Hưng Chiến	TX. Bình Long			11° 37' 35"	106° 34' 33"	11° 36' 38"	106° 31' 38"	C-48-10-C-a; C-48-10-C-c
Đường Nguyễn Huệ	KX	P. Hưng Chiến	TX. Bình Long			11° 39' 59"	106° 36' 39"	11° 38' 37"	106° 36' 20"	C-48-10-C-a; C-48-10-C-c
khu phố Phú Tân	DC	P. Hưng Chiến	TX. Bình Long	11° 39' 27"	106° 33' 57"					C-48-10-C-a
khu phố Phú Trung	DC	P. Hưng Chiến	TX. Bình Long	11° 38' 45"	106° 36' 08"					C-48-10-C-a
Ấp Sở Nhì	DC	P. Hưng Chiến	TX. Bình Long	11° 36' 59"	106° 35' 10"					C-48-10-C-c
đền Trần Hưng Đạo	KX	P. Hưng Chiến	TX. Bình Long	11° 38' 49"	106° 35' 38"					C-48-10-C-a
Trung tâm Thương mại Dịch vụ Bình Long	KX	P. Hưng Chiến	TX. Bình Long	11° 37' 49"	106° 36' 19"					C-48-10-C-a
suối Xa Cam	TV	P. Hưng Chiến	TX. Bình Long			11° 37' 23"	106° 35' 22"	11° 35' 19"	106° 33' 54"	C-48-10-C-c
khu phố Xa Cam I	DC	P. Hưng Chiến	TX. Bình Long	11° 37' 36"	106° 36' 05"					C-48-10-C-c
khu phố Xa Cam II	DC	P. Hưng Chiến	TX. Bình Long	11° 38' 00"	106° 35' 53"					C-48-10-C-a
hồ Xa Cát	TV	P. Hưng Chiến	TX. Bình Long	11° 37' 03"	106° 36' 12"					C-48-10-C-c
suối Xa Cát	TV	P. Hưng Chiến	TX. Bình Long			11° 38' 00"	106° 36' 51"	11° 36' 21"	106° 37' 04"	C-48-10-C-a; C-48-10-C-c
ngã ba Xe Tăng	KX	P. Hưng Chiến	TX. Bình Long	11° 39' 34"	106° 34' 32"					C-48-10-C-a
Đường QL.13	KX	P. Phú Đức	TX. Bình Long			11° 21' 37"	106° 37' 44"	11° 58' 13"	106° 32' 26"	C-48-10-C-a
suối Cầu Trắng	TV	P. Phú Đức	TX. Bình Long			11° 39' 55"	106° 37' 01"	11° 38' 00"	106° 36' 51"	C-48-10-C-a
Bệnh viện Đa khoa Công ty Cao su Bình Long	KX	P. Phú Đức	TX. Bình Long	11° 39' 20"	106° 37' 18"					C-48-10-C-a

Địa danh	Nhóm đối tượng	Tên ĐVHC cấp xã	Tên ĐVHC cấp huyện	Tọa độ vị trí tương đối của đối tượng						Phiên hiệu mảnh bản đồ địa hình
				Tọa độ trung tâm		Tọa độ điểm đầu		Tọa độ điểm cuối		
				Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	
chùa Hưng Lập	KX	P. Phú Đức	TX. Bình Long	11° 39' 01"	106° 36' 38"					C-48-10-C-a
Đường Nguyễn Huệ	KX	P. Phú Đức	TX. Bình Long			11° 39' 59"	106° 36' 39"	11° 38' 37"	106° 36' 20"	C-48-10-C-a
miếu Ông Hổ	KX	P. Phú Đức	TX. Bình Long	11° 39' 03"	106° 36' 48"					C-48-10-C-a
khu phố Phú Hòa I	DC	P. Phú Đức	TX. Bình Long	11° 38' 59"	106° 36' 54"					C-48-10-C-a
khu phố Phú Hòa II	DC	P. Phú Đức	TX. Bình Long	11° 39' 20"	106° 37' 12"					C-48-10-C-a
khu phố Phú Lộc	DC	P. Phú Đức	TX. Bình Long	11° 38' 28"	106° 36' 36"					C-48-10-C-a
khu phố Phú Nghĩa	DC	P. Phú Đức	TX. Bình Long	11° 38' 54"	106° 36' 28"					C-48-10-C-a
khu phố Phú Trọng	DC	P. Phú Đức	TX. Bình Long	11° 38' 55"	106° 36' 36"					C-48-10-C-a
nông trường Quản Lợi	KX	P. Phú Đức	TX. Bình Long	11° 38' 50"	106° 37' 11"					C-48-10-C-a
Dinh Tỉnh trưởng tỉnh Bình Long	KX	P. Phú Đức	TX. Bình Long	11° 38' 53"	106° 36' 22"					C-48-10-C-a
suối Cầu Trắng	TV	P. Phú Thịnh	TX. Bình Long			11° 39' 55"	106° 37' 01"	11° 38' 00"	106° 36' 51"	C-48-10-C-a
Đường Nguyễn Huệ	KX	P. Phú Thịnh	TX. Bình Long			11° 39' 59"	106° 36' 39"	11° 38' 37"	106° 36' 20"	C-48-10-C-a
tịnh xá Ngọc Bình	KX	P. Phú Thịnh	TX. Bình Long	11° 39' 25"	106° 36' 31"					C-48-10-C-a
khu phố Phú Hòa	DC	P. Phú Thịnh	TX. Bình Long	11° 39' 25"	106° 37' 26"					C-48-10-C-a
khu phố Phú Hưng	DC	P. Phú Thịnh	TX. Bình Long	11° 39' 20"	106° 36' 40"					C-48-10-C-a
khu phố Phú Thuận 1	DC	P. Phú Thịnh	TX. Bình Long	11° 39' 58"	106° 37' 32"					C-48-10-C-b
khu phố Phú Thuận 2	DC	P. Phú Thịnh	TX. Bình Long	11° 39' 18"	106° 36' 49"					C-48-10-C-a
khu phố Phú Xuân	DC	P. Phú Thịnh	TX. Bình Long	11° 39' 47"	106° 36' 53"					C-48-10-C-a
đình thần Tân Lập Phú	KX	P. Phú Thịnh	TX. Bình Long	11° 39' 31"	106° 36' 37"					C-48-10-C-a
chùa Tân Minh Tự	KX	P. Phú Thịnh	TX. Bình Long	11° 39' 30"	106° 36' 33"					C-48-10-C-a
di tích lịch sử Trường tiểu học An Lộc B	KX	P. Phú Thịnh	TX. Bình Long	11° 38' 59"	106° 36' 13"					C-48-10-C-a
Đường QL.13	KX	xã Thanh Lương	TX. Bình Long			11° 21' 37"	106° 37' 44"	11° 58' 13"	106° 32' 26"	C-48-10-C-c
Đường ĐT.757	KX	xã Thanh Lương	TX. Bình Long			11° 44' 42"	106° 40' 34"	11° 43' 55"	106° 34' 34"	C-48-10-C-a
Ấp Cần Lê	DC	xã Thanh Lương	TX. Bình Long	11° 42' 55"	106° 36' 15"					C-48-10-C-a
cầu Cần Lê	KX	xã Thanh Lương	TX. Bình Long	11° 44' 05"	106° 34' 27"					C-48-10-C-a
suối Cần Lê	TV	xã Thanh Lương	TX. Bình Long			11° 44' 28"	106° 35' 53"	11° 41' 55"	106° 29' 39"	C-48-10-C-a

Địa danh	Nhóm đối tượng	Tên ĐVHC cấp xã	Tên ĐVHC cấp huyện	Tọa độ vị trí tương đối của đối tượng						Phiên hiệu mảnh bản đồ địa hình
				Tọa độ trung tâm		Tọa độ điểm đầu		Tọa độ điểm cuối		
				Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	
Suối Đá	TV	xã Thanh Lương	TX. Bình Long			11° 42' 21"	106° 35' 02"	11° 43' 57"	106° 34' 20"	C-48-10-C-a
nhà máy Gạch Hòa Phát	KX	xã Thanh Lương	TX. Bình Long	11° 42' 27"	106° 34' 28"					C-48-10-C-a
suối Mơ Nông	TV	xã Thanh Lương	TX. Bình Long			11° 43' 10"	106° 38' 23"	11° 44' 18"	106° 36' 49"	C-48-10-C-a
Suối Ngôi	TV	xã Thanh Lương	TX. Bình Long			11° 42' 03"	106° 36' 15"	11° 44' 20"	106° 35' 17"	C-48-10-C-a
Ấp Phố Lố	DC	xã Thanh Lương	TX. Bình Long	11° 41' 47"	106° 33' 27"					C-48-10-C-a
Ấp Sóc Giếng	DC	xã Thanh Lương	TX. Bình Long	11° 41' 07"	106° 32' 42"					C-48-10-C-a
Ấp Thanh An	DC	xã Thanh Lương	TX. Bình Long	11° 42' 47"	106° 31' 17"					C-48-10-C-a
Ấp Thanh Bình	DC	xã Thanh Lương	TX. Bình Long	11° 42' 38"	106° 33' 07"					C-48-10-C-a
Ấp Thanh Hải	DC	xã Thanh Lương	TX. Bình Long	11° 42' 40"	106° 36' 31"					C-48-10-C-a
Ấp Thanh Hòa	DC	xã Thanh Lương	TX. Bình Long	11° 42' 44"	106° 34' 52"					C-48-10-C-a
Ấp Thanh Hưng	DC	xã Thanh Lương	TX. Bình Long	11° 44' 00"	106° 36' 19"					C-48-10-C-a
Ấp Thanh Kiều	DC	xã Thanh Lương	TX. Bình Long	11° 43' 25"	106° 34' 36"					C-48-10-C-a
chùa Thanh Phước	KX	xã Thanh Lương	TX. Bình Long	11° 42' 34"	106° 35' 24"					C-48-10-C-a
chùa Thanh Sơn	KX	xã Thanh Lương	TX. Bình Long	11° 42' 32"	106° 35' 19"					C-48-10-C-a
Ấp Thanh Tân	DC	xã Thanh Lương	TX. Bình Long	11° 42' 36"	106° 35' 24"					C-48-10-C-a
Ấp Thanh Thiện	DC	xã Thanh Lương	TX. Bình Long	11° 41' 54"	106° 34' 02"					C-48-10-C-a
Ấp Thanh Thịnh	DC	xã Thanh Lương	TX. Bình Long	11° 43' 25"	106° 36' 06"					C-48-10-C-a
Ấp Thanh Trung	DC	xã Thanh Lương	TX. Bình Long	11° 43' 23"	106° 35' 13"					C-48-10-C-a
Ấp Thanh Tuấn	DC	xã Thanh Lương	TX. Bình Long	11° 43' 41"	106° 35' 01"					C-48-10-C-a
nhà máy Xi măng Bình Phước	KX	xã Thanh Lương	TX. Bình Long	11° 42' 54"	106° 32' 50"					C-48-10-C-a
Ấp 17	DC	xã Thanh Phú	TX. Bình Long	11° 40' 22"	106° 35' 27"					C-48-10-C-a
nông trường Cao su Xa Cam	KX	xã Thanh Phú	TX. Bình Long	11° 41' 32"	106° 35' 34"					C-48-10-C-a
chùa Chưởng Phước	KX	xã Thanh Phú	TX. Bình Long	11° 40' 51"	106° 36' 45"					C-48-10-C-a
Đường QL.13	KX	xã Thanh Phú	TX. Bình Long			11° 21' 37"	106° 37' 44"	11° 58' 13"	106° 32' 26"	C-48-10-C-a
đồi Đồng Long	SV	xã Thanh Phú	TX. Bình Long	11° 40' 03"	106° 36' 22"					C-48-10-C-a
Suối Heo	TV	xã Thanh Phú	TX. Bình Long			11° 41' 09"	106° 38' 01"	11° 43' 10"	106° 38' 23"	C-48-10-C-b

Địa danh	Nhóm đối tượng	Tên ĐVHC cấp xã	Tên ĐVHC cấp huyện	Tọa độ vị trí tương đối của đối tượng						Phiên hiệu mảnh bản đồ địa hình
				Tọa độ trung tâm		Tọa độ điểm đầu		Tọa độ điểm cuối		
				Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	
Suối Lai	TV	xã Thanh Phú	TX. Bình Long			11° 40' 48"	106° 36' 59"	11° 42' 03"	106° 36' 15"	C-48-10-C-a
chùa Linh Thứu	KX	xã Thanh Phú	TX. Bình Long	11° 42' 09"	106° 35' 15"					C-48-10-C-a
suối Mơ Nông	TV	xã Thanh Phú	TX. Bình Long			11° 43' 10"	106° 38' 23"	11° 44' 18"	106° 36' 49"	C-48-10-C-a C-48-10-C-b
suối Peck Pun	TV	xã Thanh Phú	TX. Bình Long			11° 41' 33"	106° 35' 26"	11° 42' 21"	106° 35' 02"	C-48-10-C-a
Ấp Phú Lạc	DC	xã Thanh Phú	TX. Bình Long	11° 40' 54"	106° 37' 13"					C-48-10-C-a
Ấp Phú Long	DC	xã Thanh Phú	TX. Bình Long	11° 40' 28"	106° 36' 14"					C-48-10-C-a
giáo xứ Phú Lương	KX	xã Thanh Phú	TX. Bình Long	11° 42' 10"	106° 35' 19"					C-48-10-C-a
Ấp Phú Thành	DC	xã Thanh Phú	TX. Bình Long	11° 40' 53"	106° 37' 28"					C-48-10-C-a
nông trường Quản Lợi	KX	xã Thanh Phú	TX. Bình Long	11° 40' 32"	106° 37' 36"					C-48-10-C-b
Suối Ru	TV	xã Thanh Phú	TX. Bình Long			11° 40' 20"	106° 35' 45"	11° 38' 19"	106° 31' 27"	C-48-10-C-a
Ấp Sóc Bế	DC	xã Thanh Phú	TX. Bình Long	11° 41' 13"	106° 36' 44"					C-48-10-C-a
Ấp Sóc Bưng	DC	xã Thanh Phú	TX. Bình Long	11° 41' 59"	106° 37' 21"					C-48-10-C-a
Ấp Thanh Hà	DC	xã Thanh Phú	TX. Bình Long	11° 43' 06"	106° 37' 58"					C-48-10-C-b
Ấp Thanh Sơn	DC	xã Thanh Phú	TX. Bình Long	11° 42' 04"	106° 35' 13"					C-48-10-C-a
Ấp Thanh Thủy	DC	xã Thanh Phú	TX. Bình Long	11° 41' 34"	106° 36' 00"					C-48-10-C-a
Ấp Thanh Xuân	DC	xã Thanh Phú	TX. Bình Long	11° 41' 45"	106° 35' 26"					C-48-10-C-a
Ấp Vườn Rau	DC	xã Thanh Phú	TX. Bình Long	11° 40' 50"	106° 35' 53"					C-48-10-C-a
Đường ĐT.753	KX	P. Tân Xuân	TX. Đồng Xoài			11° 31' 44"	106° 54' 40"	11° 20' 59"	107° 00' 37"	C-48-10-D-d
suối Cái Bè	TV	P. Tân Xuân	TX. Đồng Xoài			11° 31' 40"	106° 53' 33"	11° 30' 22"	106° 55' 11"	C-48-10-D-d
Đường Lê Quý Đôn	KX	P. Tân Xuân	TX. Đồng Xoài			11° 31' 44"	106° 54' 40"	11° 32' 00"	106° 53' 45"	C-48-10-D-d
Đường Nguyễn Huệ	KX	P. Tân Xuân	TX. Đồng Xoài			11° 31' 21"	106° 53' 31"	11° 32' 19"	106° 54' 26"	C-48-10-D-d
Đường Phú Riềng Đỏ	KX	P. Tân Xuân	TX. Đồng Xoài			11° 33' 45"	106° 53' 58"	11° 30' 23"	106° 53' 05"	C-48-10-D-d
khu phố Phước An	DC	P. Tân Xuân	TX. Đồng Xoài	11° 31' 22"	106° 55' 25"					C-48-10-D-d
khu phố Phước Bình	DC	P. Tân Xuân	TX. Đồng Xoài	11° 30' 57"	106° 55' 18"					C-48-10-D-d
Cầu Rạt	KX	P. Tân Xuân	TX. Đồng Xoài	11° 31' 30"	106° 55' 48"					C-48-10-D-d
cầu Rạt 1	KX	P. Tân Xuân	TX. Đồng Xoài	11° 31' 37"	106° 55' 18"					C-48-10-D-d
Suối Rạt	TV	P. Tân Xuân	TX. Đồng Xoài			11° 32' 05"	106° 56' 45"	11° 18' 30"	106° 52' 23"	C-48-10-D-d

Địa danh	Nhóm đối tượng	Tên ĐVHC cấp xã	Tên ĐVHC cấp huyện	Tọa độ vị trí tương đối của đối tượng						Phiên hiệu mảnh bản đồ địa hình
				Tọa độ trung tâm		Tọa độ điểm đầu		Tọa độ điểm cuối		
				Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	
khu phố Suối Đá	DC	P. Tân Xuân	TX. Đồng Xoài	11° 31' 30"	106° 54' 25"					C-48-10-D-d
khu phố Tân Tiến	DC	P. Tân Xuân	TX. Đồng Xoài	11° 31' 49"	106° 53' 44"					C-48-10-D-d
khu phố Tân Trà	DC	P. Tân Xuân	TX. Đồng Xoài	11° 31' 01"	106° 53' 41"					C-48-10-D-d
khu phố Tân Xuân	DC	P. Tân Xuân	TX. Đồng Xoài	11° 31' 34"	106° 53' 54"					C-48-10-D-d
khu phố Xuân Lộc	DC	P. Tân Xuân	TX. Đồng Xoài	11° 31' 40"	106° 54' 07"					C-48-10-D-d
Trường Cao đẳng sư phạm Bình Phước	KX	P. Tân Bình	TX. Đồng Xoài	11° 31' 46"	106° 52' 25"					C-48-10-D-d
Đường QL.14	KX	P. Tân Bình	TX. Đồng Xoài			11° 54' 48"	107° 23' 03"	11° 25' 02"	106° 36' 49"	C-48-10-D-c; C-48-10-D-d
Đường Hùng Vương	KX	P. Tân Bình	TX. Đồng Xoài			11° 31' 46"	106° 53' 32"	11° 32' 04"	106° 53' 08"	C-48-10-D-d
Đường Phú Riềng Đỏ	KX	P. Tân Bình	TX. Đồng Xoài			11° 33' 45"	106° 53' 58"	11° 30' 23"	106° 53' 05"	C-48-10-D-d
khu phố Tân Bình	DC	P. Tân Bình	TX. Đồng Xoài	11° 32' 03"	106° 53' 36"					C-48-10-D-d
khu phố Tân Trà I	DC	P. Tân Bình	TX. Đồng Xoài	11° 31' 37"	106° 53' 07"					C-48-10-D-d
khu phố Tân Trà II	DC	P. Tân Bình	TX. Đồng Xoài	11° 31' 13"	106° 52' 35"					C-48-10-D-d
khu phố Thanh Bình	DC	P. Tân Bình	TX. Đồng Xoài	11° 31' 56"	106° 53' 04"					C-48-10-D-d
Sở Công thương tỉnh Bình Phước	KX	P. Tân Bình	TX. Đồng Xoài	11° 31' 54"	106° 53' 22"					C-48-10-D-d
Sở Lao động Thương binh và Xã hội tỉnh Bình Phước	KX	P. Tân Bình	TX. Đồng Xoài	11° 31' 54"	106° 52' 44"					C-48-10-D-d
khu phố Xuân Bình	DC	P. Tân Bình	TX. Đồng Xoài	11° 32' 10"	106° 53' 47"					C-48-10-D-d
Khu phố 1	DC	P. Tân Đồng	TX. Đồng Xoài	11° 32' 24"	106° 54' 45"					C-48-10-D-d
Khu phố 2	DC	P. Tân Đồng	TX. Đồng Xoài	11° 32' 32"	106° 54' 16"					C-48-10-D-d
Khu phố 3	DC	P. Tân Đồng	TX. Đồng Xoài	11° 33' 01"	106° 54' 18"					C-48-10-D-d
Khu phố 4	DC	P. Tân Đồng	TX. Đồng Xoài	11° 33' 22"	106° 54' 26"					C-48-10-D-d
Khu phố 5	DC	P. Tân Đồng	TX. Đồng Xoài	11° 34' 17"	106° 54' 12"					C-48-10-D-d
Đường QL.14	KX	P. Tân Đồng	TX. Đồng Xoài			11° 54' 48"	107° 23' 03"	11° 25' 02"	106° 36' 49"	C-48-10-D-d
Đường ĐT.741	KX	P. Tân Đồng	TX. Đồng Xoài			11° 57' 54"	106° 59' 56"	11° 22' 53"	106° 49' 30"	C-48-10-D-d
Đường Phú Riềng Đỏ	KX	P. Tân Đồng	TX. Đồng Xoài			11° 33' 45"	106° 53' 58"	11° 30' 23"	106° 53' 05"	C-48-10-D-d

Địa danh	Nhóm đối tượng	Tên ĐVHC cấp xã	Tên ĐVHC cấp huyện	Tọa độ vị trí tương đối của đối tượng						Phiên hiệu mảnh bản đồ địa hình
				Tọa độ trung tâm		Tọa độ điểm đầu		Tọa độ điểm cuối		
				Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	
nhà thờ Đồng Xoài	KX	P. Tân Đồng	TX. Đồng Xoài	11° 32' 40"	106° 54' 27"					C-48-10-D-d
chùa Quang Minh	KX	P. Tân Đồng	TX. Đồng Xoài	11° 32' 19"	106° 54' 13"					C-48-10-D-d
Suối Rạt	TV	P. Tân Đồng	TX. Đồng Xoài			11° 35' 08"	106° 55' 54"	11° 31' 36"	106° 55' 52"	C-48-10-D-d
cầu Số 2	KX	P. Tân Đồng	TX. Đồng Xoài	11° 32' 31"	106° 55' 00"					C-48-10-D-d
Suối Cấm	TV	P. Tân Phú	TX. Đồng Xoài			11° 33' 05"	106° 52' 41"	11° 32' 37"	106° 52' 15"	C-48-10-D-c
Đường ĐT.741	KX	P. Tân Phú	TX. Đồng Xoài			11° 57' 54"	106° 59' 56"	11° 22' 53"	106° 49' 30"	C-48-10-D-d
di tích lịch sử Địa điểm chiến thắng Đồng Xoài	KX	P. Tân Phú	TX. Đồng Xoài	11° 32' 17"	106° 53' 39"					C-48-10-D-d
khu phố Phú Cường	DC	P. Tân Phú	TX. Đồng Xoài	11° 32' 02"	106° 52' 24"					C-48-10-D-d
khu phố Phú Lộc	DC	P. Tân Phú	TX. Đồng Xoài	11° 32' 20"	106° 53' 24"					C-48-10-D-d
khu phố Phú Mỹ	DC	P. Tân Phú	TX. Đồng Xoài	11° 33' 25"	106° 53' 58"					C-48-10-D-d
Đường Phú Riềng Đỏ	KX	P. Tân Phú	TX. Đồng Xoài			11° 33' 45"	106° 53' 58"	11° 30' 23"	106° 53' 05"	C-48-10-D-d
khu phố Phú Tân	DC	P. Tân Phú	TX. Đồng Xoài	11° 32' 14"	106° 53' 01"					C-48-10-D-d
khu phố Phú Thanh	DC	P. Tân Phú	TX. Đồng Xoài	11° 32' 35"	106° 53' 47"					C-48-10-D-d
khu phố Phú Thịnh	DC	P. Tân Phú	TX. Đồng Xoài	11° 32' 47"	106° 53' 32"					C-48-10-D-d
khu phố Phú Xuân	DC	P. Tân Phú	TX. Đồng Xoài	11° 33' 04"	106° 53' 40"					C-48-10-D-d
Đường QL.14	KX	P. Tân Phú	TX. Đồng Xoài			11° 54' 48"	107° 23' 03"	11° 25' 02"	106° 36' 49"	C-48-10-D-c
hồ Suối Cam	TV	P. Tân Phú	TX. Đồng Xoài	11° 32' 50"	106° 52' 56"					C-48-10-D-d
hồ Suối Cam II	TV	P. Tân Phú	TX. Đồng Xoài	11° 32' 22"	106° 52' 20"					C-48-10-D-c C-48-10-D-d
Đường ĐT.753	KX	P. Tân Thiện	TX. Đồng Xoài			11° 31' 44"	106° 54' 40"	11° 20' 59"	107° 00' 37"	C-48-10-D-d
Đường Lê Quý Đôn	KX	P. Tân Thiện	TX. Đồng Xoài			11° 31' 44"	106° 54' 40"	11° 32' 00"	106° 53' 45"	C-48-10-D-d
Đường Nguyễn Huệ	KX	P. Tân Thiện	TX. Đồng Xoài			11° 31' 21"	106° 53' 31"	11° 32' 19"	106° 54' 26"	C-48-10-D-d
Đường Phú Riềng Đỏ	KX	P. Tân Thiện	TX. Đồng Xoài			11° 33' 45"	106° 53' 58"	11° 30' 23"	106° 53' 05"	C-48-10-D-d
khu phố Bình Thiện	DC	P. Tân Thiện	TX. Đồng Xoài	11° 31' 46"	106° 54' 30"					C-48-10-D-d
khu phố Phước Hòa	DC	P. Tân Thiện	TX. Đồng Xoài	11° 31' 39"	106° 55' 17"					C-48-10-D-d

Địa danh	Nhóm đối tượng	Tên ĐVHC cấp xã	Tên ĐVHC cấp huyện	Tọa độ vị trí tương đối của đối tượng						Phiên hiệu mảnh bản đồ địa hình
				Tọa độ trung tâm		Tọa độ điểm đầu		Tọa độ điểm cuối		
				Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	
khu phố Phước Tân	DC	P. Tân Thiện	TX. Đồng Xoài	11° 31' 48"	106° 54' 49"					C-48-10-D-d
khu phố Phước Thiện	DC	P. Tân Thiện	TX. Đồng Xoài	11° 31' 55"	106° 54' 04"					C-48-10-D-d
khu phố Phước Thọ	DC	P. Tân Thiện	TX. Đồng Xoài	11° 32' 00"	106° 53' 53"					C-48-10-D-d
Đường QL.14	KX	P. Tân Thiện	TX. Đồng Xoài			11° 54' 48"	107° 23' 03"	11° 25' 02"	106° 36' 49"	C-48-10-D-d
Cầu Rạt	KX	P. Tân Thiện	TX. Đồng Xoài	11° 31' 30"	106° 55' 48"					C-48-10-D-d
cầu Rạt 1	KX	P. Tân Thiện	TX. Đồng Xoài	11° 31' 37"	106° 55' 18"					C-48-10-D-d
cầu Số 2	KX	P. Tân Thiện	TX. Đồng Xoài	11° 32' 31"	106° 55' 00"					C-48-10-D-d
khu phố Tân Đồng 1	DC	P. Tân Thiện	TX. Đồng Xoài	11° 32' 10"	106° 54' 22"					C-48-10-D-d
khu phố Xuân Đồng	DC	P. Tân Thiện	TX. Đồng Xoài	11° 32' 18"	106° 54' 43"					C-48-10-D-d
Ấp 2	DC	xã Tân Thành	TX. Đồng Xoài	11° 31' 19"	106° 49' 46"					C-48-10-D-c
Ấp 3	DC	xã Tân Thành	TX. Đồng Xoài	11° 31' 12"	106° 49' 37"					C-48-10-D-c
Ấp 4	DC	xã Tân Thành	TX. Đồng Xoài	11° 31' 26"	106° 49' 07"					C-48-10-D-c
Ấp 6	DC	xã Tân Thành	TX. Đồng Xoài	11° 31' 03"	106° 48' 33"					C-48-10-D-c
Ấp 7	DC	xã Tân Thành	TX. Đồng Xoài	11° 30' 35"	106° 46' 56"					C-48-10-D-c
Ấp 8	DC	xã Tân Thành	TX. Đồng Xoài	11° 30' 27"	106° 45' 59"					C-48-10-D-c
nông trường Cao su Tân Thành	KX	xã Tân Thành	TX. Đồng Xoài	11° 34' 03"	106° 49' 53"					C-48-10-D-c
Sông Bé	TV	xã Tân Thành	TX. Đồng Xoài			11° 46' 06"	106° 45' 13"	11° 23' 50"	106° 42' 08"	C-48-10-D-c
ấp Bưng Xê	DC	xã Tân Thành	TX. Đồng Xoài	11° 33' 07"	106° 48' 03"					C-48-10-D-c
Suối Cang	TV	xã Tân Thành	TX. Đồng Xoài			11° 32' 18"	106° 50' 12"	11° 30' 45"	106° 46' 02"	C-48-10-D-c
bệnh xá K23	KX	xã Tân Thành	TX. Đồng Xoài	11° 31' 23"	106° 49' 46"					C-48-10-D-c
Suối Nam	TV	xã Tân Thành	TX. Đồng Xoài			11° 35' 46"	106° 52' 40"	11° 33' 24"	106° 46' 33"	C-48-10-D-c
cầu Nha Bích	KX	xã Tân Thành	TX. Đồng Xoài	11° 30' 32"	106° 45' 53"					C-48-10-D-c
Suối Num	TV	xã Tân Thành	TX. Đồng Xoài			11° 33' 36"	106° 51' 12"	11° 32' 08"	106° 49' 00"	C-48-10-D-c
Đường QL.14	KX	xã Tân Thành	TX. Đồng Xoài			11° 54' 48"	107° 23' 03"	11° 25' 02"	106° 36' 49"	C-48-10-D-c
suối Song Rinh	TV	xã Tân Thành	TX. Đồng Xoài			11° 30' 53"	106° 52' 13"	11° 28' 57"	106° 45' 58"	C-48-10-D-c; C-48-22-B-a
Trường Tiểu học Tân Thành A	KX	xã Tân Thành	TX. Đồng Xoài	11° 30' 33"	106° 47' 03"					C-48-10-D-c

Địa danh	Nhóm đối tượng	Tên ĐVHC cấp xã	Tên ĐVHC cấp huyện	Tọa độ vị trí tương đối của đối tượng						Phiên hiệu mảnh bản đồ địa hình
				Tọa độ trung tâm		Tọa độ điểm đầu		Tọa độ điểm cuối		
				Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	
Trường Tiểu học Tân Thành B	KX	xã Tân Thành	TX. Đồng Xoài	11° 31' 22"	106° 49' 30"					C-48-10-D-c
Ấp 1	DC	xã Tiến Hưng	TX. Đồng Xoài	11° 30' 40"	106° 53' 23"					C-48-10-D-d
Ấp 2	DC	xã Tiến Hưng	TX. Đồng Xoài	11° 30' 04"	106° 53' 07"					C-48-10-D-d
Ấp 3	DC	xã Tiến Hưng	TX. Đồng Xoài	11° 29' 16"	106° 53' 06"					C-48-22-B-b
Ấp 4	DC	xã Tiến Hưng	TX. Đồng Xoài	11° 29' 08"	106° 50' 33"					C-48-22-B-a
Ấp 6	DC	xã Tiến Hưng	TX. Đồng Xoài	11° 29' 27"	106° 52' 08"					C-48-22-B-a
Ấp 7	DC	xã Tiến Hưng	TX. Đồng Xoài	11° 28' 42"	106° 50' 38"					C-48-22-B-a
suối Ca Te	TV	xã Tiến Hưng	TX. Đồng Xoài			11° 28' 39"	106° 48' 05"	11° 29' 31"	106° 47' 43"	C-48-22-B-a
Suối Chè	TV	xã Tiến Hưng	TX. Đồng Xoài			11° 29' 26"	106° 51' 36"	11° 30' 25"	106° 51' 02"	C-48-10-D-c C-48-22-B-a
Đường ĐT.741	KX	xã Tiến Hưng	TX. Đồng Xoài			11° 57' 54"	106° 59' 56"	11° 22' 53"	106° 49' 30"	C-48-10-D-d; C-48-22-B-b
khu công nghiệp Đồng Xoài 3	KX	xã Tiến Hưng	TX. Đồng Xoài	11° 30' 20"	106° 52' 25"					C-48-10-D-c; C-48-10-D-d
suối Nước Trong	TV	xã Tiến Hưng	TX. Đồng Xoài			11° 28' 25"	106° 49' 33"	11° 25' 38"	106° 46' 05"	C-48-22-B-a
Công ty Phú Mỹ	KX	xã Tiến Hưng	TX. Đồng Xoài	11° 30' 31"	106° 53' 15"					C-48-10-D-d
Đường Phú Riềng Đỏ	KX	xã Tiến Hưng	TX. Đồng Xoài			11° 33' 45"	106° 53' 58"	11° 30' 23"	106° 53' 05"	C-48-10-D-d; C-48-22-B-b
Suối Rạt	TV	xã Tiến Hưng	TX. Đồng Xoài			11° 32' 05"	106° 56' 45"	11° 18' 30"	106° 52' 23"	C-48-22-B-b
suối Song Rinh	TV	xã Tiến Hưng	TX. Đồng Xoài			11° 30' 53"	106° 52' 13"	11° 28' 57"	106° 45' 58"	C-48-10-D-c; C-48-22-B-a
suối Ta Men	TV	xã Tiến Hưng	TX. Đồng Xoài			11° 29' 23"	106° 49' 45"	11° 29' 20"	106° 47' 52"	C-48-22-B-a
giáo xứ Tân Hưng	KX	xã Tiến Hưng	TX. Đồng Xoài	11° 29' 36"	106° 53' 09"					C-48-22-B-b
nông trường Cao su Tân Lợi	KX	xã Tiến Hưng	TX. Đồng Xoài	11° 29' 21"	106° 51' 07"					C-48-10-D-c; C-48-22-B-a
chùa Thanh Quang	KX	xã Tiến Hưng	TX. Đồng Xoài	11° 30' 00"	106° 53' 01"					C-48-10-D-d
Nghĩa trang nhân dân thị xã Đồng Xoài	KX	xã Tiến Hưng	TX. Đồng Xoài	11° 29' 35"	106° 51' 39"					C-48-22-B-a

Địa danh	Nhóm đối tượng	Tên ĐVHC cấp xã	Tên ĐVHC cấp huyện	Tọa độ vị trí tương đối của đối tượng						Phiên hiệu mảnh bản đồ địa hình
				Tọa độ trung tâm		Tọa độ điểm đầu		Tọa độ điểm cuối		
				Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	
trạm Viễn thông Tiến Hưng	KX	xã Tiến Hưng	TX. Đồng Xoài	11° 29' 19"	106° 52' 34"					C-48-22-B-b
Ấp 1A	DC	xã Tiến Thành	TX. Đồng Xoài	11° 31' 35"	106° 52' 00"					C-48-10-D-c
Ấp 1B	DC	xã Tiến Thành	TX. Đồng Xoài	11° 30' 55"	106° 51' 51"					C-48-10-D-c
Ấp 2	DC	xã Tiến Thành	TX. Đồng Xoài	11° 30' 58"	106° 51' 01"					C-48-10-D-c
Ấp 3	DC	xã Tiến Thành	TX. Đồng Xoài	11° 31' 38"	106° 50' 59"					C-48-10-D-c
Ấp 4	DC	xã Tiến Thành	TX. Đồng Xoài	11° 31' 49"	106° 52' 00"					C-48-10-D-c
Đường QL.14	KX	xã Tiến Thành	TX. Đồng Xoài			11° 54' 48"	107° 23' 03"	11° 25' 02"	106° 36' 49"	C-48-10-D-c
Công ty Điện lực Bình Phước	KX	xã Tiến Thành	TX. Đồng Xoài	11° 31' 45"	106° 52' 11"					C-48-10-D-c
Ấp Bưng Trang	DC	xã Tiến Thành	TX. Đồng Xoài	11° 33' 26"	106° 50' 42"					C-48-10-D-c
Suối Cam	TV	xã Tiến Thành	TX. Đồng Xoài			11° 32' 15"	106° 52' 12"	11° 32' 18"	106° 50' 12"	C-48-10-D-c
Suối Cấm	TV	xã Tiến Thành	TX. Đồng Xoài			11° 33' 05"	106° 52' 41"	11° 32' 37"	106° 52' 15"	C-48-10-D-c; C-48-10-D-d
Suối Cóc	TV	xã Tiến Thành	TX. Đồng Xoài			11° 33' 45"	106° 52' 29"	11° 32' 01"	106° 51' 42"	C-48-10-D-c
Ấp Làng Ba	DC	xã Tiến Thành	TX. Đồng Xoài	11° 34' 03"	106° 53' 06"					C-48-10-D-d
Suối Num	TV	xã Tiến Thành	TX. Đồng Xoài			11° 33' 36"	106° 51' 12"	11° 32' 08"	106° 49' 00"	C-48-10-D-c
suối Song Rinh	TV	xã Tiến Thành	TX. Đồng Xoài			11° 30' 53"	106° 52' 13"	11° 28' 57"	106° 45' 58"	C-48-10-D-c
Ấp Suối Cam	DC	xã Tiến Thành	TX. Đồng Xoài	11° 32' 23"	106° 51' 37"					C-48-10-D-c
hồ Suối Cam II	TV	xã Tiến Thành	TX. Đồng Xoài	11° 32' 22"	106° 52' 20"					C-48-10-D-c
Bệnh viện Đa khoa tỉnh Bình Phước	KX	xã Tiến Thành	TX. Đồng Xoài	11° 31' 37"	106° 51' 44"					C-48-10-D-c
Khu phố 1	DC	P. Long Phước	TX. Phước Long	11° 48' 53"	106° 56' 27"					C-48-10-B-d
Khu phố 2	DC	P. Long Phước	TX. Phước Long	11° 48' 38"	106° 56' 17"					C-48-10-B-d
Khu phố 3	DC	P. Long Phước	TX. Phước Long	11° 48' 25"	106° 56' 42"					C-48-10-B-d
Khu phố 4	DC	P. Long Phước	TX. Phước Long	11° 48' 51"	106° 56' 53"					C-48-10-B-d
Khu phố 5	DC	P. Long Phước	TX. Phước Long	11° 49' 27"	106° 57' 36"					C-48-10-B-d
Khu phố 6	DC	P. Long Phước	TX. Phước Long	11° 49' 11"	106° 57' 21"					C-48-10-B-d

Địa danh	Nhóm đối tượng	Tên ĐVHC cấp xã	Tên ĐVHC cấp huyện	Tọa độ vị trí tương đối của đối tượng						Phiên hiệu mảnh bản đồ địa hình
				Tọa độ trung tâm		Tọa độ điểm đầu		Tọa độ điểm cuối		
				Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	
Khu phố 7	DC	P. Long Phước	TX. Phước Long	11° 49' 18"	106° 57' 10"					C-48-10-B-d
Khu phố 8	DC	P. Long Phước	TX. Phước Long	11° 49' 23"	106° 57' 04"					C-48-10-B-d
khu phố 9	DC	P. Long Phước	TX. Phước Long	11° 49' 35"	106° 56' 54"					C-48-10-B-d
Đường ĐT.741	KX	P. Long Phước	TX. Phước Long			11° 57' 54"	106° 59' 56"	11° 22' 53"	106° 49' 30"	C-48-10-B-d
Đường ĐT.759	KX	P. Long Phước	TX. Phước Long			11° 57' 30"	106° 47' 41"	11° 41' 13"	107° 04' 09"	C-48-10-B-d
khu phố Long Điền I	DC	P. Long Phước	TX. Phước Long	11° 49' 53"	106° 56' 42"					C-48-10-B-d
khu phố Long Điền II	DC	P. Long Phước	TX. Phước Long	11° 50' 10"	106° 56' 40"					C-48-10-B-d
nhà thờ Phước Bình	KX	P. Long Phước	TX. Phước Long	11° 48' 43"	106° 56' 52"					C-48-10-B-d
Khu phố 1	DC	P. Long Thủy	TX. Phước Long	11° 50' 34"	106° 59' 26"					C-48-10-B-d
Khu phố 2	DC	P. Long Thủy	TX. Phước Long	11° 50' 51"	106° 59' 24"					C-48-10-B-d
Khu phố 2	DC	P. Long Thủy	TX. Phước Long	11° 50' 55"	106° 59' 38"					C-48-10-B-d
Khu phố 3	DC	P. Long Thủy	TX. Phước Long	11° 51' 16"	106° 59' 23"					C-48-10-B-d
Khu phố 3	DC	P. Long Thủy	TX. Phước Long	11° 51' 10"	106° 59' 19"					C-48-10-B-d
Khu phố 4	DC	P. Long Thủy	TX. Phước Long	11° 51' 39"	107° 00' 01"					C-48-10-B-d; C-48-11-A-c
Khu phố 5	DC	P. Long Thủy	TX. Phước Long	11° 51' 23"	106° 59' 51"					C-48-10-B-d
Đường ĐT.741	KX	P. Long Thủy	TX. Phước Long			11° 57' 54"	106° 59' 56"	11° 22' 53"	106° 49' 30"	C-48-10-B-d
Bệnh viện Đa khoa thị xã Phước Long	KX	P. Long Thủy	TX. Phước Long	11° 51' 14"	106° 59' 52"					C-48-10-B-d
Sông Bé	TV	P. Long Thủy	TX. Phước Long			11° 48' 53"	107° 02' 00"	11° 58' 33"	106° 53' 44"	C-48-10-B-d; C-48-11-A-c
cầu Đăk Lung	KX	P. Long Thủy	TX. Phước Long	11° 51' 22"	107° 00' 09"					C-48-11-A-c
Suối Dung	TV	P. Long Thủy	TX. Phước Long			11° 50' 08"	106° 59' 18"	11° 51' 44"	106° 59' 02"	C-48-10-B-d
hồ Long Thủy	TV	P. Long Thủy	TX. Phước Long	11° 50' 47"	106° 59' 30"					C-48-10-B-d
di tích lịch sử Nơi ghi dấu tội ác của Ngụy quyền tại cầu Đăk Lung	KX	P. Long Thủy	TX. Phước Long	11° 51' 22"	107° 00' 30"					C-48-11-A-c
cầu Suối Dung	KX	P. Long Thủy	TX. Phước Long	11° 50' 11"	106° 59' 18"					C-48-10-B-d

Địa danh	Nhóm đối tượng	Tên ĐVHC cấp xã	Tên ĐVHC cấp huyện	Tọa độ vị trí tương đối của đối tượng						Phiên hiệu mảnh bản đồ địa hình
				Tọa độ trung tâm		Tọa độ điểm đầu		Tọa độ điểm cuối		
				Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	
Khu phố 1	DC	P. Phước Bình	TX. Phước Long	11° 48' 19"	106° 57' 30"					C-48-10-B-d
Khu phố 2	DC	P. Phước Bình	TX. Phước Long	11° 48' 50"	106° 57' 13"					C-48-10-B-d
Khu phố 3	DC	P. Phước Bình	TX. Phước Long	11° 48' 39"	106° 56' 58"					C-48-10-B-d
Đường ĐT.741	KX	P. Phước Bình	TX. Phước Long			11° 57' 54"	106° 59' 56"	11° 22' 53"	106° 49' 30"	C-48-10-B-d
Đường ĐT.759	KX	P. Phước Bình	TX. Phước Long			11° 57' 30"	106° 47' 41"	11° 41' 13"	107° 04' 09"	
giáo họ Bình Tâm	KX	P. Phước Bình	TX. Phước Long	11° 48' 35"	106° 57' 06"					C-48-10-B-d
Suối Đá Nhỏ	TV	P. Phước Bình	TX. Phước Long			11° 48' 55"	107° 01' 02"	11° 47' 51"	106° 59' 09"	C-48-10-B-d; C-48-11-A-c
Suối Đăk Pon	TV	P. Phước Bình	TX. Phước Long			11° 47' 47"	106° 57' 08"	11° 47' 20"	106° 56' 40"	C-48-10-B-d
Suối Đăk Tang	TV	P. Phước Bình	TX. Phước Long			11° 48' 40"	106° 57' 02"	11° 42' 36"	106° 54' 50"	C-48-10-B-d; C-48-10-D-b
hồ Đăk Ton	TV	P. Phước Bình	TX. Phước Long	11° 48' 47"	106° 58' 07"					C-48-10-B-d
suối Đăk Ton	TV	P. Phước Bình	TX. Phước Long			11° 47' 39"	106° 59' 19"	11° 49' 15"	106° 58' 53"	C-48-10-B-d
suối Đăk Tung	TV	P. Phước Bình	TX. Phước Long			11° 47' 51"	106° 57' 55"	11° 46' 53"	106° 57' 46"	C-48-10-B-d
Phòng khám Đa khoa khu vực Phước Bình	KX	P. Phước Bình	TX. Phước Long	11° 48' 37"	106° 57' 12"					C-48-10-B-d
khu phố Phước An	DC	P. Phước Bình	TX. Phước Long	11° 49' 03"	106° 57' 37"					C-48-10-B-d
khu phố Phước Sơn	DC	P. Phước Bình	TX. Phước Long	11° 47' 42"	106° 58' 56"					C-48-10-B-d
giáo xứ Phước Sơn	KX	P. Phước Bình	TX. Phước Long	11° 47' 39"	106° 58' 55"					C-48-10-B-d
khu phố Phước Trung	DC	P. Phước Bình	TX. Phước Long	11° 48' 19"	106° 56' 39"					C-48-10-B-d
khu phố Phước Vĩnh	DC	P. Phước Bình	TX. Phước Long	11° 48' 19"	106° 57' 58"					C-48-10-B-d
giáo xứ Phước Vĩnh	KX	P. Phước Bình	TX. Phước Long	11° 48' 03"	106° 58' 08"					C-48-10-B-d
Đường ĐT.741	KX	P. Sơn Giang	TX. Phước Long			11° 57' 54"	106° 59' 56"	11° 22' 53"	106° 49' 30"	C-48-10-B-d
núi Bà Rá - Thác Mơ	SV	P. Sơn Giang	TX. Phước Long	11° 49' 05"	106° 59' 52"					C-48-10-B-d
khu phố Bình Giang 1	DC	P. Sơn Giang	TX. Phước Long	11° 49' 44"	106° 58' 07"					C-48-10-B-d
khu phố Bình Giang 2	DC	P. Sơn Giang	TX. Phước Long	11° 49' 56"	106° 58' 54"					C-48-10-B-d
suối Đá Nhỏ	TV	P. Sơn Giang	TX. Phước Long			11° 48' 55"	107° 01' 02"	11° 47' 51"	106° 59' 09"	C-48-10-B-d C-48-11-A-c
suối Đăk Ton	TV	P. Sơn Giang	TX. Phước Long			11° 47' 39"	106° 59' 19"	11° 49' 15"	106° 58' 53"	C-48-10-B-d

Địa danh	Nhóm đối tượng	Tên ĐVHC cấp xã	Tên ĐVHC cấp huyện	Tọa độ vị trí tương đối của đối tượng						Phiên hiệu mảnh bản đồ địa hình
				Tọa độ trung tâm		Tọa độ điểm đầu		Tọa độ điểm cuối		
				Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	
Suối Dung	TV	P. Sơn Giang	TX. Phước Long			11° 49' 15"	106° 58' 53"	11° 51' 44"	106° 59' 02"	C-48-10-B-d
chùa Long Đức	KX	P. Sơn Giang	TX. Phước Long	11° 49' 51"	106° 58' 24"					C-48-10-B-d
chùa Phước Sơn	KX	P. Sơn Giang	TX. Phước Long	11° 50' 03"	106° 59' 29"					C-48-10-B-d
giáo họ Sơn Giang	KX	P. Sơn Giang	TX. Phước Long	11° 49' 46"	106° 58' 14"					C-48-10-B-d
khu phố Sơn Long	DC	P. Sơn Giang	TX. Phước Long	11° 49' 37"	106° 59' 03"					C-48-10-B-d
nhà thờ Sơn Long	KX	P. Sơn Giang	TX. Phước Long	11° 49' 48"	106° 59' 13"					C-48-10-B-d
cầu Suối Dung	KX	P. Sơn Giang	TX. Phước Long	11° 50' 11"	106° 59' 18"					C-48-10-B-d
nghĩa trang liệt sỹ thị xã Phước Long	KX	P. Sơn Giang	TX. Phước Long	11° 49' 48"	106° 58' 30"					C-48-10-B-d
di tích lịch sử Vườn cây lưu niệm Bà Nguyễn Thị Định	KX	P. Sơn Giang	TX. Phước Long	11° 50' 05"	106° 57' 56"					C-48-10-B-d
Khu phố 1	DC	P. Thác Mơ	TX. Phước Long	11° 50' 21"	106° 59' 45"					C-48-10-B-d
Khu phố 2	DC	P. Thác Mơ	TX. Phước Long	11° 50' 29"	107° 00' 22"					C-48-11-A-c
Khu phố 3	DC	P. Thác Mơ	TX. Phước Long	11° 50' 36"	106° 59' 45"					C-48-11-A-c
Khu phố 4	DC	P. Thác Mơ	TX. Phước Long	11° 51' 22"	107° 00' 17"					C-48-11-A-c
Khu phố 4	DC	P. Thác Mơ	TX. Phước Long	11° 51' 04"	107° 00' 28"					C-48-11-A-c
Khu phố 5	DC	P. Thác Mơ	TX. Phước Long	11° 49' 21"	107° 01' 06"					C-48-11-A-c
Đường ĐT.741	KX	P. Thác Mơ	TX. Phước Long			11° 57' 54"	106° 59' 56"	11° 22' 53"	106° 49' 30"	C-48-10-B-d
núi Bà Rá - Thác Mơ	SV	P. Thác Mơ	TX. Phước Long	11° 49' 05"	106° 59' 52"					C-48-10-B-d
Sông Bé	TV	P. Thác Mơ	TX. Phước Long			11° 48' 53"	107° 02' 00"	11° 58' 33"	106° 53' 44"	C-48-10-B-d C-48-11-A-c
cầu Đăk Lung	KX	P. Thác Mơ	TX. Phước Long	11° 51' 22"	107° 00' 09"					C-48-11-A-c
di tích lịch sử Địa điểm ghi dấu chiến thắng Phước Long	KX	P. Thác Mơ	TX. Phước Long	11° 51' 04"	106° 59' 49"					C-48-10-B-d
tượng Đức Mẹ Vô Nhiệm	KX	P. Thác Mơ	TX. Phước Long	11° 50' 06"	107° 00' 33"					C-48-11-A-c
Suối Dung	TV	P. Thác Mơ	TX. Phước Long			11° 50' 08"	106° 59' 18"	11° 51' 44"	106° 59' 02"	C-48-10-B-d

Địa danh	Nhóm đối tượng	Tên ĐVHC cấp xã	Tên ĐVHC cấp huyện	Tọa độ vị trí tương đối của đối tượng						Phiên hiệu mảnh bản đồ địa hình
				Tọa độ trung tâm		Tọa độ điểm đầu		Tọa độ điểm cuối		
				Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	
giáo xứ Phước Long	KX	P. Thác Mơ	TX. Phước Long	11° 50' 31"	106° 59' 46"					C-48-10-B-d
cầu Suối Dung	KX	P. Thác Mơ	TX. Phước Long	11° 50' 11"	106° 59' 18"					C-48-10-B-d
cầu Thác Mẹ	KX	P. Thác Mơ	TX. Phước Long	11° 50' 05"	107° 00' 48"					C-48-11-A-c
nhà máy Thủy điện Thác Mơ	KX	P. Thác Mơ	TX. Phước Long	11° 51' 35"	107° 00' 44"					C-48-11-A-c
Trạm bảo vệ Thủy điện Thác Mơ	KX	P. Thác Mơ	TX. Phước Long	11° 50' 07"	107° 01' 04"					C-48-11-A-c
hồ Thủy điện Thác Mơ	TV	P. Thác Mơ	TX. Phước Long	11° 49' 40"	107° 03' 56"					C-48-11-A-c
đập tràn Thủy điện Thác Mơ	KX	P. Thác Mơ	TX. Phước Long	11° 48' 52"	107° 02' 01"					C-48-11-A-c
Thôn 7	DC	xã Long Giang	TX. Phước Long	11° 50' 59"	106° 57' 46"					C-48-10-B-d
thôn An Lương	DC	xã Long Giang	TX. Phước Long	11° 52' 00"	106° 58' 32"					C-48-10-B-d
cầu An Lương	KX	xã Long Giang	TX. Phước Long	11° 51' 36"	106° 58' 56"					C-48-10-B-d
Sông Bé	TV	xã Long Giang	TX. Phước Long			11° 48' 53"	107° 02' 00"	11° 58' 33"	106° 53' 44"	C-48-10-B-b C-48-10-B-d
thôn Bù Xiết	DC	xã Long Giang	TX. Phước Long	11° 50' 29"	106° 59' 13"					C-48-10-B-d
Suối Dung	TV	xã Long Giang	TX. Phước Long			11° 50' 08"	106° 59' 18"	11° 51' 44"	106° 59' 02"	C-48-10-B-d
suối Đăk Lim	TV	xã Long Giang	TX. Phước Long			12° 02' 14"	107° 06' 46"	11° 52' 02"	106° 58' 44"	C-48-10-B-d
chùa Đức Huệ	KX	xã Long Giang	TX. Phước Long	11° 50' 30"	106° 58' 32"					C-48-10-B-d
cầu Kinh tế	KX	xã Long Giang	TX. Phước Long	11° 51' 53"	106° 58' 07"					C-48-10-B-d
thôn Nhơn Hòa I	DC	xã Long Giang	TX. Phước Long	11° 50' 30"	106° 58' 59"					C-48-10-B-d
giáo xứ Nhơn Hòa I	KX	xã Long Giang	TX. Phước Long	11° 50' 36"	106° 58' 59"					C-48-10-B-d
suối Nhơn Hòa I	TV	xã Long Giang	TX. Phước Long			11° 50' 05"	106° 58' 25"	11° 51' 46"	106° 58' 09"	C-48-10-B-d
thôn Nhơn Hòa II	DC	xã Long Giang	TX. Phước Long	11° 50' 29"	106° 58' 32"					C-48-10-B-d
suối Nhơn Hòa II	TV	xã Long Giang	TX. Phước Long			11° 50' 18"	106° 58' 05"	11° 51' 20"	106° 58' 18"	C-48-10-B-d
chùa Quảng Phước	KX	xã Long Giang	TX. Phước Long	11° 50' 48"	106° 58' 55"					C-48-10-B-d
giáo xứ Sông Bé	KX	xã Long Giang	TX. Phước Long	11° 51' 42"	106° 58' 54"					C-48-10-B-d
cầu Suối Dung	KX	xã Long Giang	TX. Phước Long	11° 50' 11"	106° 59' 18"					C-48-10-B-d
suối Thôn 7	TV	xã Long Giang	TX. Phước Long			11° 50' 39"	106° 57' 03"	11° 51' 57"	106° 58' 05"	C-48-10-B-d

Địa danh	Nhóm đối tượng	Tên ĐVHC cấp xã	Tên ĐVHC cấp huyện	Tọa độ vị trí tương đối của đối tượng						Phiên hiệu mảnh bản đồ địa hình
				Tọa độ trung tâm		Tọa độ điểm đầu		Tọa độ điểm cuối		
				Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	
chùa Bảo Quang	KX	xã Phước Tín	TX. Phước Long	11° 47' 58"	107° 01' 48"					C-48-11-A-c
thôn Bàu Nghé	DC	xã Phước Tín	TX. Phước Long	11° 48' 47"	107° 03' 52"					C-48-11-A-c
Sông Bé	TV	xã Phước Tín	TX. Phước Long			11° 48' 53"	107° 02' 00"	11° 58' 33"	106° 53' 44"	C-48-11-A-c
thôn Bình Hưng	DC	xã Phước Tín	TX. Phước Long	11° 47' 53"	107° 01' 42"					C-48-11-A-c
suối Đá Nhỏ	TV	xã Phước Tín	TX. Phước Long			11° 48' 55"	107° 01' 02"	11° 47' 51"	106° 59' 09"	C-48-10-B-d C-48-11-A-c
suối Đăk Ton	TV	xã Phước Tín	TX. Phước Long			11° 47' 39"	106° 59' 19"	11° 49' 15"	106° 58' 53"	C-48-10-B-d
suối Đăk Tung	TV	xã Phước Tín	TX. Phước Long			11° 47' 51"	106° 57' 55"	11° 46' 53"	106° 57' 46"	C-48-10-B-d
Đường ĐT.759	KX	xã Phước Tín	TX. Phước Long			11° 57' 30"	106° 47' 41"	11° 41' 13"	107° 04' 09"	C-48-11-A-c C-48-10-B-d
thôn Hưng Lập	DC	xã Phước Tín	TX. Phước Long	11° 47' 31"	107° 02' 16"					C-48-11-A-c
chùa Nam Ngãi	KX	xã Phước Tín	TX. Phước Long	11° 47' 25"	106° 59' 24"					C-48-10-B-d
chùa Nam Thiên	KX	xã Phước Tín	TX. Phước Long	11° 47' 41"	107° 00' 30"					C-48-11-A-c
thôn Phước Lộc	DC	xã Phước Tín	TX. Phước Long	11° 48' 09"	107° 00' 53"					C-48-11-A-c
đập Phước Lộc	KX	xã Phước Tín	TX. Phước Long	11° 47' 53"	107° 00' 55"					C-48-11-A-c
thôn Phước Quả	DC	xã Phước Tín	TX. Phước Long	11° 47' 41"	107° 00' 30"					C-48-11-A-c
nhà thờ Phước Quả	KX	xã Phước Tín	TX. Phước Long	11° 47' 17"	106° 59' 58"					C-48-10-B-d
thôn Phước Thiện	DC	xã Phước Tín	TX. Phước Long	11° 47' 18"	106° 59' 43"					C-48-10-B-d
thôn Phước Yên	DC	xã Phước Tín	TX. Phước Long	11° 47' 18"	106° 59' 23"					C-48-10-B-d
chùa Thiên Hưng	KX	xã Phước Tín	TX. Phước Long	11° 48' 42"	107° 04' 00"					C-48-11-A-c
hồ Thủy điện Thác Mơ	TV	xã Phước Tín	TX. Phước Long	11° 49' 40"	107° 03' 56"					C-48-11-A-c
đập tràn Thủy điện Thác Mơ	KX	xã Phước Tín	TX. Phước Long	11° 48' 52"	107° 02' 01"					C-48-11-A-c
hồ Bảy Mẫu	TV	TT. Đức Phong	H. Bù Đăng	11° 48' 09"	107° 15' 08"					C-48-11-B-c
miếu Âm Hồn	KX	TT. Đức Phong	H. Bù Đăng	11° 49' 00"	107° 15' 11"					C-48-11-B-c
hồ Brang Mang	TV	TT. Đức Phong	H. Bù Đăng	11° 49' 03"	107° 13' 17"					C-48-11-A-d
cầu Bù Đăng	KX	TT. Đức Phong	H. Bù Đăng	11° 48' 50"	107° 14' 53"					C-48-11-A-d
nhà thờ Bù Đăng	KX	TT. Đức Phong	H. Bù Đăng	11° 48' 47"	107° 14' 48"					C-48-11-A-d

Địa danh	Nhóm đối tượng	Tên ĐVHC cấp xã	Tên ĐVHC cấp huyện	Tọa độ vị trí tương đối của đối tượng						Phiên hiệu mảnh bản đồ địa hình
				Tọa độ trung tâm		Tọa độ điểm đầu		Tọa độ điểm cuối		
				Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	
hồ Bù Môn	TV	TT. Đức Phong	H. Bù Đăng	11° 48' 45"	107° 15' 10"					C-48-11-B-c
đồi Chi Khu	SV	TT. Đức Phong	H. Bù Đăng	11° 48' 56"	107° 14' 59"					C-48-11-A-d
suối Đăk Geo	TV	TT. Đức Phong	H. Bù Đăng			11° 53' 30"	107° 18' 38"	11° 48' 11"	107° 14' 42"	C-48-11-A-d; C-48-11-B-c
suối Đăk Wa	TV	TT. Đức Phong	H. Bù Đăng			11° 53' 23"	107° 15' 02"	11° 45' 42"	107° 09' 32"	C-48-11-A-d; C-48-11-B-c
Trường Phổ thông dân tộc nội trú Điểu Ong	KX	TT. Đức Phong	H. Bù Đăng	11° 49' 01"	107° 14' 43"					C-48-11-A-d
di tích lịch sử Đoạn cuối đường mòn Hồ Chí Minh	KX	TT. Đức Phong	H. Bù Đăng	11° 48' 50"	107° 14' 35"					C-48-11-A-d
khu phố Đức Hòa	DC	TT. Đức Phong	H. Bù Đăng	11° 48' 38"	107° 14' 21"					C-48-11-A-d
khu phố Đức Lập	DC	TT. Đức Phong	H. Bù Đăng	11° 48' 58"	107° 13' 59"					C-48-10-B-a
khu phố Đức Lợi	DC	TT. Đức Phong	H. Bù Đăng	11° 48' 24"	107° 14' 51"					C-48-11-A-d
khu phố Đức Thiện	DC	TT. Đức Phong	H. Bù Đăng	11° 48' 34"	107° 13' 05"					C-48-11-A-d
khu phố Đức Thọ	DC	TT. Đức Phong	H. Bù Đăng	11° 49' 04"	107° 14' 57"					C-48-11-A-d
khu phố Hòa Đồng	DC	TT. Đức Phong	H. Bù Đăng	11° 49' 23"	107° 14' 34"					C-48-11-A-d
Đường Hùng Vương	KX	TT. Đức Phong	H. Bù Đăng			11° 48' 50"	107° 14' 46"	11° 48' 00"	107° 14' 19"	C-48-11-A-d
chùa Phổ Quang	KX	TT. Đức Phong	H. Bù Đăng	11° 48' 50"	107° 14' 49"					C-48-11-A-d
Đường QL.14	KX	TT. Đức Phong	H. Bù Đăng			11° 54' 48"	107° 23' 03"	11° 25' 02"	106° 36' 49"	C-48-11-A-d; C-48-11-B-c
khu phố Tân Hưng	DC	TT. Đức Phong	H. Bù Đăng	11° 48' 40"	107° 14' 56"					C-48-11-A-d
Thôn 2	DC	xã Bình Minh	H. Bù Đăng	11° 51' 02"	107° 10' 57"					C-48-11-A-d
Thôn 3	DC	xã Bình Minh	H. Bù Đăng	11° 51' 44"	107° 11' 20"					C-48-11-A-b
Thôn 4	DC	xã Bình Minh	H. Bù Đăng	11° 52' 54"	107° 11' 36"					C-48-11-A-b
Thôn 5	DC	xã Bình Minh	H. Bù Đăng	11° 53' 20"	107° 11' 24"					C-48-11-A-b
Thôn 6	DC	xã Bình Minh	H. Bù Đăng	11° 49' 12"	107° 08' 31"					C-48-11-A-d
Thôn 7	DC	xã Bình Minh	H. Bù Đăng	11° 50' 44"	107° 09' 11"					C-48-11-A-d
Thôn 8	DC	xã Bình Minh	H. Bù Đăng	11° 50' 32"	107° 07' 09"					C-48-11-A-c

Địa danh	Nhóm đối tượng	Tên ĐVHC cấp xã	Tên ĐVHC cấp huyện	Tọa độ vị trí tương đối của đối tượng						Phiên hiệu mảnh bản đồ địa hình
				Tọa độ trung tâm		Tọa độ điểm đầu		Tọa độ điểm cuối		
				Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	
thôn Bom Bo	DC	xã Bình Minh	H. Bù Đăng	11° 50' 12"	107° 11' 18"					C-48-11-A-d
cầu Bom Bo	KX	xã Bình Minh	H. Bù Đăng	11° 53' 41"	107° 11' 12"					C-48-11-A-b
cầu Bom Ría	KX	xã Bình Minh	H. Bù Đăng	11° 53' 12"	107° 11' 30"					C-48-11-A-b
Ban quản lý Rừng phòng hộ Bù Đăng 1	KX	xã Bình Minh	H. Bù Đăng	11° 52' 10"	107° 13' 34"					C-48-11-A-d
Ban quản lý Rừng phòng hộ Bù Đăng 2	KX	xã Bình Minh	H. Bù Đăng	11° 49' 48"	107° 11' 23"					C-48-11-A-d
Ban quản lý Rừng phòng hộ Bù Đăng 3	KX	xã Bình Minh	H. Bù Đăng	11° 49' 23"	107° 08' 28"					C-48-11-A-d
suối Đăk Kia	TV	xã Bình Minh	H. Bù Đăng			11° 54' 13"	107° 14' 13"	11° 54' 42"	107° 13' 15"	C-48-11-A-b
suối Đăk Lá 1	TV	xã Bình Minh	H. Bù Đăng			11° 51' 42"	107° 11' 12"	11° 48' 35"	107° 09' 24"	C-48-11-A-d
suối Đăk Lá 2	TV	xã Bình Minh	H. Bù Đăng			11° 50' 04"	107° 11' 14"	11° 48' 39"	107° 10' 16"	C-48-11-A-d
cầu Đăk Lấp	KX	xã Bình Minh	H. Bù Đăng	11° 48' 58"	107° 11' 17"					C-48-11-A-d
suối Đăk Lung	TV	xã Bình Minh	H. Bù Đăng			11° 52' 07"	107° 12' 40"	11° 50' 43"	107° 11' 56"	C-48-11-A-d
suối Đăk Nhau	TV	xã Bình Minh	H. Bù Đăng			11° 54' 42"	107° 13' 15"	11° 51' 46"	107° 07' 09"	C-48-11-A-b; C-48-11-A-c; C-48-11-A-d
suối Đăk Ría	TV	xã Bình Minh	H. Bù Đăng			11° 53' 28"	107° 14' 04"	11° 52' 59"	107° 10' 43"	C-48-11-A-b
sông Đăk Rơ Lấp	TV	xã Bình Minh	H. Bù Đăng			11° 56' 03"	107° 21' 52"	11° 48' 35"	107° 10' 24"	C-48-11-B-a
Đường ĐT.760	KX	xã Bình Minh	H. Bù Đăng			11° 47' 54"	107° 11' 15"	11° 54' 52"	107° 00' 08"	C-48-11-A-b; C-48-11-A-d
suối Lang Gu	TV	xã Bình Minh	H. Bù Đăng			11° 51' 48"	107° 10' 47"	11° 51' 54"	107° 08' 49"	C-48-11-A-d
cầu Số 5	KX	xã Bình Minh	H. Bù Đăng	11° 50' 20"	107° 11' 16"					C-48-11-A-d
hồ Thủy điện Thác Mơ	TV	xã Bình Minh	H. Bù Đăng	11° 49' 40"	107° 03' 56"					C-48-11-A-c
Trường Trung học cơ sở Tô Vĩnh Diện	KX	xã Bình Minh	H. Bù Đăng	11° 50' 25"	107° 07' 06"					C-48-11-A-a
Thôn 3	DC	xã Bom Bo	H. Bù Đăng	11° 54' 51"	107° 11' 10"					C-48-11-A-b
Thôn 4	DC	xã Bom Bo	H. Bù Đăng	11° 55' 12"	107° 10' 43"					C-48-11-A-b
Thôn 5	DC	xã Bom Bo	H. Bù Đăng	11° 55' 27"	107° 12' 15"					C-48-11-A-b
Thôn 6	DC	xã Bom Bo	H. Bù Đăng	11° 56' 13"	107° 11' 07"					C-48-11-A-b

Địa danh	Nhóm đối tượng	Tên ĐVHC cấp xã	Tên ĐVHC cấp huyện	Tọa độ vị trí tương đối của đối tượng						Phiên hiệu mảnh bản đồ địa hình
				Tọa độ trung tâm		Tọa độ điểm đầu		Tọa độ điểm cuối		
				Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	
Thôn 7	DC	xã Bom Bo	H. Bù Đăng	11° 54' 51"	107° 07' 13"					C-48-11-A-a
Thôn 8	DC	xã Bom Bo	H. Bù Đăng	11° 54' 02"	107° 09' 49"					C-48-11-A-b
Thôn 9	DC	xã Bom Bo	H. Bù Đăng	11° 54' 15"	107° 08' 13"					C-48-11-A-b
Thôn 10	DC	xã Bom Bo	H. Bù Đăng	11° 53' 26"	107° 06' 49"					C-48-11-A-a
cầu Bom Bo	KX	xã Bom Bo	H. Bù Đăng	11° 53' 41"	107° 11' 12"					C-48-11-A-b
Nhà văn hóa Bom Bo	KX	xã Bom Bo	H. Bù Đăng	11° 54' 28"	107° 11' 05"					C-48-11-A-b
suối Đăk Bui	TV	xã Bom Bo	H. Bù Đăng			11° 58' 14"	107° 13' 17"	11° 53' 47"	107° 11' 14"	C-48-11-A-b
suối Đăk La	TV	xã Bom Bo	H. Bù Đăng			11° 57' 21"	107° 10' 37"	11° 56' 27"	107° 07' 18"	C-48-11-A-a C-48-11-A-b
suối Đăk Liên 1	TV	xã Bom Bo	H. Bù Đăng			11° 56' 14"	107° 12' 36"	11° 54' 51"	107° 11' 33"	C-48-11-A-b
suối Đăk Liên 2	TV	xã Bom Bo	H. Bù Đăng			11° 56' 10"	107° 11' 03"	11° 53' 37"	107° 08' 29"	C-48-11-A-b
suối Đăk Nhau	TV	xã Bom Bo	H. Bù Đăng			11° 54' 42"	107° 13' 15"	11° 51' 46"	107° 07' 09"	C-48-11-A-b; C-48-11-A-c; C-48-11-A-d
Bàu Đia	TV	xã Bom Bo	H. Bù Đăng	11° 53' 50"	107° 06' 29"					C-48-11-A-a
Đường ĐT.760	KX	xã Bom Bo	H. Bù Đăng			11° 47' 54"	107° 11' 15"	11° 54' 52"	107° 00' 08"	C-48-11-A-b
bến đò Thôn 7	KX	xã Bom Bo	H. Bù Đăng	11° 53' 45"	107° 04' 19"					C-48-11-A-a
bến đò Thôn 10	KX	xã Bom Bo	H. Bù Đăng	11° 53' 07"	107° 04' 40"					C-48-11-A-a
hồ Thủy điện Thác Mơ	TV	xã Bom Bo	H. Bù Đăng	11° 49' 40"	107° 03' 56"					C-48-11-A-c
thôn Bù Ghe	DC	xã Đăk Nhau	H. Bù Đăng	11° 59' 11"	107° 13' 36"					C-48-95-C-d
Suối Cần	TV	xã Đăk Nhau	H. Bù Đăng			11° 54' 32"	107° 14' 45"	11° 54' 30"	107° 13' 47"	C-48-11-A-b
suối Đăk Bui	TV	xã Đăk Nhau	H. Bù Đăng			11° 58' 14"	107° 13' 17"	11° 53' 47"	107° 11' 14"	C-48-11-A-b
sông Đăk Glun	TV	xã Đăk Nhau	H. Bù Đăng			12° 00' 16"	107° 19' 18"	11° 58' 36"	107° 07' 59"	C-48-11-A-b
suối Đăk Glun	TV	xã Đăk Nhau	H. Bù Đăng			12° 01' 00"	107° 17' 37"	12° 01' 15"	107° 15' 32"	C-48-11-A-b
suối Đăk Hum	TV	xã Đăk Nhau	H. Bù Đăng			11° 58' 49"	107° 18' 09"	11° 54' 30"	107° 15' 57"	C-48-11-B-a
suối Đăk Kia	TV	xã Đăk Nhau	H. Bù Đăng			11° 54' 13"	107° 14' 13"	11° 54' 42"	107° 13' 15"	C-48-11-A-b
thôn Đăk La	DC	xã Đăk Nhau	H. Bù Đăng	11° 59' 00"	107° 15' 10"					C-48-11-B-a
thôn Đăk Liên	DC	xã Đăk Nhau	H. Bù Đăng	11° 59' 38"	107° 17' 13"					C-48-11-B-a

Địa danh	Nhóm đối tượng	Tên ĐVHC cấp xã	Tên ĐVHC cấp huyện	Tọa độ vị trí tương đối của đối tượng						Phiên hiệu mảnh bản đồ địa hình
				Tọa độ trung tâm		Tọa độ điểm đầu		Tọa độ điểm cuối		
				Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	
suối Đăk Liên	TV	xã Đăk Nhau	H. Bù Đăng			11° 59' 30"	107° 16' 59"	11° 59' 49"	107° 09' 19"	C-48-11-A-b; C-48-11-B-a; C-48-95-C-d
nhà thờ Đăk Nhau	KX	xã Đăk Nhau	H. Bù Đăng	11° 58' 43"	107° 14' 19"					C-48-11-B-a
suối Đăk Nhau	TV	xã Đăk Nhau	H. Bù Đăng			11° 54' 42"	107° 13' 15"	11° 51' 46"	107° 07' 09"	C-48-11-A-b
thôn Đăk Nung	DC	xã Đăk Nhau	H. Bù Đăng	11° 59' 24"	107° 14' 20"					C-48-11-A-b
suối Đăk Nung	TV	xã Đăk Nhau	H. Bù Đăng			11° 59' 03"	107° 14' 07"	11° 59' 20"	107° 12' 51"	C-48-11-A-b
sông Đăk Rơ Lấp	TV	xã Đăk Nhau	H. Bù Đăng			11° 56' 03"	107° 21' 52"	11° 48' 35"	107° 10' 24"	C-48-11-A-d; C-48-11-B-c; C-48-11-C-b
thôn Đăk Wi	DC	xã Đăk Nhau	H. Bù Đăng	11° 56' 54"	107° 13' 03"					C-48-11-A-b
thôn Đăk Xuyên	DC	xã Đăk Nhau	H. Bù Đăng	11° 58' 22"	107° 14' 14"					C-48-11-A-b
thôn Đăng Lang	DC	xã Đăk Nhau	H. Bù Đăng	11° 59' 06"	107° 15' 41"					C-48-11-B-a
thôn Thống Nhất	DC	xã Đăk Nhau	H. Bù Đăng	11° 58' 17"	107° 13' 34"					C-48-11-A-b
Thôn 1	DC	xã Đăng Hà	H. Bù Đăng	11° 34' 59"	107° 13' 49"					C-48-11-C-d
Thôn 2	DC	xã Đăng Hà	H. Bù Đăng	11° 33' 38"	107° 17' 28"					C-48-11-D
Thôn 3	DC	xã Đăng Hà	H. Bù Đăng	11° 33' 34"	107° 18' 16"					C-48-11-D
Thôn 4	DC	xã Đăng Hà	H. Bù Đăng	11° 34' 31"	107° 18' 07"					C-48-11-D
Thôn 5	DC	xã Đăng Hà	H. Bù Đăng	11° 35' 26"	107° 17' 34"					C-48-11-D
Thôn 6	DC	xã Đăng Hà	H. Bù Đăng	11° 37' 36"	107° 17' 24"					C-48-11-D-a
Vườn quốc gia Cát Tiên	KX	xã Đăng Hà	H. Bù Đăng	11° 32' 17"	107° 13' 51"					C-48-11-C-d
suối Đăk Ko	TV	xã Đăng Hà	H. Bù Đăng			11° 37' 16"	107° 15' 17"	11° 37' 47"	107° 17' 16"	C-48-11-D; C-48-11-D-a
suối Đăk Sét	TV	xã Đăng Hà	H. Bù Đăng			11° 35' 18"	107° 11' 17"	11° 37' 16"	107° 15' 17"	C-48-11-D; C-48-11-C-d
suối Đăk Tri O	TV	xã Đăng Hà	H. Bù Đăng			11° 35' 54"	107° 15' 16"	11° 33' 31"	107° 15' 49"	C-48-11-D
giáo họ Đăng Hà	KX	xã Đăng Hà	H. Bù Đăng	11° 33' 12"	107° 18' 45"					C-48-11-D
suối Đập Lúa	TV	xã Đăng Hà	H. Bù Đăng			11° 33' 31"	107° 15' 49"	11° 32' 03"	107° 16' 35"	C-48-11-D
sông Đồng Nai	TV	xã Đăng Hà	H. Bù Đăng			11° 46' 03"	107° 23' 20"	11° 33' 18"	107° 19' 12"	C-48-11-D; C-48-11-D-a

Địa danh	Nhóm đối tượng	Tên ĐVHC cấp xã	Tên ĐVHC cấp huyện	Tọa độ vị trí tương đối của đối tượng						Phiên hiệu mảnh bản đồ địa hình
				Tọa độ trung tâm		Tọa độ điểm đầu		Tọa độ điểm cuối		
				Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	
suối Đông Sắt	TV	xã Đăng Hà	H. Bù Đăng			11° 32' 26"	107° 14' 52"	11° 31' 47"	107° 15' 16"	C-48-11-D; C-48-11-C-d
suối Đồng Sặt	TV	xã Đăng Hà	H. Bù Đăng			11° 34' 17"	107° 09' 37"	11° 32' 26"	107° 14' 52"	C-48-11-C-d
Đường ĐT.755B	KX	xã Đăng Hà	H. Bù Đăng			11° 41' 58"	107° 10' 26"	11° 34' 09"	107° 18' 31"	C-48-11-D
suối Mã Đà	TV	xã Đăng Hà	H. Bù Đăng			11° 34' 21"	107° 08' 21"	11° 18' 33"	106° 56' 11"	C-48-11-C-c; C-48-11-C-d
Suối Nam	TV	xã Đăng Hà	H. Bù Đăng			11° 32' 58"	107° 10' 12"	11° 30' 45"	107° 10' 29"	C-48-11-C-d
nông trường Cao su Nghĩa Trung	KX	xã Đăng Hà	H. Bù Đăng	11° 32' 04"	107° 11' 21"					C-48-11-C-d
cầu Phước Cát	KX	xã Đăng Hà	H. Bù Đăng	11° 34' 09"	107° 18' 30"					C-48-11-D
cầu Số 2	KX	xã Đăng Hà	H. Bù Đăng	11° 37' 45"	107° 17' 14"					C-48-11-D-a
cầu Số 3	KX	xã Đăng Hà	H. Bù Đăng	11° 35' 12"	107° 17' 44"					C-48-11-D
Suối Tro	TV	xã Đăng Hà	H. Bù Đăng			11° 34' 39"	107° 12' 37"	11° 33' 31"	107° 15' 49"	C-48-11-D; C-48-11-C-d
Thôn 1	DC	xã Đoàn Kết	H. Bù Đăng	11° 50' 09"	107° 14' 16"					C-48-11-A-d
Thôn 2	DC	xã Đoàn Kết	H. Bù Đăng	11° 50' 14"	107° 16' 22"					C-48-11-B-c
Thôn 3	DC	xã Đoàn Kết	H. Bù Đăng	11° 47' 47"	107° 14' 07"					C-48-11-A-d
Thôn 4	DC	xã Đoàn Kết	H. Bù Đăng	11° 47' 35"	107° 14' 16"					C-48-11-A-d
Thôn 5	DC	xã Đoàn Kết	H. Bù Đăng	11° 47' 28"	107° 13' 51"					C-48-11-A-d
Thôn 6	DC	xã Đoàn Kết	H. Bù Đăng	11° 47' 03"	107° 13' 38"					C-48-11-A-d
Thôn 7	DC	xã Đoàn Kết	H. Bù Đăng	11° 46' 34"	107° 14' 01"					C-48-11-A-d
Thôn 8	DC	xã Đoàn Kết	H. Bù Đăng	11° 45' 08"	107° 12' 06"					C-48-11-A-d
hồ Brang Mang	TV	xã Đoàn Kết	H. Bù Đăng	11° 49' 03"	107° 13' 17"					C-48-11-A-d
suối Đăk Geo	TV	xã Đoàn Kết	H. Bù Đăng			11° 53' 30"	107° 18' 38"	11° 48' 11"	107° 14' 42"	C-48-11-A-d C-48-11-A-b
sông Đăk Rơ Lấp	TV	xã Đoàn Kết	H. Bù Đăng			11° 56' 03"	107° 21' 52"	11° 48' 35"	107° 10' 24"	C-48-11-A-d; C-48-11-B-c; C-48-11-C-b

Địa danh	Nhóm đối tượng	Tên ĐVHC cấp xã	Tên ĐVHC cấp huyện	Tọa độ vị trí tương đối của đối tượng						Phiên hiệu mảnh bản đồ địa hình
				Tọa độ trung tâm		Tọa độ điểm đầu		Tọa độ điểm cuối		
				Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	
suối Đăk Thiêm	TV	xã Đoàn Kết	H. Bù Đăng			11° 45' 12"	107° 13' 53"	11° 44' 34"	107° 10' 30"	C-48-11-A-d; C-48-11-C-b
suối Đăk Wa	TV	xã Đoàn Kết	H. Bù Đăng			11° 53' 23"	107° 23' 05"	11° 45' 42"	107° 09' 32"	C-48-11-A-d; C-48-11-C-b
Đường ĐT.755	KX	xã Đoàn Kết	H. Bù Đăng			11° 48' 00"	107° 14' 19"	11° 34' 37"	107° 08' 28"	C-48-11-A-d; C-48-11-B-c
Thác Đứng	TV	xã Đoàn Kết	H. Bù Đăng	11° 46' 38"	107° 12' 47"					C-48-11-A-d
chùa Giác Ngộ	KX	xã Đoàn Kết	H. Bù Đăng	11° 47' 59"	107° 14' 10"					C-48-11-A-d
Đường QL.14	KX	xã Đoàn Kết	H. Bù Đăng			11° 54' 48"	107° 23' 03"	11° 25' 02"	106° 36' 49"	C-48-11-A-d; C-48-11-B-c; C-48-11-C-b
cầu Số 1	KX	xã Đoàn Kết	H. Bù Đăng	11° 45' 48"	107° 14' 22"					C-48-11-A-d
cầu Số 2	KX	xã Đoàn Kết	H. Bù Đăng	11° 46' 16"	107° 14' 12"					C-48-11-A-d
cầu Số 3	KX	xã Đoàn Kết	H. Bù Đăng	11° 47' 24"	107° 13' 43"					C-48-11-A-d
Thôn 1	DC	xã Đồng Nai	H. Bù Đăng	11° 45' 41"	107° 18' 53"					C-48-11-B-c
Thôn 2	DC	xã Đồng Nai	H. Bù Đăng	11° 46' 14"	107° 19' 55"					C-48-11-B-c
Thôn 3	DC	xã Đồng Nai	H. Bù Đăng	11° 46' 47"	107° 19' 36"					C-48-11-B-c
Thôn 4	DC	xã Đồng Nai	H. Bù Đăng	11° 48' 42"	107° 19' 31"					C-48-11-B-c
Thôn 5	DC	xã Đồng Nai	H. Bù Đăng	11° 48' 46"	107° 20' 15"					C-48-11-B-c
Thôn 6	DC	xã Đồng Nai	H. Bù Đăng	11° 49' 14"	107° 18' 27"					C-48-11-B-c
đồi 500B	SV	xã Đồng Nai	H. Bù Đăng	11° 49' 59"	107° 23' 22"					C-48-11-B-d
đồi 502A	SV	xã Đồng Nai	H. Bù Đăng	11° 50' 21"	107° 22' 51"					C-48-11-B-d
Trảng cỏ Bàu Lạch	DC	xã Đồng Nai	H. Bù Đăng	11° 48' 32"	107° 21' 02"					C-48-11-B-c
Ban quản lý Rừng phòng hộ Bù Đăng	KX	xã Đồng Nai	H. Bù Đăng	11° 49' 56"	107° 19' 33"					C-48-11-B-c
hội thánh Bù Lạch	KX	xã Đồng Nai	H. Bù Đăng	11° 48' 49"	107° 20' 17"					C-48-11-B-c
suối Da Dâng	TV	xã Đồng Nai	H. Bù Đăng			11° 49' 21"	107° 21' 23"	11° 45' 53"	107° 21' 43"	C-48-11-B-c
suối Da Nao	TV	xã Đồng Nai	H. Bù Đăng			11° 46' 58"	107° 17' 03"	11° 44' 07"	107° 16' 02"	C-48-11-B-c
suối Đăk Ka	TV	xã Đồng Nai	H. Bù Đăng			11° 51' 36"	107° 25' 27"	11° 48' 28"	107° 24' 28"	C-48-11-B-d

Địa danh	Nhóm đối tượng	Tên ĐVHC cấp xã	Tên ĐVHC cấp huyện	Tọa độ vị trí tương đối của đối tượng						Phiên hiệu mảnh bản đồ địa hình
				Tọa độ trung tâm		Tọa độ điểm đầu		Tọa độ điểm cuối		
				Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	
hội thánh Đăk Kang	KX	xã Đồng Nai	H. Bù Đăng	11° 49' 37"	107° 22' 01"					C-48-11-B-c
suối Đăk Mla	TV	xã Đồng Nai	H. Bù Đăng			11° 52' 11"	107° 23' 17"	11° 49' 33"	107° 23' 02"	C-48-11-B-d
suối Đăk Mlo 1	TV	xã Đồng Nai	H. Bù Đăng			11° 49' 33"	107° 23' 02"	11° 47' 58"	107° 22' 19"	C-48-11-B-c; C-48-11-B-d
suối Đăk Mlo 2	TV	xã Đồng Nai	H. Bù Đăng			11° 47' 58"	107° 22' 19"	11° 46' 30"	107° 21' 12"	C-48-11-B-c; C-48-11-B-d
suối Đăk Rơ Ke	TV	xã Đồng Nai	H. Bù Đăng			11° 48' 28"	107° 24' 28"	11° 46' 05"	107° 23' 22"	C-48-11-B-d
cầu Đăk Wa	KX	xã Đồng Nai	H. Bù Đăng	11° 50' 28"	107° 18' 45"					C-48-11-B-c
suối Đăk Wa 1	TV	xã Đồng Nai	H. Bù Đăng			11° 49' 36"	107° 20' 48"	11° 46' 58"	107° 17' 03"	C-48-11-B-c
suối Đăk Wa 2	TV	xã Đồng Nai	H. Bù Đăng			11° 53' 23"	107° 23' 05"	11° 48' 41"	107° 15' 32"	C-48-11-B-c
cầu Đăk Wa 1	KX	xã Đồng Nai	H. Bù Đăng	11° 49' 05"	107° 19' 23"					C-48-11-B-c
sông Đồng Nai	TV	xã Đồng Nai	H. Bù Đăng			11° 46' 03"	107° 23' 20"	11° 33' 18"	107° 19' 12"	C-48-11-B-c; C-48-11-B-d; C-48-11-D-a
Thác Voi	TV	xã Đồng Nai	H. Bù Đăng	11° 49' 00"	107° 22' 10"					C-48-11-B-c
Thôn 1	DC	xã Đức Liễu	H. Bù Đăng	11° 43' 36"	107° 05' 31"					C-48-11-C-a
Thôn 2	DC	xã Đức Liễu	H. Bù Đăng	11° 42' 55"	107° 08' 26"					C-48-11-C-b
Thôn 3	DC	xã Đức Liễu	H. Bù Đăng	11° 44' 22"	107° 04' 17"					C-48-11-C-a
Thôn 4	DC	xã Đức Liễu	H. Bù Đăng	11° 43' 31"	107° 05' 40"					C-48-11-C-a
Thôn 5	DC	xã Đức Liễu	H. Bù Đăng	11° 44' 48"	107° 09' 15"					C-48-11-C-b
Thôn 6	DC	xã Đức Liễu	H. Bù Đăng	11° 43' 35"	107° 07' 51"					C-48-11-C-b
Thôn 7	DC	xã Đức Liễu	H. Bù Đăng	11° 44' 58"	107° 08' 01"					C-48-11-C-b
Thôn 8	DC	xã Đức Liễu	H. Bù Đăng	11° 42' 37"	107° 06' 19"					C-48-11-C-a
Thôn 9	DC	xã Đức Liễu	H. Bù Đăng	11° 42' 03"	107° 09' 50"					C-48-11-C-b
Thôn 10	DC	xã Đức Liễu	H. Bù Đăng	11° 45' 33"	107° 06' 16"					C-48-11-A-c
cầu 38	KX	xã Đức Liễu	H. Bù Đăng	11° 45' 49"	107° 09' 29"					C-48-11-A-d
suối Cầu Mới	TV	xã Đức Liễu	H. Bù Đăng			11° 42' 38"	107° 08' 58"	11° 43' 41"	107° 10' 41"	C-48-11-C-b
suối Đăk Pan Ton	TV	xã Đức Liễu	H. Bù Đăng			11° 41' 37"	107° 06' 37"	11° 44' 08"	107° 07' 22"	C-48-11-C-a

Địa danh	Nhóm đối tượng	Tên ĐVHC cấp xã	Tên ĐVHC cấp huyện	Tọa độ vị trí tương đối của đối tượng						Phiên hiệu mảnh bản đồ địa hình
				Tọa độ trung tâm		Tọa độ điểm đầu		Tọa độ điểm cuối		
				Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	
suối Đăk Răng	TV	xã Đức Liễu	H. Bù Đăng			11° 42' 16"	107° 05' 04"	11° 44' 15"	107° 04' 10"	C-48-11-C-a
chùa Đức Bổn A Lan Nhã	KX	xã Đức Liễu	H. Bù Đăng	11° 44' 39"	107° 05' 02"					C-48-11-C-a
Đường ĐT.755B	KX	xã Đức Liễu	H. Bù Đăng			11° 42' 52"	107° 08' 18"	11° 41' 58"	107° 10' 26"	C-48-11-C-b
Cầu Mới	KX	xã Đức Liễu	H. Bù Đăng	11° 42' 42"	107° 09' 00"					C-48-11-C-b
nông trường Cao su Nghĩa Trung	KX	xã Đức Liễu	H. Bù Đăng	11° 44' 10"	107° 05' 05"					C-48-11-C-a
suối Ô Ven	TV	xã Đức Liễu	H. Bù Đăng			11° 40' 45"	107° 10' 32"	11° 42' 38"	107° 08' 57"	C-48-11-C-b
cầu Pan Toong	KX	xã Đức Liễu	H. Bù Đăng	11° 42' 33"	107° 07' 05"					C-48-11-C-a
thác Pan Toong	TV	xã Đức Liễu	H. Bù Đăng	11° 42' 37"	107° 07' 06"					C-48-11-C-a
Đường QL.14	KX	xã Đức Liễu	H. Bù Đăng			11° 54' 48"	107° 23' 03"	11° 25' 02"	106° 36' 49"	C-48-11-C-a
hồ Thủy điện Thác Mơ	TV	xã Đức Liễu	H. Bù Đăng	11° 49' 40"	107° 03' 56"					C-48-11-A-c
Thôn 1	DC	xã Đường 10	H. Bù Đăng	11° 57' 27"	107° 10' 48"					C-48-11-A-b
Thôn 2	DC	xã Đường 10	H. Bù Đăng	11° 57' 54"	107° 10' 01"					C-48-11-A-b
Thôn 3	DC	xã Đường 10	H. Bù Đăng	11° 57' 46"	107° 11' 41"					C-48-11-A-b
Thôn 4	DC	xã Đường 10	H. Bù Đăng	11° 57' 47"	107° 13' 05"					C-48-11-A-b
Thôn 5	DC	xã Đường 10	H. Bù Đăng	11° 58' 52"	107° 12' 29"					C-48-95-C-d
Thôn 6	DC	xã Đường 10	H. Bù Đăng	11° 58' 48"	107° 09' 11"					C-48-11-A-b
di tích lịch sử Căn cứ Nửa Lon	KX	xã Đường 10	H. Bù Đăng	11° 58' 00"	107° 12' 20"					C-48-11-A-b
suối Đăk Bui	TV	xã Đường 10	H. Bù Đăng			11° 58' 14"	107° 13' 17"	11° 53' 47"	107° 11' 14"	C-48-11-A-b
sông Đăk Glun	TV	xã Đường 10	H. Bù Đăng			12° 00' 16"	107° 19' 18"	11° 58' 36"	107° 07' 59"	C-48-11-A-a; C-48-11-A-b; C-48-95-C-d
suối Đăk La	TV	xã Đường 10	H. Bù Đăng			11° 57' 21"	107° 10' 37"	11° 56' 27"	107° 07' 18"	C-48-11-A-a; C-48-11-A-b
suối Đăk Liên	TV	xã Đường 10	H. Bù Đăng			11° 56' 14"	107° 12' 36"	11° 54' 51"	107° 11' 33"	C-48-11-A-b
cầu Đăk Lung 2	KX	xã Đường 10	H. Bù Đăng	11° 58' 35"	107° 07' 59"					C-48-11-A-b
suối Đăk Nung	TV	xã Đường 10	H. Bù Đăng			11° 59' 03"	107° 14' 07"	11° 59' 20"	107° 12' 51"	C-48-11-A-b

Địa danh	Nhóm đối tượng	Tên ĐVHC cấp xã	Tên ĐVHC cấp huyện	Tọa độ vị trí tương đối của đối tượng						Phiên hiệu mảnh bản đồ địa hình
				Tọa độ trung tâm		Tọa độ điểm đầu		Tọa độ điểm cuối		
				Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	
Đường ĐT.760	KX	xã Đường 10	H. Bù Đăng			11° 47' 54"	107° 11' 15"	11° 54' 52"	107° 00' 08"	C-48-11-A-b
hồ Thủy điện Thác Mơ	TV	xã Đường 10	H. Bù Đăng	11° 49' 40"	107° 03' 56"					C-48-11-A-c
Thôn 1	DC	xã Minh Hưng	H. Bù Đăng	11° 47' 50"	107° 12' 18"					C-48-11-A-d
Thôn 2	DC	xã Minh Hưng	H. Bù Đăng	11° 48' 01"	107° 11' 59"					C-48-11-A-d
Thôn 3	DC	xã Minh Hưng	H. Bù Đăng	11° 47' 17"	107° 10' 40"					C-48-11-A-d
Thôn 4	DC	xã Minh Hưng	H. Bù Đăng	11° 46' 50"	107° 09' 34"					C-48-11-A-d
Thôn 5	DC	xã Minh Hưng	H. Bù Đăng	11° 46' 29"	107° 10' 49"					C-48-11-A-d
Thôn 6	DC	xã Minh Hưng	H. Bù Đăng	11° 47' 55"	107° 11' 16"					C-48-11-A-d
Thôn 7	DC	xã Minh Hưng	H. Bù Đăng	11° 48' 05"	107° 10' 12"					C-48-11-A-d
Thôn 8	DC	xã Minh Hưng	H. Bù Đăng	11° 46' 37"	107° 08' 01"					C-48-11-A-c
Cầu 38	KX	xã Minh Hưng	H. Bù Đăng	11° 45' 49"	107° 09' 29"					C-48-11-A-d
Trạm biến thế 110V Bù Đăng	KX	xã Minh Hưng	H. Bù Đăng	11° 47' 54"	107° 12' 03"					C-48-11-A-d
Trạm biến thế 35KV Bù Đăng	KX	xã Minh Hưng	H. Bù Đăng	11° 47' 01"	107° 10' 25"					C-48-11-A-d
hồ Brang Mang	TV	xã Minh Hưng	H. Bù Đăng	11° 49' 03"	107° 13' 17"					C-48-11-A-d
suối Đăk Đong Xai	TV	xã Minh Hưng	H. Bù Đăng			11° 47' 42"	107° 10' 32"	11° 47' 25"	107° 06' 00"	C-48-11-A-d
cầu Đăk Lấp	KX	xã Minh Hưng	H. Bù Đăng	11° 48' 58"	107° 11' 17"					C-48-11-A-d
suối Đăk Nai	TV	xã Minh Hưng	H. Bù Đăng			11° 46' 34"	107° 10' 39"	11° 45' 40"	107° 10' 18"	C-48-11-A-d
suối Đăk Quy Rê	TV	xã Minh Hưng	H. Bù Đăng			11° 45' 42"	107° 09' 32"	11° 46' 10"	107° 08' 39"	C-48-11-A-d
sông Đăk Rơ Lấp	TV	xã Minh Hưng	H. Bù Đăng			11° 56' 03"	107° 21' 52"	11° 48' 35"	107° 10' 24"	C-48-11-A-d; C-48-11-B-c; C-48-11-C-b
suối Đăk Wa	TV	xã Minh Hưng	H. Bù Đăng			11° 48' 10"	107° 15' 02"	11° 45' 42"	107° 09' 32"	C-48-11-A-d; C-48-11-C-b
Đường ĐT.760	KX	xã Minh Hưng	H. Bù Đăng			11° 47' 54"	107° 11' 15"	11° 54' 52"	107° 00' 08"	C-48-11-A-b; C-48-11-A-d
nông trường Minh Hưng	KX	xã Minh Hưng	H. Bù Đăng	11° 47' 24"	107° 10' 10"					C-48-11-A-d

Địa danh	Nhóm đối tượng	Tên ĐVHC cấp xã	Tên ĐVHC cấp huyện	Tọa độ vị trí tương đối của đối tượng						Phiên hiệu mảnh bản đồ địa hình
				Tọa độ trung tâm		Tọa độ điểm đầu		Tọa độ điểm cuối		
				Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	
nhà thờ Minh Hưng	KX	xã Minh Hưng	H. Bù Đăng	11° 47' 02"	107° 10' 31"					C-48-11-A-d
Đường QL.14	KX	xã Minh Hưng	H. Bù Đăng			11° 54' 48"	107° 23' 03"	11° 25' 02"	106° 36' 49"	C-48-11-A-d; C-48-11-B-c
chùa Thanh Minh A Lam Nhã	KX	xã Minh Hưng	H. Bù Đăng	11° 48' 07"	107° 11' 34"					C-48-11-A-d
hồ Thủy điện Thác Mơ	TV	xã Minh Hưng	H. Bù Đăng	11° 49' 40"	107° 03' 56"					C-48-11-A-c
thôn Bình Hòa	DC	xã Nghĩa Bình	H. Bù Đăng	11° 41' 15"	107° 08' 18"					C-48-11-C-b
thôn Bình Lợi	DC	xã Nghĩa Bình	H. Bù Đăng	11° 41' 51"	107° 04' 54"					C-48-11-C-a
thôn Bình Minh	DC	xã Nghĩa Bình	H. Bù Đăng	11° 40' 54"	107° 09' 05"					C-48-11-C-b
thôn Bình Thọ	DC	xã Nghĩa Bình	H. Bù Đăng	11° 41' 58"	107° 05' 36"					C-48-11-C-a
thôn Bình Tiến	DC	xã Nghĩa Bình	H. Bù Đăng	11° 40' 49"	107° 06' 36"					C-48-11-C-a
thôn Bình Trung	DC	xã Nghĩa Bình	H. Bù Đăng	11° 41' 01"	107° 04' 54"					C-48-11-C-a
suối Bù Na	TV	xã Nghĩa Bình	H. Bù Đăng			11° 39' 35"	107° 04' 01"	11° 41' 22"	107° 04' 13"	C-48-11-C-a
Suối Đá	TV	xã Nghĩa Bình	H. Bù Đăng			11° 38' 23"	107° 06' 22"	11° 41' 37"	107° 06' 37"	C-48-11-C-a
suối Đá Ong	TV	xã Nghĩa Bình	H. Bù Đăng			11° 37' 54"	107° 04' 37"	11° 40' 40"	107° 06' 18"	C-48-11-C-a
suối Đăk Pan Ton 1	TV	xã Nghĩa Bình	H. Bù Đăng			11° 34' 41"	107° 08' 05"	11° 41' 37"	107° 06' 37"	C-48-11-C-b
suối Đăk Pan Ton 2	TV	xã Nghĩa Bình	H. Bù Đăng			11° 41' 37"	107° 06' 37"	11° 44' 08"	107° 07' 22"	C-48-11-C-a
suối Ô Ven	TV	xã Nghĩa Bình	H. Bù Đăng			11° 40' 45"	107° 10' 32"	11° 42' 38"	107° 08' 57"	C-48-11-C-b
Đường QL.14	KX	xã Nghĩa Bình	H. Bù Đăng			11° 54' 48"	107° 23' 03"	11° 25' 02"	106° 36' 49"	C-48-11-C-a
Thôn 1	DC	xã Nghĩa Trung	H. Bù Đăng	11° 39' 41"	107° 03' 56"					C-48-11-C-a
Thôn 2	DC	xã Nghĩa Trung	H. Bù Đăng	11° 37' 57"	107° 04' 25"					C-48-11-C-a
Thôn 3	DC	xã Nghĩa Trung	H. Bù Đăng	11° 39' 44"	107° 04' 14"					C-48-11-C-a
Thôn 5	DC	xã Nghĩa Trung	H. Bù Đăng	11° 36' 22"	107° 05' 23"					C-48-11-C-c
Thôn 6	DC	xã Nghĩa Trung	H. Bù Đăng	11° 40' 11"	107° 03' 34"					C-48-11-C-c
Thôn 8	DC	xã Nghĩa Trung	H. Bù Đăng	11° 39' 05"	107° 05' 58"					C-48-11-C-a
chùa A Di Đà	KX	xã Nghĩa Trung	H. Bù Đăng	11° 39' 07"	107° 03' 11"					C-48-11-C-a
chợ Bù Na	KX	xã Nghĩa Trung	H. Bù Đăng	11° 40' 09"	107° 03' 44"					C-48-11-C-a
suối Bù Na	TV	xã Nghĩa Trung	H. Bù Đăng			11° 39' 35"	107° 04' 01"	11° 41' 22"	107° 04' 13"	C-48-11-C-a

Địa danh	Nhóm đối tượng	Tên ĐVHC cấp xã	Tên ĐVHC cấp huyện	Tọa độ vị trí tương đối của đối tượng						Phiên hiệu mảnh bản đồ địa hình
				Tọa độ trung tâm		Tọa độ điểm đầu		Tọa độ điểm cuối		
				Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	
suối Da Dôn	TV	xã Nghĩa Trung	H. Bù Đăng			11° 35' 16"	107° 05' 58"	11° 38' 23"	107° 06' 22"	C-48-11-C-a; C-48-11-C-c
Suối Đá	TV	xã Nghĩa Trung	H. Bù Đăng			11° 38' 23"	107° 06' 22"	11° 41' 37"	107° 06' 37"	C-48-11-C-a
suối Đá Ong	TV	xã Nghĩa Trung	H. Bù Đăng			11° 37' 54"	107° 04' 37"	11° 40' 40"	107° 06' 18"	C-48-11-C-a
suối Đăk Pan Ton	TV	xã Nghĩa Trung	H. Bù Đăng			11° 34' 41"	107° 08' 05"	11° 41' 37"	107° 06' 37"	C-48-11-C-a; C-48-11-C-b; C-48-11-C-d
Đường ĐT.753B	KX	xã Nghĩa Trung	H. Bù Đăng			11° 39' 37"	106° 53' 49"	11° 34' 37"	107° 08' 28"	C-48-11-C-a
nhà thờ Mỹ Trung	KX	xã Nghĩa Trung	H. Bù Đăng	11° 40' 31"	107° 03' 50"					C-48-11-C-a
nông trường Nghĩa Trung	KX	xã Nghĩa Trung	H. Bù Đăng	11° 41' 07"	107° 03' 20"					C-48-11-C-a
nông trường Cao su Nghĩa Trung	KX	xã Nghĩa Trung	H. Bù Đăng	11° 37' 33"	107° 08' 03"					C-48-11-C-a; C-48-11-C-b; C-48-11-C-c; C-48-11-C-d
đập Ông Thọ	KX	xã Nghĩa Trung	H. Bù Đăng	11° 39' 35"	107° 04' 03"					C-48-11-C-a
suối Pa Răng	TV	xã Nghĩa Trung	H. Bù Đăng			11° 39' 34"	107° 04' 42"	11° 41' 11"	107° 04' 03"	C-48-11-C-a
Đường QL.14	KX	xã Nghĩa Trung	H. Bù Đăng			11° 54' 48"	107° 23' 03"	11° 25' 02"	106° 36' 49"	C-48-11-C-a
suối Tre Sai	TV	xã Nghĩa Trung	H. Bù Đăng			11° 37' 27"	107° 07' 33"	11° 39' 16"	107° 08' 46"	C-48-11-C-b; C-48-11-C-d
chùa Trúc Lâm	KX	xã Nghĩa Trung	H. Bù Đăng	11° 39' 32"	107° 04' 22"					C-48-11-C-a
Cầu 1	KX	xã Phú Sơn	H. Bù Đăng	11° 53' 18"	107° 24' 00"					C-48-11-B-b
Suối Đá	TV	xã Phú Sơn	H. Bù Đăng			11° 50' 20"	107° 24' 14"	11° 49' 28"	107° 24' 24"	C-48-11-B-d
sông Đăk Glun	TV	xã Phú Sơn	H. Bù Đăng			12° 00' 16"	107° 19' 18"	11° 58' 36"	107° 07' 59"	C-48-11-A-b
suối Đăk Hum	TV	xã Phú Sơn	H. Bù Đăng			11° 58' 49"	107° 18' 09"	11° 54' 30"	107° 15' 57"	C-48-11-B-a
suối Đăk Muôi	TV	xã Phú Sơn	H. Bù Đăng			11° 59' 13"	107° 19' 58"	11° 56' 28"	107° 19' 55"	C-48-11-B-a
suối Đăk Nó	TV	xã Phú Sơn	H. Bù Đăng			11° 58' 56"	107° 20' 29"	11° 56' 25"	107° 21' 03"	C-48-11-B-a
suối Đăk Rơ Đe	TV	xã Phú Sơn	H. Bù Đăng			11° 54' 50"	107° 21' 59"	11° 55' 31"	107° 18' 29"	C-48-11-B-a
sông Đăk Rơ Lấp	TV	xã Phú Sơn	H. Bù Đăng			11° 56' 03"	107° 21' 52"	11° 48' 35"	107° 10' 24"	C-48-11-B-a
suối Đăk Rơ Mêu	TV	xã Phú Sơn	H. Bù Đăng			11° 57' 18"	107° 17' 55"	11° 54' 42"	107° 17' 15"	C-48-11-B-a

Địa danh	Nhóm đối tượng	Tên ĐVHC cấp xã	Tên ĐVHC cấp huyện	Tọa độ vị trí tương đối của đối tượng						Phiên hiệu mảnh bản đồ địa hình
				Tọa độ trung tâm		Tọa độ điểm đầu		Tọa độ điểm cuối		
				Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	
suối Đăk Ru	TV	xã Phú Sơn	H. Bù Đăng			11° 53' 18"	107° 24' 00"	11° 51' 35"	107° 25' 27"	C-48-11-B-b; C-48-11-B-d
suối Đăk Wa	TV	xã Phú Sơn	H. Bù Đăng			11° 53' 23"	107° 23' 05"	11° 48' 41"	107° 15' 32"	C-48-11-B-a
Bàu Đĩa	TV	xã Phú Sơn	H. Bù Đăng	11° 54' 42"	107° 23' 04"					C-48-11-B-b
Đường QL.14	KX	xã Phú Sơn	H. Bù Đăng			11° 54' 48"	107° 23' 03"	11° 25' 02"	106° 36' 49"	C-48-11-B-c; C-48-11-B-d
thôn Sơn Lang	DC	xã Phú Sơn	H. Bù Đăng	11° 54' 16"	107° 19' 48"					C-48-11-B-a
thôn Sơn Phú	DC	xã Phú Sơn	H. Bù Đăng	11° 54' 34"	107° 22' 00"					C-48-11-B-a
thôn Sơn Quý	DC	xã Phú Sơn	H. Bù Đăng	11° 54' 51"	107° 22' 17"					C-48-11-B-a
thôn Sơn Tân	DC	xã Phú Sơn	H. Bù Đăng	11° 53' 36"	107° 23' 31"					C-48-11-B-a
thôn Sơn Thành	DC	xã Phú Sơn	H. Bù Đăng	11° 53' 50"	107° 20' 53"					C-48-11-B-a
Ấp 1	DC	xã Phước Sơn	H. Bù Đăng	11° 41' 02"	107° 12' 51"					C-48-11-C-b
Ấp 2	DC	xã Phước Sơn	H. Bù Đăng	11° 41' 42"	107° 13' 34"					C-48-11-C-b
Ấp 3	DC	xã Phước Sơn	H. Bù Đăng	11° 42' 19"	107° 14' 11"					C-48-11-C-b
Ấp 4	DC	xã Phước Sơn	H. Bù Đăng	11° 42' 45"	107° 14' 09"					C-48-11-C-b
Ấp 5	DC	xã Phước Sơn	H. Bù Đăng	11° 43' 32"	107° 14' 30"					C-48-11-C-b
Ấp 6	DC	xã Phước Sơn	H. Bù Đăng	11° 44' 52"	107° 14' 46"					C-48-11-C-b
Ấp 6	DC	xã Phước Sơn	H. Bù Đăng	11° 45' 22"	107° 15' 07"					C-48-11-B-c
Ấp 7	DC	xã Phước Sơn	H. Bù Đăng	11° 43' 40"	107° 12' 33"					C-48-11-C-b
Ấp 8	DC	xã Phước Sơn	H. Bù Đăng	11° 43' 54"	107° 11' 25"					C-48-11-C-b
chùa A Lan Nhã	KX	xã Phước Sơn	H. Bù Đăng	11° 43' 06"	107° 12' 45"					C-48-11-C-b
thác Bù Xa	TV	xã Phước Sơn	H. Bù Đăng	11° 41' 23"	107° 13' 23"					C-48-11-C-b
suối Đăk Quyn	TV	xã Phước Sơn	H. Bù Đăng			11° 41' 56"	107° 13' 22"	11° 43' 52"	107° 13' 10"	C-48-11-D-a
suối Đăk Rơ Lu	TV	xã Phước Sơn	H. Bù Đăng			11° 44' 07"	107° 16' 2"	11° 42' 13"	107° 16' 55"	C-48-11-D-a
suối Đăk Thiêm	TV	xã Phước Sơn	H. Bù Đăng			11° 45' 12"	107° 13' 53"	11° 44' 34"	107° 10' 30"	C-48-11-A-d; C-48-11-C-b
Bàu Đia	TV	xã Phước Sơn	H. Bù Đăng	11° 42' 28"	107° 12' 19"					C-48-11-C-b
sông Đồng Nai	TV	xã Phước Sơn	H. Bù Đăng			11° 46' 03"	107° 23' 20"	11° 33' 18"	107° 19' 12"	C-48-11-D-a

Địa danh	Nhóm đối tượng	Tên ĐVHC cấp xã	Tên ĐVHC cấp huyện	Tọa độ vị trí tương đối của đối tượng						Phiên hiệu mảnh bản đồ địa hình
				Tọa độ trung tâm		Tọa độ điểm đầu		Tọa độ điểm cuối		
				Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	
Đường ĐT.755	KX	xã Phước Sơn	H. Bù Đăng			11° 48' 00"	107° 14' 19"	11° 34' 37"	107° 08' 28"	C-48-11-A-d; C-48-11-B-c; C-48-11-C-b
Bàu Puôn	TV	xã Phước Sơn	H. Bù Đăng	11° 41' 27"	107° 12' 16"					C-48-11-C-b
cầu Số 1	KX	xã Phước Sơn	H. Bù Đăng	11° 45' 48"	107° 14' 22"					C-48-11-A-d
đồi 502A	SV	xã Thọ Sơn	H. Bù Đăng	11° 50' 21"	107° 22' 51"					C-48-11-B-d
hội thánh Bon Bù Lố	KX	xã Thọ Sơn	H. Bù Đăng	11° 51' 27"	107° 17' 24"					C-48-11-B-c
suối Đăk Geo	TV	xã Thọ Sơn	H. Bù Đăng			11° 53' 30"	107° 18' 38"	11° 48' 11"	107° 14' 42"	C-48-11-A-d; C-48-11-A-b
suối Đăk Lớt	TV	xã Thọ Sơn	H. Bù Đăng			11° 52' 42"	107° 16' 21"	11° 52' 26"	107° 14' 34"	C-48-11-A-b; C-48-11-A-d; C-48-11-B-a; C-48-11-B-c
suối Đăk Mla	TV	xã Thọ Sơn	H. Bù Đăng			11° 52' 11"	107° 23' 17"	11° 49' 33"	107° 23' 02"	C-48-11-B-d
sông Đăk Rơ Lấp	TV	xã Thọ Sơn	H. Bù Đăng			11° 56' 03"	107° 21' 52"	11° 48' 35"	107° 10' 24"	C-48-11-A-d; C-48-11-B-c; C-48-11-C-b
cầu Đăk Wa	KX	xã Thọ Sơn	H. Bù Đăng	11° 50' 28"	107° 18' 45"					C-48-11-B-c
suối Đăk Wa	TV	xã Thọ Sơn	H. Bù Đăng			11° 53' 23"	107° 23' 05"	11° 48' 41"	107° 15' 32"	C-48-11-B-c
Suối Nhánh	TV	xã Thọ Sơn	H. Bù Đăng			11° 51' 51"	107° 20' 20"	11° 50' 39"	107° 18' 44"	C-48-11-B-c
Đường QL.14	KX	xã Thọ Sơn	H. Bù Đăng			11° 54' 48"	107° 23' 03"	11° 25' 02"	106° 36' 49"	C-48-11-A-d; C-48-11-B-c; C-48-11-C-b
thôn Sơn Hiệp	DC	xã Thọ Sơn	H. Bù Đăng	11° 52' 14"	107° 18' 00"					C-48-11-B-c
thôn Sơn Hòa	DC	xã Thọ Sơn	H. Bù Đăng	11° 52' 13"	107° 19' 20"					C-48-11-B-a
cầu Sơn Hòa 1	KX	xã Thọ Sơn	H. Bù Đăng	11° 52' 17"	107° 19' 25"					C-48-11-B-c
nhà thờ tin lành Sơn Hòa 1	KX	xã Thọ Sơn	H. Bù Đăng	11° 51' 58"	107° 19' 20"					C-48-11-B-c
cầu Sơn Hòa 2	KX	xã Thọ Sơn	H. Bù Đăng	11° 52' 23"	107° 19' 10"					C-48-11-B-c
nhà thờ tin lành Sơn Hòa 2	KX	xã Thọ Sơn	H. Bù Đăng	11° 52' 21"	107° 19' 23"					C-48-11-B-c

Địa danh	Nhóm đối tượng	Tên ĐVHC cấp xã	Tên ĐVHC cấp huyện	Tọa độ vị trí tương đối của đối tượng						Phiên hiệu mảnh bản đồ địa hình
				Tọa độ trung tâm		Tọa độ điểm đầu		Tọa độ điểm cuối		
				Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	
thôn Sơn Lập	DC	xã Thọ Sơn	H. Bù Đăng	11° 51' 14"	107° 17' 06"					C-48-11-B-c
thôn Sơn Lợi	DC	xã Thọ Sơn	H. Bù Đăng	11° 52' 49"	107° 18' 46"					C-48-11-B-a
thôn Sơn Thọ	DC	xã Thọ Sơn	H. Bù Đăng	11° 52' 55"	107° 16' 34"					C-48-11-B-a
thôn Sơn Thủy	DC	xã Thọ Sơn	H. Bù Đăng	11° 53' 12"	107° 18' 08"					C-48-11-B-a
thôn Sơn Tùng	DC	xã Thọ Sơn	H. Bù Đăng	11° 53' 14"	107° 19' 00"					C-48-11-B-a
Thôn 1	DC	xã Thống Nhất	H. Bù Đăng	11° 40' 15"	107° 12' 31"					C-48-11-C-b
Thôn 2	DC	xã Thống Nhất	H. Bù Đăng	11° 40' 37"	107° 14' 16"					C-48-11-C-b
Thôn 3	DC	xã Thống Nhất	H. Bù Đăng	11° 39' 54"	107° 11' 52"					C-48-11-C-b
Thôn 4	DC	xã Thống Nhất	H. Bù Đăng	11° 37' 55"	107° 10' 26"					C-48-11-C-b
Thôn 5	DC	xã Thống Nhất	H. Bù Đăng	11° 38' 01"	107° 16' 40"					C-48-11-D-a
Thôn 6	DC	xã Thống Nhất	H. Bù Đăng	11° 37' 04"	107° 10' 31"					C-48-11-C-d
Thôn 7	DC	xã Thống Nhất	H. Bù Đăng	11° 41' 31"	107° 10' 58"					C-48-11-C-b
Thôn 8	DC	xã Thống Nhất	H. Bù Đăng	11° 40' 49"	107° 11' 10"					C-48-11-C-b
Thôn 9	DC	xã Thống Nhất	H. Bù Đăng	11° 38' 59"	107° 13' 05"					C-48-11-C-b
Thôn 10	DC	xã Thống Nhất	H. Bù Đăng	11° 38' 50"	107° 14' 19"					C-48-11-C-b
thôn 11	DC	xã Thống Nhất	H. Bù Đăng	11° 39' 00"	107° 11' 00"					C-48-11-C-b
thôn 12	DC	xã Thống Nhất	H. Bù Đăng	11° 35' 21"	107° 09' 43"					C-48-11-C-d
hội thánh Butôl	KX	xã Thống Nhất	H. Bù Đăng	11° 35' 15"	107° 09' 38"					C-48-11-C-d
di chỉ Dốc Năm Cây	KX	xã Thống Nhất	H. Bù Đăng	11° 38' 53"	107° 16' 07"					C-48-11-C-d
suối Đăk Cóc	TV	xã Thống Nhất	H. Bù Đăng			11° 34' 36"	107° 09' 17"	11° 37' 16"	107° 15' 17"	C-48-11-C-b; C-48-11-D-a; C-48-11-D
suối Đăk Ko	TV	xã Thống Nhất	H. Bù Đăng			11° 37' 16"	107° 15' 17"	11° 37' 47"	107° 17' 16"	C-48-11-D; C-48-11-D-a
suối Đăk Pan Ton	TV	xã Thống Nhất	H. Bù Đăng			11° 34' 41"	107° 08' 05"	11° 41' 37"	107° 06' 37"	C-48-11-C-b
suối Đăk Pin	TV	xã Thống Nhất	H. Bù Đăng			11° 39' 52"	107° 12' 53"	11° 39' 25"	107° 15' 55"	C-48-11-C-b; C-48-11-D-a
suối Đăk Rơ Day	TV	xã Thống Nhất	H. Bù Đăng			11° 38' 17"	107° 10' 40"	11° 38' 35"	107° 12' 40"	C-48-11-C-b
suối Đăk Rơ Lu	TV	xã Thống Nhất	H. Bù Đăng			11° 44' 07"	107° 16' 02"	11° 42' 13"	107° 16' 55"	C-48-11-D-a

Địa danh	Nhóm đối tượng	Tên ĐVHC cấp xã	Tên ĐVHC cấp huyện	Tọa độ vị trí tương đối của đối tượng						Phiên hiệu mảnh bản đồ địa hình
				Tọa độ trung tâm		Tọa độ điểm đầu		Tọa độ điểm cuối		
				Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	
suối Đăk Sét	TV	xã Thống Nhất	H. Bù Đăng			11° 35' 18"	107° 11' 17"	11° 37' 16"	107° 15' 17"	C-48-11-D; C-48-11-C-d
Trạm kiểm lâm Đăng Hà	KX	xã Thống Nhất	H. Bù Đăng	11° 34' 37"	107° 09' 15"					C-48-11-C-d
Đường ĐT.755	KX	xã Thống Nhất	H. Bù Đăng			11° 48' 00"	107° 14' 19"	11° 34' 37"	107° 08' 28"	C-48-11-C-b
Đường ĐT.755B	KX	xã Thống Nhất	H. Bù Đăng			11° 41' 58"	107° 10' 26"	11° 34' 09"	107° 18' 31"	C-48-11-C-b
sông Đồng Nai	TV	xã Thống Nhất	H. Bù Đăng			11° 46' 03"	107° 23' 20"	11° 33' 18"	107° 19' 12"	C-48-11-D-a
Suối Nước 1	TV	xã Thống Nhất	H. Bù Đăng			11° 38' 20"	107° 10' 13"	11° 41' 24"	107° 10' 10"	C-48-11-C-b
Suối Nước 2	TV	xã Thống Nhất	H. Bù Đăng			11° 38' 56"	107° 11' 01"	11° 40' 45"	107° 10' 32"	C-48-11-C-b
suối Ô Ven 1	TV	xã Thống Nhất	H. Bù Đăng			11° 40' 45"	107° 10' 32"	11° 42' 38"	107° 08' 57"	C-48-11-C-b
suối Ô Ven 2	TV	xã Thống Nhất	H. Bù Đăng			11° 39' 38"	107° 11' 34"	11° 40' 45"	107° 10' 32"	C-48-11-C-b
hội thánh R.Bun Bon Bù Khon	KX	xã Thống Nhất	H. Bù Đăng	11° 36' 00"	107° 10' 13"					C-48-11-C-d
cầu Số 2	KX	xã Thống Nhất	H. Bù Đăng	11° 37' 45"	107° 17' 14"					C-48-11-D-a
chùa Thanh Quang	KX	xã Thống Nhất	H. Bù Đăng	11° 39' 35"	107° 12' 10"					C-48-11-C-b
nhà máy Thủy điện Cần Đơn	KX	TT. Thanh Bình	H. Bù Đốp	11° 58' 05"	106° 50' 23"					C-48-10-B-a
Sông Bé	TV	TT. Thanh Bình	H. Bù Đốp			11° 58' 11"	106° 50' 30"	11° 49' 27"	106° 45' 35"	C-48-10-B-a
hồ Cần Đơn	TV	TT. Thanh Bình	H. Bù Đốp	11° 59' 18"	106° 52' 04"					C-48-10-B-a
Đường Lê Duẩn	KX	TT. Thanh Bình	H. Bù Đốp			11° 57' 30"	106° 47' 41"	11° 56' 40"	106° 50' 09"	C-48-10-B-a
Đường Nguyễn Huệ	KX	TT. Thanh Bình	H. Bù Đốp			11° 58' 09"	106° 47' 48"	11° 57' 05"	106° 47' 26"	C-48-10-B-a
cầu Sông Bé	KX	TT. Thanh Bình	H. Bù Đốp	11° 56' 40"	106° 50' 09"					C-48-10-B-a
khu phố Thanh Bình	DC	TT. Thanh Bình	H. Bù Đốp	11° 57' 44"	106° 47' 54"					C-48-10-B-a
Trường Trung học cơ sở Thanh Bình	KX	TT. Thanh Bình	H. Bù Đốp	11° 57' 17"	106° 47' 44"					C-48-10-B-a
Trường Trung học phổ thông Thanh Hòa	KX	TT. Thanh Bình	H. Bù Đốp	11° 57' 45"	106° 47' 46"					D-48-94-D+C
Ấp Thanh Tâm	DC	TT. Thanh Bình	H. Bù Đốp	11° 57' 07"	106° 48' 37"					C-48-10-B-a
Ấp Thanh Thủy	DC	TT. Thanh Bình	H. Bù Đốp	11° 57' 33"	106° 49' 59"					C-48-10-B-a

Địa danh	Nhóm đối tượng	Tên ĐVHC cấp xã	Tên ĐVHC cấp huyện	Tọa độ vị trí tương đối của đối tượng						Phiên hiệu mảnh bản đồ địa hình
				Tọa độ trung tâm		Tọa độ điểm đầu		Tọa độ điểm cuối		
				Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	
Ấp Thanh Trung	DC	TT. Thanh Bình	H. Bù Đốp	11° 57' 56"	106° 48' 33"					C-48-10-B-a
Ấp Thanh Sơn	DC	TT. Thanh Bình	H. Bù Đốp	11° 57' 22"	106° 49' 48"					C-48-10-B-a
khu phố Thanh Xuân	DC	TT. Thanh Bình	H. Bù Đốp	11° 57' 00"	106° 48' 14"					C-48-10-B-a
Ấp 3	DC	xã Hưng Phước	H. Bù Đốp	12° 02' 36"	106° 49' 56"					D-48-94-D+C
Ấp 4	DC	xã Hưng Phước	H. Bù Đốp	12° 01' 37"	106° 49' 00"					D-48-94-D+C
Ấp 5	DC	xã Hưng Phước	H. Bù Đốp	12° 00' 29"	106° 48' 07"					D-48-94-D+C
Ấp 6	DC	xã Hưng Phước	H. Bù Đốp	12° 00' 40"	106° 48' 24"					D-48-94-D+C
Ấp Bù Tam	DC	xã Hưng Phước	H. Bù Đốp	12° 01' 35"	106° 48' 24"					D-48-94-D+C
Trạm kiểm soát liên hợp Cửa khẩu Hoàng Diệu	KX	xã Hưng Phước	H. Bù Đốp	12° 03' 54"	106° 50' 57"					D-48-94-D+C
suối Đăk Jerman	TV	xã Hưng Phước	H. Bù Đốp			12° 03' 51"	106° 54' 45"	12° 02' 22"	106° 45' 37"	D-48-94-D+C
Đường ĐT.759B	KX	xã Hưng Phước	H. Bù Đốp			12° 04' 06"	106° 51' 08"	11° 53' 12"	106° 36' 35"	D-48-94-D+C; C-48-10-B-a
Ấp Phước Tiến	DC	xã Hưng Phước	H. Bù Đốp	12° 01' 45"	106° 47' 19"					D-48-94-D+C
hồ Cần Đơn	TV	xã Phước Thiện	H. Bù Đốp	11° 59' 18"	106° 52' 04"					D-48-94-D+C; C-48-10-B-b; C-48-10-B-a
Công ty TNHH MTV Cao su Sông Bé	KX	xã Phước Thiện	H. Bù Đốp	12° 01' 28"	106° 51' 32"					D-48-94-D+C
di tích lịch sử Địa điểm Khmer đỏ thảm sát dân thường	KX	xã Phước Thiện	H. Bù Đốp	12° 00' 18"	106° 49' 07"					D-48-94-D+C
Ấp Điện Ảnh	DC	xã Phước Thiện	H. Bù Đốp	12° 01' 06"	106° 49' 47"					D-48-94-D+C
di tích lịch sử Đoạn cuối đường Hồ Chí Minh	KX	xã Phước Thiện	H. Bù Đốp	12° 03' 15"	106° 50' 43"					D-48-94-D+C
suối Đăk Huýt	TV	xã Phước Thiện	H. Bù Đốp			12° 17' 48"	107° 12' 15"	11° 58' 32"	106° 53' 44"	D-48-94-D+C
suối Đăk Jerman	TV	xã Phước Thiện	H. Bù Đốp			12° 03' 51"	106° 54' 45"	12° 02' 22"	106° 45' 37"	D-48-94-D+C
Đường ĐT.759B	KX	xã Phước Thiện	H. Bù Đốp			12° 04' 06"	106° 51' 08"	11° 53' 12"	106° 36' 35"	D-48-94-D+C

Địa danh	Nhóm đối tượng	Tên ĐVHC cấp xã	Tên ĐVHC cấp huyện	Tọa độ vị trí tương đối của đối tượng						Phiên hiệu mảnh bản đồ địa hình
				Tọa độ trung tâm		Tọa độ điểm đầu		Tọa độ điểm cuối		
				Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	
đập M26	KX	xã Phước Thiện	H. Bù Đốp	12° 00' 32"	106° 49' 35"					D-48-94-D+C
Ấp Mười Mẫu	DC	xã Phước Thiện	H. Bù Đốp	12° 00' 58"	106° 50' 42"					D-48-94-D+C
Ấp Tân Hưng	DC	xã Phước Thiện	H. Bù Đốp	12° 00' 32"	106° 48' 47"					D-48-94-D+C
Ấp Tân Lập	DC	xã Phước Thiện	H. Bù Đốp	12° 02' 31"	106° 49' 54"					D-48-94-D+C
Ấp Tân Phước	DC	xã Phước Thiện	H. Bù Đốp	12° 01' 11"	106° 48' 44"					D-48-94-D+C
Ấp Tân Trạch	DC	xã Phước Thiện	H. Bù Đốp	12° 00' 22"	106° 48' 47"					D-48-94-D+C
suối Ber Ken	TV	xã Tân Thành	H. Bù Đốp			11° 55' 20"	106° 45' 47"	11° 53' 38"	106° 43' 37"	C-48-10-A-b
Stưng Chrey Miêng	TV	xã Tân Thành	H. Bù Đốp			12° 02' 22"	106° 45' 37"	11° 58' 30"	106° 37' 33"	D-48-94-D+C; C-48-10-A-b
Bàu Dài	TV	xã Tân Thành	H. Bù Đốp	11° 57' 21"	106° 43' 32"					C-48-10-A-b
Bàu Đưng	TV	xã Tân Thành	H. Bù Đốp	11° 55' 42"	106° 41' 22"					C-48-10-A-b
Đường ĐT.759B	KX	xã Tân Thành	H. Bù Đốp			12° 04' 06"	106° 51' 08"	11° 53' 12"	106° 36' 35"	C-48-10-A-b
Bàu Sen	TV	xã Tân Thành	H. Bù Đốp	11° 57' 28"	106° 40' 31"					C-48-10-A-b
Ấp Tân Định	DC	xã Tân Thành	H. Bù Đốp	11° 54' 47"	106° 42' 39"					C-48-10-A-b
Ấp Tân Đông	DC	xã Tân Thành	H. Bù Đốp	11° 54' 07"	106° 43' 56"					C-48-10-A-b
Ấp Tân Hiệp	DC	xã Tân Thành	H. Bù Đốp	11° 54' 58"	106° 42' 16"					C-48-10-A-b
Ấp Tân Hội	DC	xã Tân Thành	H. Bù Đốp	11° 57' 12"	106° 42' 19"					C-48-10-A-b
Ấp Tân Lập	DC	xã Tân Thành	H. Bù Đốp	11° 55' 22"	106° 43' 22"					C-48-10-A-b
Ấp Tân Lợi	DC	xã Tân Thành	H. Bù Đốp	11° 56' 15"	106° 42' 52"					C-48-10-A-b
Ấp Tân Phong	DC	xã Tân Thành	H. Bù Đốp	11° 56' 41"	106° 43' 18"					C-48-10-A-b
Ấp Tân Phú	DC	xã Tân Thành	H. Bù Đốp	11° 55' 46"	106° 43' 07"					C-48-10-A-b
Trường Trung học cơ sở Tân Thành	KX	xã Tân Thành	H. Bù Đốp	11° 56' 00"	106° 43' 02"					C-48-10-A-b
giáo xứ Tân Thành	KX	xã Tân Thành	H. Bù Đốp	11° 55' 07"	106° 42' 34"					C-48-10-A-b
Công ty TNHH Thiên Trang	KX	xã Tân Thành	H. Bù Đốp	11° 55' 06"	106° 42' 20"					C-48-10-A-b
Sông Bé	TV	xã Tân Tiến	H. Bù Đốp			11° 58' 11"	106° 50' 30"	11° 49' 27"	106° 45' 35"	C-48-10-B-a
di tích lịch sử Căn cứ H8	KX	xã Tân Tiến	H. Bù Đốp	11° 54' 55"	106° 45' 49"					C-48-10-B-a

Địa danh	Nhóm đối tượng	Tên ĐVHC cấp xã	Tên ĐVHC cấp huyện	Tọa độ vị trí tương đối của đối tượng						Phiên hiệu mảnh bản đồ địa hình
				Tọa độ trung tâm		Tọa độ điểm đầu		Tọa độ điểm cuối		
				Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	
suối Chùm Diêu	TV	xã Tân Tiến	H. Bù Đốp			11° 55' 36"	106° 47' 03"	11° 54' 21"	106° 46' 42"	C-48-10-B-a
Bàu Dài	TV	xã Tân Tiến	H. Bù Đốp	11° 57' 21"	106° 43' 32"					C-48-10-A-b
suối K2	TV	xã Tân Tiến	H. Bù Đốp			11° 55' 54"	106° 44' 43"	11° 53' 38"	106° 43' 37"	C-48-10-A-b
Ấp Sóc Nê	DC	xã Tân Tiến	H. Bù Đốp	11° 54' 56"	106° 45' 38"					C-48-10-B-a
Ấp Tân An	DC	xã Tân Tiến	H. Bù Đốp	11° 55' 44"	106° 45' 24"					C-48-10-B-a
Ấp Tân Bình	DC	xã Tân Tiến	H. Bù Đốp	11° 56' 05"	106° 44' 02"					C-48-10-A-b
Ấp Tân Hòa	DC	xã Tân Tiến	H. Bù Đốp	11° 56' 13"	106° 44' 43"					C-48-10-A-b
Ấp Tân Nghĩa	DC	xã Tân Tiến	H. Bù Đốp	11° 54' 58"	106° 44' 38"					C-48-10-A-b
Ấp Tân Nhân	DC	xã Tân Tiến	H. Bù Đốp	11° 55' 46"	106° 44' 17"					C-48-10-A-b
Ấp Tân Phước	DC	xã Tân Tiến	H. Bù Đốp	11° 54' 19"	106° 45' 21"					C-48-10-B-a
Trường Trung học phổ thông, trung học cơ sở Tân Tiến	KX	xã Tân Tiến	H. Bù Đốp	11° 53' 37"	106° 45' 03"					C-48-10-B-a
Ấp Tân Thuận	DC	xã Tân Tiến	H. Bù Đốp	11° 56' 29"	106° 45' 46"					C-48-10-B-a
Ấp 1	DC	xã Thanh Hòa	H. Bù Đốp	11° 56' 51"	106° 47' 01"					C-48-10-B-a
Ấp 2	DC	xã Thanh Hòa	H. Bù Đốp	11° 57' 01"	106° 46' 02"					C-48-10-B-a
Ấp 3	DC	xã Thanh Hòa	H. Bù Đốp	11° 58' 56"	106° 45' 53"					C-48-10-B-a
Ấp 4	DC	xã Thanh Hòa	H. Bù Đốp	11° 56' 02"	106° 49' 46"					C-48-10-B-a
Ấp 5	DC	xã Thanh Hòa	H. Bù Đốp	11° 55' 21"	106° 48' 36"					C-48-10-B-a
Ấp 6	DC	xã Thanh Hòa	H. Bù Đốp	11° 56' 50"	106° 47' 04"					C-48-10-B-a
Ấp 7	DC	xã Thanh Hòa	H. Bù Đốp	11° 55' 46"	106° 47' 22"					C-48-10-B-a
Ấp 8	DC	xã Thanh Hòa	H. Bù Đốp	11° 56' 21"	106° 48' 16"					C-48-10-B-a
Ấp 9	DC	xã Thanh Hòa	H. Bù Đốp	11° 54' 57"	106° 47' 36"					C-48-10-B-a
Sông Bé	TV	xã Thanh Hòa	H. Bù Đốp			11° 58' 11"	106° 50' 30"	11° 49' 27"	106° 45' 35"	C-48-10-B-a
Stưng Chrey Miêng	TV	xã Thanh Hòa	H. Bù Đốp			12° 02' 22"	106° 45' 37"	11° 58' 30"	106° 37' 33"	D-48-94-D+C; C-48-10-A-b
suối Chùm Diêu	TV	xã Thanh Hòa	H. Bù Đốp			11° 55' 36"	106° 47' 03"	11° 54' 21"	106° 46' 42"	C-48-10-B-a
Đường ĐT.759	KX	xã Thanh Hòa	H. Bù Đốp			11° 57' 30"	106° 47' 41"	11° 41' 13"	107° 04' 09"	C-48-10-B-a
Đường ĐT.759B	KX	xã Thanh Hòa	H. Bù Đốp			12° 04' 06"	106° 51' 08"	11° 53' 12"	106° 36' 35"	C-48-10-B-a

Địa danh	Nhóm đối tượng	Tên ĐVHC cấp xã	Tên ĐVHC cấp huyện	Tọa độ vị trí tương đối của đối tượng						Phiên hiệu mảnh bản đồ địa hình
				Tọa độ trung tâm		Tọa độ điểm đầu		Tọa độ điểm cuối		
				Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	
cầu Sông Bé	KX	xã Thanh Hòa	H. Bù Đốp	11° 56' 40"	106° 50' 09"					C-48-10-B-a
Trường Tiểu học Thanh Hòa	KX	xã Thanh Hòa	H. Bù Đốp	11° 55' 43"	106° 48' 24"					C-48-10-B-a
Trường Trung học cơ sở Thanh Hòa	KX	xã Thanh Hòa	H. Bù Đốp	11° 56' 08"	106° 48' 13"					C-48-10-B-a
Thôn 1	DC	xã Thiện Hưng	H. Bù Đốp	11° 59' 16"	106° 47' 26"					C-48-10-B-a
Thôn 2	DC	xã Thiện Hưng	H. Bù Đốp	11° 59' 11"	106° 47' 52"					C-48-10-B-a
Đội 3	DC	xã Thiện Hưng	H. Bù Đốp	11° 59' 30"	106° 50' 37"					C-48-10-B-a
Thôn 3	DC	xã Thiện Hưng	H. Bù Đốp	11° 58' 13"	106° 48' 48"					C-48-10-B-a
Thôn 4	DC	xã Thiện Hưng	H. Bù Đốp	11° 59' 40"	106° 47' 37"					C-48-10-B-a
Thôn 5	DC	xã Thiện Hưng	H. Bù Đốp	12° 00' 20"	106° 47' 11"					D-48-94-D+C
Nông trường 5	KX	xã Thiện Hưng	H. Bù Đốp	11° 59' 39"	106° 49' 23"					C-48-10-B-a
Thôn 6	DC	xã Thiện Hưng	H. Bù Đốp	11° 59' 10"	106° 49' 11"					C-48-10-B-a
Thôn 7	DC	xã Thiện Hưng	H. Bù Đốp	11° 58' 50"	106° 46' 57"					C-48-10-B-a
Thôn 10	DC	xã Thiện Hưng	H. Bù Đốp	11° 59' 21"	106° 50' 04"					C-48-10-B-a
Đường ĐT.759B	KX	xã Thiện Hưng	H. Bù Đốp			12° 04' 06"	106° 51' 08"	11° 53' 12"	106° 36' 35"	C-48-10-B-a
chùa Bảo Quang	KX	xã Thiện Hưng	H. Bù Đốp	11° 59' 28"	106° 48' 06"					C-48-10-B-a
Trường Trung học cơ sở Bù Đốp	KX	xã Thiện Hưng	H. Bù Đốp	11° 59' 37"	106° 48' 11"					C-48-10-B-a
hồ Cần Đơn	TV	xã Thiện Hưng	H. Bù Đốp	11° 59' 18"	106° 52' 04"					C-48-10-B-a
Công ty TNHH MTV Cao su Sông Bé	KX	xã Thiện Hưng	H. Bù Đốp	12° 01' 28"	106° 51' 32"					D-48-94-D+C
Stưng Chrey Miêng	TV	xã Thiện Hưng	H. Bù Đốp			12° 02' 22"	106° 45' 37"	11° 58' 30"	106° 37' 33"	D-48-94-D+C
thôn Thiện Cư	DC	xã Thiện Hưng	H. Bù Đốp	11° 58' 24"	106° 49' 19"					C-48-10-B-a
Trường Tiểu học Thiện Hưng A	KX	xã Thiện Hưng	H. Bù Đốp	11° 59' 21"	106° 48' 03"					C-48-10-B-a
Nông trường 5	KX	xã Bình Sơn	H. Bù Gia Mập	11° 50' 21"	106° 54' 59"					C-48-10-B-d
thôn Bình Điền	DC	xã Bình Sơn	H. Bù Gia Mập	11° 50' 25"	106° 55' 57"					C-48-10-B-d
thôn Bình Minh	DC	xã Bình Sơn	H. Bù Gia Mập	11° 49' 08"	106° 52' 48"					C-48-10-B-c; C-48-10-B-d

Địa danh	Nhóm đối tượng	Tên ĐVHC cấp xã	Tên ĐVHC cấp huyện	Tọa độ vị trí tương đối của đối tượng						Phiên hiệu mảnh bản đồ địa hình
				Tọa độ trung tâm		Tọa độ điểm đầu		Tọa độ điểm cuối		
				Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	
suối Đăk Dum	TV	xã Bình Sơn	H. Bù Gia Mập			11° 50' 29"	106° 55' 44"	11° 51' 54"	106° 50' 21"	C-48-10-B-d
suối Đăk Kleng	TV	xã Bình Sơn	H. Bù Gia Mập			11° 49' 53"	106° 54' 01"	11° 48' 24"	106° 50' 23"	C-48-10-B-c; C-48-10-B-d
suối Đăk Tê	TV	xã Bình Sơn	H. Bù Gia Mập			11° 50' 16"	106° 56' 15"	11° 55' 02"	106° 55' 20"	C-48-10-B-d
Đường ĐT.759	KX	xã Bình Sơn	H. Bù Gia Mập			11° 57' 30"	106° 47' 41"	11° 41' 13"	107° 04' 09"	C-48-10-B-d
chùa Long Sơn	KX	xã Bình Sơn	H. Bù Gia Mập	11° 51' 04"	106° 54' 55"					C-48-10-B-d
thôn Phú Châu	DC	xã Bình Sơn	H. Bù Gia Mập	11° 50' 30"	106° 54' 16"					C-48-10-B-d
thôn Sơn Hà 1	DC	xã Bình Sơn	H. Bù Gia Mập	11° 51' 04"	106° 54' 53"					C-48-10-B-d
thôn Sơn Hà 2	DC	xã Bình Sơn	H. Bù Gia Mập	11° 50' 40"	106° 55' 25"					C-48-10-B-d
Nông trường 4	KX	xã Bình Tân	H. Bù Gia Mập	11° 48' 17"	106° 52' 47"					C-48-10-B-c; C-48-10-B-d
Nông trường 5	KX	xã Bình Tân	H. Bù Gia Mập	11° 47' 41"	106° 55' 15"					C-48-10-B-d
Nông trường 8-1	KX	xã Bình Tân	H. Bù Gia Mập	11° 46' 11"	106° 57' 00"					C-48-10-B-d
Công ty Chế biến Xuất nhập khẩu 3-2	KX	xã Bình Tân	H. Bù Gia Mập	11° 48' 02"	106° 55' 59"					C-48-10-B-d
Nông trường 8-2	KX	xã Bình Tân	H. Bù Gia Mập	11° 46' 20"	106° 55' 11"					C-48-10-B-d; C-48-10-D-b
Nông trường 8-3	KX	xã Bình Tân	H. Bù Gia Mập	11° 45' 29"	106° 56' 39"					C-48-10-B-d; C-48-10-D-b
thôn Bình Hiếu	DC	xã Bình Tân	H. Bù Gia Mập	11° 47' 25"	106° 56' 35"					C-48-10-B-d
cầu Bình Hiếu	KX	xã Bình Tân	H. Bù Gia Mập	11° 47' 08"	106° 56' 38"					C-48-10-B-d
cầu C9	KX	xã Bình Tân	H. Bù Gia Mập	11° 45' 05"	106° 55' 58"					C-48-10-B-d
Công ty Cao su Phước Long	KX	xã Bình Tân	H. Bù Gia Mập	11° 48' 14"	106° 56' 13"					C-48-10-B-d
suối Đăk Đam	TV	xã Bình Tân	H. Bù Gia Mập			11° 48' 54"	106° 56' 18"	11° 46' 39"	106° 51' 50"	C-48-10-B-d
suối Đăk Kan	TV	xã Bình Tân	H. Bù Gia Mập			11° 49' 04"	106° 54' 37"	11° 46' 39"	106° 51' 50"	C-48-10-B-d
suối Đăk Klon	TV	xã Bình Tân	H. Bù Gia Mập			11° 46' 52"	106° 54' 40"	11° 43' 49"	106° 54' 04"	C-48-10-B-d; C-48-10-D-b
suối Đăk Pon	TV	xã Bình Tân	H. Bù Gia Mập			11° 47' 47"	106° 57' 08"	11° 47' 20"	106° 56' 40"	C-48-10-B-d

Địa danh	Nhóm đối tượng	Tên ĐVHC cấp xã	Tên ĐVHC cấp huyện	Tọa độ vị trí tương đối của đối tượng						Phiên hiệu mảnh bản đồ địa hình
				Tọa độ trung tâm		Tọa độ điểm đầu		Tọa độ điểm cuối		
				Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	
suối Đăk Tang	TV	xã Bình Tân	H. Bù Gia Mập			11° 48' 40"	106° 57' 02"	11° 42' 36"	106° 54' 50"	C-48-10-B-d; C-48-10-D-b
Đường ĐT.741	KX	xã Bình Tân	H. Bù Gia Mập			11° 57' 54"	106° 59' 56"	11° 22' 53"	106° 49' 30"	C-48-10-B-d
chùa Hiếu Huệ	KX	xã Bình Tân	H. Bù Gia Mập	11° 46' 38"	106° 56' 21"					C-48-10-B-d
thôn Hiếu Phong	DC	xã Bình Tân	H. Bù Gia Mập	11° 47' 09"	106° 57' 12"					C-48-10-B-d
chùa Minh Đức	KX	xã Bình Tân	H. Bù Gia Mập	11° 46' 26"	106° 55' 48"					C-48-10-B-d
hồ Nông trường 4	TV	xã Bình Tân	H. Bù Gia Mập	11° 47' 49"	106° 53' 22"					C-48-10-B-d
hồ Nông trường 8	TV	xã Bình Tân	H. Bù Gia Mập	11° 46' 45"	106° 57' 08"					C-48-10-B-d
thôn Phước An	DC	xã Bình Tân	H. Bù Gia Mập	11° 46' 48"	106° 56' 41"					C-48-10-B-d
thôn Phước Hòa	DC	xã Bình Tân	H. Bù Gia Mập	11° 47' 16"	106° 55' 29"					C-48-10-B-d
thôn Phước Lộc	DC	xã Bình Tân	H. Bù Gia Mập	11° 46' 43"	106° 55' 24"					C-48-10-B-d
thôn Phước Tân	DC	xã Bình Tân	H. Bù Gia Mập	11° 48' 51"	106° 55' 37"					C-48-10-B-d
thôn Phước Thịnh	DC	xã Bình Tân	H. Bù Gia Mập	11° 45' 12"	106° 55' 50"					C-48-10-B-d; C-48-10-D-b
cầu Phước Thịnh	KX	xã Bình Tân	H. Bù Gia Mập	11° 45' 14"	106° 55' 58"					C-48-10-B-d
Nông trường 1	KX	xã Bình Thắng	H. Bù Gia Mập	11° 52' 53"	106° 49' 48"					C-48-10-B-a
Thôn 1	DC	xã Bình Thắng	H. Bù Gia Mập	11° 53' 37"	106° 48' 32"					C-48-10-B-a
thôn 2A	DC	xã Bình Thắng	H. Bù Gia Mập	11° 53' 16"	106° 49' 12"					C-48-10-B-a
thôn 2B	DC	xã Bình Thắng	H. Bù Gia Mập	11° 53' 08"	106° 49' 25"					C-48-10-B-a
Thôn 3	DC	xã Bình Thắng	H. Bù Gia Mập	11° 53' 14"	106° 49' 59"					C-48-10-B-a; C-48-10-B-c
Thôn 4	DC	xã Bình Thắng	H. Bù Gia Mập	11° 53' 36"	106° 50' 16"					C-48-10-B-a
Thôn 5	DC	xã Bình Thắng	H. Bù Gia Mập	11° 53' 54"	106° 49' 32"					C-48-10-B-a
thôn 6A	DC	xã Bình Thắng	H. Bù Gia Mập	11° 52' 14"	106° 47' 36"					C-48-10-B-a; C-48-10-B-c
thôn 6B	DC	xã Bình Thắng	H. Bù Gia Mập	11° 52' 28"	106° 47' 55"					C-48-10-B-a; C-48-10-B-c
Thôn 7	DC	xã Bình Thắng	H. Bù Gia Mập	11° 52' 15"	106° 46' 39"					C-48-10-B-a; C-48-10-B-c

Địa danh	Nhóm đối tượng	Tên ĐVHC cấp xã	Tên ĐVHC cấp huyện	Tọa độ vị trí tương đối của đối tượng						Phiên hiệu mảnh bản đồ địa hình
				Tọa độ trung tâm		Tọa độ điểm đầu		Tọa độ điểm cuối		
				Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	
Thôn 8	DC	xã Bình Thắng	H. Bù Gia Mập	11° 50' 19"	106° 45' 43"					C-48-10-B-c
Thôn 9	DC	xã Bình Thắng	H. Bù Gia Mập	11° 52' 43"	106° 48' 20"					C-48-10-B-a
Sông Bé	TV	xã Bình Thắng	H. Bù Gia Mập			11° 58' 11"	106° 50' 30"	11° 49' 27"	106° 45' 35"	C-48-10-A-b; C-48-10-A-d; C-48-10-B-a; C-48-10-B-c
Trường Trung học cơ sở Bình Thắng	KX	xã Bình Thắng	H. Bù Gia Mập	11° 53' 23"	106° 49' 12"					C-48-10-B-a
suối Cam Lang	TV	xã Bình Thắng	H. Bù Gia Mập			11° 53' 30"	106° 51' 10"	11° 54' 46"	106° 50' 19"	C-48-10-B-a
Suối Đá	TV	xã Bình Thắng	H. Bù Gia Mập			11° 54' 46"	106° 50' 19"	11° 54' 59"	106° 49' 49"	C-48-10-B-a
suối Đăk Cát	TV	xã Bình Thắng	H. Bù Gia Mập			11° 51' 54"	106° 50' 21"	11° 49' 26"	106° 45' 41"	C-48-10-B-c
Suối Thom	TV	xã Bình Thắng	H. Bù Gia Mập			11° 52' 56"	106° 47' 38"	11° 51' 16"	106° 45' 45"	C-48-10-B-a; C-48-10-B-c
kênh Thủy lợi	TV	xã Bình Thắng	H. Bù Gia Mập			11° 53' 14"	106° 48' 56"	11° 54' 33"	106° 48' 57"	C-48-10-B-a
suối Yem	TV	xã Bình Thắng	H. Bù Gia Mập			11° 52' 19"	106° 52' 13"	11° 51' 54"	106° 50' 21"	C-48-10-B-a; C-48-10-B-c
thôn Bù Dốt	DC	xã Bù Gia Mập	H. Bù Gia Mập	12° 05' 06"	107° 09' 43"					D-48-95-C-d
Ban Quản lý rừng quốc gia Bù Gia Mập	KX	xã Bù Gia Mập	H. Bù Gia Mập	12° 05' 15"	107° 09' 16"					D-48-95-C-d
thôn Bù La	DC	xã Bù Gia Mập	H. Bù Gia Mập	12° 03' 26"	107° 10' 16"					D-48-95-C-d
thôn Bù Lư	DC	xã Bù Gia Mập	H. Bù Gia Mập	12° 05' 13"	107° 09' 02"					D-48-95-C-d
thôn Bù Nga	DC	xã Bù Gia Mập	H. Bù Gia Mập	12° 03' 07"	107° 10' 41"					D-48-95-C-d
thôn Bù Rên	DC	xã Bù Gia Mập	H. Bù Gia Mập	12° 04' 10"	107° 09' 55"					D-48-95-C-d
Công ty TNHH MTV Cao su Phước Long	KX	xã Bù Gia Mập	H. Bù Gia Mập	12° 08' 25"	107° 11' 28"					D-48-95-C; D-48-95-A-d; D-48-95-C-c; D-48-95-C-d; C-48-11-A-a; C-48-11-A-b
thôn Cầu Sắt	DC	xã Bù Gia Mập	H. Bù Gia Mập	12° 03' 29"	107° 07' 44"					D-48-95-C-c D-48-95-C-d

Địa danh	Nhóm đối tượng	Tên ĐVHC cấp xã	Tên ĐVHC cấp huyện	Tọa độ vị trí tương đối của đối tượng						Phiên hiệu mảnh bản đồ địa hình
				Tọa độ trung tâm		Tọa độ điểm đầu		Tọa độ điểm cuối		
				Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	
thôn Đăk Á	DC	xã Bù Gia Mập	H. Bù Gia Mập	12° 03' 13"	107° 09' 24"					D-48-95-C-d
thôn Đăk Côn	DC	xã Bù Gia Mập	H. Bù Gia Mập	12° 04' 07"	107° 08' 06"					D-48-95-C-d
suối Đăk Do	TV	xã Bù Gia Mập	H. Bù Gia Mập			12° 15' 26"	107° 12' 39"	12° 16' 54"	107° 10' 27"	D-48-95-A-d; D-48-95-C
trạm thủy văn Đăk Glun	KX	xã Bù Gia Mập	H. Bù Gia Mập	12° 01' 33"	107° 10' 39"					D-48-95-C-d
sông Đăk Glun	TV	xã Bù Gia Mập	H. Bù Gia Mập			12° 00' 16"	107° 19' 18"	11° 58' 36"	107° 07' 59"	D-48-95-C-d; C-48-11-A-b
sông Đăk Huýt	TV	xã Bù Gia Mập	H. Bù Gia Mập			12° 17' 48"	107° 12' 15"	11° 58' 32"	106° 53' 44"	D-48-95-A-d; D-48-95-C
suối Đăk Ké	TV	xã Bù Gia Mập	H. Bù Gia Mập			12° 05' 27"	107° 13' 57"	12° 02' 06"	107° 11' 17"	D-48-95-C-d
suối Đăk Mai	TV	xã Bù Gia Mập	H. Bù Gia Mập			12° 11' 04"	107° 13' 28"	12° 03' 11"	107° 11' 42"	D-48-95-C; D-48-95-C-d
thác Đăk Mai 1	KX	xã Bù Gia Mập	H. Bù Gia Mập	12° 03' 49"	107° 10' 54"					D-48-95-C-d
cầu Đăk Ơ	KX	xã Bù Gia Mập	H. Bù Gia Mập	12° 03' 40"	107° 07' 01"					D-48-95-C-c
suối Đăk Ơ 1	TV	xã Bù Gia Mập	H. Bù Gia Mập			12° 07' 46"	107° 08' 45"	12° 01' 56"	107° 07' 02"	D-48-95-C; D-48-95-C-c; D-48-95-C-d
suối Đăk Ơ 2	TV	xã Bù Gia Mập	H. Bù Gia Mập			12° 01' 04"	107° 07' 01"	11° 58' 56"	107° 06' 20"	D-48-95-C-c; C-48-11-A-a
di tích lịch sử Đoạn cuối đường ống dẫn xăng dầu VK96	KX	xã Bù Gia Mập	H. Bù Gia Mập	12° 09' 00"	107° 10' 24"					D-48-95-C
Nông trường 4	KX	xã Bù Nho	H. Bù Gia Mập	11° 44' 25"	106° 52' 41"					C-48-10-B-c; C-48-10-B-d; C-48-10-D-a; C-48-10-D-b
Nông trường 9	KX	xã Bù Nho	H. Bù Gia Mập	11° 42' 07"	106° 52' 54"					C-48-10-D-a; C-48-10-D-b
hồ Bàu Lách	TV	xã Bù Nho	H. Bù Gia Mập	11° 42' 41"	106° 53' 41"					C-48-10-D-b
suối Bến Tre	TV	xã Bù Nho	H. Bù Gia Mập			11° 43' 30"	106° 51' 06"	11° 42' 36"	106° 52' 20"	C-48-10-D-a

Địa danh	Nhóm đối tượng	Tên ĐVHC cấp xã	Tên ĐVHC cấp huyện	Tọa độ vị trí tương đối của đối tượng						Phiên hiệu mảnh bản đồ địa hình
				Tọa độ trung tâm		Tọa độ điểm đầu		Tọa độ điểm cuối		
				Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	
Công ty TNHH MTV Cao su Phước Long	KX	xã Bù Nho	H. Bù Gia Mập	11° 44' 49"	106° 52' 19"					C-48-10-D-a
Suối Đam	TV	xã Bù Nho	H. Bù Gia Mập			11° 46' 39"	106° 51' 50"	11° 41' 46"	106° 48' 19"	C-48-10-B-c; C-48-10-D-a
suối Đăk Klon	TV	xã Bù Nho	H. Bù Gia Mập			11° 46' 52"	106° 54' 40"	11° 43' 49"	106° 54' 04"	C-48-10-D-b
suối Đăk Mơ Nưm	TV	xã Bù Nho	H. Bù Gia Mập			11° 43' 32"	106° 52' 08"	11° 40' 38"	106° 53' 01"	C-48-10-D-a; C-48-10-D-b
suối Đăk Rang	TV	xã Bù Nho	H. Bù Gia Mập			11° 44' 24"	106° 56' 27"	11° 43' 15"	106° 54' 23"	C-48-10-D-b
suối Đăk Rát	TV	xã Bù Nho	H. Bù Gia Mập			11° 44' 10"	107° 02' 03"	11° 40' 48"	106° 54' 17"	C-48-10-D-b
suối Đăk Tang	TV	xã Bù Nho	H. Bù Gia Mập			11° 48' 40"	106° 57' 02"	11° 42' 36"	106° 54' 50"	C-48-10-D-b
suối Đăk Tuoi	TV	xã Bù Nho	H. Bù Gia Mập			11° 45' 48"	106° 52' 28"	11° 44' 31"	106° 51' 24"	C-48-10-B-c; C-48-10-D-a
Đường ĐT.741	KX	xã Bù Nho	H. Bù Gia Mập			11° 57' 54"	106° 59' 56"	11° 22' 53"	106° 49' 30"	C-48-10-B-d; C-48-10-D-a; C-48-10-D-b
Đường ĐT.757	KX	xã Bù Nho	H. Bù Gia Mập			11° 44' 06"	106° 52' 16"	11° 44' 42"	106° 40' 34"	
chùa Pháp Lạc	KX	xã Bù Nho	H. Bù Gia Mập	11° 41' 12"	106° 53' 38"					C-48-10-D-b
Cầu Rạt	KX	xã Bù Nho	H. Bù Gia Mập	11° 40' 39"	106° 53' 52"					C-48-10-D-b
Suối Rạt	TV	xã Bù Nho	H. Bù Gia Mập			11° 40' 48"	106° 54' 17"	11° 36' 22"	106° 46' 32"	C-48-10-D-a; C-48-10-D-b; C-48-10-D-c
cầu Suối Đam	KX	xã Bù Nho	H. Bù Gia Mập	11° 44' 06"	106° 51' 30"					C-48-10-D-a
thôn Tân Bình	DC	xã Bù Nho	H. Bù Gia Mập	11° 42' 41"	106° 53' 55"					C-48-10-D-b
thôn Tân Hiệp 1	DC	xã Bù Nho	H. Bù Gia Mập	11° 44' 25"	106° 51' 45"					C-48-10-D-a
thôn Tân Hiệp 2	DC	xã Bù Nho	H. Bù Gia Mập	11° 43' 53"	106° 52' 03"					C-48-10-D-a
thôn Tân Hòa	DC	xã Bù Nho	H. Bù Gia Mập	11° 41' 24"	106° 53' 57"					C-48-10-D-b
thôn Tân Hưng	DC	xã Bù Nho	H. Bù Gia Mập	11° 44' 44"	106° 51' 14"					C-48-10-B-c; C-48-10-D-a
thôn Tân Long	DC	xã Bù Nho	H. Bù Gia Mập	11° 43' 19"	106° 52' 55"					C-48-10-D-b

Địa danh	Nhóm đối tượng	Tên ĐVHC cấp xã	Tên ĐVHC cấp huyện	Tọa độ vị trí tương đối của đối tượng						Phiên hiệu mảnh bản đồ địa hình
				Tọa độ trung tâm		Tọa độ điểm đầu		Tọa độ điểm cuối		
				Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	
thôn Tân Lực	DC	xã Bù Nho	H. Bù Gia Mập	11° 43' 59"	106° 52' 20"					C-48-10-B-c; C-48-10-B-d; C-48-10-D-a; C-48-10-D-b
thôn Tân Phú	DC	xã Bù Nho	H. Bù Gia Mập	11° 41' 24"	106° 53' 34"					C-48-10-D-b
thôn Tân Phước	DC	xã Bù Nho	H. Bù Gia Mập	11° 43' 41"	106° 52' 00"					C-48-10-D-a
chùa Thanh Trí	KX	xã Bù Nho	H. Bù Gia Mập	11° 43' 50"	106° 52' 18"					C-48-10-D-a
hồ Vedan	TV	xã Bù Nho	H. Bù Gia Mập	11° 41' 29"	106° 53' 20"					C-48-10-D-b
Công ty TNHH Tinh bột mỳ Vedan Phước Long	KX	xã Bù Nho	H. Bù Gia Mập	11° 41' 32"	106° 53' 08"					C-48-10-D-b
Nông trường 2	KX	xã Đa Kia	H. Bù Gia Mập	11° 52' 06"	106° 51' 58"					C-48-10-B-a; C-48-10-B-c; C-48-10-B-d
Thôn 2	DC	xã Đa Kia	H. Bù Gia Mập	11° 55' 02"	106° 52' 13"					C-48-10-B-a
Thôn 3	DC	xã Đa Kia	H. Bù Gia Mập	11° 53' 54"	106° 51' 56"					C-48-10-B-a; C-48-10-B-b
Thôn 4	DC	xã Đa Kia	H. Bù Gia Mập	11° 52' 44"	106° 52' 21"					C-48-10-B-a
Thôn 5	DC	xã Đa Kia	H. Bù Gia Mập	11° 52' 57"	106° 51' 36"					C-48-10-B-a
Thôn 6	DC	xã Đa Kia	H. Bù Gia Mập	11° 52' 27"	106° 53' 53"					C-48-10-B-b; C-48-10-B-d
nông trường Cao su Phú Riềng	KX	xã Đa Kia	H. Bù Gia Mập	11° 53' 25"	106° 52' 18"					C-48-10-B-a
nhà máy Chế biến Mủ cao su Tân Thanh	KX	xã Đa Kia	H. Bù Gia Mập	11° 54' 17"	106° 52' 09"					C-48-10-B-a
nhà thờ Anh Bình	KX	xã Đa Kia	H. Bù Gia Mập	11° 54' 48"	106° 52' 12"					C-48-10-B-a
Sông Bé	TV	xã Đa Kia	H. Bù Gia Mập			11° 48' 53"	107° 02' 00"	11° 58' 33"	106° 53' 44"	D-48-10-B-b
thôn Bình Hà 1	DC	xã Đa Kia	H. Bù Gia Mập	11° 53' 56"	106° 53' 27"					C-48-10-B-a
hồ Bình Hà 1	TV	xã Đa Kia	H. Bù Gia Mập	11° 53' 07"	106° 53' 25"					D-48-10-B-b
thôn Bình Hà 2	DC	xã Đa Kia	H. Bù Gia Mập	11° 54' 37"	106° 54' 33"					C-48-10-B-b

Địa danh	Nhóm đối tượng	Tên ĐVHC cấp xã	Tên ĐVHC cấp huyện	Tọa độ vị trí tương đối của đối tượng						Phiên hiệu mảnh bản đồ địa hình
				Tọa độ trung tâm		Tọa độ điểm đầu		Tọa độ điểm cuối		
				Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	
thôn Bình Thủy	DC	xã Đa Kia	H. Bù Gia Mập	11° 54' 25"	106° 52' 40"					C-48-10-B-a; C-48-10-B-b; C-48-10-B-c; C-48-10-B-d
suối Cam Lang	TV	xã Đa Kia	H. Bù Gia Mập			11° 53' 30"	106° 51' 10"	11° 54' 46"	106° 50' 19"	C-48-10-B-a
suối Cam Lang	TV	xã Đa Kia	H. Bù Gia Mập			11° 53' 30"	106° 51' 10"	11° 54' 46"	106° 50' 19"	C-48-10-B-a
Trường Trung học phổ thông Trung học cơ sở Đa Kia	KX	xã Đa Kia	H. Bù Gia Mập	11° 53' 13"	106° 52' 20"					C-48-10-B-a
Trường Tiểu học Đa Kia B	KX	xã Đa Kia	H. Bù Gia Mập	11° 52' 47"	106° 52' 16"					C-48-10-B-a
suối Đăk Dum	TV	xã Đa Kia	H. Bù Gia Mập			11° 50' 29"	106° 55' 44"	11° 51' 54"	106° 50' 21"	C-48-10-B-c; C-48-10-B-d
suối Đăk Lai	TV	xã Đa Kia	H. Bù Gia Mập			11° 52' 09"	106° 54' 23"	11° 52' 48"	106° 54' 44"	C-48-10-B-b; C-48-10-B-d
suối Đăk Tê	TV	xã Đa Kia	H. Bù Gia Mập			11° 50' 16"	106° 56' 15"	11° 55' 02"	106° 55' 20"	C-48-10-B-b; C-48-10-B-d
suối Đăk Ti	TV	xã Đa Kia	H. Bù Gia Mập			11° 51' 36"	106° 53' 56"	11° 52' 19"	106° 52' 13"	C-48-10-B-c; C-48-10-B-d
suối Đăk Tơ Rê	TV	xã Đa Kia	H. Bù Gia Mập			11° 51' 55"	106° 56' 28"	11° 52' 34"	106° 57' 11"	C-48-10-B-b
hồ Đội 8	TV	xã Đa Kia	H. Bù Gia Mập	11° 54' 57"	106° 52' 01"					C-48-10-B-a
Đường ĐT.759	KX	xã Đa Kia	H. Bù Gia Mập			11° 57' 30"	106° 47' 41"	11° 41' 13"	107° 04' 09"	C-48-10-B-a; C-48-10-B-b; C-48-10-B-d
Suối Hoa	TV	xã Đa Kia	H. Bù Gia Mập			11° 54' 00"	106° 51' 32"	11° 54' 46"	106° 50' 19"	C-48-10-B-a
chùa Lạc Thiện	KX	xã Đa Kia	H. Bù Gia Mập	11° 54' 01"	106° 52' 18"					C-48-10-B-a
Suối Neng	TV	xã Đa Kia	H. Bù Gia Mập			11° 52' 40"	106° 52' 52"	11° 55' 57"	106° 50' 17"	C-48-10-B-a; C-48-10-B-b
Suối Ria	TV	xã Đa Kia	H. Bù Gia Mập			11° 52' 27"	106° 53' 52"	11° 52' 47"	106° 53' 35"	C-48-10-B-b; C-48-10-B-d

Địa danh	Nhóm đối tượng	Tên ĐVHC cấp xã	Tên ĐVHC cấp huyện	Tọa độ vị trí tương đối của đối tượng						Phiên hiệu mảnh bản đồ địa hình
				Tọa độ trung tâm		Tọa độ điểm đầu		Tọa độ điểm cuối		
				Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	
suối Yem	TV	xã Đa Kia	H. Bù Gia Mập			11° 52' 19"	106° 52' 13"	11° 51' 54"	106° 50' 21"	C-48-10-B-a; C-48-10-B-c
Thôn 3	DC	xã Đăk Ơ	H. Bù Gia Mập	12° 05' 03"	107° 06' 47"					D-48-95-C-c
Thôn 4	DC	xã Đăk Ơ	H. Bù Gia Mập	12° 02' 56"	107° 04' 38"					D-48-95-C-c
Thôn 6	DC	xã Đăk Ơ	H. Bù Gia Mập	12° 01' 51"	107° 05' 56"					D-48-95-C-c
Thôn 7	DC	xã Đăk Ơ	H. Bù Gia Mập	12° 03' 06"	107° 05' 56"					D-48-95-C-c
Thôn 9	DC	xã Đăk Ơ	H. Bù Gia Mập	12° 03' 38"	107° 05' 56"					D-48-95-C-c
Thôn 10	DC	xã Đăk Ơ	H. Bù Gia Mập	12° 04' 01"	107° 07' 03"					D-48-95-C-c
nhà máy Chế biến hạt điều Minh Thơ	KX	xã Đăk Ơ	H. Bù Gia Mập	12° 03' 17"	107° 05' 56"					D-48-95-C-c
thôn Bù Bưng	DC	xã Đăk Ơ	H. Bù Gia Mập	12° 04' 00"	107° 05' 11"					D-48-95-C-c
thôn Bù Ka	DC	xã Đăk Ơ	H. Bù Gia Mập	12° 00' 18"	107° 01' 38"					D-48-95-C-c
thôn Bù Khơn	DC	xã Đăk Ơ	H. Bù Gia Mập	12° 04' 49"	107° 06' 36"					D-48-95-C-c
thôn Bù Xia	DC	xã Đăk Ơ	H. Bù Gia Mập	12° 02' 18"	107° 04' 21"					D-48-95-C-c
sông Đăk Huýt	TV	xã Đăk Ơ	H. Bù Gia Mập			12° 17' 48"	107° 12' 15"	11° 58' 32"	106° 53' 44"	D-48-95-C; D-48-94-D+C; D-48-95-C-c
thôn Đăk Lim	DC	xã Đăk Ơ	H. Bù Gia Mập	12° 02' 40"	107° 05' 17"					D-48-95-C-c
suối Đăk Lim	TV	xã Đăk Ơ	H. Bù Gia Mập			12° 02' 14"	107° 06' 46"	11° 52' 02"	106° 58' 44"	D-48-95-C-c; C-48-11-A-a
nông lâm trường Đăk Mai	KX	xã Đăk Ơ	H. Bù Gia Mập	12° 03' 30"	107° 06' 10"					D-48-95-C-c
cầu Đăk Ơ	KX	xã Đăk Ơ	H. Bù Gia Mập	12° 03' 40"	107° 07' 01"					D-48-95-C-c
nhà thờ Đăk Ơ	KX	xã Đăk Ơ	H. Bù Gia Mập	12° 02' 58"	107° 05' 43"					D-48-95-C-c
Trường Tiểu học Đăk Ơ	KX	xã Đăk Ơ	H. Bù Gia Mập	12° 02' 49"	107° 05' 32"					D-48-95-C-c
Trường Trung học cơ sở Đăk Ơ	KX	xã Đăk Ơ	H. Bù Gia Mập	12° 02' 48"	107° 05' 35"					D-48-95-C-c
suối Đăk Ơ	TV	xã Đăk Ơ	H. Bù Gia Mập			12° 07' 46"	107° 08' 45"	12° 01' 56"	107° 07' 02"	D-48-95-C-c; D-48-95-C-d

Địa danh	Nhóm đối tượng	Tên ĐVHC cấp xã	Tên ĐVHC cấp huyện	Tọa độ vị trí tương đối của đối tượng						Phiên hiệu mảnh bản đồ địa hình
				Tọa độ trung tâm		Tọa độ điểm đầu		Tọa độ điểm cuối		
				Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	
thôn Đăk U	DC	xã Đăk Ơ	H. Bù Gia Mập	12° 01' 39"	107° 03' 57"					D-48-95-C-c
suối Đăk U	TV	xã Đăk Ơ	H. Bù Gia Mập			12° 04' 09"	107° 06' 01"	12° 00' 09"	106° 57' 51"	D-48-94-D+C; D-48-95-C-c; D-48-10-B-b; D-48-11-A-a
hang Đăk Xá	KX	xã Đăk Ơ	H. Bù Gia Mập	12° 07' 19"	107° 08' 32"					D-48-95-C-d
Đường QL.14C	KX	xã Đăk Ơ	H. Bù Gia Mập			12° 11' 37"	107° 13' 16"	11° 57' 54"	106° 59' 56"	D-48-95-C; D-48-95-C-c; D-48-95-C-d
chùa Thanh Minh	KX	xã Đăk Ơ	H. Bù Gia Mập	12° 01' 13"	107° 02' 56"					D-48-95-C-c
Trường Tiểu học Trương Định	KX	xã Đăk Ơ	H. Bù Gia Mập	12° 00' 42"	107° 02' 21"					D-48-95-C-c
thôn 19-5	DC	xã Đức Hạnh	H. Bù Gia Mập	11° 52' 41"	107° 01' 23"					C-48-11-A-a
Trung tâm Bảo trợ xã hội Bình Đức	KX	xã Đức Hạnh	H. Bù Gia Mập	11° 51' 24"	107° 03' 07"					C-48-11-A-c
thôn Bình Đức 1	DC	xã Đức Hạnh	H. Bù Gia Mập	11° 51' 35"	107° 02' 31"					C-48-11-A-c
thôn Bình Đức 2	DC	xã Đức Hạnh	H. Bù Gia Mập	11° 52' 15"	107° 03' 13"					C-48-11-A-a C-48-11-A-c
thôn Bù Kroai	DC	xã Đức Hạnh	H. Bù Gia Mập	11° 53' 53"	107° 02' 27"					C-48-11-A-a
suối Đăk Sau	TV	xã Đức Hạnh	H. Bù Gia Mập			11° 55' 13"	107° 04' 01"	11° 52' 26"	107° 00' 48"	C-48-11-A-a; C-48-11-A-c
cầu Đăk Son	KX	xã Đức Hạnh	H. Bù Gia Mập	11° 52' 12"	107° 00' 26"					C-48-11-A-c
đồi Độc Lập	SV	xã Đức Hạnh	H. Bù Gia Mập	11° 54' 43"	107° 01' 52"					C-48-11-A-a
Đường ĐT.741	KX	xã Đức Hạnh	H. Bù Gia Mập			11° 57' 54"	106° 59' 56"	11° 22' 53"	106° 49' 30"	C-48-11-A-c
Đường ĐT.760	KX	xã Đức Hạnh	H. Bù Gia Mập			11° 47' 54"	107° 11' 15"	11° 54' 52"	107° 00' 08"	C-48-11-A-c
giáo xứ Đức Hạnh	KX	xã Đức Hạnh	H. Bù Gia Mập	11° 51' 54"	107° 02' 35"					C-48-11-A-c
chùa Đức Hạnh	KX	xã Đức Hạnh	H. Bù Gia Mập	11° 51' 39"	107° 01' 28"					C-48-11-A-c
bến đò Phú Văn	KX	xã Đức Hạnh	H. Bù Gia Mập	11° 53' 44"	107° 04' 14"					C-48-11-A-a
thôn Phước Sơn	DC	xã Đức Hạnh	H. Bù Gia Mập	11° 51' 41"	107° 01' 31"					C-48-11-A-c
thôn Sơn Trung	DC	xã Đức Hạnh	H. Bù Gia Mập	11° 53' 49"	107° 03' 19"					C-48-11-A-a

Địa danh	Nhóm đối tượng	Tên ĐVHC cấp xã	Tên ĐVHC cấp huyện	Tọa độ vị trí tương đối của đối tượng						Phiên hiệu mảnh bản đồ địa hình
				Tọa độ trung tâm		Tọa độ điểm đầu		Tọa độ điểm cuối		
				Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	
nhà nguyện Sơn Trung	KX	xã Đức Hạnh	H. Bù Gia Mập	11° 53' 53"	107° 03' 22"					C-48-11-A-a
suối Tà Liêm	TV	xã Đức Hạnh	H. Bù Gia Mập			11° 55' 17"	107° 00' 58"	11° 52' 06"	107° 00' 20"	C-48-11-A-a; C-48-11-A-c
hồ Thủy điện Thác Mơ	TV	xã Đức Hạnh	H. Bù Gia Mập	11° 49' 40"	107° 03' 56"					C-48-11-A-c
Thôn 1	DC	xã Long Bình	H. Bù Gia Mập	11° 47' 41"	106° 47' 38"					C-48-10-B-c
Thôn 2	DC	xã Long Bình	H. Bù Gia Mập	11° 47' 20"	106° 49' 04"					C-48-10-B-c
Nông trường 3	KX	xã Long Bình	H. Bù Gia Mập	11° 48' 48"	106° 48' 08"					C-48-10-B-c
Thôn 3	DC	xã Long Bình	H. Bù Gia Mập	11° 47' 46"	106° 47' 16"					C-48-10-B-c; C-48-10-D-a
Thôn 4	DC	xã Long Bình	H. Bù Gia Mập	11° 48' 06"	106° 47' 22"					C-48-10-B-c
Thôn 5	DC	xã Long Bình	H. Bù Gia Mập	11° 50' 32"	106° 47' 42"					C-48-10-B-c
Thôn 6	DC	xã Long Bình	H. Bù Gia Mập	11° 48' 19"	106° 49' 22"					C-48-10-B-c
Thôn 7	DC	xã Long Bình	H. Bù Gia Mập	11° 46' 15"	106° 46' 55"					C-48-10-B-c
Thôn 8	DC	xã Long Bình	H. Bù Gia Mập	11° 50' 35"	106° 48' 47"					C-48-10-B-c
Thôn 9	DC	xã Long Bình	H. Bù Gia Mập	11° 48' 56"	106° 48' 36"					C-48-10-B-c
Thôn 10	DC	xã Long Bình	H. Bù Gia Mập	11° 50' 26"	106° 49' 31"					C-48-10-B-c; C-48-10-B-d
thôn 11	DC	xã Long Bình	H. Bù Gia Mập	11° 49' 26"	106° 51' 04"					C-48-10-B-c
nhà máy Thủy điện Srok Phu Miêng	KX	xã Long Bình	H. Bù Gia Mập	11° 46' 03"	106° 45' 23"					C-48-10-B-c
suối An Giang 1	TV	xã Long Bình	H. Bù Gia Mập			11° 48' 27"	106° 51' 26"	11° 48' 05"	106° 48' 09"	C-48-10-B-c
suối An Giang 2	TV	xã Long Bình	H. Bù Gia Mập			11° 48' 05"	106° 48' 09"	11° 46' 28"	106° 47' 06"	C-48-10-B-c
suối Bà Bảy	TV	xã Long Bình	H. Bù Gia Mập			11° 49' 46"	106° 48' 40"	11° 50' 17"	106° 47' 15"	C-48-10-B-c
hồ Bàu Sen	TV	xã Long Bình	H. Bù Gia Mập	11° 48' 33"	106° 46' 54"					C-48-10-B-c
Sông Bé	TV	xã Long Bình	H. Bù Gia Mập			11° 46' 06"	106° 45' 13"	11° 23' 50"	106° 42' 08"	C-48-10-B-c; C-48-10-D-a
suối Cửu Long	TV	xã Long Bình	H. Bù Gia Mập			11° 48' 47"	106° 48' 50"	11° 48' 05"	106° 48' 09"	C-48-10-B-c; C-48-10-B-d
Suối Dơi 1	TV	xã Long Bình	H. Bù Gia Mập			11° 44' 58"	106° 46' 15"	11° 44' 38"	106° 45' 46"	C-48-10-B-c; C-48-10-D-a

Địa danh	Nhóm đối tượng	Tên ĐVHC cấp xã	Tên ĐVHC cấp huyện	Tọa độ vị trí tương đối của đối tượng						Phiên hiệu mảnh bản đồ địa hình
				Tọa độ trung tâm		Tọa độ điểm đầu		Tọa độ điểm cuối		
				Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	
Suối Dơi 2	TV	xã Long Bình	H. Bù Gia Mập			11° 47' 22"	106° 50' 27"	11° 46' 02"	106° 47' 16"	C-48-10-B-c
suối Đăk Cát	TV	xã Long Bình	H. Bù Gia Mập			11° 51' 54"	106° 50' 21"	11° 49' 26"	106° 45' 41"	C-48-10-B-c
suối Đăk Sem Rein	TV	xã Long Bình	H. Bù Gia Mập			11° 47' 15"	106° 46' 09"	11° 44' 58"	106° 46' 15"	C-48-10-B-c; C-48-10-D-a
Suối Môn	TV	xã Long Bình	H. Bù Gia Mập			11° 49' 41"	106° 50' 51"	11° 49' 28"	106° 50' 08"	C-48-10-B-c
Suối Rùa	TV	xã Long Bình	H. Bù Gia Mập			11° 50' 15"	106° 53' 09"	11° 48' 47"	106° 48' 50"	C-48-10-B-c
Ban quản lý Thủy điện Srok Phu Miêng	KX	xã Long Bình	H. Bù Gia Mập	11° 46' 25"	106° 45' 35"					C-48-10-B-c
hồ Thủy điện Srok Phu Miêng	TV	xã Long Bình	H. Bù Gia Mập	11° 47' 40"	106° 45' 20"					C-48-10-B-c
Thôn 4	DC	xã Long Hà	H. Bù Gia Mập	11° 44' 41"	106° 48' 26"					C-48-10-B-c
thôn 5A	DC	xã Long Hà	H. Bù Gia Mập	11° 43' 51"	106° 51' 11"					C-48-10-D-a
thôn 5B	DC	xã Long Hà	H. Bù Gia Mập	11° 44' 39"	106° 50' 49"					C-48-10-D-a
Thôn 6	DC	xã Long Hà	H. Bù Gia Mập	11° 43' 16"	106° 49' 52"					C-48-10-D-a
Nông trường 6	KX	xã Long Hà	H. Bù Gia Mập	11° 46' 01"	106° 50' 03"					C-48-10-B-c
Thôn 7	DC	xã Long Hà	H. Bù Gia Mập	11° 43' 06"	106° 49' 35"					C-48-10-D-a
Thôn 8	DC	xã Long Hà	H. Bù Gia Mập	11° 44' 32"	106° 48' 48"					C-48-10-D-a
Thôn 9	DC	xã Long Hà	H. Bù Gia Mập	11° 44' 34"	106° 48' 30"					C-48-10-B-c; C-48-10-D-a
Thôn 10	DC	xã Long Hà	H. Bù Gia Mập	11° 44' 44"	106° 48' 59"					C-48-10-B-c; C-48-10-D-a
thôn 11	DC	xã Long Hà	H. Bù Gia Mập	11° 45' 11"	106° 48' 42"					C-48-10-B-c; C-48-10-D-a
thôn 12	DC	xã Long Hà	H. Bù Gia Mập	11° 43' 38"	106° 46' 55"					C-48-10-D-a
nghĩa trang nhân dân Long Hà	KX	xã Long Hà	H. Bù Gia Mập	11° 44' 38"	106° 47' 59"					C-48-10-D-a
nhà máy Chế biến Mủ cao su Long Hà	KX	xã Long Hà	H. Bù Gia Mập	11° 44' 25"	106° 47' 45"					C-48-10-D-a
Sông Bé	TV	xã Long Hà	H. Bù Gia Mập			11° 46' 06"	106° 45' 13"	11° 23' 50"	106° 42' 08"	C-48-10-C-b; C-48-10-D-a

Địa danh	Nhóm đối tượng	Tên ĐVHC cấp xã	Tên ĐVHC cấp huyện	Tọa độ vị trí tương đối của đối tượng						Phiên hiệu mảnh bản đồ địa hình
				Tọa độ trung tâm		Tọa độ điểm đầu		Tọa độ điểm cuối		
				Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	
suối Bù Drai	TV	xã Long Hà	H. Bù Gia Mập			11° 43' 01"	106° 46' 13"	11° 42' 53"	106° 45' 16"	C-48-10-D-a
thôn Bù Ka 1	DC	xã Long Hà	H. Bù Gia Mập	11° 46' 36"	106° 49' 36"					C-48-10-B-c; C-48-10-D-a
thôn Bù Ka 2	DC	xã Long Hà	H. Bù Gia Mập	11° 42' 14"	106° 47' 26"					C-48-10-D-a
Suối Dơi 1	TV	xã Long Hà	H. Bù Gia Mập			11° 44' 58"	106° 46' 15"	11° 44' 38"	106° 45' 46"	C-48-10-B-c; C-48-10-D-a
Suối Dơi 2	TV	xã Long Hà	H. Bù Gia Mập			11° 47' 22"	106° 50' 27"	11° 46' 02"	106° 47' 16"	C-48-10-B-c
bàu Đrăng	TV	xã Long Hà	H. Bù Gia Mập	11° 43' 01"	106° 48' 46"					C-48-10-D-a
Suối Đam	TV	xã Long Hà	H. Bù Gia Mập			11° 46' 39"	106° 51' 50"	11° 41' 46"	106° 48' 19"	C-48-10-B-c; C-48-10-D-a
suối Đăk Đrăng	TV	xã Long Hà	H. Bù Gia Mập			11° 44' 04"	106° 49' 14"	11° 41' 46"	106° 48' 19"	C-48-10-D-a
suối Đăk Rít	TV	xã Long Hà	H. Bù Gia Mập			11° 44' 14"	106° 48' 25"	11° 42' 36"	106° 48' 05"	C-48-10-D-a
suối Đăk Sem Rein	TV	xã Long Hà	H. Bù Gia Mập			11° 47' 15"	106° 46' 09"	11° 44' 58"	106° 46' 15"	C-48-10-B-c; C-48-10-D-a
Suối Đâm	TV	xã Long Hà	H. Bù Gia Mập			11° 41' 46"	106° 48' 19"	11° 39' 41"	106° 46' 39"	C-48-10-D-a
Đường ĐT.757	KX	xã Long Hà	H. Bù Gia Mập			11° 44' 06"	106° 52' 16"	11° 44' 42"	106° 40' 34"	C-48-10-D-a
đền thờ Đức Thánh Trần	KX	xã Long Hà	H. Bù Gia Mập	11° 43' 56"	106° 51' 05"					C-48-10-D-a
bàu Krin 1	TV	xã Long Hà	H. Bù Gia Mập	11° 43' 56"	106° 47' 42"					C-48-10-D-a
bàu Krin 2	TV	xã Long Hà	H. Bù Gia Mập	11° 44' 24"	106° 48' 32"					C-48-10-D-a
thôn Long Xuyên	DC	xã Long Hà	H. Bù Gia Mập	11° 45' 32"	106° 50' 24"					C-48-10-B-c
hồ Nông trường 6	TV	xã Long Hà	H. Bù Gia Mập	11° 45' 05"	106° 49' 02"					C-48-10-B-c; C-48-10-D-a
thôn Phu Mang 1	DC	xã Long Hà	H. Bù Gia Mập	11° 45' 26"	106° 47' 28"					C-48-10-B-c; C-48-10-D-a
thôn Phu Mang 2	DC	xã Long Hà	H. Bù Gia Mập	11° 43' 28"	106° 46' 31"					C-48-10-D-a
thôn Phu Mang 3	DC	xã Long Hà	H. Bù Gia Mập	11° 42' 30"	106° 46' 25"					C-48-10-D-a
cầu Suối Đam	KX	xã Long Hà	H. Bù Gia Mập	11° 44' 06"	106° 51' 30"					C-48-10-D-a
bàu Tà Lơn	TV	xã Long Hà	H. Bù Gia Mập	11° 42' 54"	106° 49' 24"					C-48-10-D-a

Địa danh	Nhóm đối tượng	Tên ĐVHC cấp xã	Tên ĐVHC cấp huyện	Tọa độ vị trí tương đối của đối tượng						Phiên hiệu mảnh bản đồ địa hình
				Tọa độ trung tâm		Tọa độ điểm đầu		Tọa độ điểm cuối		
				Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	
bàu Tà Nhót	TV	xã Long Hà	H. Bù Gia Mập	11° 43' 19"	106° 46' 50"					C-48-10-D-a
di tích lịch sử Thành đất hình tròn Long Hà	KX	xã Long Hà	H. Bù Gia Mập	11° 45' 55"	106° 49' 58"					C-48-10-B-c
thôn Thanh Long	DC	xã Long Hà	H. Bù Gia Mập	11° 44' 55"	106° 48' 28"					C-48-10-B-c; C-48-10-D-a
cầu Trà Thành	KX	xã Long Hà	H. Bù Gia Mập	11° 43' 49"	106° 45' 57"					C-48-10-D-a
Thôn 1	DC	xã Long Hưng	H. Bù Gia Mập	11° 46' 21"	106° 53' 06"					C-48-10-B-c; C-48-10-B-d
Thôn 2	DC	xã Long Hưng	H. Bù Gia Mập	11° 46' 53"	106° 52' 17"					C-48-10-B-c; C-48-10-B-d
Thôn 3	DC	xã Long Hưng	H. Bù Gia Mập	11° 46' 09"	106° 51' 22"					C-48-10-B-c; C-48-10-B-d
Thôn 4	DC	xã Long Hưng	H. Bù Gia Mập	11° 47' 37"	106° 51' 17"					C-48-10-B-c
Nông trường 4	KX	xã Long Hưng	H. Bù Gia Mập	11° 48' 17"	106° 52' 47"					C-48-10-B-c; C-48-10-B-d
Thôn 5	DC	xã Long Hưng	H. Bù Gia Mập	11° 48' 32"	106° 51' 03"					C-48-10-B-c
Thôn 6	DC	xã Long Hưng	H. Bù Gia Mập	11° 49' 21"	106° 51' 25"					C-48-10-B-c
Thôn 7	DC	xã Long Hưng	H. Bù Gia Mập	11° 47' 48"	106° 52' 01"					C-48-10-B-c
Thôn 8	DC	xã Long Hưng	H. Bù Gia Mập	11° 46' 08"	106° 53' 37"					C-48-10-B-d
Thôn 10	DC	xã Long Hưng	H. Bù Gia Mập	11° 46' 47"	106° 51' 07"					C-48-10-B-c
hồ Bù Ka	TV	xã Long Hưng	H. Bù Gia Mập	11° 46' 59"	106° 50' 19"					C-48-10-B-c
Suối Dơi	TV	xã Long Hưng	H. Bù Gia Mập			11° 47' 22"	106° 50' 27"	11° 46' 02"	106° 47' 16"	C-48-10-B-c
giáo họ Long Hưng	KX	xã Long Hưng	H. Bù Gia Mập	11° 46' 14"	106° 51' 40"					C-48-10-B-c
Khu du lịch sinh thái Mỹ Lệ	KX	xã Long Hưng	H. Bù Gia Mập	11° 46' 33"	106° 53' 36"					C-48-10-B-d
Công ty Cao su Phú Riềng	KX	xã Long Hưng	H. Bù Gia Mập	11° 46' 59"	106° 51' 41"					C-48-10-B-c
Đường ĐT.741	KX	xã Long Hưng	H. Bù Gia Mập			11° 57' 54"	106° 59' 56"	11° 22' 53"	106° 49' 30"	C-48-10-B-d
di tích lịch sử Thành đất hình tròn Long Hưng	KX	xã Long Hưng	H. Bù Gia Mập	11° 47' 48"	106° 52' 34"					C-48-10-B-d

Địa danh	Nhóm đối tượng	Tên ĐVHC cấp xã	Tên ĐVHC cấp huyện	Tọa độ vị trí tương đối của đối tượng						Phiên hiệu mảnh bản đồ địa hình
				Tọa độ trung tâm		Tọa độ điểm đầu		Tọa độ điểm cuối		
				Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	
hồ Thôn 7	TV	xã Long Hưng	H. Bù Gia Mập	11° 48' 21"	106° 51' 40"					C-48-10-B-c
chùa Vạn Đức	KX	xã Long Hưng	H. Bù Gia Mập	11° 46' 31"	106° 51' 31"					C-48-10-B-c
Thôn 1	DC	xã Long Tân	H. Bù Gia Mập	11° 42' 08"	106° 50' 43"					C-48-10-D-a
Thôn 2	DC	xã Long Tân	H. Bù Gia Mập	11° 41' 40"	106° 50' 27"					C-48-10-D-a
Thôn 3	DC	xã Long Tân	H. Bù Gia Mập	11° 41' 12"	106° 51' 19"					C-48-10-D-a
Thôn 4	DC	xã Long Tân	H. Bù Gia Mập	11° 41' 24"	106° 49' 36"					C-48-10-D-a; C-48-10-D-c
Thôn 5	DC	xã Long Tân	H. Bù Gia Mập	11° 41' 05"	106° 49' 52"					C-48-10-D-a
Thôn 6	DC	xã Long Tân	H. Bù Gia Mập	11° 40' 13"	106° 51' 28"					C-48-10-D-a; C-48-10-D-b
Thôn 7	DC	xã Long Tân	H. Bù Gia Mập	11° 39' 11"	106° 48' 03"					C-48-10-D-a
Nông trường 9	KX	xã Long Tân	H. Bù Gia Mập	11° 41' 50"	106° 49' 38"					C-48-10-D-a; C-48-10-D-b
hồ Nông trường 9	TV	xã Long Tân	H. Bù Gia Mập	11° 42' 02"	106° 50' 53"					C-48-10-D-a
Sông Bé	TV	xã Long Tân	H. Bù Gia Mập			11° 46' 06"	106° 45' 13"	11° 23' 50"	106° 42' 08"	C-48-10-D-a; C-48-10-D-c
suối Bến Tre	TV	xã Long Tân	H. Bù Gia Mập			11° 43' 30"	106° 51' 06"	11° 42' 36"	106° 52' 20"	C-48-10-D-a
suối Đá Ran	TV	xã Long Tân	H. Bù Gia Mập			11° 40' 53"	106° 51' 53"	11° 39' 19"	106° 50' 45"	C-48-10-D-a
suối Đăk Mơ Nưm	TV	xã Long Tân	H. Bù Gia Mập			11° 43' 32"	106° 52' 08"	11° 40' 38"	106° 53' 01"	C-48-10-D-a; C-48-10-D-b
Suối Đam	TV	xã Long Tân	H. Bù Gia Mập			11° 47' 26"	106° 53' 17"	11° 41' 46"	106° 48' 19"	C-48-10-D-a
Suối Đâm	TV	xã Long Tân	H. Bù Gia Mập			11° 41' 46"	106° 48' 19"	11° 39' 41"	106° 46' 39"	C-48-10-D-a
Suối Nam	TV	xã Long Tân	H. Bù Gia Mập			11° 38' 35"	106° 48' 03"	11° 37' 37"	106° 47' 31"	C-48-10-D-a
Suối Rạt	TV	xã Long Tân	H. Bù Gia Mập			11° 40' 48"	106° 54' 17"	11° 36' 22"	106° 46' 32"	C-48-10-D-a; C-48-10-D-b; C-48-10-D-c
Suối Reng	TV	xã Long Tân	H. Bù Gia Mập			11° 40' 37"	106° 49' 17"	11° 40' 25"	106° 47' 30"	C-48-10-D-a
Suối Vít	TV	xã Long Tân	H. Bù Gia Mập			11° 39' 20"	106° 49' 07"	11° 38' 48"	106° 49' 28"	C-48-10-D-a
Trung tâm Giáo dục Lao động Xã hội Phú Nghĩa	KX	xã Phú Nghĩa	H. Bù Gia Mập	11° 52' 42"	107° 00' 08"					C-48-11-A-a

Địa danh	Nhóm đối tượng	Tên ĐVHC cấp xã	Tên ĐVHC cấp huyện	Tọa độ vị trí tương đối của đối tượng						Phiên hiệu mảnh bản đồ địa hình
				Tọa độ trung tâm		Tọa độ điểm đầu		Tọa độ điểm cuối		
				Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	
đội 3 Đăk U	DC	xã Phú Nghĩa	H. Bù Gia Mập	12° 00' 11"	107° 02' 05"					D-48-95-C-c; C-48-11-A-a
Đường ĐT.741	KX	xã Phú Nghĩa	H. Bù Gia Mập			11° 57' 54"	106° 59' 56"	11° 22' 53"	106° 49' 30"	D-48-95-C-c; C-48-10-B-b; C-48-11-A-a; C-48-11-A-a
đội 3 Khắc Khoan	DC	xã Phú Nghĩa	H. Bù Gia Mập	11° 53' 17"	106° 59' 59"					C-48-10-B-b; C-48-11-A-a
đội 6 Bù Gia Phúc	DC	xã Phú Nghĩa	H. Bù Gia Mập	11° 59' 36"	107° 02' 53"					C-48-11-A-a
đội 6 Tân Lập	DC	xã Phú Nghĩa	H. Bù Gia Mập	11° 55' 37"	106° 56' 52"					C-48-10-B-b
Sông Bé	TV	xã Phú Nghĩa	H. Bù Gia Mập			11° 48' 53"	107° 02' 00"	11° 58' 33"	106° 53' 44"	C-48-10-B-b; C-48-10-B-d
thôn Bù Gia Phúc I	DC	xã Phú Nghĩa	H. Bù Gia Mập	11° 59' 29"	107° 01' 43"					C-48-11-A-a
thôn Bù Gia Phúc II	DC	xã Phú Nghĩa	H. Bù Gia Mập	11° 59' 24"	107° 01' 31"					C-48-11-A-a
thôn Bù Kmau	DC	xã Phú Nghĩa	H. Bù Gia Mập	11° 53' 39"	106° 59' 15"					C-48-10-B-b
Suối Đăk 1	TV	xã Phú Nghĩa	H. Bù Gia Mập			11° 58' 46"	106° 59' 54"	11° 57' 47"	106° 57' 31"	C-48-10-B-b
Suối Đăk 2	TV	xã Phú Nghĩa	H. Bù Gia Mập			11° 57' 39"	106° 59' 46"	11° 56' 17"	106° 56' 37"	C-48-10-B-b
suối Đăk Lim	TV	xã Phú Nghĩa	H. Bù Gia Mập			12° 02' 14"	107° 06' 46"	11° 52' 02"	106° 58' 44"	D-48-95-C-c; C-48-11-A-a; C-48-10-B-b; C-48-10-B-d
cầu Đăk Son	KX	xã Phú Nghĩa	H. Bù Gia Mập	11° 52' 12"	107° 00' 26"					C-48-11-A-c
thôn Đăk Son I	DC	xã Phú Nghĩa	H. Bù Gia Mập	11° 54' 39"	106° 59' 38"					C-48-10-B-b; C-48-11-A-a
suối Đăk U	TV	xã Phú Nghĩa	H. Bù Gia Mập			12° 04' 09"	107° 06' 01"	12° 00' 09"	106° 57' 51"	D-48-94-D+C; D-48-95-C-c; C-48-10-B-b; C-48-11-A-a
thôn Đức Lập	DC	xã Phú Nghĩa	H. Bù Gia Mập	11° 59' 03"	107° 00' 34"					C-48-11-A-a
chùa Hưng Thạnh	KX	xã Phú Nghĩa	H. Bù Gia Mập	11° 53' 10"	107° 00' 01"					C-48-11-A-a

Địa danh	Nhóm đối tượng	Tên ĐVHC cấp xã	Tên ĐVHC cấp huyện	Tọa độ vị trí tương đối của đối tượng						Phiên hiệu mảnh bản đồ địa hình
				Tọa độ trung tâm		Tọa độ điểm đầu		Tọa độ điểm cuối		
				Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	
Trung tâm Y tế huyện Bù Gia Mập	KX	xã Phú Nghĩa	H. Bù Gia Mập	11° 55' 57"	107° 00' 22"					C-48-10-B-b; C-48-11-A-a
sông Đăk Huýt	TV	xã Phú Nghĩa	H. Bù Gia Mập			12° 17' 48"	107° 12' 15"	11° 58' 32"	106° 53' 44"	D-48-94-D+C; C-48-10-B-b
thôn Khắc Khoan	DC	xã Phú Nghĩa	H. Bù Gia Mập	11° 53' 21"	107° 00' 04"					C-48-10-B-b; C-48-11-A-a
nhà thờ Khắc Khoan	KX	xã Phú Nghĩa	H. Bù Gia Mập	11° 54' 35"	107° 00' 05"					C-48-11-A-a
thôn Phú Nghĩa	DC	xã Phú Nghĩa	H. Bù Gia Mập	11° 57' 02"	107° 00' 59"					C-48-10-B-b; C-48-11-A-a
cầu Phú Nghĩa	KX	xã Phú Nghĩa	H. Bù Gia Mập	11° 55' 34"	107° 00' 05"					C-48-11-A-a
Đường QL.14C	KX	xã Phú Nghĩa	H. Bù Gia Mập			12° 11' 37"	107° 13' 16"	11° 57' 54"	106° 59' 56"	D-48-95-C-c; C-48-10-B-b; C-48-11-A-a; C-48-11-A-a
thôn Sóc 2 Căn	DC	xã Phú Nghĩa	H. Bù Gia Mập	11° 57' 25"	106° 59' 14"					C-48-10-B-b
suối Tà Liêm	TV	xã Phú Nghĩa	H. Bù Gia Mập			11° 55' 17"	107° 00' 58"	11° 52' 06"	107° 00' 20"	C-48-11-A-a; C-48-11-A-c
suối Tà Niên	TV	xã Phú Nghĩa	H. Bù Gia Mập			11° 59' 46"	107° 05' 26"	11° 55' 45"	107° 00' 26"	C-48-11-A-a
thôn Tân Lập	DC	xã Phú Nghĩa	H. Bù Gia Mập	11° 56' 33"	106° 59' 43"					C-48-10-B-b; C-48-11-A-a
Công ty Cao su Phú Riềng	KX	xã Phú Riềng	H. Bù Gia Mập	11° 39' 40"	106° 53' 48"					C-48-10-D-b
nhà máy Chế biến gỗ Phú Thịnh	KX	xã Phú Riềng	H. Bù Gia Mập	11° 40' 14"	106° 54' 24"					C-48-10-D-b
hồ Ba To	TV	xã Phú Riềng	H. Bù Gia Mập	11° 40' 32"	106° 54' 38"					C-48-10-D-b
Suối Băng	TV	xã Phú Riềng	H. Bù Gia Mập			11° 38' 08"	106° 57' 52"	11° 36' 37"	106° 57' 44"	C-48-10-D-b
Suối Bốn	TV	xã Phú Riềng	H. Bù Gia Mập			11° 38' 31"	107° 00' 51"	11° 38' 08"	106° 57' 52"	C-48-10-D-b
Bàu Bung	TV	xã Phú Riềng	H. Bù Gia Mập	11° 39' 56"	106° 54' 12"					C-48-10-D-b
Trung tâm Y tế Công ty cao su Phú Riềng	KX	xã Phú Riềng	H. Bù Gia Mập	11° 39' 46"	106° 53' 49"					C-48-10-D-b

Địa danh	Nhóm đối tượng	Tên ĐVHC cấp xã	Tên ĐVHC cấp huyện	Tọa độ vị trí tương đối của đối tượng						Phiên hiệu mảnh bản đồ địa hình
				Tọa độ trung tâm		Tọa độ điểm đầu		Tọa độ điểm cuối		
				Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	
di tích lịch sử quốc gia Cuộc nổi dậy của đồng bào Stiêng	KX	xã Phú Riềng	H. Bù Gia Mập	11° 39' 37"	106° 53' 49"					C-48-10-D-b
Suối Dền	TV	xã Phú Riềng	H. Bù Gia Mập			11° 39' 15"	106° 54' 48"	11° 38' 23"	106° 52' 39"	C-48-10-D-a; C-48-10-D-b
Suối Đá	TV	xã Phú Riềng	H. Bù Gia Mập			11° 39' 24"	106° 56' 36"	11° 37' 54"	106° 54' 25"	C-48-10-D-b
suối Đăk Đráp	TV	xã Phú Riềng	H. Bù Gia Mập			11° 40' 26"	107° 00' 02"	11° 41' 37"	106° 56' 04"	C-48-10-D-b
suối Đăk Mun	TV	xã Phú Riềng	H. Bù Gia Mập			11° 40' 29"	107° 02' 06"	11° 42' 41"	106° 55' 13"	C-48-10-D-b
suối Đăk Rát	TV	xã Phú Riềng	H. Bù Gia Mập			11° 44' 10"	107° 02' 03"	11° 40' 48"	106° 54' 17"	C-48-10-D-b
Đường ĐT.741	KX	xã Phú Riềng	H. Bù Gia Mập			11° 57' 54"	106° 59' 56"	11° 22' 53"	106° 49' 30"	C-48-10-D-b
Đường ĐT.753B	KX	xã Phú Riềng	H. Bù Gia Mập			11° 39' 37"	106° 53' 49"	11° 34' 37"	107° 08' 28"	C-48-10-D-b
chùa Pháp Tịnh	KX	xã Phú Riềng	H. Bù Gia Mập	11° 39' 28"	106° 53' 50"					C-48-10-D-b
thôn Phú Bình	DC	xã Phú Riềng	H. Bù Gia Mập	11° 41' 01"	106° 58' 59"					C-48-10-D-b
thôn Phú Cường	DC	xã Phú Riềng	H. Bù Gia Mập	11° 39' 36"	106° 53' 58"					C-48-10-D-b
thôn Phú Hòa	DC	xã Phú Riềng	H. Bù Gia Mập	11° 40' 20"	106° 57' 38"					C-48-10-D-b
thôn Phú Hưng	DC	xã Phú Riềng	H. Bù Gia Mập	11° 39' 46"	106° 54' 01"					C-48-10-D-b
thôn Phú Lợi	DC	xã Phú Riềng	H. Bù Gia Mập	11° 39' 23"	106° 55' 13"					C-48-10-D-b
thôn Phú Nguyên	DC	xã Phú Riềng	H. Bù Gia Mập	11° 39' 30"	106° 53' 36"					C-48-10-D-b
thánh đường Hồi giáo Phú Riềng	KX	xã Phú Riềng	H. Bù Gia Mập	11° 39' 54"	106° 55' 48"					C-48-10-D-b
nông trường Phú Riềng Đỏ	KX	xã Phú Riềng	H. Bù Gia Mập	11° 40' 10"	106° 55' 41"					C-48-10-D-b
thôn Phú Tân	DC	xã Phú Riềng	H. Bù Gia Mập	11° 39' 48"	106° 54' 41"					C-48-10-D-b
thôn Phú Thành	DC	xã Phú Riềng	H. Bù Gia Mập	11° 40' 07"	106° 54' 00"					C-48-10-D-b
nhà thờ Phú Thành	KX	xã Phú Riềng	H. Bù Gia Mập	11° 40' 08"	106° 54' 37"					C-48-10-D-b
thôn Phú Thịnh	DC	xã Phú Riềng	H. Bù Gia Mập	11° 39' 53"	106° 53' 38"					C-48-10-D-b
thôn Phú Thuận	DC	xã Phú Riềng	H. Bù Gia Mập	11° 42' 20"	106° 56' 47"					C-48-10-D-b
thôn Phú Vinh	DC	xã Phú Riềng	H. Bù Gia Mập	11° 39' 52"	106° 55' 51"					C-48-10-D-b
Cầu Rạt	KX	xã Phú Riềng	H. Bù Gia Mập	11° 40' 39"	106° 53' 52"					C-48-10-D-b

Địa danh	Nhóm đối tượng	Tên ĐVHC cấp xã	Tên ĐVHC cấp huyện	Tọa độ vị trí tương đối của đối tượng						Phiên hiệu mảnh bản đồ địa hình
				Tọa độ trung tâm		Tọa độ điểm đầu		Tọa độ điểm cuối		
				Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	
Suối Rạt	TV	xã Phú Riềng	H. Bù Gia Mập			11° 40' 48"	106° 54' 17"	11° 36' 22"	106° 46' 32"	C-48-10-D-a; C-48-10-D-b
đền thờ Vua Hùng	KX	xã Phú Riềng	H. Bù Gia Mập	11° 39' 43"	106° 54' 01"					C-48-10-D-b
Trung tâm Y tế xã Phú Riềng	KX	xã Phú Riềng	H. Bù Gia Mập	11° 39' 56"	106° 53' 46"					C-48-10-D-b
Suối Bốn	TV	xã Phú Trung	H. Bù Gia Mập			11° 38' 31"	107° 00' 51"	11° 38' 08"	106° 57' 52"	C-48-10-D-b; C-48-11-C-a
suối Đa Đu	TV	xã Phú Trung	H. Bù Gia Mập			11° 40' 17"	107° 02' 48"	11° 41' 12"	107° 00' 28"	C-48-11-C-a
suối Đăk Mun	TV	xã Phú Trung	H. Bù Gia Mập			11° 40' 29"	107° 02' 06"	11° 42' 41"	106° 55' 13"	C-48-10-D-b; C-48-11-C-a
suối Đăk Rát	TV	xã Phú Trung	H. Bù Gia Mập			11° 44' 10"	107° 02' 03"	11° 40' 48"	106° 54' 17"	C-48-10-D-b; C-48-11-C-a
Đường ĐT.753B	KX	xã Phú Trung	H. Bù Gia Mập			11° 39' 37"	106° 53' 49"	11° 34' 37"	107° 08' 28"	C-48-10-D-b; C-48-11-C-a
nông trường Nghĩa Trung 1	KX	xã Phú Trung	H. Bù Gia Mập	11° 43' 11"	107° 01' 39"					C-48-11-C-a
nông trường Nghĩa Trung 2	KX	xã Phú Trung	H. Bù Gia Mập	11° 41' 07"	107° 03' 20"					C-48-10-D-b; C-48-11-C-a
nông trường Nghĩa Trung 3	KX	xã Phú Trung	H. Bù Gia Mập	11° 38' 43"	107° 01' 50"					C-48-11-C-a
thôn Phú An	DC	xã Phú Trung	H. Bù Gia Mập	11° 40' 06"	107° 00' 05"					C-48-10-D-b; C-48-11-C-a
thôn Phú Bình	DC	xã Phú Trung	H. Bù Gia Mập	11° 38' 30"	107° 02' 10"					C-48-11-C-a
thôn Phú Lâm	DC	xã Phú Trung	H. Bù Gia Mập	11° 40' 14"	107° 01' 05"					C-48-11-C-a
thôn Phú Nghĩa	DC	xã Phú Trung	H. Bù Gia Mập	11° 39' 17"	107° 02' 45"					C-48-11-C-a
thôn Phú Tâm	DC	xã Phú Trung	H. Bù Gia Mập	11° 40' 02"	107° 00' 37"					C-48-10-D-b; C-48-11-C-a
thôn Phú Tiến	DC	xã Phú Trung	H. Bù Gia Mập	11° 41' 57"	107° 00' 46"					C-48-11-C-a
thôn Phú Tín	DC	xã Phú Trung	H. Bù Gia Mập	11° 40' 12"	107° 02' 56"					C-48-11-C-a
Đường QL.14	KX	xã Phú Trung	H. Bù Gia Mập			11° 54' 48"	107° 23' 03"	11° 25' 02"	106° 36' 49"	C-48-11-C-a

Địa danh	Nhóm đối tượng	Tên ĐVHC cấp xã	Tên ĐVHC cấp huyện	Tọa độ vị trí tương đối của đối tượng						Phiên hiệu mảnh bản đồ địa hình
				Tọa độ trung tâm		Tọa độ điểm đầu		Tọa độ điểm cuối		
				Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	
Suối Rạt	TV	xã Phú Trung	H. Bù Gia Mập			11° 38' 08"	107° 02' 02"	11° 35' 56"	106° 58' 45"	C-48-11-C-a
Suối Rê	TV	xã Phú Trung	H. Bù Gia Mập			11° 39' 15"	107° 02' 35"	11° 40' 26"	107° 01' 33"	C-48-11-C-a
Công ty 27-7	KX	xã Phú Văn	H. Bù Gia Mập	11° 59' 31"	107° 06' 56"					C-48-11-A-a
Trung tâm Giáo dục Lao động Xã hội Phú Đức	KX	xã Phú Văn	H. Bù Gia Mập	11° 55' 17"	107° 02' 44"					C-48-11-A-a
hồ Thủy điện Thác Mơ	TV	xã Phú Văn	H. Bù Gia Mập	11° 49' 40"	107° 03' 56"					C-48-11-A-c
thôn 1 Phú Văn	DC	xã Phú Văn	H. Bù Gia Mập	11° 54' 33"	107° 03' 38"					C-48-11-A-a
thôn 2 Phú Văn	DC	xã Phú Văn	H. Bù Gia Mập	11° 54' 49"	107° 04' 00"					C-48-11-A-a
thôn 3 Phú Văn	DC	xã Phú Văn	H. Bù Gia Mập	11° 55' 23"	107° 03' 59"					C-48-11-A-a
thôn Cây Da	DC	xã Phú Văn	H. Bù Gia Mập	11° 59' 21"	107° 07' 07"					C-48-11-A-a
sông Đăk Glun	TV	xã Phú Văn	H. Bù Gia Mập			12° 00' 16"	107° 19' 18"	11° 58' 36"	107° 07' 59"	C-48-11-A-b
thôn Đăk Khâu	DC	xã Phú Văn	H. Bù Gia Mập	11° 58' 06"	107° 04' 12"					C-48-11-A-a
suối Đăk Lim	TV	xã Phú Văn	H. Bù Gia Mập			12° 02' 14"	107° 06' 46"	11° 52' 02"	106° 58' 44"	C-48-11-A-a
cầu Đăk Lung 2	KX	xã Phú Văn	H. Bù Gia Mập	11° 58' 35"	107° 07' 59"					C-48-11-A-b
cầu Đăk Ơ	KX	xã Phú Văn	H. Bù Gia Mập	11° 59' 03"	107° 06' 12"					C-48-11-A-a
suối Đăk Ơ	TV	xã Phú Văn	H. Bù Gia Mập			12° 01' 04"	107° 07' 01"	11° 58' 56"	107° 06' 20"	C-48-11-A-a
thôn Đăk Son 2	DC	xã Phú Văn	H. Bù Gia Mập	11° 57' 14"	107° 02' 54"					C-48-11-A-a
cầu Đăk Son 2	KX	xã Phú Văn	H. Bù Gia Mập	11° 55' 37"	107° 01' 38"					C-48-11-A-a
Trung tâm chữa bệnh Đức Hạnh	KX	xã Phú Văn	H. Bù Gia Mập	11° 55' 09"	107° 02' 57"					C-48-11-A-a
Bệnh viện Nhân Ái	KX	xã Phú Văn	H. Bù Gia Mập	11° 57' 53"	107° 06' 23"					C-48-11-A-a
bến đò Phú Văn	KX	xã Phú Văn	H. Bù Gia Mập	11° 53' 44"	107° 04' 14"					C-48-11-A-a
nhà thờ Phú Văn	KX	xã Phú Văn	H. Bù Gia Mập	11° 54' 55"	107° 04' 02"					C-48-11-A-a
Trung tâm Giáo dục Bảo trợ Xã hội Phú Văn	KX	xã Phú Văn	H. Bù Gia Mập	11° 56' 30"	107° 05' 03"					C-48-11-A-a
suối Tà Niên	TV	xã Phú Văn	H. Bù Gia Mập			11° 59' 46"	107° 05' 26"	11° 55' 45"	107° 00' 26"	C-48-11-A-a
thôn Thác Dài	DC	xã Phú Văn	H. Bù Gia Mập	11° 56' 41"	107° 05' 43"					C-48-11-A-a

Địa danh	Nhóm đối tượng	Tên ĐVHC cấp xã	Tên ĐVHC cấp huyện	Tọa độ vị trí tương đối của đối tượng						Phiên hiệu mảnh bản đồ địa hình
				Tọa độ trung tâm		Tọa độ điểm đầu		Tọa độ điểm cuối		
				Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	
cầu Thôn Đăk Khâu	KX	xã Phú Văn	H. Bù Gia Mập	11° 58' 19"	107° 04' 38"					C-48-11-A-a
Đội 8	DC	xã Phước Minh	H. Bù Gia Mập	11° 55' 18"	106° 52' 00"					C-48-10-B-a
Sông Bé 1	TV	xã Phước Minh	H. Bù Gia Mập			11° 58' 11"	106° 50' 30"	11° 49' 27"	106° 45' 35"	C-48-10-B-a
Sông Bé 2	TV	xã Phước Minh	H. Bù Gia Mập			11° 48' 53"	107° 02' 00"	11° 58' 33"	106° 53' 44"	D-48-10-B-b
thôn Bình Giai	DC	xã Phước Minh	H. Bù Gia Mập	11° 56' 03"	106° 54' 33"					C-48-10-B-b
thôn Bình Lợi	DC	xã Phước Minh	H. Bù Gia Mập	11° 55' 27"	106° 51' 33"					C-48-10-B-a
thôn Bình Tân	DC	xã Phước Minh	H. Bù Gia Mập	11° 56' 24"	106° 50' 52"					C-48-10-B-a
thôn Bình Tiến 1	DC	xã Phước Minh	H. Bù Gia Mập	11° 56' 36"	106° 52' 18"					C-48-10-B-a C-48-10-B-b
thôn Bình Tiến 2	DC	xã Phước Minh	H. Bù Gia Mập	11° 55' 16"	106° 52' 50"					C-48-10-B-a; C-48-10-B-b
thôn Bù Tam	DC	xã Phước Minh	H. Bù Gia Mập	11° 58' 02"	106° 52' 15"					C-48-10-B-a; C-48-10-B-b
hồ Cần Đơn	TV	xã Phước Minh	H. Bù Gia Mập	11° 59' 18"	106° 52' 04"					C-48-10-B-a; C-48-10-B-b
Suối Đá	TV	xã Phước Minh	H. Bù Gia Mập			11° 54' 46"	106° 50' 19"	11° 54' 59"	106° 49' 49"	C-48-10-B-a
nghĩa trang Đa Kia	KX	xã Phước Minh	H. Bù Gia Mập	11° 55' 57"	106° 51' 34"					C-48-10-B-a
suối Đăk Nơ Len	TV	xã Phước Minh	H. Bù Gia Mập			11° 56' 20"	106° 52' 49"	11° 55' 48"	106° 52' 10"	C-48-10-B-a C-48-10-B-b
suối Đăk Tê	TV	xã Phước Minh	H. Bù Gia Mập			11° 50' 16"	106° 56' 15"	11° 55' 02"	106° 55' 20"	C-48-10-B-b
hồ Đội 7	TV	xã Phước Minh	H. Bù Gia Mập	11° 55' 03"	106° 53' 09"					D-48-10-B-b
Đường ĐT.759	KX	xã Phước Minh	H. Bù Gia Mập			11° 57' 30"	106° 47' 41"	11° 41' 13"	107° 04' 09"	C-48-10-B-a
Suối Hoa	TV	xã Phước Minh	H. Bù Gia Mập			11° 54' 00"	106° 51' 32"	11° 54' 46"	106° 50' 19"	C-48-10-B-a
Suối Neng	TV	xã Phước Minh	H. Bù Gia Mập			11° 52' 40"	106° 52' 52"	11° 55' 57"	106° 50' 17"	C-48-10-B-a; C-48-10-B-b
cầu Sông Bé	KX	xã Phước Minh	H. Bù Gia Mập	11° 56' 40"	106° 50' 09"					C-48-10-B-a
Nông trường 8	KX	xã Phước Tân	H. Bù Gia Mập	11° 44' 24"	106° 56' 05"					C-48-10-B-d; C-48-10-D-b
thôn Bàu Đìa	DC	xã Phước Tân	H. Bù Gia Mập	11° 46' 37"	107° 01' 47"					C-48-11-A-c

Địa danh	Nhóm đối tượng	Tên ĐVHC cấp xã	Tên ĐVHC cấp huyện	Tọa độ vị trí tương đối của đối tượng						Phiên hiệu mảnh bản đồ địa hình
				Tọa độ trung tâm		Tọa độ điểm đầu		Tọa độ điểm cuối		
				Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	
thôn Bình Trung	DC	xã Phước Tân	H. Bù Gia Mập	11° 46' 21"	106° 58' 33"					C-48-10-B-d
nhà nguyện tin lành Bình Trung	KX	xã Phước Tân	H. Bù Gia Mập	11° 46' 22"	106° 58' 37"					C-48-10-B-d
thôn Bù Tố	DC	xã Phước Tân	H. Bù Gia Mập	11° 46' 38"	107° 03' 36"					C-48-11-A-c
suối Đa Đu	TV	xã Phước Tân	H. Bù Gia Mập			11° 40' 17"	107° 02' 48"	11° 41' 12"	107° 00' 28"	C-48-11-C-a
suối Đăk Rang 1	TV	xã Phước Tân	H. Bù Gia Mập			11° 44' 15"	107° 04' 10"	11° 45' 04"	107° 02' 32"	C-48-10-D-b
suối Đăk Rang 2	TV	xã Phước Tân	H. Bù Gia Mập			11° 41' 51"	107° 03' 48"	11° 45' 04"	107° 02' 32"	C-48-11-A-c; C-48-11-C-a
suối Đăk Răng	TV	xã Phước Tân	H. Bù Gia Mập			11° 42' 16"	107° 05' 04"	11° 44' 15"	107° 04' 10"	C-48-11-C-a
suối Đăk Rát	TV	xã Phước Tân	H. Bù Gia Mập			11° 44' 10"	107° 02' 03"	11° 40' 48"	106° 54' 17"	C-48-10-D-b; C-48-11-C-a
suối Đăk Rát Gơ Ne	TV	xã Phước Tân	H. Bù Gia Mập			11° 46' 12"	106° 58' 40"	11° 43' 34"	106° 56' 44"	C-48-11-C-a
suối Đăk Tang	TV	xã Phước Tân	H. Bù Gia Mập			11° 48' 40"	106° 57' 02"	11° 42' 36"	106° 54' 50"	C-48-10-D-b
thôn Đồng Tâm	DC	xã Phước Tân	H. Bù Gia Mập	11° 46' 11"	107° 03' 40"					C-48-11-A-c
thôn Đồng Tháp	DC	xã Phước Tân	H. Bù Gia Mập	11° 45' 02"	107° 01' 03"					C-48-11-A-c; C-48-11-C-a
thôn Đồng Tiến	DC	xã Phước Tân	H. Bù Gia Mập	11° 46' 05"	107° 00' 21"					C-48-11-C-a
Đường ĐT.759	KX	xã Phước Tân	H. Bù Gia Mập			11° 57' 30"	106° 47' 41"	11° 41' 13"	107° 04' 09"	C-48-10-B-d; C-48-11-A-c; C-48-11-C-a
suối Đức Bổn	TV	xã Phước Tân	H. Bù Gia Mập			11° 41' 11"	107° 04' 03"	11° 43' 14"	107° 04' 41"	C-48-11-C-a
nông trường Nghĩa Trung 1	KX	xã Phước Tân	H. Bù Gia Mập	11° 41' 42"	107° 03' 26"					C-48-11-C-a
nông trường Nghĩa Trung 2	KX	xã Phước Tân	H. Bù Gia Mập	11° 41' 07"	107° 03' 20"					C-48-11-C-a
hồ Nông trường 8	TV	xã Phước Tân	H. Bù Gia Mập	11° 46' 45"	106° 57' 08"					C-48-10-B-d
giáo xứ Phước Tín	KX	xã Phước Tân	H. Bù Gia Mập	11° 46' 11"	107° 03' 40"					C-48-11-A-c
Công ty TNHH Thành Được	KX	xã Phước Tân	H. Bù Gia Mập	11° 45' 32"	107° 00' 38"					C-48-11-A-c

Địa danh	Nhóm đối tượng	Tên ĐVHC cấp xã	Tên ĐVHC cấp huyện	Tọa độ vị trí tương đối của đối tượng						Phiên hiệu mảnh bản đồ địa hình
				Tọa độ trung tâm		Tọa độ điểm đầu		Tọa độ điểm cuối		
				Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	
Công ty TNHH Thiện Ân	KX	xã Phước Tân	H. Bù Gia Mập	11° 46' 21"	107° 00' 09"					C-48-11-A-c
hồ Thủy điện Thác Mơ	TV	xã Phước Tân	H. Bù Gia Mập	11° 49' 40"	107° 03' 56"					C-48-11-A-c
nhà nguyện Tin lành	KX	xã Phước Tân	H. Bù Gia Mập	11° 46' 30"	107° 03' 32"					C-48-11-A-c
Khu phố 1	DC	TT. Chơn Thành	H. Chơn Thành	11° 25' 15"	106° 37' 02"					C-48-22-A-a
Ấp 2	DC	TT. Chơn Thành	H. Chơn Thành	11° 26' 15"	106° 36' 48"					C-48-22-A-a
Ấp 3	DC	TT. Chơn Thành	H. Chơn Thành	11° 27' 07"	106° 36' 48"					C-48-22-A-a
Khu phố 2	DC	TT. Chơn Thành	H. Chơn Thành	11° 25' 14"	106° 36' 42"					C-48-22-A-a
Khu phố 3	DC	TT. Chơn Thành	H. Chơn Thành	11° 25' 30"	106° 36' 35"					C-48-22-A-a
Khu phố 4	DC	TT. Chơn Thành	H. Chơn Thành	11° 25' 01"	106° 36' 45"					C-48-22-A-a
Khu phố 5	DC	TT. Chơn Thành	H. Chơn Thành	11° 24' 37"	106° 36' 40"					C-48-22-A-a
Khu phố 6	DC	TT. Chơn Thành	H. Chơn Thành	11° 24' 58"	106° 37' 05"					C-48-22-A-a
Khu phố 7	DC	TT. Chơn Thành	H. Chơn Thành	11° 24' 26"	106° 36' 46"					C-48-22-A-a
Khu phố 8	DC	TT. Chơn Thành	H. Chơn Thành	11° 25' 07"	106° 35' 32"					C-48-22-A-a
cầu Bàu Bàng	KX	TT. Chơn Thành	H. Chơn Thành	11° 25' 19"	106° 37' 37"					C-48-22-A-b
suối Bến Đình	TV	TT. Chơn Thành	H. Chơn Thành			11° 25' 11"	106° 35' 45"	11° 24' 43"	106° 37' 28"	C-48-22-A-a
Suối Cái	TV	TT. Chơn Thành	H. Chơn Thành			11° 24' 43"	106° 37' 28"	11° 23' 45"	106° 39' 14"	C-48-22-A-a C-48-22-A-b
thánh thất Chơn Thành	KX	TT. Chơn Thành	H. Chơn Thành	11° 25' 51"	106° 36' 51"					C-48-22-A-a
giáo xứ Chơn Thành	KX	TT. Chơn Thành	H. Chơn Thành	11° 25' 21"	106° 36' 42"					C-48-22-A-a
Trường Trung học phổ thông Chu Văn An	KX	TT. Chơn Thành	H. Chơn Thành	11° 25' 35"	106° 36' 21"					C-48-22-A-a
di tích lịch sử Điểm cuối đường Hồ Chí Minh	KX	TT. Chơn Thành	H. Chơn Thành	11° 25' 01"	106° 36' 51"					C-48-22-A-a
Suối Đôi	TV	TT. Chơn Thành	H. Chơn Thành			11° 27' 22"	106° 37' 18"	11° 24' 43"	106° 37' 28"	C-48-22-A-a
cầu Đường Sắt	KX	TT. Chơn Thành	H. Chơn Thành	11° 24' 55"	106° 36' 41"					C-48-22-A-a
Đường ĐH.239	KX	TT. Chơn Thành	H. Chơn Thành			11° 23' 21"	106° 32' 15"	11° 25' 09"	106° 36' 35"	C-48-22-A-a
Đường ĐT.751	KX	TT. Chơn Thành	H. Chơn Thành			11° 25' 50"	106° 32' 35"	11° 25' 02"	106° 36' 49"	C-48-22-A-a

Địa danh	Nhóm đối tượng	Tên ĐVHC cấp xã	Tên ĐVHC cấp huyện	Tọa độ vị trí tương đối của đối tượng						Phiên hiệu mảnh bản đồ địa hình
				Tọa độ trung tâm		Tọa độ điểm đầu		Tọa độ điểm cuối		
				Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	
di tích lịch sử Ga xe lửa	KX	TT. Chơn Thành	H. Chơn Thành	11° 24' 56"	106° 36' 48"					C-48-22-A-a
Ấp Hiếu Cảm	DC	TT. Chơn Thành	H. Chơn Thành	11° 25' 16"	106° 37' 51"					C-48-22-A-a
chùa Hưng Long	KX	TT. Chơn Thành	H. Chơn Thành	11° 24' 57"	106° 36' 46"					C-48-22-A-a
đình thần Hưng Long	KX	TT. Chơn Thành	H. Chơn Thành	11° 24' 56"	106° 36' 46"					C-48-22-A-a
Bệnh viện Đa khoa huyện Chơn Thành	KX	TT. Chơn Thành	H. Chơn Thành	11° 25' 56"	106° 38' 13"					C-48-22-A-a
Khu hành chính huyện Chơn Thành	KX	TT. Chơn Thành	H. Chơn Thành	11° 25' 45"	106° 38' 04"					C-48-22-A-a
tịnh xá Ngọc Chơn	KX	TT. Chơn Thành	H. Chơn Thành	11° 24' 55"	106° 36' 51"					C-48-22-A-a
Suối Nhỏ	TV	TT. Chơn Thành	H. Chơn Thành			11° 24' 47"	106° 39' 25"	11° 23' 45"	106° 39' 14"	C-48-22-A-b
Đường QL.13	KX	TT. Chơn Thành	H. Chơn Thành			11° 21' 37"	106° 37' 44"	11° 58' 13"	106° 32' 26"	C-48-22-A-a
Đường QL.14	KX	TT. Chơn Thành	H. Chơn Thành			11° 54' 48"	107° 23' 03"	11° 25' 02"	106° 36' 49"	C-48-22-A-a; C-48-22-A-b
cầu Suối Đôi	KX	TT. Chơn Thành	H. Chơn Thành	11° 25' 04"	106° 37' 13"					C-48-22-A-a
chùa Trung An	KX	TT. Chơn Thành	H. Chơn Thành	11° 25' 15"	106° 37' 29"					C-48-22-A-a
Ấp Trung Lợi	DC	TT. Chơn Thành	H. Chơn Thành	11° 26' 41"	106° 37' 24"					C-48-22-A-a
suối Xóm Hồ	TV	TT. Chơn Thành	H. Chơn Thành			11° 24' 58"	106° 34' 14"	11° 22' 38"	106° 34' 15"	C-48-22-A-a
Ấp 1	DC	xã Minh Hưng	H. Chơn Thành	11° 28' 00"	106° 36' 53"					C-48-22-A-a
Ấp 2	DC	xã Minh Hưng	H. Chơn Thành	11° 28' 12"	106° 36' 44"					C-48-22-A-a
Ấp 3A	DC	xã Minh Hưng	H. Chơn Thành	11° 28' 48"	106° 36' 52"					C-48-22-A-a
Ấp 3B	DC	xã Minh Hưng	H. Chơn Thành	11° 28' 51"	106° 36' 41"					C-48-22-A-a
Ấp 4	DC	xã Minh Hưng	H. Chơn Thành	11° 27' 47"	106° 36' 20"					C-48-22-A-a
Ấp 5	DC	xã Minh Hưng	H. Chơn Thành	11° 29' 07"	106° 34' 06"					C-48-22-A-b
Ấp 6	DC	xã Minh Hưng	H. Chơn Thành	11° 30' 30"	106° 35' 03"					C-48-10-C-c
Ấp 7	DC	xã Minh Hưng	H. Chơn Thành	11° 29' 46"	106° 37' 48"					C-48-22-A-a
Ấp 8	DC	xã Minh Hưng	H. Chơn Thành	11° 30' 50"	106° 36' 33"					C-48-10-C-c
Ấp 9	DC	xã Minh Hưng	H. Chơn Thành	11° 30' 22"	106° 37' 00"					C-48-10-C-c
Ấp 10	DC	xã Minh Hưng	H. Chơn Thành	11° 30' 33"	106° 37' 53"					C-48-10-C-d

Địa danh	Nhóm đối tượng	Tên ĐVHC cấp xã	Tên ĐVHC cấp huyện	Tọa độ vị trí tương đối của đối tượng						Phiên hiệu mảnh bản đồ địa hình
				Tọa độ trung tâm		Tọa độ điểm đầu		Tọa độ điểm cuối		
				Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	
Ấp 11	DC	xã Minh Hưng	H. Chơn Thành	11° 29' 41"	106° 39' 25"					C-48-22-A-b
Ấp 12	DC	xã Minh Hưng	H. Chơn Thành	11° 27' 44"	106° 37' 18"					C-48-22-A-a
suối Bà Và	TV	xã Minh Hưng	H. Chơn Thành			11° 28' 00"	106° 35' 59"	11° 27' 35"	106° 34' 59"	C-48-22-A-a
suối Cầu Đất	TV	xã Minh Hưng	H. Chơn Thành			11° 28' 42"	106° 35' 10"	11° 27' 27"	106° 34' 17"	C-48-22-A-a
bia Chiến Công	KX	xã Minh Hưng	H. Chơn Thành	11° 30' 47"	106° 36' 47"					C-48-10-C-c
Suối Lạnh	TV	xã Minh Hưng	H. Chơn Thành			11° 31' 55"	106° 35' 04"	11° 29' 09"	106° 33' 17"	C-48-10-C-c; C-48-22-A-a
nông trường Minh Hưng	KX	xã Minh Hưng	H. Chơn Thành	11° 29' 54"	106° 36' 57"					C-48-22-A-a
giáo xứ Minh Hưng	KX	xã Minh Hưng	H. Chơn Thành	11° 28' 45"	106° 36' 43"					C-48-22-A-a
khu công nghiệp Minh Hưng - Hàn Quốc	KX	xã Minh Hưng	H. Chơn Thành	11° 29' 24"	106° 37' 23"					C-48-22-A-a
khu công nghiệp Minh Hưng	KX	xã Minh Hưng	H. Chơn Thành	11° 29' 01"	106° 36' 10"					C-48-22-A-a
chùa Minh Hương	KX	xã Minh Hưng	H. Chơn Thành	11° 28' 29"	106° 36' 49"					C-48-10-C-c
Suối Muồng	TV	xã Minh Hưng	H. Chơn Thành			11° 29' 32"	106° 37' 31"	11° 30' 06"	106° 39' 43"	C-48-10-C-d; C-48-22-A-b
suối Nước Lội	TV	xã Minh Hưng	H. Chơn Thành			11° 29' 08"	106° 37' 46"	11° 30' 10"	106° 39' 26"	C-48-10-C-d; C-48-22-A-b
Đường QL.13	KX	xã Minh Hưng	H. Chơn Thành			11° 21' 37"	106° 37' 44"	11° 58' 13"	106° 32' 26"	C-48-10-C-c; C-48-22-A-a
cống Tàu Ô	KX	xã Minh Hưng	H. Chơn Thành	11° 30' 56"	106° 36' 36"					C-48-10-C-c
suối Tàu Ô 1	TV	xã Minh Hưng	H. Chơn Thành			11° 30' 49"	106° 37' 48"	11° 31' 06"	106° 39' 16"	C-48-10-C-d
suối Tàu Ô 2	TV	xã Minh Hưng	H. Chơn Thành			11° 30' 27"	106° 36' 16"	11° 30' 49"	106° 37' 48"	C-48-10-C-c; C-48-10-C-d
chùa Thanh Lương	KX	xã Minh Hưng	H. Chơn Thành	11° 29' 01"	106° 34' 59"					C-48-22-A-a
suối Xa Cát	TV	xã Minh Hưng	H. Chơn Thành			11° 31' 06"	106° 39' 16"	11° 25' 27"	106° 43' 08"	C-48-10-C-d
Ấp 1	DC	xã Minh Lập	H. Chơn Thành	11° 31' 06"	106° 45' 09"					C-48-10-D-c
Ấp 2	DC	xã Minh Lập	H. Chơn Thành	11° 31' 37"	106° 44' 12"					C-48-10-C-d

Địa danh	Nhóm đối tượng	Tên ĐVHC cấp xã	Tên ĐVHC cấp huyện	Tọa độ vị trí tương đối của đối tượng						Phiên hiệu mảnh bản đồ địa hình
				Tọa độ trung tâm		Tọa độ điểm đầu		Tọa độ điểm cuối		
				Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	
Ấp 3	DC	xã Minh Lập	H. Chơn Thành	11° 31' 02"	106° 44' 22"					C-48-10-C-d
Ấp 4	DC	xã Minh Lập	H. Chơn Thành	11° 30' 49"	106° 45' 27"					C-48-10-D-c
Ấp 5	DC	xã Minh Lập	H. Chơn Thành	11° 35' 09"	106° 45' 00"					C-48-10-D-c
Ấp 6	DC	xã Minh Lập	H. Chơn Thành	11° 31' 26"	106° 44' 32"					C-48-10-C-d
Ấp 7	DC	xã Minh Lập	H. Chơn Thành	11° 32' 24"	106° 44' 17"					C-48-10-C-d
Trung tâm Chữa bệnh Giáo dục Lao động Xã hội Bình Phước	KX	xã Minh Lập	H. Chơn Thành	11° 32' 37"	106° 44' 48"					C-48-10-C-d
Sông Bé	TV	xã Minh Lập	H. Chơn Thành			11° 46' 06"	106° 45' 13"	11° 23' 50"	106° 42' 08"	C-48-10-D-c; C-48-22-B-a
Suối Dầm	TV	xã Minh Lập	H. Chơn Thành			11° 37' 00"	106° 43' 00"	11° 35' 13"	106° 43' 20"	C-48-10-C-d
Suối Dung	TV	xã Minh Lập	H. Chơn Thành			11° 33' 12"	106° 43' 33"	11° 28' 20"	106° 42' 37"	C-48-10-C-d
Đường ĐT.756	KX	xã Minh Lập	H. Chơn Thành			11° 52' 58"	106° 41' 11"	11° 31' 06"	106° 44' 28"	C-48-10-C-d
Đường ĐT.756C	KX	xã Minh Lập	H. Chơn Thành			11° 33' 17"	106° 44' 40"	11° 32' 25"	106° 38' 57"	C-48-10-C-d
chùa Hoa Nghiêm	KX	xã Minh Lập	H. Chơn Thành	11° 33' 14"	106° 44' 16"					C-48-10-C-d
Công ty Chế biến Hạt điều Long Sơn	KX	xã Minh Lập	H. Chơn Thành	11° 31' 34"	106° 44' 22"					C-48-10-C-d
Suối Lu	TV	xã Minh Lập	H. Chơn Thành			11° 38' 07"	106° 43' 49"	11° 36' 05"	106° 45' 18"	C-48-10-C-d; C-48-10-D-c
nhà thờ Minh Lập	KX	xã Minh Lập	H. Chơn Thành	11° 31' 13"	106° 44' 30"					C-48-10-C-d
Suối Nghiên	TV	xã Minh Lập	H. Chơn Thành			11° 39' 15"	106° 39' 31"	11° 32' 17"	106° 45' 29"	C-48-10-C-d
cầu Nha Bích	KX	xã Minh Lập	H. Chơn Thành	11° 30' 32"	106° 45' 53"					C-48-10-D-c
nông trường Nha Bích	KX	xã Minh Lập	H. Chơn Thành	11° 30' 26"	106° 44' 30"					C-48-10-C-d
chùa Nhuận Minh	KX	xã Minh Lập	H. Chơn Thành	11° 31' 04"	106° 44' 27"					C-48-10-C-d
Đường QL.14	KX	xã Minh Lập	H. Chơn Thành			11° 54' 48"	107° 23' 03"	11° 25' 02"	106° 36' 49"	C-48-10-C-d; C-48-10-D-c
cầu Suối Dung	KX	xã Minh Lập	H. Chơn Thành	11° 31' 08"	106° 43' 53"					C-48-10-C-d
cầu Suối Nghiên	KX	xã Minh Lập	H. Chơn Thành	11° 33' 13"	106° 45' 02"					C-48-10-D-c
Suối Zu	TV	xã Minh Lập	H. Chơn Thành			11° 36' 05"	106° 45' 18"	11° 35' 55"	106° 45' 50"	C-48-10-D-c

Địa danh	Nhóm đối tượng	Tên ĐVHC cấp xã	Tên ĐVHC cấp huyện	Tọa độ vị trí tương đối của đối tượng						Phiên hiệu mảnh bản đồ địa hình
				Tọa độ trung tâm		Tọa độ điểm đầu		Tọa độ điểm cuối		
				Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	
Ấp 1	DC	xã Minh Long	H. Chơn Thành	11° 25' 29"	106° 34' 45"					C-48-22-A-a
Ấp 2	DC	xã Minh Long	H. Chơn Thành	11° 25' 48"	106° 34' 17"					C-48-22-A-a
Ấp 3	DC	xã Minh Long	H. Chơn Thành	11° 25' 40"	106° 33' 38"					C-48-22-A-a
Ấp 4	DC	xã Minh Long	H. Chơn Thành	11° 25' 44"	106° 33' 27"					C-48-22-A-a
Ấp 5	DC	xã Minh Long	H. Chơn Thành	11° 24' 11"	106° 34' 11"					C-48-22-A-a
Ấp 6	DC	xã Minh Long	H. Chơn Thành	11° 26' 07"	106° 35' 38"					C-48-22-A-a
Ấp 7	DC	xã Minh Long	H. Chơn Thành	11° 27' 19"	106° 35' 02"					C-48-22-A-a
suối Bà Và	TV	xã Minh Long	H. Chơn Thành			11° 27' 27"	106° 34' 17"	11° 23' 19"	106° 32' 14"	C-48-22-A-a
suối Ông Thanh	TV	xã Minh Long	H. Chơn Thành			11° 22' 38"	106° 34' 15"	11° 23' 20"	106° 32' 15"	C-48-22-A-a; C-48-22-A-c
Đường ĐH.239	KX	xã Minh Long	H. Chơn Thành			11° 23' 21"	106° 32' 15"	11° 25' 09"	106° 36' 35"	C-48-22-A-a
Đường ĐT.751	KX	xã Minh Long	H. Chơn Thành			11° 25' 50"	106° 32' 35"	11° 25' 02"	106° 36' 49"	C-48-22-A-a
chùa Tịnh Đoan	KX	xã Minh Long	H. Chơn Thành	11° 25' 47"	106° 32' 57"					C-48-22-A-a
chùa Viên Minh	KX	xã Minh Long	H. Chơn Thành	11° 25' 32"	106° 35' 48"					C-48-22-A-a
suối Xóm Hồ	TV	xã Minh Long	H. Chơn Thành			11° 24' 58"	106° 34' 14"	11° 22' 38"	106° 34' 15"	C-48-22-A-a
Ấp 1	DC	xã Minh Thắng	H. Chơn Thành	11° 30' 13"	106° 41' 58"					C-48-10-C-d
Ấp 2	DC	xã Minh Thắng	H. Chơn Thành	11° 30' 28"	106° 42' 12"					C-48-10-C-d
Ấp 3	DC	xã Minh Thắng	H. Chơn Thành	11° 31' 06"	106° 42' 42"					C-48-10-C-d
Ấp 4	DC	xã Minh Thắng	H. Chơn Thành	11° 30' 49"	106° 42' 55"					C-48-10-C-d
Ấp 5	DC	xã Minh Thắng	H. Chơn Thành	11° 30' 59"	106° 43' 28"					C-48-10-C-d
Ấp 6	DC	xã Minh Thắng	H. Chơn Thành	11° 31' 04"	106° 43' 32"					C-48-10-C-d
Ấp 7	DC	xã Minh Thắng	H. Chơn Thành	11° 29' 27"	106° 43' 37"					C-48-22-A-b
Sông Bé	TV	xã Minh Thắng	H. Chơn Thành			11° 46' 06"	106° 45' 13"	11° 23' 50"	106° 42' 08"	C-48-22-A-b C-48-22-B-a
cầu Dàm Gió	KX	xã Minh Thắng	H. Chơn Thành	11° 28' 12"	106° 42' 43"					C-48-22-A-b
suối Dàm Gió	TV	xã Minh Thắng	H. Chơn Thành			11° 31' 10"	106° 41' 14"	11° 27' 57"	106° 42' 51"	C-48-10-C-d C-48-22-A-b
Suối Dung	TV	xã Minh Thắng	H. Chơn Thành			11° 33' 12"	106° 43' 33"	11° 28' 20"	106° 42' 37"	C-48-10-C-d

Địa danh	Nhóm đối tượng	Tên ĐVHC cấp xã	Tên ĐVHC cấp huyện	Tọa độ vị trí tương đối của đối tượng						Phiên hiệu mảnh bản đồ địa hình
				Tọa độ trung tâm		Tọa độ điểm đầu		Tọa độ điểm cuối		
				Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	
Suối Đông	TV	xã Minh Thắng	H. Chơn Thành			11° 32' 05"	106° 42' 17"	11° 28' 55"	106° 42' 21"	C-48-10-C-d; C-48-22-A-b
Đường ĐT.756B	KX	xã Minh Thắng	H. Chơn Thành			11° 26' 53"	106° 44' 42"	11° 32' 38"	106° 33' 46"	C-48-10-C-d; C-48-22-A-b
cầu Lò Gạch	KX	xã Minh Thắng	H. Chơn Thành	11° 30' 02"	106° 41' 43"					C-48-10-C-d
nông trường Nha Bích	KX	xã Minh Thắng	H. Chơn Thành	11° 30' 05"	106° 43' 10"					C-48-10-C-d
Đường QL.14	KX	xã Minh Thắng	H. Chơn Thành			11° 54' 48"	107° 23' 03"	11° 25' 02"	106° 36' 49"	C-48-10-C-d
cầu Suối Dung	KX	xã Minh Thắng	H. Chơn Thành	11° 31' 08"	106° 43' 53"					C-48-10-C-d
cầu Suối Đông	KX	xã Minh Thắng	H. Chơn Thành	11° 30' 34"	106° 42' 30"					C-48-10-C-d
Ấp 1	DC	xã Minh Thành	H. Chơn Thành	11° 25' 49"	106° 39' 53"					C-48-22-A-b
Ấp 2	DC	xã Minh Thành	H. Chơn Thành	11° 24' 40"	106° 40' 56"					C-48-22-A-b
Ấp 3	DC	xã Minh Thành	H. Chơn Thành	11° 26' 36"	106° 39' 27"					C-48-22-A-b
Ấp 4	DC	xã Minh Thành	H. Chơn Thành	11° 26' 14"	106° 39' 11"					C-48-22-A-b
Ấp 5	DC	xã Minh Thành	H. Chơn Thành	11° 27' 37"	106° 39' 19"					C-48-22-A-b
suối Bàu Nàm	TV	xã Minh Thành	H. Chơn Thành			11° 26' 30"	106° 42' 02"	11° 26' 08"	106° 42' 35"	C-48-22-A-b
Sông Bé	TV	xã Minh Thành	H. Chơn Thành			11° 46' 06"	106° 45' 13"	11° 23' 50"	106° 42' 08"	C-48-22-A-b
Công ty Becamex Bình Phước	KX	xã Minh Thành	H. Chơn Thành	11° 26' 56"	106° 39' 42"					C-48-22-A-b
suối Cái Sang	TV	xã Minh Thành	H. Chơn Thành			11° 28' 32"	106° 38' 43"	11° 28' 40"	106° 40' 21"	C-48-22-A-b
suối Cầu 2	TV	xã Minh Thành	H. Chơn Thành			11° 28' 02"	106° 39' 49"	11° 28' 39"	106° 40' 33"	C-48-22-A-b
Suối Con	TV	xã Minh Thành	H. Chơn Thành			11° 28' 08"	106° 38' 31"	11° 28' 02"	106° 39' 49"	C-48-22-A-b
nông trường Minh Thành	KX	xã Minh Thành	H. Chơn Thành	11° 25' 16"	106° 39' 35"					C-48-22-A-b
Suối Ngang	TV	xã Minh Thành	H. Chơn Thành			11° 26' 45"	106° 39' 08"	11° 23' 51"	106° 42' 07"	C-48-22-A-b
Suối Nhỏ	TV	xã Minh Thành	H. Chơn Thành			11° 24' 47"	106° 39' 25"	11° 23' 45"	106° 39' 14"	C-48-22-A-b
Đường QL.14	KX	xã Minh Thành	H. Chơn Thành			11° 54' 48"	107° 23' 03"	11° 25' 02"	106° 36' 49"	C-48-22-A-b
cầu Suối Ngang	KX	xã Minh Thành	H. Chơn Thành	11° 27' 09"	106° 39' 54"					C-48-22-A-b
Suối Thôn	TV	xã Minh Thành	H. Chơn Thành			11° 23' 45"	106° 39' 14"	11° 19' 55"	106° 41' 18"	C-48-22-A-b

Địa danh	Nhóm đối tượng	Tên ĐVHC cấp xã	Tên ĐVHC cấp huyện	Tọa độ vị trí tương đối của đối tượng						Phiên hiệu mảnh bản đồ địa hình
				Tọa độ trung tâm		Tọa độ điểm đầu		Tọa độ điểm cuối		
				Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	
suối Xa Cát	TV	xã Minh Thành	H. Chơn Thành			11° 31' 06"	106° 39' 16"	11° 25' 27"	106° 43' 08"	C-48-10-C-d; C-48-22-A-b
Ấp 1	DC	xã Nha Bích	H. Chơn Thành	11° 28' 03"	106° 40' 16"					C-48-22-A-b
Ấp 2	DC	xã Nha Bích	H. Chơn Thành	11° 28' 22"	106° 40' 42"					C-48-22-A-b
Ấp 3	DC	xã Nha Bích	H. Chơn Thành	11° 29' 13"	106° 41' 06"					C-48-22-A-b
Ấp 4	DC	xã Nha Bích	H. Chơn Thành	11° 29' 54"	106° 40' 48"					C-48-22-A-b
Ấp 5	DC	xã Nha Bích	H. Chơn Thành	11° 29' 22"	106° 41' 34"					C-48-22-A-b
Ấp 6	DC	xã Nha Bích	H. Chơn Thành	11° 26' 15"	106° 43' 57"					C-48-22-A-b
suối Bàu Nàm	TV	xã Nha Bích	H. Chơn Thành			11° 26' 30"	106° 42' 02"	11° 26' 08"	106° 42' 35"	C-48-22-A-b
Sông Bé	TV	xã Nha Bích	H. Chơn Thành			11° 46' 06"	106° 45' 13"	11° 23' 50"	106° 42' 08"	C-48-22-A-b; C-48-22-B-a
chùa Bồ Đề	KX	xã Nha Bích	H. Chơn Thành	11° 29' 42"	106° 41' 26"					C-48-22-A-b
suối Cà Nhung	TV	xã Nha Bích	H. Chơn Thành			11° 27' 44"	106° 40' 31"	11° 27' 15"	106° 42' 50"	C-48-22-A-b
suối Cầu 2	TV	xã Nha Bích	H. Chơn Thành			11° 28' 02"	106° 39' 49"	11° 28' 39"	106° 40' 33"	C-48-22-A-b
cầu Dàm Gió	KX	xã Nha Bích	H. Chơn Thành	11° 28' 12"	106° 42' 43"					C-48-10-C-d
suối Dàm Gió	TV	xã Nha Bích	H. Chơn Thành			11° 31' 10"	106° 41' 14"	11° 27' 57"	106° 42' 51"	C-48-10-C-d; C-48-22-A-b
Suối Dôn	TV	xã Nha Bích	H. Chơn Thành			11° 28' 12"	106° 43' 54"	11° 27' 00"	106° 43' 09"	C-48-22-A-b
Đường ĐT.756B	KX	xã Nha Bích	H. Chơn Thành			11° 26' 53"	106° 44' 42"	11° 32' 38"	106° 33' 46"	C-48-10-C-d; C-48-22-A-b
cầu Lò Gạch	KX	xã Nha Bích	H. Chơn Thành	11° 30' 02"	106° 41' 43"					C-48-22-A-b
Suối Ngang	TV	xã Nha Bích	H. Chơn Thành			11° 26' 45"	106° 39' 08"	11° 23' 51"	106° 42' 07"	C-48-22-A-b
giáo xứ Nha Bích	KX	xã Nha Bích	H. Chơn Thành	11° 27' 32"	106° 40' 04"					C-48-22-A-b
Đường QL.14	KX	xã Nha Bích	H. Chơn Thành			11° 54' 48"	107° 23' 03"	11° 25' 02"	106° 36' 49"	C-48-10-C-d; C-48-22-A-b
Ấp Suối Ngang	DC	xã Nha Bích	H. Chơn Thành	11° 27' 25"	106° 39' 59"					C-48-22-A-b
cầu Suối Ngang	KX	xã Nha Bích	H. Chơn Thành	11° 27' 09"	106° 39' 54"					C-48-22-A-b
cầu Xa Cát	KX	xã Nha Bích	H. Chơn Thành	11° 28' 38"	106° 40' 34"					C-48-22-A-b
suối Xa Cát	TV	xã Nha Bích	H. Chơn Thành			11° 31' 06"	106° 39' 16"	11° 25' 27"	106° 43' 08"	C-48-10-C-d; C-48-22-A-b

Địa danh	Nhóm đối tượng	Tên ĐVHC cấp xã	Tên ĐVHC cấp huyện	Tọa độ vị trí tương đối của đối tượng						Phiên hiệu mảnh bản đồ địa hình
				Tọa độ trung tâm		Tọa độ điểm đầu		Tọa độ điểm cuối		
				Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	
Ấp Bàu Teng	DC	xã Quang Minh	H. Chơn Thành	11° 34' 55"	106° 42' 33"					C-48-10-C-d
Ấp Cây Gõ	DC	xã Quang Minh	H. Chơn Thành	11° 35' 39"	106° 41' 51"					C-48-10-C-d
Ấp Chà Hòa	DC	xã Quang Minh	H. Chơn Thành	11° 33' 19"	106° 43' 20"					C-48-10-C-d
Bàu Dích	TV	xã Quang Minh	H. Chơn Thành	11° 34' 33"	106° 41' 45"					C-48-10-C-d
Suối Dung	TV	xã Quang Minh	H. Chơn Thành			11° 33' 12"	106° 43' 33"	11° 28' 20"	106° 42' 37"	C-48-10-C-d
Đường ĐT.756C	KX	xã Quang Minh	H. Chơn Thành			11° 33' 17"	106° 44' 40"	11° 32' 25"	106° 38' 57"	C-48-10-C-d
Công ty My Anh	KX	xã Quang Minh	H. Chơn Thành	11° 32' 56"	106° 41' 31"					C-48-10-C-d
Suối Nghiên	TV	xã Quang Minh	H. Chơn Thành			11° 39' 15"	106° 39' 31"	11° 32' 17"	106° 45' 29"	C-48-10-C-d
Bàu Non	TV	xã Quang Minh	H. Chơn Thành	11° 34' 13"	106° 42' 03"					C-48-10-C-d
Bàu Ram	TV	xã Quang Minh	H. Chơn Thành	11° 34' 44"	106° 42' 19"					C-48-10-C-d
Ấp Ruộng 3	DC	xã Quang Minh	H. Chơn Thành	11° 33' 39"	106° 41' 15"					C-48-10-C-d
Bàu Sam	TV	xã Quang Minh	H. Chơn Thành	11° 33' 58"	106° 42' 11"					C-48-10-C-d
Công ty Sinh Huy	KX	xã Quang Minh	H. Chơn Thành	11° 33' 11"	106° 41' 29"					C-48-10-C-d
Bàu Son	TV	xã Quang Minh	H. Chơn Thành	11° 34' 10"	106° 41' 55"					C-48-10-C-d
Ấp Tranh 3	DC	xã Quang Minh	H. Chơn Thành	11° 35' 27"	106° 41' 16"					C-48-10-C-d
Bàu Vàng	TV	xã Quang Minh	H. Chơn Thành	11° 33' 30"	106° 41' 11"					C-48-10-C-d
Ấp 1	DC	xã Thành Tâm	H. Chơn Thành	11° 23' 33"	106° 36' 52"					C-48-22-A-a
Ấp 2	DC	xã Thành Tâm	H. Chơn Thành	11° 24' 01"	106° 35' 51"					C-48-22-A-a
Suối Cái	TV	xã Thành Tâm	H. Chơn Thành			11° 24' 43"	106° 37' 28"	11° 23' 45"	106° 39' 14"	C-48-22-A-a; C-48-22-A-b
khu công nghiệp Chơn Thành	KX	xã Thành Tâm	H. Chơn Thành	11° 23' 39"	106° 36' 12"					C-48-22-A-a
trạm biến thế Chơn Thành	KX	xã Thành Tâm	H. Chơn Thành	11° 22' 32"	106° 37' 14"					C-48-22-A-a
Suối Đôn	TV	xã Thành Tâm	H. Chơn Thành			11° 22' 09"	106° 36' 10"	11° 21' 20"	106° 40' 20"	C-48-22-A-c; C-48-22-A-d
Ấp Đồng Tâm	DC	xã Thành Tâm	H. Chơn Thành	11° 23' 53"	106° 36' 50"					C-48-22-A-a
suối Hố Đá	TV	xã Thành Tâm	H. Chơn Thành			11° 23' 18"	106° 35' 23"	11° 22' 38"	106° 34' 15"	C-48-22-A-a

Địa danh	Nhóm đối tượng	Tên ĐVHC cấp xã	Tên ĐVHC cấp huyện	Tọa độ vị trí tương đối của đối tượng						Phiên hiệu mảnh bản đồ địa hình
				Tọa độ trung tâm		Tọa độ điểm đầu		Tọa độ điểm cuối		
				Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	
Ấp Hòa Vinh 1	DC	xã Thành Tâm	H. Chơn Thành	11° 22' 25"	106° 37' 10"					C-48-22-A-c
Ấp Hòa Vinh 2	DC	xã Thành Tâm	H. Chơn Thành	11° 21' 52"	106° 37' 43"					C-48-22-A-d
Ấp Mỹ Hưng	DC	xã Thành Tâm	H. Chơn Thành	11° 22' 46"	106° 37' 11"					C-48-22-A-a
giáo xứ Mỹ Hưng	KX	xã Thành Tâm	H. Chơn Thành	11° 22' 45"	106° 37' 07"					C-48-22-A-a
Đường QL.13	KX	xã Thành Tâm	H. Chơn Thành			11° 21' 37"	106° 37' 44"	11° 58' 13"	106° 32' 26"	C-48-22-A-a; C-48-22-A-c; C-48-22-A-d
xứ đạo Tân Châu	KX	xã Thành Tâm	H. Chơn Thành	11° 22' 34"	106° 37' 08"					C-48-22-A-a
cầu Tham Rớt	KX	xã Thành Tâm	H. Chơn Thành	11° 21' 38"	106° 37' 44"					C-48-22-A-d
Suối Thôn	TV	xã Thành Tâm	H. Chơn Thành			11° 23' 45"	106° 39' 14"	11° 19' 55"	106° 41' 18"	C-48-22-A-b; C-48-22-A-d
Ấp Thủ Chánh	DC	xã Thành Tâm	H. Chơn Thành	11° 22' 50"	106° 37' 04"					C-48-22-A-a
Trường Trung cấp nghề Tôn Đức Thắng	KX	xã Thành Tâm	H. Chơn Thành	11° 23' 18"	106° 36' 09"					C-48-22-A-a
suối Xóm Hồ	TV	xã Thành Tâm	H. Chơn Thành			11° 24' 58"	106° 34' 14"	11° 22' 38"	106° 34' 15"	C-48-22-A-a
suối Xóm Hồ	TV	xã Thành Tâm	H. Chơn Thành			11° 24' 38"	106° 34' 42"	11° 23' 23"	106° 34' 30"	C-48-22-A-a
Khu công nghiệp Bắc Đồng Phú	KX	TT. Tân Phú	H. Đồng Phú	11° 28' 34"	106° 52' 40"					C-48-22-B-b
khu phố Bàu Ké	DC	TT. Tân Phú	H. Đồng Phú	11° 28' 00"	106° 52' 48"					C-48-22-B-a
đập Cầu Tân Lợi	KX	TT. Tân Phú	H. Đồng Phú	11° 26' 49"	106° 50' 54"					C-48-22-B-a
Suối Cho	TV	TT. Tân Phú	H. Đồng Phú			11° 28' 51"	106° 50' 27"	11° 28' 25"	106° 49' 33"	C-48-22-B-a
Ấp Dên Dên	DC	TT. Tân Phú	H. Đồng Phú	11° 27' 00"	106° 49' 47"					C-48-22-B-a
suối Giai	TV	TT. Tân Phú	H. Đồng Phú			11° 29' 01"	106° 52' 29"	11° 28' 40"	106° 51' 51"	C-48-22-B-a
Bệnh viện đa khoa huyện Đồng Phú	KX	TT. Tân Phú	H. Đồng Phú	11° 26' 20"	106° 51' 40"					C-48-22-B-a
Nhà bia tưởng niệm Liệt sĩ huyện Đồng Phú	KX	TT. Tân Phú	H. Đồng Phú	11° 27' 04"	106° 52' 14"					C-48-22-B-b
Trung tâm thương mại huyện Đồng Phú	KX	TT. Tân Phú	H. Đồng Phú	11° 26' 50"	106° 52' 06"					C-48-22-B-b

Địa danh	Nhóm đối tượng	Tên ĐVHC cấp xã	Tên ĐVHC cấp huyện	Tọa độ vị trí tương đối của đối tượng						Phiên hiệu mảnh bản đồ địa hình
				Tọa độ trung tâm		Tọa độ điểm đầu		Tọa độ điểm cuối		
				Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	
Suối Mưu	TV	TT. Tân Phú	H. Đồng Phú			11° 27' 47"	106° 52' 40"	11° 27' 42"	106° 51' 47"	C-48-22-B-a; C-48-22-B-b
suối Nước Trong	TV	TT. Tân Phú	H. Đồng Phú			11° 28' 25"	106° 49' 33"	11° 25' 38"	106° 46' 05"	C-48-22-B-a
Suối Rạt	TV	TT. Tân Phú	H. Đồng Phú			11° 32' 05"	106° 56' 45"	11° 18' 30"	106° 52' 23"	C-48-22-B-a; C-48-22-B-b
khu phố Tân An	DC	TT. Tân Phú	H. Đồng Phú	11° 26' 52"	106° 51' 55"					C-48-22-B-a
khu phố Tân Liên	DC	TT. Tân Phú	H. Đồng Phú	11° 26' 12"	106° 51' 40"					C-48-22-B-a
hồ Tân Lợi	TV	TT. Tân Phú	H. Đồng Phú	11° 27' 51"	106° 51' 25"					C-48-22-B-a
Trường Trung học cơ sở Tân Phú	KX	TT. Tân Phú	H. Đồng Phú	11° 27' 34"	106° 52' 30"					C-48-22-B-b
khu phố Thắng Lợi	DC	TT. Tân Phú	H. Đồng Phú	11° 27' 15"	106° 52' 16"					C-48-22-B-a
Ấp 1	DC	xã Đồng Tâm	H. Đồng Phú	11° 37' 11"	106° 59' 22"					C-48-10-D-d
Ấp 2	DC	xã Đồng Tâm	H. Đồng Phú	11° 37' 00"	107° 01' 10"					C-48-11-C-c
Ấp 3	DC	xã Đồng Tâm	H. Đồng Phú	11° 37' 26"	107° 04' 35"					C-48-11-C-c
Ấp 4	DC	xã Đồng Tâm	H. Đồng Phú	11° 36' 03"	106° 59' 02"					C-48-10-D-d
Ấp 5	DC	xã Đồng Tâm	H. Đồng Phú	11° 38' 11"	107° 02' 25"					C-48-11-C-a
Ấp 6	DC	xã Đồng Tâm	H. Đồng Phú	11° 38' 27"	107° 03' 24"					C-48-11-C-a
cầu 11	KX	xã Đồng Tâm	H. Đồng Phú	11° 35' 42"	106° 58' 50"					C-48-10-D-d
cầu 11B	KX	xã Đồng Tâm	H. Đồng Phú	11° 35' 45"	106° 59' 09"					C-48-10-D-d
Suối Băng	TV	xã Đồng Tâm	H. Đồng Phú			11° 38' 08"	106° 57' 52"	11° 36' 37"	106° 57' 44"	C-48-10-D-b C-48-10-D-d
Suối Bốn	TV	xã Đồng Tâm	H. Đồng Phú			11° 38' 31"	107° 00' 51"	11° 38' 08"	106° 57' 52"	C-48-10-D-b; C-48-11-C-a
nông trường Cao su Đồng Tâm	KX	xã Đồng Tâm	H. Đồng Phú	11° 35' 56"	107° 02' 14"					C-48-11-C-c
Đường QL.14	KX	xã Đồng Tâm	H. Đồng Phú			11° 54' 48"	107° 23' 03"	11° 25' 02"	106° 36' 49"	C-48-11-C-a; C-48-11-C-c; C-48-10-D-d
Suối Rạt	TV	xã Đồng Tâm	H. Đồng Phú			11° 38' 08"	107° 02' 02"	11° 35' 56"	106° 58' 45"	C-48-10-D-d; C-48-11-C-c

Địa danh	Nhóm đối tượng	Tên ĐVHC cấp xã	Tên ĐVHC cấp huyện	Tọa độ vị trí tương đối của đối tượng						Phiên hiệu mảnh bản đồ địa hình
				Tọa độ trung tâm		Tọa độ điểm đầu		Tọa độ điểm cuối		
				Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	
Suối Rạt	TV	xã Đồng Tâm	H. Đồng Phú			11° 36' 23"	107° 04' 28"	11° 36' 37"	106° 57' 44"	C-48-11-C-c
Suối Rạt	TV	xã Đồng Tâm	H. Đồng Phú			11° 36' 35"	107° 03' 18"	11° 35' 35"	106° 58' 52"	C-48-10-D-d; C-48-11-C-c
Suối Rạt	TV	xã Đồng Tâm	H. Đồng Phú			11° 33' 45"	107° 03' 24"	11° 34' 26"	107° 02' 02"	C-48-11-C-c
Ấp 1	DC	xã Đồng Tiến	H. Đồng Phú	11° 34' 18"	106° 57' 00"					C-48-10-D-d
Ấp 2	DC	xã Đồng Tiến	H. Đồng Phú	11° 35' 18"	106° 56' 58"					C-48-10-D-d
Ấp 3	DC	xã Đồng Tiến	H. Đồng Phú	11° 34' 16"	106° 57' 34"					C-48-10-D-d
Ấp 4	DC	xã Đồng Tiến	H. Đồng Phú	11° 33' 12"	106° 55' 52"					C-48-10-D-d
Ấp 5	DC	xã Đồng Tiến	H. Đồng Phú	11° 34' 51"	106° 59' 13"					C-48-10-D-d
Ấp 6	DC	xã Đồng Tiến	H. Đồng Phú	11° 34' 20"	107° 01' 23"					C-48-11-C-c
cầu 11	KX	xã Đồng Tiến	H. Đồng Phú	11° 35' 42"	106° 58' 50"					C-48-10-D-d
Suối Binh	TV	xã Đồng Tiến	H. Đồng Phú			11° 33' 50"	107° 00' 06"	11° 32' 07"	106° 57' 46"	C-48-10-D-d; C-48-11-C-c
Ấp Cầu 2	DC	xã Đồng Tiến	H. Đồng Phú	11° 32' 39"	106° 55' 11"					C-48-10-D-d
Suối Đa Tô	TV	xã Đồng Tiến	H. Đồng Phú			11° 33' 06"	107° 01' 54"	11° 32' 05"	106° 56' 45"	C-48-10-D-d; C-48-11-C-c
Suối Đôi	TV	xã Đồng Tiến	H. Đồng Phú			11° 33' 39"	106° 57' 47"	11° 32' 05"	106° 56' 45"	C-48-10-D-d
nhà thờ Đồng Tâm	KX	xã Đồng Tiến	H. Đồng Phú	11° 34' 30"	106° 57' 39"					C-48-10-D-d
suối Pè Ba	TV	xã Đồng Tiến	H. Đồng Phú			11° 33' 14"	106° 57' 33"	11° 31' 37"	106° 56' 00"	C-48-10-D-d
Đường QL.14	KX	xã Đồng Tiến	H. Đồng Phú			11° 54' 48"	107° 23' 03"	11° 25' 02"	106° 36' 49"	C-48-10-D-d
Suối Rạt	TV	xã Đồng Tiến	H. Đồng Phú			11° 33' 45"	107° 03' 24"	11° 34' 26"	107° 02' 02"	C-48-11-C-c
Suối Rạt	TV	xã Đồng Tiến	H. Đồng Phú			11° 36' 37"	106° 57' 44"	11° 35' 08"	106° 55' 54"	C-48-10-D-d
Suối Rạt	TV	xã Đồng Tiến	H. Đồng Phú			11° 36' 23"	107° 04' 28"	11° 36' 37"	106° 57' 44"	C-48-10-D-d; C-48-11-C-c
Suối Rạt	TV	xã Đồng Tiến	H. Đồng Phú			11° 35' 08"	106° 55' 54"	11° 31' 36"	106° 55' 52"	C-48-10-D-d
cầu Số 2	KX	xã Đồng Tiến	H. Đồng Phú	11° 32' 31"	106° 55' 00"					C-48-10-D-d
Ấp Suối Binh	DC	xã Đồng Tiến	H. Đồng Phú	11° 32' 39"	106° 58' 15"					C-48-10-D-d
Ấp Suối Đôi	DC	xã Đồng Tiến	H. Đồng Phú	11° 32' 25"	106° 56' 39"					C-48-10-D-d

Địa danh	Nhóm đối tượng	Tên ĐVHC cấp xã	Tên ĐVHC cấp huyện	Tọa độ vị trí tương đối của đối tượng						Phiên hiệu mảnh bản đồ địa hình
				Tọa độ trung tâm		Tọa độ điểm đầu		Tọa độ điểm cuối		
				Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	
Bàu Ao	TV	xã Tân Hòa	H. Đồng Phú	11° 22' 43"	106° 54' 59"					C-48-22-B-b
Suối Ba	TV	xã Tân Hòa	H. Đồng Phú			11° 25' 04"	106° 59' 29"	11° 25' 51"	106° 58' 51"	C-48-22-B-b
Ấp Bàu Le	DC	xã Tân Hòa	H. Đồng Phú	11° 24' 44"	106° 56' 38"					C-48-22-B-b
Rạch Bé	TV	xã Tân Hòa	H. Đồng Phú			11° 25' 28"	106° 55' 52"	11° 20' 35"	106° 54' 03"	C-48-22-B-b; C-48-22-B-d
Công ty TNHH MTV Cao su Bình Phước	KX	xã Tân Hòa	H. Đồng Phú	11° 23' 06"	106° 57' 00"					C-48-22-B-b; C-48-22-B-d; C-48-23-A-a; C-48-23-A-c
Suối Cau	TV	xã Tân Hòa	H. Đồng Phú			11° 21' 30"	106° 59' 20"	11° 20' 02"	106° 58' 45"	C-48-22-B-b
Suối Cun	TV	xã Tân Hòa	H. Đồng Phú			11° 21' 19"	107° 00' 48"	11° 21' 00"	107° 00' 41"	C-48-23-A-c
Suối Đá	TV	xã Tân Hòa	H. Đồng Phú			11° 26' 45"	106° 55' 20"	11° 24' 43"	106° 53' 09"	C-48-22-B-b
Suối Đôi	TV	xã Tân Hòa	H. Đồng Phú			11° 23' 23"	106° 56' 43"	11° 18' 33"	106° 56' 11"	C-48-22-B-b; C-48-22-B-d
Suối Đôi	TV	xã Tân Hòa	H. Đồng Phú			11° 23' 08"	106° 58' 56"	11° 22' 01"	106° 57' 47"	C-48-22-B-b; C-48-22-B-d
Ấp Đồng Chắc	DC	xã Tân Hòa	H. Đồng Phú	11° 24' 53"	106° 53' 43"					C-48-22-B-b
Ấp Đồng In	DC	xã Tân Hòa	H. Đồng Phú	11° 24' 10"	106° 54' 26"					C-48-22-B-b
bàu Đồng In 1	TV	xã Tân Hòa	H. Đồng Phú	11° 24' 17"	106° 54' 10"					C-48-22-B-b
bàu Đồng In 2	TV	xã Tân Hòa	H. Đồng Phú	11° 24' 02"	106° 54' 47"					C-48-22-B-b
Ấp Đồng Tân	DC	xã Tân Hòa	H. Đồng Phú	11° 22' 36"	106° 54' 35"					C-48-22-B-b
Ấp Đồng Xê	DC	xã Tân Hòa	H. Đồng Phú	11° 25' 19"	106° 55' 30"					C-48-22-B-b
bàu Đồng Xê	TV	xã Tân Hòa	H. Đồng Phú	11° 25' 04"	106° 55' 14"					C-48-22-B-b
Đường ĐT.753	KX	xã Tân Hòa	H. Đồng Phú			11° 31' 44"	106° 54' 40"	11° 20' 59"	107° 00' 37"	C-48-22-B-b; C-48-23-A-a; C-48-23-A-c
Cầu Long	KX	xã Tân Hòa	H. Đồng Phú	11° 24' 39"	106° 53' 08"					C-48-22-B-b
suối Mã Đà	TV	xã Tân Hòa	H. Đồng Phú			11° 34' 21"	107° 08' 21"	11° 18' 33"	106° 56' 11"	C-48-22-B-d; C-48-23-A-c

Địa danh	Nhóm đối tượng	Tên ĐVHC cấp xã	Tên ĐVHC cấp huyện	Tọa độ vị trí tương đối của đối tượng						Phiên hiệu mảnh bản đồ địa hình
				Tọa độ trung tâm		Tọa độ điểm đầu		Tọa độ điểm cuối		
				Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	
Suối Phê	TV	xã Tân Hòa	H. Đồng Phú			11° 27' 54"	106° 58' 58"	11° 25' 28"	106° 55' 52"	C-48-22-B-b
Suối Rạt	TV	xã Tân Hòa	H. Đồng Phú			11° 32' 05"	106° 56' 45"	11° 18' 30"	106° 52' 23"	C-48-22-B-a; C-48-22-B-b
Suối Say	TV	xã Tân Hòa	H. Đồng Phú			11° 22' 59"	106° 56' 04"	11° 20' 35"	106° 54' 03"	C-48-22-B-b; C-48-22-B-d
suối Tà In	TV	xã Tân Hòa	H. Đồng Phú			11° 24' 19"	106° 53' 43"	11° 20' 36"	106° 51' 41"	C-48-22-B-b
Ấp 5	DC	xã Tân Hưng	H. Đồng Phú	11° 28' 44"	106° 56' 01"					C-48-22-B-b
suối Bà Năng	TV	xã Tân Hưng	H. Đồng Phú			11° 31' 39"	107° 04' 58"	11° 27' 37"	107° 04' 45"	C-48-11-C-c; C-48-23-A-a
Suối Ban	TV	xã Tân Hưng	H. Đồng Phú			11° 31' 43"	107° 06' 23"	11° 30' 27"	107° 04' 59"	C-48-11-C-c
Ấp Cây Cày Chín Đọt	DC	xã Tân Hưng	H. Đồng Phú	11° 29' 42"	106° 59' 38"					C-48-22-B-b
Suối Chai	TV	xã Tân Hưng	H. Đồng Phú			11° 29' 44"	106° 57' 20"	11° 29' 50"	106° 55' 43"	C-48-22-B-b
Suối Da	TV	xã Tân Hưng	H. Đồng Phú			11° 28' 39"	106° 58' 16"	11° 27' 54"	106° 58' 58"	C-48-22-B-b
Đường ĐT.753	KX	xã Tân Hưng	H. Đồng Phú			11° 31' 44"	106° 54' 40"	11° 20' 59"	107° 00' 37"	C-48-22-B-b; C-48-23-A-a; C-48-23-A-c
Đường ĐT.756	KX	xã Tân Hưng	H. Đồng Phú			11° 52' 58"	106° 41' 11"	11° 31' 06"	106° 44' 28"	
suối Mã Đà	TV	xã Tân Hưng	H. Đồng Phú			11° 34' 21"	107° 08' 21"	11° 18' 33"	106° 56' 11"	C-48-23-A-a; C-48-23-A-b
Suối Nhung	TV	xã Tân Hưng	H. Đồng Phú			11° 31' 37"	107° 03' 29"	11° 29' 57"	107° 03' 08"	C-48-11-C-c; C-48-23-A-a
Ấp Pa Pếch	DC	xã Tân Hưng	H. Đồng Phú	11° 30' 48"	106° 58' 24"					C-48-10-D-d
suối Pa Pếch	TV	xã Tân Hưng	H. Đồng Phú			11° 31' 38"	107° 01' 05"	11° 28' 39"	106° 58' 16"	C-48-10-D-d; C-48-11-C-c; C-48-22-B-b
Suối Ra	TV	xã Tân Hưng	H. Đồng Phú			11° 30' 34"	106° 57' 47"	11° 29' 37"	106° 55' 25"	C-48-10-D-d; C-48-22-B-b
Suối Rạt	TV	xã Tân Hưng	H. Đồng Phú			11° 32' 05"	106° 56' 45"	11° 18' 30"	106° 52' 23"	C-48-10-D-d; C-48-22-B-b
Suối Rùa	TV	xã Tân Hưng	H. Đồng Phú			11° 29' 55"	107° 03' 36"	11° 27' 04"	107° 04' 00"	C-48-23-A-a

Địa danh	Nhóm đối tượng	Tên ĐVHC cấp xã	Tên ĐVHC cấp huyện	Tọa độ vị trí tương đối của đối tượng						Phiên hiệu mảnh bản đồ địa hình
				Tọa độ trung tâm		Tọa độ điểm đầu		Tọa độ điểm cuối		
				Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	
Suối Son	TV	xã Tân Hưng	H. Đồng Phú			11° 31' 37"	107° 06' 41"	11° 29' 59"	107° 07' 42"	C-48-11-C-c; C-48-11-C-d
Ấp Suối Da	DC	xã Tân Hưng	H. Đồng Phú	11° 29' 03"	106° 58' 11"					C-48-22-B-b
Ấp Suối Đôi	DC	xã Tân Hưng	H. Đồng Phú	11° 29' 50"	106° 55' 53"					C-48-22-B-b
Ấp Suối Nhung	DC	xã Tân Hưng	H. Đồng Phú	11° 30' 19"	107° 01' 31"					C-48-11-C-c
Ấp 1	DC	xã Tân Lập	H. Đồng Phú	11° 23' 13"	106° 49' 23"					C-48-22-B-a
Ấp 2	DC	xã Tân Lập	H. Đồng Phú	11° 23' 38"	106° 49' 40"					C-48-22-B-a
Ấp 3	DC	xã Tân Lập	H. Đồng Phú	11° 24' 17"	106° 49' 44"					C-48-22-B-a
Ấp 4	DC	xã Tân Lập	H. Đồng Phú	11° 24' 29"	106° 50' 13"					C-48-22-B-a
Ấp 5	DC	xã Tân Lập	H. Đồng Phú	11° 23' 07"	106° 48' 03"					C-48-22-B-a
Ấp 6	DC	xã Tân Lập	H. Đồng Phú	11° 25' 03"	106° 48' 08"					C-48-22-B-a
Ấp 7	DC	xã Tân Lập	H. Đồng Phú	11° 24' 58"	106° 48' 55"					C-48-22-B-a
Ấp 8	DC	xã Tân Lập	H. Đồng Phú	11° 24' 48"	106° 46' 40"					C-48-22-B-a
Ấp 9	DC	xã Tân Lập	H. Đồng Phú	11° 23' 58"	106° 49' 34"					C-48-22-B-a
suối Bàu Chư	TV	xã Tân Lập	H. Đồng Phú			11° 23' 06"	106° 49' 24"	11° 22' 50"	106° 47' 51"	C-48-22-B-a
Rạch Bé	TV	xã Tân Lập	H. Đồng Phú			11° 25' 28"	106° 55' 52"	11° 20' 35"	106° 54' 03"	C-48-22-B-d
Suối Bố	TV	xã Tân Lập	H. Đồng Phú			11° 24' 55"	106° 47' 57"	11° 24' 17"	106° 46' 04"	C-48-22-B-a
Bàu Chư	TV	xã Tân Lập	H. Đồng Phú	11° 23' 14"	106° 49' 32"					C-48-22-B-a
Đường ĐT.741	KX	xã Tân Lập	H. Đồng Phú			11° 57' 54"	106° 59' 56"	11° 22' 53"	106° 49' 30"	C-48-22-B-a
Suối Giai	TV	xã Tân Lập	H. Đồng Phú			11° 23' 38"	106° 48' 25"	11° 22' 55"	106° 47' 55"	C-48-22-B-a
tịnh xá Ngọc Phú	KX	xã Tân Lập	H. Đồng Phú	11° 24' 04"	106° 49' 51"					C-48-22-B-a
suối Nước Trong	TV	xã Tân Lập	H. Đồng Phú			11° 28' 25"	106° 49' 33"	11° 25' 38"	106° 46' 05"	C-48-22-B-a
Suối Rạt	TV	xã Tân Lập	H. Đồng Phú			11° 32' 05"	106° 56' 45"	11° 18' 30"	106° 52' 23"	C-48-22-B-a; C-48-22-B-b; C-48-22-B-c
hồ Suối Giai	TV	xã Tân Lập	H. Đồng Phú	11° 24' 18"	106° 48' 57"					C-48-22-B-a
kênh Suối Giai	TV	xã Tân Lập	H. Đồng Phú			11° 23' 43"	106° 48' 13"	11° 22' 58"	106° 47' 48"	C-48-22-B-a
suối Tà In	TV	xã Tân Lập	H. Đồng Phú			11° 24' 19"	106° 53' 43"	11° 20' 36"	106° 51' 41"	C-48-22-B-b; C-48-22-B-c; C-48-22-B-d

Địa danh	Nhóm đối tượng	Tên ĐVHC cấp xã	Tên ĐVHC cấp huyện	Tọa độ vị trí tương đối của đối tượng						Phiên hiệu mảnh bản đồ địa hình
				Tọa độ trung tâm		Tọa độ điểm đầu		Tọa độ điểm cuối		
				Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	
giáo họ Tân Điền	KX	xã Tân Lập	H. Đồng Phú	11° 25' 42"	106° 49' 04"					C-48-22-B-a
nhà máy Chế biến cao su Tân Lập	KX	xã Tân Lập	H. Đồng Phú	11° 23' 16"	106° 49' 16"					C-48-22-B-a
nông trường Tân Lập	KX	xã Tân Lập	H. Đồng Phú	11° 24' 05"	106° 51' 04"					C-48-22-B-a; C-48-22-B-b
mỏ đá Tân Lập	KX	xã Tân Lập	H. Đồng Phú	11° 19' 00"	106° 51' 39"					C-48-22-B-c
nhà thờ Tân Lập	KX	xã Tân Lập	H. Đồng Phú	11° 23' 58"	106° 49' 33"					C-48-22-B-a
Suối Triết	TV	xã Tân Lập	H. Đồng Phú			11° 20' 29"	106° 52' 59"	11° 18' 36"	106° 52' 20"	C-48-22-B-c; C-48-22-B-d
Suối Da	TV	xã Tân Lợi	H. Đồng Phú			11° 28' 39"	106° 58' 16"	11° 27' 54"	106° 58' 58"	C-48-22-B-b
suối Đá	TV	xã Tân Lợi	H. Đồng Phú			11° 26' 45"	106° 55' 20"	11° 24' 43"	106° 53' 09"	C-48-22-B-b
Ấp Đồng Bia	DC	xã Tân Lợi	H. Đồng Phú	11° 26' 21"	106° 57' 02"					C-48-22-B-b
Đường ĐT.753	KX	xã Tân Lợi	H. Đồng Phú			11° 31' 44"	106° 54' 40"	11° 20' 59"	107° 00' 37"	C-48-22-B-b; C-48-23-A-a; C-48-23-A-c
Suối Long	TV	xã Tân Lợi	H. Đồng Phú			11° 26' 56"	106° 56' 40"	11° 26' 45"	106° 55' 20"	C-48-22-B-b
suối Mã Đà	TV	xã Tân Lợi	H. Đồng Phú			11° 34' 21"	107° 08' 21"	11° 18' 33"	106° 56' 11"	C-48-23-A-a; C-48-23-A-c
suối Nhạn	TV	xã Tân Lợi	H. Đồng Phú			11° 26' 59"	106° 55' 59"	11° 26' 27"	106° 55' 11"	C-48-22-B-b
Suối Nhung	TV	xã Tân Lợi	H. Đồng Phú			11° 31' 30"	107° 02' 09"	11° 23' 41"	107° 03' 13"	C-48-23-A-a
Suối Phê	TV	xã Tân Lợi	H. Đồng Phú			11° 27' 54"	106° 58' 58"	11° 25' 28"	106° 55' 52"	C-48-22-B-b
Ấp Quân Y	DC	xã Tân Lợi	H. Đồng Phú	11° 26' 29"	106° 52' 47"					C-48-22-B-b
Suối Rạt	TV	xã Tân Lợi	H. Đồng Phú			11° 32' 05"	106° 56' 45"	11° 18' 30"	106° 52' 23"	C-48-22-B-a; C-48-22-B-b
Suối Rùa	TV	xã Tân Lợi	H. Đồng Phú			11° 29' 55"	107° 03' 36"	11° 27' 04"	107° 04' 00"	C-48-23-A-a
Ấp Thạch Màng	DC	xã Tân Lợi	H. Đồng Phú	11° 25' 41"	107° 00' 27"					C-48-23-A-a
Ấp Trảng Tranh	DC	xã Tân Lợi	H. Đồng Phú	11° 26' 55"	106° 55' 14"					C-48-22-B-b
suối Bà Năng	TV	xã Tân Phước	H. Đồng Phú			11° 31' 39"	107° 04' 58"	11° 27' 37"	107° 04' 45"	C-48-11-C-c
Suối Ban	TV	xã Tân Phước	H. Đồng Phú			11° 31' 43"	107° 06' 23"	11° 30' 27"	107° 04' 59"	C-48-11-C-c

Địa danh	Nhóm đối tượng	Tên ĐVHC cấp xã	Tên ĐVHC cấp huyện	Tọa độ vị trí tương đối của đối tượng						Phiên hiệu mảnh bản đồ địa hình
				Tọa độ trung tâm		Tọa độ điểm đầu		Tọa độ điểm cuối		
				Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	
Suối Báng	TV	xã Tân Phước	H. Đồng Phú			11° 34' 43"	107° 07' 11"	11° 31' 39"	107° 04' 58"	C-48-11-C-c
Ấp Cầu Rạt	DC	xã Tân Phước	H. Đồng Phú	11° 31' 19"	106° 56' 19"					C-48-10-D-d
Ấp Cây Điệp	DC	xã Tân Phước	H. Đồng Phú	11° 30' 47"	106° 57' 33"					C-48-10-D-d
suối Cây Điệp	TV	xã Tân Phước	H. Đồng Phú			11° 31' 20"	106° 58' 49"	11° 31' 55"	106° 57' 18"	C-48-10-D-d
suối Co Ra	TV	xã Tân Phước	H. Đồng Phú			11° 32' 34"	107° 01' 24"	11° 32' 30"	106° 58' 58"	C-48-10-D-d; C-48-11-C-c
Suối Da	TV	xã Tân Phước	H. Đồng Phú			11° 28' 39"	106° 58' 16"	11° 27' 54"	106° 58' 58"	C-48-22-B-b
Suối Đa Tô	TV	xã Tân Phước	H. Đồng Phú			11° 33' 06"	107° 01' 54"	11° 32' 05"	106° 56' 45"	C-48-10-D-d; C-48-11-C-c
Suối Đôi	TV	xã Tân Phước	H. Đồng Phú			11° 33' 39"	106° 57' 47"	11° 18' 30"	106° 52' 23"	C-48-10-D-d
Đường ĐT.753	KX	xã Tân Phước	H. Đồng Phú			11° 31' 44"	106° 54' 40"	11° 20' 59"	107° 00' 37"	C-48-10-D-d
Ấp Lam Sơn	DC	xã Tân Phước	H. Đồng Phú	11° 35' 06"	107° 07' 01"					C-48-11-C-c
suối Mã Đà	TV	xã Tân Phước	H. Đồng Phú			11° 34' 21"	107° 08' 21"	11° 18' 33"	106° 56' 11"	C-48-11-C-c; C-48-11-C-d; C-48-23-A-b
Ấp Nam Đô	DC	xã Tân Phước	H. Đồng Phú	11° 31' 46"	107° 01' 32"					C-48-11-C-c
đồi Nam Đô	SV	xã Tân Phước	H. Đồng Phú	11° 32' 15"	107° 01' 47"					C-48-11-C-c
Suối Nhung	TV	xã Tân Phước	H. Đồng Phú			11° 31' 37"	107° 03' 29"	11° 29' 57"	107° 03' 08"	C-48-11-C-c; C-48-23-A-a
suối Pa Pếch	TV	xã Tân Phước	H. Đồng Phú			11° 31' 38"	107° 01' 05"	11° 28' 39"	106° 58' 16"	C-48-10-D-d; C-48-11-C-c
suối Pè Ba	TV	xã Tân Phước	H. Đồng Phú			11° 33' 14"	106° 57' 33"	11° 31' 37"	106° 56' 00"	C-48-10-D-d
suối Pe Nang	TV	xã Tân Phước	H. Đồng Phú			11° 33' 02"	107° 06' 39"	11° 31' 39"	107° 04' 58"	C-48-11-C-c
Ấp Phước Tân	DC	xã Tân Phước	H. Đồng Phú	11° 31' 05"	106° 56' 42"					C-48-10-D-d
Ấp Phước Tâm	DC	xã Tân Phước	H. Đồng Phú	11° 32' 01"	106° 56' 29"					C-48-10-D-d
Ấp Phước Tiến	DC	xã Tân Phước	H. Đồng Phú	11° 32' 13"	106° 58' 42"					C-48-10-D-d
Suối Ra	TV	xã Tân Phước	H. Đồng Phú			11° 30' 34"	106° 57' 47"	11° 29' 37"	106° 55' 25"	C-48-10-D-d
Cầu Rạt	KX	xã Tân Phước	H. Đồng Phú	11° 31' 30"	106° 55' 48"					C-48-10-D-d
Suối Rạt	TV	xã Tân Phước	H. Đồng Phú			11° 33' 45"	107° 03' 24"	11° 34' 26"	107° 02' 02"	C-48-11-C-c

Địa danh	Nhóm đối tượng	Tên ĐVHC cấp xã	Tên ĐVHC cấp huyện	Tọa độ vị trí tương đối của đối tượng						Phiên hiệu mảnh bản đồ địa hình
				Tọa độ trung tâm		Tọa độ điểm đầu		Tọa độ điểm cuối		
				Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	
Suối Rạt	TV	xã Tân Phước	H. Đồng Phú			11° 32' 05"	106° 56' 45"	11° 18' 30"	106° 52' 23"	C-48-10-D-d; C-48-22-B-b
Suối Rạt	TV	xã Tân Phước	H. Đồng Phú			11° 35' 08"	106° 55' 54"	11° 31' 36"	106° 55' 52"	C-48-10-D-d
Suối Rùa	TV	xã Tân Phước	H. Đồng Phú			11° 33' 43"	107° 03' 57"	11° 31' 37"	107° 03' 29"	C-48-11-C-c
Ấp Sắc Xi	DC	xã Tân Phước	H. Đồng Phú	11° 32' 52"	107° 00' 57"					C-48-11-C-c
Suối Son	TV	xã Tân Phước	H. Đồng Phú			11° 31' 37"	107° 06' 41"	11° 29' 59"	107° 07' 42"	C-48-11-C-c; C-48-11-C-d
Nhà bia ghi danh Liệt sĩ Tân Phước	KX	xã Tân Phước	H. Đồng Phú	11° 31' 28"	106° 56' 00"					C-48-10-D-d
Ấp An Hòa	DC	xã Tân Tiến	H. Đồng Phú	11° 24' 40"	106° 50' 55"					C-48-22-B-a
Ấp Chợ	DC	xã Tân Tiến	H. Đồng Phú	11° 25' 25"	106° 51' 17"					C-48-22-B-a
suối Dên Dên	TV	xã Tân Tiến	H. Đồng Phú			11° 26' 55"	106° 49' 35"	11° 26' 53"	106° 48' 01"	C-48-22-B-a
Suối Đá	TV	xã Tân Tiến	H. Đồng Phú			11° 26' 45"	106° 55' 20"	11° 24' 43"	106° 53' 09"	C-48-22-B-b
cầu Đồng Chắc	KX	xã Tân Tiến	H. Đồng Phú	11° 25' 18"	106° 52' 43"					C-48-22-B-b
Đường ĐT.741	KX	xã Tân Tiến	H. Đồng Phú			11° 57' 54"	106° 59' 56"	11° 22' 53"	106° 49' 30"	C-48-22-B-a
suối Khe Đá	TV	xã Tân Tiến	H. Đồng Phú			11° 26' 58"	106° 54' 18"	11° 25' 31"	106° 53' 49"	C-48-22-B-b
Cầu Long	KX	xã Tân Tiến	H. Đồng Phú	11° 24' 39"	106° 53' 08"					C-48-22-B-b
Ấp Minh Hòa	DC	xã Tân Tiến	H. Đồng Phú	11° 24' 51"	106° 51' 04"					C-48-22-B-a
Ấp Minh Tân	DC	xã Tân Tiến	H. Đồng Phú	11° 24' 58"	106° 50' 59"					C-48-22-B-a
suối Nước Trong	TV	xã Tân Tiến	H. Đồng Phú			11° 28' 25"	106° 49' 33"	11° 25' 38"	106° 46' 05"	C-48-22-B-a
Suối Rạt	TV	xã Tân Tiến	H. Đồng Phú			11° 32' 05"	106° 56' 45"	11° 18' 30"	106° 52' 23"	C-48-22-B-a; C-48-22-B-b
hồ Suối Giai	TV	xã Tân Tiến	H. Đồng Phú	11° 24' 18"	106° 48' 57"					C-48-22-B-a
Ấp Tân Hà	DC	xã Tân Tiến	H. Đồng Phú	11° 26' 00"	106° 47' 37"					C-48-22-B-a
nhà thờ Tân Hòa	KX	xã Tân Tiến	H. Đồng Phú	11° 25' 12"	106° 51' 03"					C-48-22-B-a
Ấp Thái Dũng	DC	xã Tân Tiến	H. Đồng Phú	11° 25' 57"	106° 51' 25"					C-48-22-B-a
chùa Thanh Tâm	KX	xã Tân Tiến	H. Đồng Phú	11° 25' 51"	106° 51' 10"					C-48-22-B-a
Suối Băng	TV	xã Thuận Lợi	H. Đồng Phú			11° 38' 08"	106° 57' 52"	11° 36' 37"	106° 57' 44"	C-48-10-D-b; C-48-10-D-d

Địa danh	Nhóm đối tượng	Tên ĐVHC cấp xã	Tên ĐVHC cấp huyện	Tọa độ vị trí tương đối của đối tượng						Phiên hiệu mảnh bản đồ địa hình
				Tọa độ trung tâm		Tọa độ điểm đầu		Tọa độ điểm cuối		
				Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	
Suối Bui	TV	xã Thuận Lợi	H. Đồng Phú			11° 36' 38"	106° 55' 54"	11° 35' 08"	106° 55' 54"	C-48-10-D-d
Suối Con	TV	xã Thuận Lợi	H. Đồng Phú			11° 36' 20"	106° 53' 42"	11° 38' 06"	106° 52' 50"	C-48-10-D-b; C-48-10-D-d
Suối Dền 1	TV	xã Thuận Lợi	H. Đồng Phú			11° 37' 58"	106° 53' 27"	11° 39' 10"	106° 52' 00"	C-48-10-D-a; C-48-10-D-b; C-48-10-D-d
Suối Dền 2	TV	xã Thuận Lợi	H. Đồng Phú			11° 39' 15"	106° 54' 48"	11° 38' 23"	106° 52' 39"	C-48-10-D-b
Suối Đá 1	TV	xã Thuận Lợi	H. Đồng Phú			11° 39' 24"	106° 56' 36"	11° 37' 54"	106° 54' 25"	C-48-10-D-b
Suối Đá 2	TV	xã Thuận Lợi	H. Đồng Phú			11° 37' 18"	106° 50' 21"	11° 37' 55"	106° 49' 32"	C-48-10-D-a; C-48-10-D-c
hồ Đồng Xoài	TV	xã Thuận Lợi	H. Đồng Phú	11° 36' 54"	106° 55' 25"					C-48-10-D-d
Đường ĐT.741	KX	xã Thuận Lợi	H. Đồng Phú			11° 57' 54"	106° 59' 56"	11° 22' 53"	106° 49' 30"	C-48-10-D-b; C-48-10-D-d
Suối Lam	TV	xã Thuận Lợi	H. Đồng Phú			11° 36' 38"	106° 52' 47"	11° 38' 50"	106° 52' 09"	C-48-10-D-a; C-48-10-D-b; C-48-10-D-c; C-48-10-D-d
nông trường Phú Riềng Đỏ 1	KX	xã Thuận Lợi	H. Đồng Phú	11° 38' 33"	106° 51' 28"					C-48-10-D-a
nông trường Phú Riềng Đỏ 2	KX	xã Thuận Lợi	H. Đồng Phú	11° 38' 54"	106° 56' 04"					C-48-10-D-b
chùa Phúc Hậu	KX	xã Thuận Lợi	H. Đồng Phú	11° 38' 02"	106° 53' 57"					C-48-10-D-b
Suối Rạt	TV	xã Thuận Lợi	H. Đồng Phú			11° 36' 37"	106° 57' 44"	11° 35' 08"	106° 55' 54"	C-48-10-D-d
Suối Rạt	TV	xã Thuận Lợi	H. Đồng Phú			11° 40' 48"	106° 54' 17"	11° 36' 22"	106° 46' 32"	C-48-10-D-a
Ấp Thuận An	DC	xã Thuận Lợi	H. Đồng Phú	11° 38' 11"	106° 54' 16"					C-48-10-D-b
Ấp Thuận Bình	DC	xã Thuận Lợi	H. Đồng Phú	11° 38' 23"	106° 51' 56"					C-48-10-D-a
Ấp Thuận Hòa 1	DC	xã Thuận Lợi	H. Đồng Phú	11° 37' 50"	106° 53' 03"					C-48-10-D-b
Ấp Thuận Hòa 2	DC	xã Thuận Lợi	H. Đồng Phú	11° 36' 30"	106° 54' 25"					C-48-10-D-d
nhà thờ Thuận Lợi	KX	xã Thuận Lợi	H. Đồng Phú	11° 38' 39"	106° 53' 47"					C-48-10-D-b

Địa danh	Nhóm đối tượng	Tên ĐVHC cấp xã	Tên ĐVHC cấp huyện	Tọa độ vị trí tương đối của đối tượng						Phiên hiệu mảnh bản đồ địa hình
				Tọa độ trung tâm		Tọa độ điểm đầu		Tọa độ điểm cuối		
				Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	
nông trường Cao su Thuận Phú	KX	xã Thuận Lợi	H. Đồng Phú	11° 35' 39"	106° 51' 27"					C-48-10-D-b; C-48-10-D-c; C-48-10-D-d
Ấp Thuận Tân	DC	xã Thuận Lợi	H. Đồng Phú	11° 36' 51"	106° 57' 40"					C-48-10-D-d
Ấp Thuận Tân	DC	xã Thuận Lợi	H. Đồng Phú	11° 37' 01"	106° 56' 48"					C-48-10-D-d
Ấp Thuận Thành 1	DC	xã Thuận Lợi	H. Đồng Phú	11° 38' 56"	106° 53' 10"					C-48-10-D-b
Ấp Thuận Thành 2	DC	xã Thuận Lợi	H. Đồng Phú	11° 39' 18"	106° 53' 44"					C-48-10-D-b
Ấp Thuận Tiến	DC	xã Thuận Lợi	H. Đồng Phú	11° 38' 04"	106° 51' 25"					C-48-10-D-a
Công ty cổ phần Cao su Đồng Phú	KX	xã Thuận Phú	H. Đồng Phú	11° 35' 39"	106° 53' 07"					C-48-10-D-d
Ấp Bàu Cây Me	DC	xã Thuận Phú	H. Đồng Phú	11° 36' 11"	106° 46' 47"					C-48-10-D-c
Sông Bé	TV	xã Thuận Phú	H. Đồng Phú			11° 46' 06"	106° 45' 13"	11° 23' 50"	106° 42' 08"	C-48-10-D-c
Ấp Bù Xăng	DC	xã Thuận Phú	H. Đồng Phú	11° 35' 49"	106° 55' 14"					C-48-10-D-d
Suối Bui	TV	xã Thuận Phú	H. Đồng Phú			11° 36' 38"	106° 55' 54"	11° 35' 08"	106° 55' 54"	C-48-10-D-d
nhà Chủ Nhất	KX	xã Thuận Phú	H. Đồng Phú	11° 35' 29"	106° 52' 53"					C-48-10-D-d
di tích lịch sử Địa điểm thành lập Chi bộ Đông Dương cộng sản Đảng ở Phú Riềng	KX	xã Thuận Phú	H. Đồng Phú	11° 34' 12"	106° 52' 23"					C-48-10-D-c
Ấp Đồng Búa	DC	xã Thuận Phú	H. Đồng Phú	11° 36' 28"	106° 49' 34"					C-48-10-D-c
Đường ĐT. 741	KX	xã Thuận Phú	H. Đồng Phú			11° 57' 54"	106° 59' 56"	11° 22' 53"	106° 49' 30"	C-48-10-D-d
Đường ĐT.758	KX	xã Thuận Phú	H. Đồng Phú			11° 35' 23"	106° 50' 42"	11° 35' 37"	106° 53' 16"	C-48-10-D-c; C-48-10-D-d
Công ty cổ phần Hải Vương	KX	xã Thuận Phú	H. Đồng Phú	11° 36' 08"	106° 47' 28"					C-48-10-D-c
di tích lịch sử Két Nước	KX	xã Thuận Phú	H. Đồng Phú	11° 35' 25"	106° 52' 52"					C-48-10-D-d
Suối Nam	TV	xã Thuận Phú	H. Đồng Phú			11° 35' 46"	106° 52' 40"	11° 33' 24"	106° 46' 33"	C-48-10-D-c
Suối Num	TV	xã Thuận Phú	H. Đồng Phú			11° 33' 36"	106° 51' 12"	11° 32' 08"	106° 49' 00"	C-48-10-D-c

Địa danh	Nhóm đối tượng	Tên ĐVHC cấp xã	Tên ĐVHC cấp huyện	Tọa độ vị trí tương đối của đối tượng						Phiên hiệu mảnh bản đồ địa hình
				Tọa độ trung tâm		Tọa độ điểm đầu		Tọa độ điểm cuối		
				Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	
Khu di tích Phú Riềng Đỏ	KX	xã Thuận Phú	H. Đồng Phú	11° 35' 28"	106° 52' 56"					C-48-10-D-d
Suối Rạt	TV	xã Thuận Phú	H. Đồng Phú			11° 40' 48"	106° 54' 17"	11° 36' 22"	106° 46' 32"	C-48-10-D-a; C-48-10-D-c
Suối Rạt	TV	xã Thuận Phú	H. Đồng Phú			11° 35' 08"	106° 55' 54"	11° 31' 36"	106° 55' 52"	C-48-10-D-d
hồ Suối Lam	TV	xã Thuận Phú	H. Đồng Phú	11° 36' 27"	106° 52' 51"					C-48-10-D-c; C-48-10-D-d
Ấp Tân Phú	DC	xã Thuận Phú	H. Đồng Phú	11° 34' 30"	106° 50' 17"					C-48-10-D-c
nông trường Cao su Tân Thành	KX	xã Thuận Phú	H. Đồng Phú	11° 34' 03"	106° 49' 53"					C-48-10-D-c
di tích lịch sử Thành đất hình tròn Thuận Phú	KX	xã Thuận Phú	H. Đồng Phú	11° 33' 46"	106° 50' 47"					C-48-10-D-c
chùa Thanh Phú	KX	xã Thuận Phú	H. Đồng Phú	11° 35' 39"	106° 53' 21"					C-48-10-D-d
Ấp Thuận Hải	DC	xã Thuận Phú	H. Đồng Phú	11° 34' 56"	106° 53' 57"					C-48-10-D-d
giáo họ Thuận Phú	KX	xã Thuận Phú	H. Đồng Phú	11° 35' 48"	106° 53' 35"					C-48-10-D-d
nông trường Cao su Thuận Phú	KX	xã Thuận Phú	H. Đồng Phú	11° 35' 39"	106° 51' 27"					C-48-10-D-b; C-48-10-D-c; C-48-10-D-d
Ấp Thuận Phú 1	DC	xã Thuận Phú	H. Đồng Phú	11° 35' 36"	106° 53' 27"					C-48-10-D-d
Ấp Thuận Phú 2	DC	xã Thuận Phú	H. Đồng Phú	11° 35' 26"	106° 52' 55"					C-48-10-D-d
Ấp Thuận Phú 3	DC	xã Thuận Phú	H. Đồng Phú	11° 35' 44"	106° 52' 53"					C-48-10-D-d
Ấp 1	DC	xã An Khương	H. Hớn Quản	11° 43' 48"	106° 38' 16"					C-48-10-C-b
Ấp 2	DC	xã An Khương	H. Hớn Quản	11° 43' 25"	106° 39' 43"					C-48-10-C-b
Ấp 3	DC	xã An Khương	H. Hớn Quản	11° 42' 24"	106° 40' 09"					C-48-10-C-b
Ấp 4	DC	xã An Khương	H. Hớn Quản	11° 42' 40"	106° 41' 01"					C-48-10-C-b
Ấp 5	DC	xã An Khương	H. Hớn Quản	11° 42' 07"	106° 40' 12"					C-48-10-C-b
Ấp 6	DC	xã An Khương	H. Hớn Quản	11° 43' 07"	106° 40' 26"					C-48-10-C-b
Ấp 7	DC	xã An Khương	H. Hớn Quản	11° 42' 03"	106° 39' 09"					C-48-10-C-b

Địa danh	Nhóm đối tượng	Tên ĐVHC cấp xã	Tên ĐVHC cấp huyện	Tọa độ vị trí tương đối của đối tượng						Phiên hiệu mảnh bản đồ địa hình
				Tọa độ trung tâm		Tọa độ điểm đầu		Tọa độ điểm cuối		
				Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	
Ấp 8	DC	xã An Khương	H. Hớn Quản	11° 44' 30"	106° 40' 28"					C-48-10-C-b
hồ An Khương	TV	xã An Khương	H. Hớn Quản	11° 43' 50"	106° 40' 56"					C-48-10-C-b
suối Bù Dinh	TV	xã An Khương	H. Hớn Quản			11° 46' 16"	106° 40' 55"	11° 45' 25"	106° 45' 20"	C-48-10-A-d
Suối Cát	TV	xã An Khương	H. Hớn Quản			11° 40' 26"	106° 38' 05"	11° 41' 48"	106° 44' 24"	C-48-10-C-b
suối Chum Ri	TV	xã An Khương	H. Hớn Quản			11° 45' 54"	106° 41' 12"	11° 42' 14"	106° 41' 24"	C-48-10-A-d; C-48-10-B-c
Nông trang Đồng Tiến	KX	xã An Khương	H. Hớn Quản	11° 43' 57"	106° 37' 22"					C-48-10-C-a
Đường ĐT.757	KX	xã An Khương	H. Hớn Quản			11° 44' 06"	106° 52' 16"	11° 43' 55"	106° 34' 34"	C-48-10-C-a; C-48-10-C-b
đồi Hầm Rác	SV	xã An Khương	H. Hớn Quản	11° 41' 45"	106° 40' 23"					C-48-10-C-b
Suối Heo	TV	xã An Khương	H. Hớn Quản			11° 41' 09"	106° 38' 01"	11° 43' 10"	106° 38' 23"	C-48-10-C-b
Suối Lạnh	TV	xã An Khương	H. Hớn Quản			11° 45' 12"	106° 40' 14"	11° 44' 18"	106° 36' 49"	C-48-10-A-d; C-48-10-C-a; C-48-10-C-b
suối Mơ Nông 1	TV	xã An Khương	H. Hớn Quản			11° 43' 10"	106° 38' 23"	11° 44' 18"	106° 36' 49"	C-48-10-C-a; C-48-10-C-b
suối Mơ Nông 2	TV	xã An Khương	H. Hớn Quản			11° 42' 38"	106° 39' 46"	11° 43' 10"	106° 38' 23"	C-48-10-C-b
suối Phú Miêng	TV	xã An Khương	H. Hớn Quản			11° 41' 14"	106° 38' 42"	11° 43' 09"	106° 38' 42"	C-48-10-C-b
suối Sà Quốc	TV	xã An Khương	H. Hớn Quản			11° 43' 54"	106° 39' 35"	11° 42' 38"	106° 39' 46"	C-48-10-C-b
khu văn hóa Thác Số 4	KX	xã An Khương	H. Hớn Quản	11° 41' 25"	106° 40' 28"					C-48-10-C-b
suối Trời Đánh	TV	xã An Khương	H. Hớn Quản			11° 43' 30"	106° 40' 34"	11° 42' 15"	106° 41' 18"	C-48-10-C-b
Ấp An Tân	DC	xã An Phú	H. Hớn Quản	11° 39' 37"	106° 30' 29"					C-48-10-C-a
Ấp Bình Phú	DC	xã An Phú	H. Hớn Quản	11° 39' 34"	106° 33' 15"					C-48-10-C-a
suối Cần Lê	TV	xã An Phú	H. Hớn Quản			11° 44' 28"	106° 35' 53"	11° 41' 55"	106° 29' 39"	C-48-9-D-b
Ấp Phố Lố	DC	xã An Phú	H. Hớn Quản	11° 40' 35"	106° 32' 53"					C-48-10-C-a
Suối Ru	TV	xã An Phú	H. Hớn Quản			11° 40' 20"	106° 35' 45"	11° 38' 19"	106° 31' 27"	C-48-10-C-a
Ấp Sóc Rul	DC	xã An Phú	H. Hớn Quản	11° 39' 49"	106° 32' 01"					C-48-10-C-a
Ấp Tằng Hách	DC	xã An Phú	H. Hớn Quản	11° 41' 04"	106° 32' 04"					C-48-10-C-a
suối Tonle Tru 1	TV	xã An Phú	H. Hớn Quản			11° 40' 23"	106° 27' 50"	11° 39' 30"	106° 27' 14"	C-48-9-D-b

Địa danh	Nhóm đối tượng	Tên ĐVHC cấp xã	Tên ĐVHC cấp huyện	Tọa độ vị trí tương đối của đối tượng						Phiên hiệu mảnh bản đồ địa hình
				Tọa độ trung tâm		Tọa độ điểm đầu		Tọa độ điểm cuối		
				Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	
suối Tonle Tru 2	TV	xã An Phú	H. Hớn Quản			11° 41' 55"	106° 29' 39"	11° 40' 23"	106° 27' 50"	C-48-9-D-b
Suối Trâu	TV	xã An Phú	H. Hớn Quản			11° 39' 23"	106° 33' 25"	11° 36' 48"	106° 30' 06"	C-48-10-C-a
Bàu Zem	TV	xã An Phú	H. Hớn Quản	11° 41' 00"	106° 29' 47"					C-48-9-D-b
Ấp 1	DC	xã Đồng Nơ	H. Hớn Quản	11° 33' 57"	106° 34' 51"					C-48-10-C-c
Ấp 2	DC	xã Đồng Nơ	H. Hớn Quản	11° 32' 29"	106° 33' 31"					C-48-10-C-c
Ấp 3	DC	xã Đồng Nơ	H. Hớn Quản	11° 33' 25"	106° 34' 23"					C-48-10-C-c
Ấp 4	DC	xã Đồng Nơ	H. Hớn Quản	11° 31' 54"	106° 34' 58"					C-48-10-C-c
Ấp 5	DC	xã Đồng Nơ	H. Hớn Quản	11° 31' 23"	106° 34' 05"					C-48-10-C-c
suối Bang Xôm	TV	xã Đồng Nơ	H. Hớn Quản			11° 30' 54"	106° 33' 11"	11° 29' 09"	106° 33' 17"	C-48-10-C-c; C-48-22-A-a
suối Cây Da	TV	xã Đồng Nơ	H. Hớn Quản			11° 29' 08"	106° 33' 18"	11° 28' 08"	106° 32' 19"	C-48-22-A-a
sông Chò Lon	TV	xã Đồng Nơ	H. Hớn Quản			11° 34' 05"	106° 34' 54"	11° 34' 09"	106° 33' 50"	C-48-10-C-c
Suối Đỉa	TV	xã Đồng Nơ	H. Hớn Quản			11° 30' 59"	106° 31' 29"	11° 28' 59"	106° 31' 02"	C-48-10-C-c; C-48-22-A-a
nông trường Cao su Đồng Nơ	KX	xã Đồng Nơ	H. Hớn Quản	11° 33' 02"	106° 34' 33"					C-48-10-C-c
Ấp Đồng Tân	DC	xã Đồng Nơ	H. Hớn Quản	11° 33' 19"	106° 32' 43"					C-48-10-C-c
Đường ĐT.756B	KX	xã Đồng Nơ	H. Hớn Quản			11° 26' 53"	106° 44' 42"	11° 32' 38"	106° 33' 46"	
Suối Lạnh	TV	xã Đồng Nơ	H. Hớn Quản			11° 31' 55"	106° 35' 04"	11° 29' 09"	106° 33' 17"	C-48-10-C-c; C-48-22-A-a
Suối Láp	TV	xã Đồng Nơ	H. Hớn Quản			11° 32' 48"	106° 32' 21"	11° 33' 19"	106° 32' 08"	C-48-10-C-c
Suối Lấp	TV	xã Đồng Nơ	H. Hớn Quản			11° 28' 07"	106° 32' 18"	11° 29' 00"	106° 30' 51"	C-48-22-A-a
hồ Suối Láp	TV	xã Đồng Nơ	H. Hớn Quản	11° 32' 35"	106° 32' 28"					C-48-10-C-c
chùa Thanh Lâm	KX	xã Đồng Nơ	H. Hớn Quản	11° 33' 19"	106° 34' 28"					C-48-10-C-c
suối Xa Cam	TV	xã Đồng Nơ	H. Hớn Quản			11° 34' 09"	106° 33' 50"	11° 34' 41"	106° 30' 05"	C-48-10-C-c
suối Xa Cát	TV	xã Đồng Nơ	H. Hớn Quản			11° 33' 29"	106° 34' 17"	11° 32' 53"	106° 30' 10"	C-48-10-C-c
Ấp 1A	DC	xã Minh Đức	H. Hớn Quản	11° 35' 41"	106° 34' 27"					C-48-10-C-c
Ấp 1B	DC	xã Minh Đức	H. Hớn Quản	11° 36' 07"	106° 34' 11"					C-48-10-C-c

Địa danh	Nhóm đối tượng	Tên ĐVHC cấp xã	Tên ĐVHC cấp huyện	Tọa độ vị trí tương đối của đối tượng						Phiên hiệu mảnh bản đồ địa hình
				Tọa độ trung tâm		Tọa độ điểm đầu		Tọa độ điểm cuối		
				Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	
Ấp 2	DC	xã Minh Đức	H. Hớn Quản	11° 35' 46"	106° 33' 41'					C-48-10-C-c
di tích lịch sử Bể Nước	KX	xã Minh Đức	H. Hớn Quản	11° 35' 34"	106° 34' 13"					C-48-10-C-c
nông trường Cao su Bình Minh	KX	xã Minh Đức	H. Hớn Quản	11° 36' 00"	106° 34' 29"					C-48-10-C-c
di tích lịch sử Bồn Nước	KX	xã Minh Đức	H. Hớn Quản	11° 35' 34"	106° 34' 13"					C-48-10-C-c
suối Chà Là	TV	xã Minh Đức	H. Hớn Quản			11° 38' 10"	106° 34' 11"	11° 35' 48"	106° 31' 06"	C-48-10-C-a; C-48-10-C-c
Ấp Chà Lon	DC	xã Minh Đức	H. Hớn Quản	11° 34' 54"	106° 32' 59"					C-48-10-C-c
suối Chò Lon	TV	xã Minh Đức	H. Hớn Quản			11° 34' 05"	106° 34' 54"	11° 34' 09"	106° 33' 50"	C-48-10-C-c
hồ Dầu Tiếng	TV	xã Minh Đức	H. Hớn Quản	11° 29' 56"	106° 25' 28"					C-48-9-D-d; C-48-10-C-c
Ấp Đồng Dầu	DC	xã Minh Đức	H. Hớn Quản	11° 35' 28"	106° 32' 05"					C-48-10-C-c
di tích lịch sử Giếng Nước	KX	xã Minh Đức	H. Hớn Quản	11° 35' 34"	106° 34' 13"					C-48-10-C-c
hồ K4	TV	xã Minh Đức	H. Hớn Quản	11° 35' 24"	106° 30' 47"					C-48-10-C-c
Suối Ma	TV	xã Minh Đức	H. Hớn Quản			11° 37' 35"	106° 34' 33"	11° 36' 38"	106° 31' 38"	C-48-10-C-c
di tích lịch sử Nhà ở Phu cao su	KX	xã Minh Đức	H. Hớn Quản	11° 35' 45"	106° 34' 10"					C-48-10-C-c
Ấp Sóc Lộc Khê	DC	xã Minh Đức	H. Hớn Quản	11° 35' 25"	106° 34' 26"					C-48-10-C-c
Ấp Sóc Ruộng	DC	xã Minh Đức	H. Hớn Quản	11° 35' 12"	106° 34' 56"					C-48-10-C-c
suối Xa Cam 1	TV	xã Minh Đức	H. Hớn Quản			11° 34' 09"	106° 33' 50"	11° 35' 04"	106° 30' 39"	C-48-10-C-c
suối Xa Cam 2	TV	xã Minh Đức	H. Hớn Quản			11° 34' 43"	106° 35' 27"	11° 34' 53"	106° 32' 47"	C-48-10-C-c
suối Xa Cam 3	TV	xã Minh Đức	H. Hớn Quản			11° 37' 23"	106° 35' 22"	11° 35' 19"	106° 33' 54"	C-48-10-C-c
suối Xa Cam 4	TV	xã Minh Đức	H. Hớn Quản			11° 35' 41"	106° 35' 24"	11° 35' 21"	106° 34' 21"	C-48-10-C-c
suối Xa Cát 1	TV	xã Minh Đức	H. Hớn Quản			11° 32' 53"	106° 30' 10"	11° 32' 56"	106° 29' 14"	C-48-10-C-c
suối Xa Cát 2	TV	xã Minh Đức	H. Hớn Quản			11° 33' 29"	106° 34' 17"	11° 32' 53"	106° 30' 10"	C-48-10-C-c
Ấp 1	DC	xã Minh Tâm	H. Hớn Quản	11° 36' 51"	106° 33' 22"					C-48-10-C-c
Ấp 2	DC	xã Minh Tâm	H. Hớn Quản	11° 38' 31"	106° 32' 21"					C-48-10-C-c

Địa danh	Nhóm đối tượng	Tên ĐVHC cấp xã	Tên ĐVHC cấp huyện	Tọa độ vị trí tương đối của đối tượng						Phiên hiệu mảnh bản đồ địa hình
				Tọa độ trung tâm		Tọa độ điểm đầu		Tọa độ điểm cuối		
				Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	
Ấp 3	DC	xã Minh Tâm	H. Hớn Quản	11° 37' 48"	106° 33' 27"					C-48-10-C-a
Ấp 4	DC	xã Minh Tâm	H. Hớn Quản	11° 38' 49"	106° 31' 08"					C-48-10-C-a
Sóc 5	DC	xã Minh Tâm	H. Hớn Quản	11° 36' 52"	106° 32' 19"					C-48-10-C-c
Sóc 6	DC	xã Minh Tâm	H. Hớn Quản	11° 39' 08"	106° 33' 04"					C-48-10-C-a
suối Ba Veng	TV	xã Minh Tâm	H. Hớn Quản			11° 40' 02"	106° 30' 00"	11° 36' 33"	106° 28' 46"	C-48-9-D-b; C-48-9-D-d; C-48-10-C-a
sông Cần Lê Chàm	TV	xã Minh Tâm	H. Hớn Quản			11° 38' 18"	106° 27' 44"	11° 37' 15"	106° 27' 52"	C-48-9-D-b; C-48-9-D-d
suối Chà Là	TV	xã Minh Tâm	H. Hớn Quản			11° 38' 10"	106° 34' 11"	11° 35' 48"	106° 31' 06"	C-48-10-C-a; C-48-10-C-c
hồ Dầu Tiếng	TV	xã Minh Tâm	H. Hớn Quản	11° 29' 56"	106° 25' 28"					C-48-9-D-d; C-48-10-C-c
Đường ĐT.752	KX	xã Minh Tâm	H. Hớn Quản			11° 39' 34"	106° 34' 32"	11° 35' 32"	106° 29' 01"	C-48-10-C-a; C-48-10-C-c
hồ K4	TV	xã Minh Tâm	H. Hớn Quản	11° 35' 24"	106° 30' 47"					C-48-10-C-c
Đồi Khỉ	SV	xã Minh Tâm	H. Hớn Quản	11° 37' 11"	106° 30' 07"					C-48-10-C-c
Suối Ma	TV	xã Minh Tâm	H. Hớn Quản			11° 37' 35"	106° 34' 33"	11° 36' 38"	106° 31' 38"	C-48-10-C-a; C-48-10-C-c
Suối Nơ Ron	TV	xã Minh Tâm	H. Hớn Quản			11° 38' 22"	106° 30' 12"	11° 35' 32"	106° 29' 01"	C-48-9-D-d
Suối Ru	TV	xã Minh Tâm	H. Hớn Quản			11° 40' 20"	106° 35' 45"	11° 38' 19"	106° 31' 27"	C-48-10-C-a
sông Sài Gòn	TV	xã Minh Tâm	H. Hớn Quản			11° 37' 15"	106° 27' 52"	11° 34' 49"	106° 29' 06"	C-48-9-D-d
cầu Tống Lê Chân	KX	xã Minh Tâm	H. Hớn Quản	11° 35' 32"	106° 29' 01"					C-48-9-D-d
Trại giam Tống Lê Chân-K1	KX	xã Minh Tâm	H. Hớn Quản	11° 37' 41"	106° 38' 14"					C-48-10-C-a
Trại giam Tống Lê Chân-K2	KX	xã Minh Tâm	H. Hớn Quản	11° 37' 26"	106° 31' 57"					C-48-10-C-c
Trại giam Tống Lê Chân-K4	KX	xã Minh Tâm	H. Hớn Quản	11° 35' 04"	106° 30' 30"					C-48-10-C-c

Địa danh	Nhóm đối tượng	Tên ĐVHC cấp xã	Tên ĐVHC cấp huyện	Tọa độ vị trí tương đối của đối tượng						Phiên hiệu mảnh bản đồ địa hình
				Tọa độ trung tâm		Tọa độ điểm đầu		Tọa độ điểm cuối		
				Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	
Trại giam Tống Lê Chân-K3	KX	xã Minh Tâm	H. Hớn Quản	11° 36' 50"	106° 30' 33"					C-48-10-C-c
sông Tonle Chàm	TV	xã Minh Tâm	H. Hớn Quản			11° 40' 22"	106° 27' 03"	11° 38' 18"	106° 27' 44"	C-48-9-D-b
Suối Trâu	TV	xã Minh Tâm	H. Hớn Quản			11° 39' 23"	106° 33' 25"	11° 36' 48"	106° 30' 06"	C-48-10-C-a; C-48-10-C-c
Sóc Vàng	DC	xã Minh Tâm	H. Hớn Quản	11° 38' 09"	106° 31' 52"					C-48-10-C-a
nhà máy Bột mì Wu Son	KX	xã Minh Tâm	H. Hớn Quản	11° 37' 39"	106° 30' 23"					C-48-10-C-a
nông trường Cao su Xa Cam	KX	xã Minh Tâm	H. Hớn Quản	11° 38' 29"	106° 33' 18"					C-48-10-C-a
suối Xa Cam	TV	xã Minh Tâm	H. Hớn Quản			11° 34' 09"	106° 33' 50"	11° 35' 04"	106° 30' 39"	C-48-10-C-c
Ấp 23 Lớn	DC	xã Phước An	H. Hớn Quản	11° 37' 05"	106° 38' 14"					C-48-10-C-d
Ấp 23 Nhỏ	DC	xã Phước An	H. Hớn Quản	11° 36' 38"	106° 38' 52"					C-48-10-C-d
Suối Don	TV	xã Phước An	H. Hớn Quản			11° 37' 25"	106° 39' 11"	11° 33' 37"	106° 38' 59"	C-48-10-C-d
núi Gió 1	SV	xã Phước An	H. Hớn Quản	11° 38' 00"	106° 38' 10"					C-48-10-C-b
núi Gió 2	SV	xã Phước An	H. Hớn Quản	11° 38' 38"	106° 38' 30"					C-48-10-C-b
Suối Nghiên	TV	xã Phước An	H. Hớn Quản			11° 39' 15"	106° 39' 31"	11° 32' 17"	106° 45' 29"	C-48-10-C-d
Suối Ốc	TV	xã Phước An	H. Hớn Quản			11° 36' 47"	106° 38' 54"	11° 33' 03"	106° 38' 37"	C-48-10-C-d
chùa Phước Bửu	KX	xã Phước An	H. Hớn Quản	11° 37' 19"	106° 39' 02"					C-48-10-C-d
Ấp Sóc Dày	DC	xã Phước An	H. Hớn Quản	11° 34' 13"	106° 38' 22"					C-48-10-C-d
Ấp Sóc Lớn	DC	xã Phước An	H. Hớn Quản	11° 35' 02"	106° 38' 31"					C-48-10-C-d
Ấp Sở Líp	DC	xã Phước An	H. Hớn Quản	11° 37' 47"	106° 39' 58"					C-48-10-C-b
chùa Thanh Long Tự	KX	xã Phước An	H. Hớn Quản	11° 36' 03"	106° 38' 05"					C-48-10-C-d
Ấp Tổng Cui Lớn	DC	xã Phước An	H. Hớn Quản	11° 38' 16"	106° 38' 46"					C-48-10-C-b
Ấp Tổng Cui Nhỏ	DC	xã Phước An	H. Hớn Quản	11° 38' 16"	106° 39' 10"					C-48-10-C-b
Ấp Tranh 1	DC	xã Phước An	H. Hớn Quản	11° 36' 09"	106° 40' 12"					C-48-10-C-d
Ấp Tranh 2	DC	xã Phước An	H. Hớn Quản	11° 36' 46"	106° 39' 58"					C-48-10-C-d
Ấp Tranh Sở	DC	xã Phước An	H. Hớn Quản	11° 36' 01"	106° 40' 55"					C-48-10-C-d
Ấp Trường An	DC	xã Phước An	H. Hớn Quản	11° 35' 23"	106° 38' 42"					C-48-10-C-d

Địa danh	Nhóm đối tượng	Tên ĐVHC cấp xã	Tên ĐVHC cấp huyện	Tọa độ vị trí tương đối của đối tượng						Phiên hiệu mảnh bản đồ địa hình
				Tọa độ trung tâm		Tọa độ điểm đầu		Tọa độ điểm cuối		
				Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	
Ấp Trường Thịnh	DC	xã Phước An	H. Hớn Quản	11° 36' 24"	106° 38' 29"					C-48-10-C-d
chùa Tứ Phương Tăng	KX	xã Phước An	H. Hớn Quản	11° 35' 59"	106° 37' 11"					C-48-10-C-c
Ấp Văn Hiên 1	DC	xã Phước An	H. Hớn Quản	11° 37' 12"	106° 39' 13"					C-48-10-C-d
Ấp Văn Hiên 2	DC	xã Phước An	H. Hớn Quản	11° 37' 46"	106° 38' 47"					C-48-10-C-b
suối Xa Cát	TV	xã Phước An	H. Hớn Quản			11° 39' 44"	106° 38' 15"	11° 31' 06"	106° 39' 16"	C-48-10-C-c; C-48-10-C-d
nông trường Xa Trạch	KX	xã Phước An	H. Hớn Quản	11° 37' 14"	106° 38' 35"					C-48-10-C-d
Ấp Xa Trạch 1	DC	xã Phước An	H. Hớn Quản	11° 36' 13"	106° 37' 23"					C-48-10-C-c
Ấp Xa Trạch 2	DC	xã Phước An	H. Hớn Quản	11° 36' 03"	106° 37' 56"					C-48-10-C-c
Ấp Xa Trạch Sóc	DC	xã Phước An	H. Hớn Quản	11° 35' 04"	106° 37' 24"					C-48-10-C-c
Ấp 6	DC	xã Tân Hiệp	H. Hớn Quản	11° 30' 42"	106° 31' 29"					C-48-10-C-c
Ấp 7	DC	xã Tân Hiệp	H. Hớn Quản	11° 31' 14"	106° 30' 18"					C-48-10-C-c
Ấp 8	DC	xã Tân Hiệp	H. Hớn Quản	11° 31' 24"	106° 31' 26"					C-48-10-C-c
Ấp 9	DC	xã Tân Hiệp	H. Hớn Quản	11° 31' 19"	106° 28' 15"					C-48-9-D-d
Ấp 10	DC	xã Tân Hiệp	H. Hớn Quản	11° 30' 14"	106° 30' 41"					C-48-10-C-c
Ấp Bàu Lùng	DC	xã Tân Hiệp	H. Hớn Quản	11° 32' 05"	106° 28' 44"					C-48-9-D-d
Khu kinh tế mới Bến Tre	KX	xã Tân Hiệp	H. Hớn Quản	11° 33' 02"	106° 31' 33"					C-48-10-C-c
hồ Dầu Tiếng	TV	xã Tân Hiệp	H. Hớn Quản	11° 29' 56"	106° 25' 28"					C-48-9-D-d; C-48-21-B-b
Suối Đỉa	TV	xã Tân Hiệp	H. Hớn Quản			11° 30' 59"	106° 31' 29"	11° 28' 59"	106° 31' 02"	C-48-10-C-c; C-48-22-A-a
Suối Láp	TV	xã Tân Hiệp	H. Hớn Quản			11° 32' 48"	106° 32' 21"	11° 33' 19"	106° 32' 08"	C-48-10-C-c
Suối Lấp	TV	xã Tân Hiệp	H. Hớn Quản			11° 28' 08"	106° 32' 19"	11° 29' 00"	106° 30' 52"	C-48-22-A-a
Ấp Sóc 5	DC	xã Tân Hiệp	H. Hớn Quản	11° 30' 49"	106° 30' 29"					C-48-10-C-c
hồ Suối Láp	TV	xã Tân Hiệp	H. Hớn Quản	11° 32' 35"	106° 32' 28"					C-48-10-C-c
suối Tà Mòn	TV	xã Tân Hiệp	H. Hớn Quản			11° 29' 00"	106° 30' 52"	11° 29' 56"	106° 29' 27"	C-48-21-B-b; C-48-22-A-a

Địa danh	Nhóm đối tượng	Tên ĐVHC cấp xã	Tên ĐVHC cấp huyện	Tọa độ vị trí tương đối của đối tượng						Phiên hiệu mảnh bản đồ địa hình
				Tọa độ trung tâm		Tọa độ điểm đầu		Tọa độ điểm cuối		
				Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	
Trung tâm Bảo trợ xã hội Tân Hiệp	KX	xã Tân Hiệp	H. Hớn Quản	11° 33' 12"	106° 29' 20"					C-48-9-D-d
Ấp Tân Lập	DC	xã Tân Hiệp	H. Hớn Quản	11° 32' 37"	106° 32' 11"					C-48-10-C-c
suối Xa Cát	TV	xã Tân Hiệp	H. Hớn Quản			11° 33' 29"	106° 34' 17"	11° 32' 56"	106° 29' 14"	C-48-10-C-c
nhà máy Chế biến Mủ cao su 30-4	KX	xã Tân Hưng	H. Hớn Quản	11° 40' 03"	106° 42' 09"					C-48-10-C-b
suối A Mo	TV	xã Tân Hưng	H. Hớn Quản			11° 40' 32"	106° 42' 24"	11° 41' 37"	106° 43' 58"	C-48-10-C-b
Sông Bé	TV	xã Tân Hưng	H. Hớn Quản			11° 46' 06"	106° 45' 13"	11° 23' 50"	106° 42' 08"	C-48-10-B-c; C-48-10-C-b; C-48-10-D-a
Suối Cát	TV	xã Tân Hưng	H. Hớn Quản			11° 40' 26"	106° 38' 05"	11° 41' 48"	106° 44' 24"	C-48-10-C-b
Sóc Dầm	DC	xã Tân Hưng	H. Hớn Quản	11° 40' 20"	106° 43' 41"					C-48-10-C-b
Suối Dầm	TV	xã Tân Hưng	H. Hớn Quản			11° 37' 00"	106° 43' 00"	11° 35' 13"	106° 43' 20"	C-48-10-C-d
sóc Đăk Sư	DC	xã Tân Hưng	H. Hớn Quản	11° 40' 05"	106° 42' 51"					C-48-10-C-b
Ấp Đông Hồ	DC	xã Tân Hưng	H. Hớn Quản	11° 40' 59"	106° 43' 16"					C-48-10-C-b
Đường ĐT.756	KX	xã Tân Hưng	H. Hớn Quản			11° 52' 58"	106° 41' 11"	11° 31' 06"	106° 44' 28"	C-48-10-C-b C-48-10-C-d
Đường ĐT.758	KX	xã Tân Hưng	H. Hớn Quản			11° 37' 02"	106° 46' 26"	11° 38' 40"	106° 42' 10"	C-48-10-C-b; C-48-10-C-d; C-48-10-D-c
Suối Heo	TV	xã Tân Hưng	H. Hớn Quản			11° 39' 57"	106° 41' 40"	11° 38' 00"	106° 46' 17"	C-48-10-C-b; C-48-10-D-a
Ấp Hưng Lập A	DC	xã Tân Hưng	H. Hớn Quản	11° 37' 47"	106° 42' 18"					C-48-10-C-b
Ấp Hưng Lập B	DC	xã Tân Hưng	H. Hớn Quản	11° 38' 52"	106° 42' 11"					C-48-10-C-b
Ấp Hưng Phát	DC	xã Tân Hưng	H. Hớn Quản	11° 36' 51"	106° 42' 08"					C-48-10-C-d
Ấp Hưng Yên	DC	xã Tân Hưng	H. Hớn Quản	11° 38' 05"	106° 43' 51"					C-48-10-C-b
nông trường Lợi Hưng	KX	xã Tân Hưng	H. Hớn Quản	11° 38' 49"	106° 42' 10"					C-48-10-C-b
Ấp Lòng Hồ	DC	xã Tân Hưng	H. Hớn Quản	11° 40' 58"	106° 42' 14"					C-48-10-C-b

Địa danh	Nhóm đối tượng	Tên ĐVHC cấp xã	Tên ĐVHC cấp huyện	Tọa độ vị trí tương đối của đối tượng						Phiên hiệu mảnh bản đồ địa hình
				Tọa độ trung tâm		Tọa độ điểm đầu		Tọa độ điểm cuối		
				Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	
Suối Lu 1	TV	xã Tân Hưng	H. Hớn Quản			11° 38' 59"	106° 41' 59"	11° 37' 22"	106° 42' 23"	C-48-10-C-b C-48-10-C-d
Suối Lu 2	TV	xã Tân Hưng	H. Hớn Quản			11° 38' 07"	106° 43' 49"	11° 36' 05"	106° 45' 18"	C-48-10-C-b; C-48-10-C-d; C-48-10-D-c;
Suối Nghiên	TV	xã Tân Hưng	H. Hớn Quản			11° 39' 15"	106° 39' 31"	11° 32' 17"	106° 45' 29"	C-48-10-C-d
Cầu Sắt	KX	xã Tân Hưng	H. Hớn Quản	11° 37' 31"	106° 42' 51"					C-48-10-C-b
Ấp Sở Xiêm	DC	xã Tân Hưng	H. Hớn Quản	11° 39' 58"	106° 42' 09"					C-48-10-C-b
Ấp Sóc Quả	DC	xã Tân Hưng	H. Hớn Quản	11° 37' 50"	106° 45' 01"					C-48-10-D-a
Ấp Sóc Ruộng	DC	xã Tân Hưng	H. Hớn Quản	11° 40' 02"	106° 44' 09"					C-48-10-C-b
hồ Sóc Xiêm	TV	xã Tân Hưng	H. Hớn Quản	11° 40' 45"	106° 42' 14"					C-48-10-B-c; C-48-10-C-b; C-48-10-D-a
cầu Sông Bé	KX	xã Tân Hưng	H. Hớn Quản	11° 37' 02"	106° 46' 26"					C-48-10-D-c
chùa Thanh Hòa	KX	xã Tân Hưng	H. Hớn Quản	11° 37' 41"	106° 42' 50"					C-48-10-C-b
nông trường Trà Thanh	KX	xã Tân Hưng	H. Hớn Quản	11° 40' 34"	106° 42' 08"					C-48-10-C-b
Sóc Ứng	DC	xã Tân Hưng	H. Hớn Quản	11° 36' 31"	106° 44' 39"					C-48-10-C-d
sóc Xà Nạp	DC	xã Tân Hưng	H. Hớn Quản	11° 36' 12"	106° 43' 37"					C-48-10-C-d
sóc Xoài Lớn	DC	xã Tân Hưng	H. Hớn Quản	11° 36' 46"	106° 42' 19"					C-48-10-C-d
sóc Xoài Nhỏ	DC	xã Tân Hưng	H. Hớn Quản	11° 36' 26"	106° 42' 51"					C-48-10-C-d
Suối Zu	TV	xã Tân Hưng	H. Hớn Quản			11° 36' 05"	106° 45' 18"	11° 35' 55"	106° 45' 50"	C-48-10-D-c
Ấp 1	DC	xã Tân Khai	H. Hớn Quản	11° 34' 10"	106° 36' 18"					C-48-10-C-c
Ấp 2	DC	xã Tân Khai	H. Hớn Quản	11° 33' 26"	106° 36' 51"					C-48-10-C-c
Ấp 3	DC	xã Tân Khai	H. Hớn Quản	11° 32' 42"	106° 36' 57"					C-48-10-C-c
Ấp 4	DC	xã Tân Khai	H. Hớn Quản	11° 31' 37"	106° 36' 55"					C-48-10-C-c
Ấp 5	DC	xã Tân Khai	H. Hớn Quản	11° 33' 10"	106° 36' 40"					C-48-10-C-c
Ấp 6	DC	xã Tân Khai	H. Hớn Quản	11° 33' 38"	106° 35' 30"					C-48-10-C-c
Ấp 7	DC	xã Tân Khai	H. Hớn Quản	11° 32' 03"	106° 36' 36"					C-48-10-C-c

Địa danh	Nhóm đối tượng	Tên ĐVHC cấp xã	Tên ĐVHC cấp huyện	Tọa độ vị trí tương đối của đối tượng						Phiên hiệu mảnh bản đồ địa hình
				Tọa độ trung tâm		Tọa độ điểm đầu		Tọa độ điểm cuối		
				Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	
trạm biến áp 110KV Bình Long	KX	xã Tân Khai	H. Hớn Quản	11° 34' 17"	106° 36' 53"					C-48-10-C-c
nghĩa trang Bình Long	KX	xã Tân Khai	H. Hớn Quản	11° 34' 30"	106° 36' 51"					C-48-10-C-c
nông trường Bình Minh	KX	xã Tân Khai	H. Hớn Quản	11° 34' 43"	106° 35' 52"					C-48-10-C-c
hồ Đập Bàu Úm	TV	xã Tân Khai	H. Hớn Quản	11° 33' 01"	106° 35' 35"					C-48-10-C-c
hồ Đập Ông	TV	xã Tân Khai	H. Hớn Quản	11° 32' 35"	106° 35' 59"					C-48-10-C-c
di tích lịch sử quốc gia Địa điểm chiến thắng chốt chặn Tàu Ô	KX	xã Tân Khai	H. Hớn Quản	11° 31' 11"	106° 36' 48"					C-48-10-C-c
nông trường Đồng Nơ	KX	xã Tân Khai	H. Hớn Quản	11° 31' 42"	106° 35' 34"					C-48-10-C-c
Đường ĐT.756B	KX	xã Tân Khai	H. Hớn Quản			11° 26' 53"	106° 44' 42"	11° 32' 38"	106° 33' 46"	
Đường QL.13	KX	xã Tân Khai	H. Hớn Quản			11° 21' 37"	106° 37' 44"	11° 58' 13"	106° 32' 26"	C-48-10-C-c
sóc Tà Cuông	DC	xã Tân Khai	H. Hớn Quản	11° 32' 24"	106° 38' 32"					C-48-10-C-d
đình thần Tân Khai	KX	xã Tân Khai	H. Hớn Quản	11° 33' 10"	106° 36' 38"					C-48-10-C-c
nhà thờ Tân Khai	KX	xã Tân Khai	H. Hớn Quản	11° 32' 51"	106° 37' 10"					C-48-10-C-c
suối Tàu Ô	TV	xã Tân Khai	H. Hớn Quản			11° 30' 27"	106° 36' 16"	11° 31' 06"	106° 39' 16"	C-48-10-C-c; C-48-10-C-d
chùa Thanh Cảnh	KX	xã Tân Khai	H. Hớn Quản	11° 33' 59"	106° 37' 05"					C-48-10-C-c
chùa Thanh Quang	KX	xã Tân Khai	H. Hớn Quản	11° 32' 05"	106° 36' 45"					C-48-10-C-c
suối Xa Cát	TV	xã Tân Khai	H. Hớn Quản			11° 39' 44"	106° 38' 15"	11° 31' 06"	106° 39' 16"	C-48-10-C-c; C-48-10-C-d
Ấp Ân Lợi	DC	xã Tân Lợi	H. Hớn Quản	11° 39' 56"	106° 38' 12"					C-48-10-C-b
Ấp Bà Lành	DC	xã Tân Lợi	H. Hớn Quản	11° 41' 24"	106° 41' 18"					C-48-10-C-b
Suối Cát	TV	xã Tân Lợi	H. Hớn Quản			11° 40' 26"	106° 38' 05"	11° 41' 48"	106° 44' 24"	C-48-10-C-b
Đường ĐT.756	KX	xã Tân Lợi	H. Hớn Quản			11° 52' 58"	106° 41' 11"	11° 31' 06"	106° 44' 28"	C-48-10-C-b
núi Gió 1	SV	xã Tân Lợi	H. Hớn Quản	11° 38' 00"	106° 38' 10"					C-48-10-C-b
núi Gió 2	SV	xã Tân Lợi	H. Hớn Quản	11° 38' 38"	106° 38' 30"					C-48-10-C-b
Suối Heo	TV	xã Tân Lợi	H. Hớn Quản			11° 41' 09"	106° 38' 01"	11° 43' 10"	106° 38' 23"	C-48-10-C-b
Ấp Hưng Thạnh	DC	xã Tân Lợi	H. Hớn Quản	11° 39' 11"	106° 40' 47"					C-48-10-C-b

Địa danh	Nhóm đối tượng	Tên ĐVHC cấp xã	Tên ĐVHC cấp huyện	Tọa độ vị trí tương đối của đối tượng						Phiên hiệu mảnh bản đồ địa hình
				Tọa độ trung tâm		Tọa độ điểm đầu		Tọa độ điểm cuối		
				Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	
Lốc 22	DC	xã Tân Lợi	H. Hớn Quản	11° 38' 46"	106° 40' 00"					C-48-10-C-b
nông trường Lợi Hưng	KX	xã Tân Lợi	H. Hớn Quản	11° 37' 36"	106° 40' 57"					C-48-10-C-b
Suối Nghiên	TV	xã Tân Lợi	H. Hớn Quản			11° 39' 15"	106° 39' 31"	11° 32' 17"	106° 45' 29"	C-48-10-C-b
Ấp Núi Gió	DC	xã Tân Lợi	H. Hớn Quản	11° 38' 48"	106° 38' 18"					C-48-10-C-b
nhà máy Khai thác đá Núi Gió	KX	xã Tân Lợi	H. Hớn Quản	11° 38' 29"	106° 38' 14"					C-48-10-C-b
Ấp Phú Miêng	DC	xã Tân Lợi	H. Hớn Quản	11° 40' 46"	106° 38' 17"					C-48-10-C-b
suối Phú Miêng	TV	xã Tân Lợi	H. Hớn Quản			11° 41' 14"	106° 38' 42"	11° 43' 09"	106° 38' 42"	C-48-10-C-b
nông trường Cao su Quản Lợi	KX	xã Tân Lợi	H. Hớn Quản	11° 39' 45"	106° 38' 53"					C-48-10-C-b
nhà máy Chế biến mủ cao su Quản Lợi	KX	xã Tân Lợi	H. Hớn Quản	11° 39' 46"	106° 38' 09"					C-48-10-C-b
Ấp Quản Lợi A	DC	xã Tân Lợi	H. Hớn Quản	11° 39' 34"	106° 38' 12"					C-48-10-C-b
Ấp Quản Lợi B	DC	xã Tân Lợi	H. Hớn Quản	11° 40' 43"	106° 39' 34"					C-48-10-C-b
di tích lịch sử Sân bay Tec Nich	KX	xã Tân Lợi	H. Hớn Quản	11° 40' 23"	106° 39' 26"					C-48-10-C-b
thác Số 4	TV	xã Tân Lợi	H. Hớn Quản	11° 41' 25"	106° 40' 29"					C-48-10-C-b
Ấp Sóc Lết	DC	xã Tân Lợi	H. Hớn Quản	11° 38' 01"	106° 40' 53"					C-48-10-C-b
Ấp Sóc Trào A	DC	xã Tân Lợi	H. Hớn Quản	11° 40' 25"	106° 40' 53"					C-48-10-C-b
Ấp Sóc Trào B	DC	xã Tân Lợi	H. Hớn Quản	11° 39' 01"	106° 39' 02"					C-48-10-C-b
suối Xa Cát	TV	xã Tân Lợi	H. Hớn Quản			11° 39' 44"	106° 38' 15"	11° 31' 06"	106° 39' 16"	C-48-10-C-b
Ấp 2	DC	xã Tân Quan	H. Hớn Quản	11° 34' 51"	106° 40' 38"					C-48-10-C-d
Ấp 4	DC	xã Tân Quan	H. Hớn Quản	11° 32' 36"	106° 39' 03"					C-48-10-C-d
Ấp 5	DC	xã Tân Quan	H. Hớn Quản	11° 32' 23"	106° 38' 55"					C-48-10-C-d
cầu Bà Hô	KX	xã Tân Quan	H. Hớn Quản	11° 32' 22"	106° 38' 51"					C-48-10-C-d
Suối Don	TV	xã Tân Quan	H. Hớn Quản			11° 37' 25"	106° 39' 11"	11° 33' 37"	106° 38' 59"	C-48-10-C-d
Đường ĐT.756B	KX	xã Tân Quan	H. Hớn Quản			11° 26' 53"	106° 44' 42"	11° 32' 38"	106° 33' 46"	C-48-10-C-d
Đường ĐT.756C	KX	xã Tân Quan	H. Hớn Quản			11° 33' 17"	106° 44' 40"	11° 32' 25"	106° 38' 57"	C-48-10-C-d

Địa danh	Nhóm đối tượng	Tên ĐVHC cấp xã	Tên ĐVHC cấp huyện	Tọa độ vị trí tương đối của đối tượng						Phiên hiệu mảnh bản đồ địa hình
				Tọa độ trung tâm		Tọa độ điểm đầu		Tọa độ điểm cuối		
				Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	
Ấp Long Bình	DC	xã Tân Quan	H. Hớn Quản	11° 34' 08"	106° 40' 16"					C-48-10-C-d
cầu Long Bình	KX	xã Tân Quan	H. Hớn Quản	11° 33' 55"	106° 39' 41"					C-48-10-C-d
Suối Ốc	TV	xã Tân Quan	H. Hớn Quản			11° 36' 47"	106° 38' 54"	11° 33' 03"	106° 38' 37"	C-48-10-C-d
sóc Ruộng 1	DC	xã Tân Quan	H. Hớn Quản	11° 33' 00"	106° 40' 27"					C-48-10-C-d
sóc Ruộng 2	DC	xã Tân Quan	H. Hớn Quản	11° 32' 26"	106° 40' 01"					C-48-10-C-d
Ấp Sóc Lớn	DC	xã Tân Quan	H. Hớn Quản	11° 34' 32"	106° 39' 34"					C-48-10-C-d
hồ Suối Lai	TV	xã Tân Quan	H. Hớn Quản	11° 34' 28"	106° 40' 27"					C-48-10-C-d
suối Xa Cát	TV	xã Tân Quan	H. Hớn Quản			11° 39' 44"	106° 38' 15"	11° 25' 27"	106° 43' 08"	C-48-10-C-d
Ấp Xa Lách	DC	xã Tân Quan	H. Hớn Quản	11° 31' 41"	106° 40' 00"					C-48-10-C-d
cầu Xa Lách	KX	xã Tân Quan	H. Hớn Quản	11° 31' 50"	106° 40' 20"					C-48-10-C-d
nông trường Xa Trạch	KX	xã Tân Quan	H. Hớn Quản	11° 33' 30"	106° 39' 51"					C-48-10-C-d
Ấp Xạc Lây	DC	xã Tân Quan	H. Hớn Quản	11° 34' 18"	106° 40' 33"					C-48-10-C-d
đồi 77	SV	xã Thanh An	H. Hớn Quản	11° 46' 09"	106° 41' 15"					C-48-10-A-d
hồ Thủy điện Srok	TV	xã Thanh An	H. Hớn Quản	11° 47' 40"	106° 45' 20"					C-48-10-B-c
Ấp An Hòa	DC	xã Thanh An	H. Hớn Quản	11° 45' 00"	106° 42' 26"					C-48-10-A-d
Ấp An Quý	DC	xã Thanh An	H. Hớn Quản	11° 44' 16"	106° 43' 35"					C-48-10-C-b
Ấp An Sơn	DC	xã Thanh An	H. Hớn Quản	11° 44' 59"	106° 43' 35"					C-48-10-C-b
Sông Bé	TV	xã Thanh An	H. Hớn Quản			11° 46' 06"	106° 45' 13"	11° 23' 50"	106° 42' 08"	C-48-10-B-c; C-48-10-C-b; C-48-10-D-a
Ấp Bù Dinh	DC	xã Thanh An	H. Hớn Quản	11° 46' 19"	106° 43' 06"					C-48-10-A-d
cầu Bù Dinh	KX	xã Thanh An	H. Hớn Quản	11° 46' 27"	106° 42' 01"					C-48-10-A-d
suối Bù Dinh	TV	xã Thanh An	H. Hớn Quản			11° 46' 16"	106° 40' 55"	11° 45' 25"	106° 45' 20"	C-48-10-A-d
Suối Cát	TV	xã Thanh An	H. Hớn Quản			11° 40' 26"	106° 38' 05"	11° 41' 48"	106° 44' 24"	C-48-10-C-b
suối Chum Ri	TV	xã Thanh An	H. Hớn Quản			11° 45' 54"	106° 41' 12"	11° 42' 14"	106° 41' 24"	C-48-10-A-d; C-48-10-B-c
Ấp Địa Hạt	DC	xã Thanh An	H. Hớn Quản	11° 44' 10"	106° 43' 13"					C-48-10-C-b

Địa danh	Nhóm đối tượng	Tên ĐVHC cấp xã	Tên ĐVHC cấp huyện	Tọa độ vị trí tương đối của đối tượng						Phiên hiệu mảnh bản đồ địa hình
				Tọa độ trung tâm		Tọa độ điểm đầu		Tọa độ điểm cuối		
				Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	
Đường ĐT.756	KX	xã Thanh An	H. Hớn Quản			11° 52' 58"	106° 41' 11"	11° 31' 06"	106° 44' 28"	C-48-10-A-d C-48-10-C-b
Đường ĐT.757	KX	xã Thanh An	H. Hớn Quản			11° 44' 06"	106° 52' 16"	11° 44' 42"	106° 40' 34"	C-48-10-A-d; C-48-10-C-b
nhà máy Nước Idico	KX	xã Thanh An	H. Hớn Quản	11° 46' 03"	106° 44' 41"					C-48-10-A-d
bàu Kàn Reng	TV	xã Thanh An	H. Hớn Quản	11° 46' 30"	106° 43' 06"					C-48-10-A-d
suối Kàn Reng	TV	xã Thanh An	H. Hớn Quản			11° 47' 00"	106° 42' 51"	11° 46' 20"	106° 44' 16"	C-48-10-A-d
Ấp Lồ Ô	DC	xã Thanh An	H. Hớn Quản	11° 43' 29"	106° 41' 51"					C-48-10-C-b
Ấp Phùm Lu	DC	xã Thanh An	H. Hớn Quản	11° 44' 28"	106° 43' 03"					C-48-10-C-b
mỏ đá Puzơlơn	KX	xã Thanh An	H. Hớn Quản	11° 46' 13"	106° 41' 31"					C-48-10-A-d
Ấp Sóc Dầm	DC	xã Thanh An	H. Hớn Quản	11° 43' 29"	106° 43' 28"					C-48-10-C-b
Suối Tàu	TV	xã Thanh An	H. Hớn Quản			11° 44' 59"	106° 42' 21"	11° 43' 58"	106° 45' 44"	C-48-10-C-b; C-48-10-D-a
giáo xứ Thanh An	KX	xã Thanh An	H. Hớn Quản	11° 44' 24"	106° 43' 23"					C-48-10-C-b
đình thần Thanh An	KX	xã Thanh An	H. Hớn Quản	11° 44' 28"	106° 41' 53"					C-48-10-C-b
Ấp Thanh Sơn	DC	xã Thanh An	H. Hớn Quản	11° 44' 38"	106° 41' 57"					C-48-10-C-b
Ấp Thuận An	DC	xã Thanh An	H. Hớn Quản	11° 43' 34"	106° 42' 36"					C-48-10-C-b
Ấp Trà Thanh	DC	xã Thanh An	H. Hớn Quản	11° 43' 20"	106° 42' 34"					C-48-10-C-b
nông trường Trà Thanh	KX	xã Thanh An	H. Hớn Quản	11° 43' 29"	106° 42' 55"					C-48-10-A-d
cầu Trà Thành	KX	xã Thanh An	H. Hớn Quản	11° 43' 49"	106° 45' 57"					C-48-10-D-a
Ấp Trung Sơn	DC	xã Thanh An	H. Hớn Quản	11° 43' 57"	106° 43' 37"					C-48-10-C-b
Ấp Xa Cô	DC	xã Thanh An	H. Hớn Quản	11° 44' 40"	106° 44' 20"					C-48-10-C-b
nghĩa trang xã Thanh An	KX	xã Thanh An	H. Hớn Quản	11° 44' 10"	106° 44' 53"					C-48-10-C-b
Đường QL.13	KX	xã Thanh Bình	H. Hớn Quản			11° 21' 37"	106° 37' 44"	11° 58' 13"	106° 32' 26"	C-48-10-C-c
nông trường Bình Minh	KX	xã Thanh Bình	H. Hớn Quản	11° 35' 27"	106° 35' 55"					C-48-10-C-c
Ấp Chà La	DC	xã Thanh Bình	H. Hớn Quản	11° 35' 50"	106° 36' 52"					C-48-10-C-c

Địa danh	Nhóm đối tượng	Tên ĐVHC cấp xã	Tên ĐVHC cấp huyện	Tọa độ vị trí tương đối của đối tượng						Phiên hiệu mảnh bản đồ địa hình
				Tọa độ trung tâm		Tọa độ điểm đầu		Tọa độ điểm cuối		
				Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	
suối Chà Là	TV	xã Thanh Bình	H. Hớn Quản			11° 36' 37"	106° 36' 21"	11° 35' 20"	106° 36' 43"	C-48-10-C-c
Ấp Đông Phát	DC	xã Thanh Bình	H. Hớn Quản	11° 37' 46"	106° 37' 01"					C-48-10-C-a
cầu Đường Sắt	KX	xã Thanh Bình	H. Hớn Quản	11° 35' 23"	106° 36' 38"					C-48-10-C-c
núi Gió 1	SV	xã Thanh Bình	H. Hớn Quản	11° 38' 00"	106° 38' 10"					C-48-10-C-b
Suối Ró	TV	xã Thanh Bình	H. Hớn Quản			11° 38' 58"	106° 38' 54"	11° 37' 05"	106° 37' 40"	C-48-10-C-d
Ấp Sở Nhì	DC	xã Thanh Bình	H. Hớn Quản	11° 36' 10"	106° 36' 13"					C-48-10-C-c
Ấp Sóc Răng	DC	xã Thanh Bình	H. Hớn Quản	11° 36' 20"	106° 36' 52"					C-48-10-C-c
chùa Thiện Tâm	KX	xã Thanh Bình	H. Hớn Quản	11° 34' 53"	106° 36' 31"					C-48-10-C-c
Ấp Xa Cát	DC	xã Thanh Bình	H. Hớn Quản	11° 34' 56"	106° 36' 23"					C-48-10-C-c
suối Xa Cát 1	TV	xã Thanh Bình	H. Hớn Quản			11° 38' 00"	106° 36' 51"	11° 36' 21"	106° 37' 04"	C-48-10-C-a C-48-10-C-c
suối Xa Cát 2	TV	xã Thanh Bình	H. Hớn Quản			11° 39' 44"	106° 38' 15"	11° 31' 06"	106° 39' 16"	C-48-10-C-a; C-48-10-C-b; C-48-10-C-c; C-48-10-C-d
chùa Bảo Lộc	KX	TT. Lộc Ninh	H. Lộc Ninh	11° 50' 47"	106° 35' 19"					C-48-10-A-c
Công ty TNHH MTV Cao su Lộc Ninh	KX	TT. Lộc Ninh	H. Lộc Ninh	11° 50' 24"	106° 34' 41"					C-48-10-A-c
Suối Chợ	TV	TT. Lộc Ninh	H. Lộc Ninh			11° 51' 47"	106° 35' 35"	11° 49' 50"	106° 35' 42"	C-48-10-A-c
di tích lịch sử Địa điểm Nguỵ quyền ném bom thảm sát dân thường	KX	TT. Lộc Ninh	H. Lộc Ninh	11° 50' 49"	106° 35' 21"					C-48-10-A-c
Bệnh viện Đa khoa huyện Lộc Ninh	KX	TT. Lộc Ninh	H. Lộc Ninh	11° 51' 10"	106° 35' 19"					C-48-10-A-c
di tích lịch sử Làng Công - Tra	KX	TT. Lộc Ninh	H. Lộc Ninh	11° 50' 54"	106° 35' 25"					C-48-10-A-c
Trường Dân tộc nội trú Lộc Ninh	KX	TT. Lộc Ninh	H. Lộc Ninh	11° 51' 21"	106° 34' 59"					C-48-10-A-c
nhà thờ Lộc Ninh	KX	TT. Lộc Ninh	H. Lộc Ninh	11° 51' 13"	106° 35' 00"					C-48-10-A-c

Địa danh	Nhóm đối tượng	Tên ĐVHC cấp xã	Tên ĐVHC cấp huyện	Tọa độ vị trí tương đối của đối tượng						Phiên hiệu mảnh bản đồ địa hình
				Tọa độ trung tâm		Tọa độ điểm đầu		Tọa độ điểm cuối		
				Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	
nhà máy Chế biến mủ cao su Lộc Ninh	KX	TT. Lộc Ninh	H. Lộc Ninh	11° 50' 47"	106° 35' 28"					C-48-10-A-c
sân bay quân sự Lộc Ninh	KX	TT. Lộc Ninh	H. Lộc Ninh	11° 50' 27"	106° 35' 14"					C-48-10-A-c
Trụ sở cách mạng lâm thời cộng hòa Miền Nam Việt Nam	KX	TT. Lộc Ninh	H. Lộc Ninh	11° 50' 36"	106° 35' 21"					C-48-10-A-c
di tích lịch sử Nhà quản lý công trình thời Pháp thuộc	KX	TT. Lộc Ninh	H. Lộc Ninh	11° 51' 29"	106° 35' 00"					C-48-10-A-c
khu phố Ninh Hòa	DC	TT. Lộc Ninh	H. Lộc Ninh	11° 50' 58"	106° 35' 16"					C-48-10-A-c
khu phố Ninh Phú	DC	TT. Lộc Ninh	H. Lộc Ninh	11° 50' 49"	106° 35' 24"					C-48-10-A-c
khu phố Ninh Phước	DC	TT. Lộc Ninh	H. Lộc Ninh	11° 51' 01"	106° 35' 30"					C-48-10-A-c
khu phố Ninh Thái	DC	TT. Lộc Ninh	H. Lộc Ninh	11° 50' 23"	106° 35' 31"					C-48-10-A-c
khu phố Ninh Thành	DC	TT. Lộc Ninh	H. Lộc Ninh	11° 50' 10"	106° 35' 49"					C-48-10-A-c
khu phố Ninh Thạnh	DC	TT. Lộc Ninh	H. Lộc Ninh	11° 51' 17"	106° 34' 57"					C-48-10-A-c
khu phố Ninh Thịnh	DC	TT. Lộc Ninh	H. Lộc Ninh	11° 50' 41"	106° 34' 52"					C-48-10-A-c
khu phố Ninh Thuận	DC	TT. Lộc Ninh	H. Lộc Ninh	11° 50' 44"	106° 35' 45"					C-48-10-A-c
nhà nghỉ Thượng tướng Phạm Văn Trà	KX	TT. Lộc Ninh	H. Lộc Ninh	11° 50' 22"	106° 35' 34"					C-48-10-A-c
Đường QL.13	KX	TT. Lộc Ninh	H. Lộc Ninh			11° 21' 37"	106° 37' 44"	11° 58' 13"	106° 32' 26"	C-48-10-A-c
chùa Quan Âm	KX	TT. Lộc Ninh	H. Lộc Ninh	11° 50' 21"	106° 35' 31"					C-48-10-A-c
chùa Trúc Lâm	KX	TT. Lộc Ninh	H. Lộc Ninh	11° 50' 51"	106° 35' 34"					C-48-10-A-c
chùa Từ Quang	KX	TT. Lộc Ninh	H. Lộc Ninh	11° 50' 44"	106° 35' 28"					C-48-10-A-c
Ấp 1	DC	xã Lộc An	H. Lộc Ninh	11° 54' 52"	106° 39' 26"					C-48-10-A-b
Ấp 2	DC	xã Lộc An	H. Lộc Ninh	11° 55' 22"	106° 40' 16"					C-48-10-A-b
Ấp 3	DC	xã Lộc An	H. Lộc Ninh	11° 53' 42"	106° 40' 02"					C-48-10-A-b
Ấp 4	DC	xã Lộc An	H. Lộc Ninh	11° 53' 39"	106° 38' 31"					C-48-10-A-b
Ấp 6	DC	xã Lộc An	H. Lộc Ninh	11° 54' 31"	106° 37' 41"					C-48-10-A-a

Địa danh	Nhóm đối tượng	Tên ĐVHC cấp xã	Tên ĐVHC cấp huyện	Tọa độ vị trí tương đối của đối tượng						Phiên hiệu mảnh bản đồ địa hình
				Tọa độ trung tâm		Tọa độ điểm đầu		Tọa độ điểm cuối		
				Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	
Ấp 7	DC	xã Lộc An	H. Lộc Ninh	11° 55' 29"	106° 37' 02"					C-48-10-A-b
Ấp 8	DC	xã Lộc An	H. Lộc Ninh	11° 56' 34"	106° 39' 55"					C-48-10-A-b
Ấp 9	DC	xã Lộc An	H. Lộc Ninh	11° 54' 59"	106° 41' 01"					C-48-10-A-b
Ấp 54	DC	xã Lộc An	H. Lộc Ninh	11° 55' 41"	106° 38' 04"					C-48-10-A-b
Công ty TNHH MTV Cao su Lộc Linh	KX	xã Lộc An	H. Lộc Ninh	11° 53' 11"	106° 38' 45"					C-48-10-A-b
cầu Ấp 1	KX	xã Lộc An	H. Lộc Ninh	11° 54' 54"	106° 39' 17"					C-48-10-A-b
cầu Ấp 54	KX	xã Lộc An	H. Lộc Ninh	11° 55' 40"	106° 38' 12"					C-48-10-A-b
di chỉ Bãi Tiên	KX	xã Lộc An	H. Lộc Ninh	11° 55' 38"	106° 40' 29"					C-48-10-A-b
suối Bàu Sen	TV	xã Lộc An	H. Lộc Ninh			11° 56' 38"	106° 41' 10"	11° 58' 46"	106° 40' 18"	C-48-10-A-b
cầu Bầu Sen	KX	xã Lộc An	H. Lộc Ninh	11° 57' 57"	106° 40' 07"					C-48-10-A-b
Stưng Chrey Miêng	TV	xã Lộc An	H. Lộc Ninh			12° 02' 22"	106° 45' 37"	11° 58' 30"	106° 37' 33"	C-48-10-A-b
Bàu Đưng	TV	xã Lộc An	H. Lộc Ninh	11° 55' 42"	106° 41' 22"					C-48-10-A-b
Đường ĐT.759B	KX	xã Lộc An	H. Lộc Ninh			12° 04' 06"	106° 51' 08"	11° 53' 12"	106° 36' 35"	C-48-10-A-a; C-48-10-A-b
Suối Ka	TV	xã Lộc An	H. Lộc Ninh			11° 54' 01"	106° 37' 25"	11° 56' 22"	106° 40' 10"	C-48-10-A-a; C-48-10-A-b
suối Pre Son	TV	xã Lộc An	H. Lộc Ninh			11° 53' 15"	106° 37' 45"	11° 56' 14"	106° 40' 26"	C-48-10-A-b
Suối Yeng	TV	xã Lộc An	H. Lộc Ninh			11° 54' 57"	106° 36' 38"	11° 57' 59"	106° 37' 39"	C-48-10-A-a; C-48-10-A-b
Suối Yo	TV	xã Lộc An	H. Lộc Ninh			11° 53' 04"	106° 39' 00"	11° 53' 55"	106° 41' 32"	C-48-10-A-b
Ấp 1	DC	xã Lộc Điền	H. Lộc Ninh	11° 47' 55"	106° 38' 07"					C-48-10-A-d
Ấp 2	DC	xã Lộc Điền	H. Lộc Ninh	11° 48' 07"	106° 37' 41"					C-48-10-A-c
Ấp 3	DC	xã Lộc Điền	H. Lộc Ninh	11° 48' 16"	106° 37' 05"					C-48-10-A-c
Ấp 4	DC	xã Lộc Điền	H. Lộc Ninh	11° 47' 46"	106° 37' 10"					C-48-10-A-c
Ấp 5	DC	xã Lộc Điền	H. Lộc Ninh	11° 48' 44"	106° 37' 19"					C-48-10-A-c
Ấp 6	DC	xã Lộc Điền	H. Lộc Ninh	11° 48' 46"	106° 37' 53"					C-48-10-A-d
Ấp 7	DC	xã Lộc Điền	H. Lộc Ninh	11° 48' 32"	106° 38' 10"					C-48-10-A-d

Địa danh	Nhóm đối tượng	Tên ĐVHC cấp xã	Tên ĐVHC cấp huyện	Tọa độ vị trí tương đối của đối tượng						Phiên hiệu mảnh bản đồ địa hình
				Tọa độ trung tâm		Tọa độ điểm đầu		Tọa độ điểm cuối		
				Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	
Ấp 7	DC	xã Lộc Điền	H. Lộc Ninh	11° 48' 19"	106° 37' 43"					C-48-10-A-d
Ấp 8	DC	xã Lộc Điền	H. Lộc Ninh	11° 47' 47"	106° 39' 14"					C-48-10-A-d
Ấp 9	DC	xã Lộc Điền	H. Lộc Ninh	11° 48' 01"	106° 41' 08"					C-48-10-A-d
Công ty TNHH MTV Cao su Lộc Linh	KX	xã Lộc Điền	H. Lộc Ninh	11° 47' 34"	106° 40' 02"					C-48-10-A-d
suối Bay Cho Long	TV	xã Lộc Điền	H. Lộc Ninh			11° 47' 01"	106° 41' 52"	11° 46' 33"	106° 41' 50"	C-48-10-A-d
suối Bù Dinh	TV	xã Lộc Điền	H. Lộc Ninh			11° 46' 16"	106° 40' 55"	11° 45' 25"	106° 45' 20"	C-48-10-A-d
Đường ĐT.756	KX	xã Lộc Hiệp	H. Lộc Ninh			11° 52' 58"	106° 41' 11"	11° 31' 06"	106° 44' 28"	C-48-10-A-b
Đường ĐT.759B	KX	xã Lộc Hiệp	H. Lộc Ninh			12° 04' 06"	106° 51' 08"	11° 53' 12"	106° 36' 35"	C-48-10-A-b
Suối Phèn	TV	xã Lộc Điền	H. Lộc Ninh			11° 47' 44"	106° 39' 39"	11° 47' 54"	106° 38' 19"	C-48-10-A-d
nhà thờ Tích Thiện	KX	xã Lộc Điền	H. Lộc Ninh	11° 48' 28"	106° 37' 10"					C-48-10-C-b
suối Tonle Chàm	TV	xã Lộc Điền	H. Lộc Ninh			11° 49' 35"	106° 37' 08"	11° 47' 55"	106° 37' 25"	C-48-10-A-c
Sông Bé	TV	xã Lộc Hiệp	H. Lộc Ninh			11° 58' 11"	106° 50' 30"	11° 49' 27"	106° 45' 35"	C-48-10-B-a
Nhà truyền thống Căn cứ Cục Hậu cần Miền B2	KX	xã Lộc Hiệp	H. Lộc Ninh	11° 53' 15"	106° 41' 34"					C-48-10-A-b
Công ty TNHH MTV Cao su Lộc Ninh	KX	xã Lộc Hiệp	H. Lộc Ninh	11° 52' 53"	106° 37' 31"					C-48-10-A-a; C-48-10-A-b; C-48-10-A-c; C-48-10-A-d
hồ Cầu Trắng	TV	xã Lộc Hiệp	H. Lộc Ninh	11° 53' 14"	106° 41' 45"					C-48-10-A-b
văn phòng Đội 2	KX	xã Lộc Hiệp	H. Lộc Ninh	11° 52' 44"	106° 39' 57"					C-48-10-A-a
Bàu Đưng	TV	xã Lộc Hiệp	H. Lộc Ninh	11° 55' 42"	106° 41' 22"					C-48-10-A-b
Ấp Hiệp Hoàn	DC	xã Lộc Hiệp	H. Lộc Ninh	11° 52' 52"	106° 41' 51"					C-48-10-A-b
Ấp Hiệp Hoàn A	DC	xã Lộc Hiệp	H. Lộc Ninh	11° 53' 20"	106° 42' 59"					C-48-10-A-b
Ấp Hiệp Quyết	DC	xã Lộc Hiệp	H. Lộc Ninh	11° 52' 09"	106° 39' 44"					C-48-10-A-d
Ấp Hiệp Tâm	DC	xã Lộc Hiệp	H. Lộc Ninh	11° 52' 46"	106° 41' 05"					C-48-10-A-b
Ấp Hiệp Tâm A	DC	xã Lộc Hiệp	H. Lộc Ninh	11° 53' 14"	106° 40' 37"					C-48-10-A-b
Ấp Hiệp Thành	DC	xã Lộc Hiệp	H. Lộc Ninh	11° 53' 48"	106° 42' 01"					C-48-10-A-b

Địa danh	Nhóm đối tượng	Tên ĐVHC cấp xã	Tên ĐVHC cấp huyện	Tọa độ vị trí tương đối của đối tượng						Phiên hiệu mảnh bản đồ địa hình
				Tọa độ trung tâm		Tọa độ điểm đầu		Tọa độ điểm cuối		
				Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	
Ấp Hiệp Thành Tân	DC	xã Lộc Hiệp	H. Lộc Ninh	11° 54' 04"	106° 41' 48"					C-48-10-A-b
chùa Linh Sơn	KX	xã Lộc Hiệp	H. Lộc Ninh	11° 52' 25"	106° 39' 36"					C-48-10-A-d
nhà máy Chế biến mủ cao su Lộc Ninh	KX	xã Lộc Hiệp	H. Lộc Ninh	11° 52' 25"	106° 39' 49"					C-48-10-A-d
suối Mơ Ke	TV	xã Lộc Hiệp	H. Lộc Ninh			11° 52' 49"	106° 38' 06"	11° 52' 00"	106° 39' 48"	C-48-10-A-b; C-48-10-A-d
Suối Trào	TV	xã Lộc Hiệp	H. Lộc Ninh			11° 51' 19"	106° 37' 17"	11° 51' 03"	106° 41' 42"	C-48-10-A-d
Suối Yo	TV	xã Lộc Hiệp	H. Lộc Ninh			11° 53' 04"	106° 39' 00"	11° 53' 55"	106° 41' 32"	C-48-10-A-b
Ấp 6	DC	xã Lộc Hòa	H. Lộc Ninh	11° 55' 07"	106° 36' 27"					C-48-10-A-a
Ấp 7	DC	xã Lộc Hòa	H. Lộc Ninh	11° 57' 02"	106° 33' 19"					C-48-10-A-a
Ấp 8	DC	xã Lộc Hòa	H. Lộc Ninh	11° 54' 19"	106° 36' 16"					C-48-10-A-a
Ban quản lý Rừng phòng hộ Lộc Ninh	KX	xã Lộc Hòa	H. Lộc Ninh	11° 56' 59"	106° 33' 22"					C-48-10-A-a
Ấp 8A	DC	xã Lộc Hòa	H. Lộc Ninh	11° 54' 56"	106° 35' 27"					C-48-10-A-a
Ấp 8B	DC	xã Lộc Hòa	H. Lộc Ninh	11° 56' 14"	106° 36' 37"					C-48-10-A-a
Ấp 8C	DC	xã Lộc Hòa	H. Lộc Ninh	11° 55' 34"	106° 35' 34"					C-48-10-A-a
khu di tích lịch sử Bồn xăng kho nhiên liệu VK99	KX	xã Lộc Hòa	H. Lộc Ninh	11° 55' 14"	106° 35' 15"					C-48-10-A-a
hồ thủy lợi Bù Kal	TV	xã Lộc Hòa	H. Lộc Ninh	11° 55' 54"	106° 37' 17"					C-48-10-A-a
Công ty TNHH MTV Cao su Lộc Ninh	KX	xã Lộc Hòa	H. Lộc Ninh	11° 54' 33"	106° 36' 32"					C-48-10-A-a
Stưng Chrey Miêng	TV	xã Lộc Hòa	H. Lộc Ninh			12° 02' 22"	106° 45' 37"	11° 58' 30"	106° 37' 33"	C-48-10-A-b
trạm kiểm soát liên hợp Cửa khẩu Hoa Lư	KX	xã Lộc Hòa	H. Lộc Ninh	11° 57' 59"	106° 32' 38"					C-48-10-A-a
Ấp Hoa Lư	DC	xã Lộc Hòa	H. Lộc Ninh	11° 54' 56"	106° 34' 56"					C-48-10-A-a
hồ thủy lợi Suối Nuy	TV	xã Lộc Hòa	H. Lộc Ninh	11° 54' 40"	106° 35' 41"					C-48-10-A-a
Đường QL.13	KX	xã Lộc Hòa	H. Lộc Ninh			11° 21' 37"	106° 37' 44"	11° 58' 13"	106° 32' 26"	C-48-10-A-a
Ấp Suối Thôn	DC	xã Lộc Hòa	H. Lộc Ninh	11° 57' 45"	106° 34' 15"					C-48-10-A-a

Địa danh	Nhóm đối tượng	Tên ĐVHC cấp xã	Tên ĐVHC cấp huyện	Tọa độ vị trí tương đối của đối tượng						Phiên hiệu mảnh bản đồ địa hình
				Tọa độ trung tâm		Tọa độ điểm đầu		Tọa độ điểm cuối		
				Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	
Ấp 1	DC	xã Lộc Hưng	H. Lộc Ninh	11° 47' 58"	106° 35' 12"					C-48-10-A-c
Cầu 1	KX	xã Lộc Hưng	H. Lộc Ninh	11° 45' 31"	106° 33' 36"					C-48-10-A-c
Suối 1 Nhánh A	TV	xã Lộc Hưng	H. Lộc Ninh			11° 47' 23"	106° 34' 50"	11° 45' 19"	106° 34' 58"	C-48-10-A-c
Suối 1 Nhánh B	TV	xã Lộc Hưng	H. Lộc Ninh			11° 49' 15"	106° 34' 15"	11° 43' 52"	106° 32' 28"	C-48-10-A-c
Ấp 2	DC	xã Lộc Hưng	H. Lộc Ninh	11° 46' 56"	106° 34' 48"					C-48-10-A-c
Suối 2	TV	xã Lộc Hưng	H. Lộc Ninh			11° 47' 54"	106° 35' 51"	11° 46' 28"	106° 35' 50"	C-48-10-A-c
Ấp 3	DC	xã Lộc Hưng	H. Lộc Ninh	11° 47' 02"	106° 34' 37"					C-48-10-A-c
Ấp 4	DC	xã Lộc Hưng	H. Lộc Ninh	11° 47' 46"	106° 34' 54"					C-48-10-A-c
Ấp 5	DC	xã Lộc Hưng	H. Lộc Ninh	11° 47' 34"	106° 35' 18"					C-48-10-A-c
Ấp 6	DC	xã Lộc Hưng	H. Lộc Ninh	11° 48' 35"	106° 34' 30"					C-48-10-A-c
Ấp 7	DC	xã Lộc Hưng	H. Lộc Ninh	11° 48' 31"	106° 35' 03"					C-48-10-A-c
Ấp 8	DC	xã Lộc Hưng	H. Lộc Ninh	11° 48' 04"	106° 34' 07"					C-48-10-A-c
Ấp 9	DC	xã Lộc Hưng	H. Lộc Ninh	11° 45' 34"	106° 33' 51"					C-48-10-A-c
trạm biến thế 110KV Lộc Ninh	KX	xã Lộc Hưng	H. Lộc Ninh	11° 47' 13"	106° 34' 51"					C-48-10-A-c
suối Cần Lê	TV	xã Lộc Hưng	H. Lộc Ninh			11° 46' 24"	106° 35' 51"	11° 45' 19"	106° 34' 58"	C-48-10-A-c
Suối Cham Keng	TV	xã Lộc Hưng	H. Lộc Ninh			11° 48' 44"	106° 33' 43"	11° 44' 04"	106° 32' 44"	C-48-10-A-c
Đường ĐT.754	KX	xã Lộc Hưng	H. Lộc Ninh			11° 42' 50"	106° 25' 58"	11° 45' 14"	106° 34' 27"	C-48-10-A-c
Công ty Gạch Tuy Nol	KX	xã Lộc Hưng	H. Lộc Ninh	11° 45' 43"	106° 34' 35"					C-48-10-A-c
chùa Giác Quang	KX	xã Lộc Hưng	H. Lộc Ninh	11° 47' 26"	106° 34' 47"					C-48-10-A-c
Công ty cổ phần Thương mại Lộc Ninh	KX	xã Lộc Hưng	H. Lộc Ninh	11° 45' 31"	106° 34' 34"					C-48-10-A-c
thánh thất Lộc Ninh	KX	xã Lộc Hưng	H. Lộc Ninh	11° 46' 31"	106° 34' 38"					C-48-10-A-c
Suối Ngom	TV	xã Lộc Hưng	H. Lộc Ninh			11° 49' 36"	106° 34' 19"	11° 48' 44"	106° 33' 43"	C-48-10-A-c
Đường QL.13	KX	xã Lộc Hưng	H. Lộc Ninh			11° 21' 37"	106° 37' 44"	11° 58' 13"	106° 32' 26"	C-48-10-A-c
chùa Srây Au Đom	KX	xã Lộc Hưng	H. Lộc Ninh	11° 47' 33"	106° 34' 53"					C-48-10-A-c
Ấp Ba Ven	DC	xã Lộc Khánh	H. Lộc Ninh	11° 46' 16"	106° 38' 21"					C-48-10-A-d
cầu Ba Ven	KX	xã Lộc Khánh	H. Lộc Ninh	11° 46' 06"	106° 37' 11"					C-48-10-A-c

Địa danh	Nhóm đối tượng	Tên ĐVHC cấp xã	Tên ĐVHC cấp huyện	Tọa độ vị trí tương đối của đối tượng						Phiên hiệu mảnh bản đồ địa hình
				Tọa độ trung tâm		Tọa độ điểm đầu		Tọa độ điểm cuối		
				Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	
Ấp Cần Lê	DC	xã Lộc Khánh	H. Lộc Ninh	11° 45' 15"	106° 36' 46"					C-48-10-C-a
suối Cần Lê	TV	xã Lộc Khánh	H. Lộc Ninh			11° 44' 18"	106° 36' 49"	11° 44' 28"	106° 35' 53"	C-48-10-C-a
Ấp Chà Đôn	DC	xã Lộc Khánh	H. Lộc Ninh	11° 46' 46"	106° 36' 50"					C-48-10-A-c
Suối Đá	TV	xã Lộc Khánh	H. Lộc Ninh			11° 45' 12"	106° 40' 14"	11° 44' 18"	106° 36' 49"	C-48-10-A-d; C-48-10-C-a; C-48-10-C-b
Ấp Đồi Đá	DC	xã Lộc Khánh	H. Lộc Ninh	11° 46' 38"	106° 39' 40"					C-48-10-A-d
Đường ĐT.756	KX	xã Lộc Phú	H. Lộc Ninh			11° 52' 58"	106° 41' 11"	11° 31' 06"	106° 44' 28"	C-48-10-A-b; C-48-10-A-d
cầu Lâm Bui	KX	xã Lộc Khánh	H. Lộc Ninh	11° 46' 37"	106° 37' 53"					C-48-10-A-d
suối Lâm Bui	TV	xã Lộc Khánh	H. Lộc Ninh			11° 47' 55"	106° 37' 25"	11° 46' 27"	106° 37' 33"	C-48-10-A-c; C-48-10-A-d
Ấp Quyết Thành	DC	xã Lộc Khánh	H. Lộc Ninh	11° 47' 27"	106° 37' 37"					C-48-10-A-d
Ấp Sóc Lớn	DC	xã Lộc Khánh	H. Lộc Ninh	11° 47' 04"	106° 37' 26"					C-48-10-A-c
cầu Sóc Lớn	KX	xã Lộc Khánh	H. Lộc Ninh	11° 47' 10"	106° 37' 27"					C-48-10-A-c
chùa Sóc Lớn	KX	xã Lộc Khánh	H. Lộc Ninh	11° 47' 02"	106° 37' 31"					C-48-10-A-d
suối Tonle Chàm	TV	xã Lộc Khánh	H. Lộc Ninh			11° 47' 54"	106° 38' 19"	11° 44' 28"	106° 35' 53"	C-48-10-A-c; C-48-10-A-d; C-48-10-C-a
cầu Xóm Nùng	KX	xã Lộc Khánh	H. Lộc Ninh	11° 47' 21"	106° 38' 13"					C-48-10-A-d
Sông Bé	TV	xã Lộc Phú	H. Lộc Ninh			11° 58' 11"	106° 50' 30"	11° 49' 27"	106° 45' 35"	C-48-10-A-b; C-48-10-A-d; C-48-10-B-c
Ấp Bù Linh	DC	xã Lộc Phú	H. Lộc Ninh	11° 51' 00"	106° 41' 08"					C-48-10-A-d
cầu Bù Linh	KX	xã Lộc Phú	H. Lộc Ninh	11° 51' 07"	106° 41' 51"					C-48-10-A-d
suối Bù Linh	TV	xã Lộc Phú	H. Lộc Ninh			11° 51' 03"	106° 41' 42"	11° 52' 08"	106° 45' 01"	C-48-10-A-d; C-48-10-B-c
Ấp Bù Nồm	DC	xã Lộc Phú	H. Lộc Ninh	11° 50' 30"	106° 41' 33"					C-48-10-A-d
suối Bù Nồm	TV	xã Lộc Phú	H. Lộc Ninh			11° 49' 52"	106° 41' 36"	11° 51' 03"	106° 41' 42"	C-48-10-A-d

Địa danh	Nhóm đối tượng	Tên ĐVHC cấp xã	Tên ĐVHC cấp huyện	Tọa độ vị trí tương đối của đối tượng						Phiên hiệu mảnh bản đồ địa hình
				Tọa độ trung tâm		Tọa độ điểm đầu		Tọa độ điểm cuối		
				Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	
tịnh xá Ngọc Thanh	KX	xã Lộc Phú	H. Lộc Ninh	11° 52' 07"	106° 42' 54"					C-48-10-A-d
Suối Nuôi	TV	xã Lộc Phú	H. Lộc Ninh			11° 49' 44"	106° 43' 14"	11° 51' 05"	106° 44' 22"	C-48-10-A-d
Ấp Soor Rung	DC	xã Lộc Phú	H. Lộc Ninh	11° 50' 52"	106° 42' 36"					C-48-10-A-d
Ấp Tân Hai	DC	xã Lộc Phú	H. Lộc Ninh	11° 51' 16"	106° 43' 57"					C-48-10-A-d
Ấp Tân Lợi	DC	xã Lộc Phú	H. Lộc Ninh	11° 51' 09"	106° 42' 37"					C-48-10-A-d
Ấp Thắng Lợi	DC	xã Lộc Phú	H. Lộc Ninh	11° 52' 08"	106° 42' 23"					C-48-10-A-d
Ấp Vẻ Vang	DC	xã Lộc Phú	H. Lộc Ninh	11° 52' 12"	106° 41' 34"					C-48-10-A-d
hồ Thủy điện Srok Phu Miêng	TV	xã Lộc Quang	H. Lộc Ninh	11° 47' 40"	106° 45' 20"					C-48-10-B-c
suối Bay Cho Long	TV	xã Lộc Quang	H. Lộc Ninh			11° 47' 01"	106° 41' 52"	11° 46' 33"	106° 41' 50"	C-48-10-A-d
Sông Bé	TV	xã Lộc Quang	H. Lộc Ninh			11° 58' 11"	106° 50' 30"	11° 49' 27"	106° 45' 35"	C-48-10-B-c
Ấp Bồn Xăng	DC	xã Lộc Quang	H. Lộc Ninh	11° 50' 00"	106° 42' 02"					C-48-10-A-d
di tích lịch sử Bồn xăng - Kho nhiên liệu VK98	KX	xã Lộc Quang	H. Lộc Ninh	11° 49' 41"	106° 41' 16"					C-48-10-A-d
Ấp Bù Tam	DC	xã Lộc Quang	H. Lộc Ninh	11° 48' 00"	106° 42' 46"					C-48-10-A-d
Ấp Chàng Hai	DC	xã Lộc Quang	H. Lộc Ninh	11° 50' 01"	106° 42' 25"					C-48-10-A-d
Đường ĐT.756	KX	xã Lộc Quang	H. Lộc Ninh			11° 52' 58"	106° 41' 11"	11° 31' 06"	106° 44' 28"	C-48-10-A-d
suối Kàn Reng	TV	xã Lộc Quang	H. Lộc Ninh			11° 47' 00"	106° 42' 51"	11° 46' 20"	106° 44' 16"	C-48-10-A-d
nhà thờ Lộc Quang	KX	xã Lộc Quang	H. Lộc Ninh	11° 49' 49"	106° 42' 30"					C-48-10-A-d
hồ Lộc Quang	TV	xã Lộc Quang	H. Lộc Ninh	11° 49' 21"	106° 41' 17"					C-48-10-A-d
Ấp Tam Nguyên	DC	xã Lộc Quang	H. Lộc Ninh	11° 47' 16"	106° 42' 31"					C-48-10-A-d
Ấp Việt Quang	DC	xã Lộc Quang	H. Lộc Ninh	11° 49' 32"	106° 43' 08"					C-48-10-A-d
Ấp Việt Tân	DC	xã Lộc Quang	H. Lộc Ninh	11° 49' 44"	106° 45' 08"					C-48-10-B-c
Lâm trường 2	KX	xã Lộc Tấn	H. Lộc Ninh	11° 56' 09"	106° 27' 52"					C-48-9-B-b; C-48-10-A-a
Ấp 1B	DC	xã Lộc Tấn	H. Lộc Ninh	11° 51' 42"	106° 35' 36"					C-48-10-A-c
Ấp 4A	DC	xã Lộc Tấn	H. Lộc Ninh	11° 51' 59"	106° 34' 18"					C-48-10-A-c

Địa danh	Nhóm đối tượng	Tên ĐVHC cấp xã	Tên ĐVHC cấp huyện	Tọa độ vị trí tương đối của đối tượng						Phiên hiệu mảnh bản đồ địa hình
				Tọa độ trung tâm		Tọa độ điểm đầu		Tọa độ điểm cuối		
				Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	
Ấp 5A	DC	xã Lộc Tấn	H. Lộc Ninh	11° 52' 44"	106° 35' 34"					C-48-10-A-a
Ấp 5B	DC	xã Lộc Tấn	H. Lộc Ninh	11° 53' 05"	106° 36' 14"					C-48-10-A-a
Ấp 5C	DC	xã Lộc Tấn	H. Lộc Ninh	11° 53' 01"	106° 36' 46"					C-48-10-A-a
Ấp 6A	DC	xã Lộc Tấn	H. Lộc Ninh	11° 52' 31"	106° 36' 12"					C-48-10-A-a
Ấp 6B	DC	xã Lộc Tấn	H. Lộc Ninh	11° 52' 32"	106° 36' 57"					C-48-10-A-a
Ấp 12	DC	xã Lộc Tấn	H. Lộc Ninh	11° 51' 48"	106° 37' 57"					C-48-10-A-d
di tích lịch sử Bệnh viện Lộc Ninh	KX	xã Lộc Tấn	H. Lộc Ninh	11° 52' 49"	106° 35' 42"					C-48-10-A-a
Ấp Bù Núi A	DC	xã Lộc Tấn	H. Lộc Ninh	11° 53' 13"	106° 33' 31"					C-48-10-A-a
Ấp Bù Núi B	DC	xã Lộc Tấn	H. Lộc Ninh	11° 52' 34"	106° 33' 43"					C-48-10-A-a
Đường ĐT.759B	KX	xã Lộc Tấn	H. Lộc Ninh			12° 04' 06"	106° 51' 08"	11° 53' 12"	106° 36' 35"	C-48-10-A-d
Công ty TNHH MTV Cao su Lộc Ninh	KX	xã Lộc Tấn	H. Lộc Ninh	11° 52' 53"	106° 37' 31"					C-48-10-A-a; C-48-10-A-b; C-48-10-A-c; C-48-10-A-d
Ấp Cây Chặt	DC	xã Lộc Tấn	H. Lộc Ninh	11° 52' 54"	106° 34' 39"					C-48-10-A-a
Rạch Chàm	TV	xã Lộc Tấn	H. Lộc Ninh			11° 54' 55"	106° 29' 58"	11° 49' 30"	106° 26' 45"	C-48-9-B-b; C-48-9-B;
Suối Đá	TV	xã Lộc Tấn	H. Lộc Ninh			11° 56' 49"	106° 26' 42"	11° 58' 20"	106° 26' 01"	C-48-9-B-b
di tích lịch sử Đoạn cuối đường Hồ Chí Minh	KX	xã Lộc Tấn	H. Lộc Ninh	11° 53' 11"	106° 36' 37"					C-48-10-A-a
Ấp K57	DC	xã Lộc Tấn	H. Lộc Ninh	11° 52' 38"	106° 38' 37"					C-48-10-A-a
di tích lịch sử Làng Công - Tra	KX	xã Lộc Tấn	H. Lộc Ninh	11° 52' 35"	106° 35' 31"					C-48-10-A-a
Suối Lầy	TV	xã Lộc Tấn	H. Lộc Ninh			11° 56' 59"	106° 27' 24"	11° 58' 23"	106° 25' 50"	C-48-9-B-b
chùa Linh Sơn	KX	xã Lộc Tấn	H. Lộc Ninh	11° 52' 11"	106° 36' 49"					C-48-10-A-c
chùa Linh Thông	KX	xã Lộc Tấn	H. Lộc Ninh	11° 52' 37"	106° 35' 32"					C-48-10-A-a
chùa Linh Ứng	KX	xã Lộc Tấn	H. Lộc Ninh	11° 52' 13"	106° 34' 12"					C-48-10-A-c

Địa danh	Nhóm đối tượng	Tên ĐVHC cấp xã	Tên ĐVHC cấp huyện	Tọa độ vị trí tương đối của đối tượng						Phiên hiệu mảnh bản đồ địa hình
				Tọa độ trung tâm		Tọa độ điểm đầu		Tọa độ điểm cuối		
				Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	
nhà thờ Lộc Tấn	KX	xã Lộc Tấn	H. Lộc Ninh	11° 52' 40"	106° 35' 33"					C-48-10-A-a
suối Mlu	TV	xã Lộc Tấn	H. Lộc Ninh			11° 53' 37"	106° 31' 19"	11° 53' 38"	106° 29' 31"	C-48-10-A-a; C-48-9-B-b
suối Mơ Ke	TV	xã Lộc Tấn	H. Lộc Ninh			11° 52' 49"	106° 38' 06"	11° 52' 00"	106° 39' 48"	C-48-10-A-b
di tích lịch sử Nhà hát Lộc Tấn	KX	xã Lộc Tấn	H. Lộc Ninh	11° 52' 44"	106° 35' 32"					C-48-10-A-a
di tích lịch sử Nhà quản lý Công trình thời Pháp thuộc	KX	xã Lộc Tấn	H. Lộc Ninh	11° 53' 50"	106° 34' 00"					C-48-10-A-a
O Ta Bồi	TV	xã Lộc Tấn	H. Lộc Ninh			11° 55' 19"	106° 27' 16"	11° 55' 27"	106° 26' 08"	C-48-9-B-b
Đường QL.13	KX	xã Lộc Tấn	H. Lộc Ninh			11° 21' 37"	106° 37' 44"	11° 58' 13"	106° 32' 26"	C-48-10-A-c
Prek Lo Via	TV	xã Lộc Tấn	H. Lộc Ninh			11° 51' 49"	106° 30' 44"	11° 52' 24"	106° 28' 12"	C-48-9-B; C-48-10-A-c
Prek Tian	TV	xã Lộc Tấn	H. Lộc Ninh			11° 52' 54"	106° 31' 27"	11° 52' 50"	106° 29' 16"	C-48-10-A-a; C-48-9-B-b
hồ Rừng Cấm	KX	xã Lộc Tấn	H. Lộc Ninh	11° 52' 09"	106° 36' 03"					C-48-10-A-a; C-48-10-A-c
di tích lịch sử Thành đất hình tròn Lộc Tấn	KX	xã Lộc Tấn	H. Lộc Ninh	11° 52' 36"	106° 38' 28"					C-48-10-A-b
Ấp Thạnh Đông	DC	xã Lộc Tấn	H. Lộc Ninh	11° 53' 55"	106° 34' 54"					C-48-10-A-a
Ấp Thạnh Tây	DC	xã Lộc Tấn	H. Lộc Ninh	11° 54' 37"	106° 33' 33"					C-48-10-A-a
sông Tonle Chàm	TV	xã Lộc Tấn	H. Lộc Ninh			11° 56' 55"	106° 32' 57"	11° 54' 55"	106° 29' 58"	C-48-10-A-a; C-48-9-B-b
suối Tonle Tru	TV	xã Lộc Tấn	H. Lộc Ninh			11° 53' 31"	106° 35' 39"	11° 55' 07"	106° 30' 55"	C-48-10-A-a
Suối Trào	TV	xã Lộc Tấn	H. Lộc Ninh			11° 51' 19"	106° 37' 17"	11° 51' 03"	106° 41' 42"	C-48-10-A-c; C-48-10-A-d
Ấp 1	DC	xã Lộc Thái	H. Lộc Ninh	11° 49' 42"	106° 35' 01"					C-48-10-A-c
Ấp 2	DC	xã Lộc Thái	H. Lộc Ninh	11° 49' 27"	106° 35' 45"					C-48-10-A-c
Ấp 3	DC	xã Lộc Thái	H. Lộc Ninh	11° 49' 21"	106° 35' 32"					C-48-10-A-c

Địa danh	Nhóm đối tượng	Tên ĐVHC cấp xã	Tên ĐVHC cấp huyện	Tọa độ vị trí tương đối của đối tượng						Phiên hiệu mảnh bản đồ địa hình
				Tọa độ trung tâm		Tọa độ điểm đầu		Tọa độ điểm cuối		
				Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	
Ấp 4	DC	xã Lộc Thái	H. Lộc Ninh	11° 48' 06"	106° 35' 55"					C-48-10-A-c
Ấp 5	DC	xã Lộc Thái	H. Lộc Ninh	11° 49' 03"	106° 35' 46"					C-48-10-A-c
Ấp 6	DC	xã Lộc Thái	H. Lộc Ninh	11° 48' 17"	106° 36' 24"					C-48-10-A-c
Ấp 7	DC	xã Lộc Thái	H. Lộc Ninh	11° 48' 34"	106° 35' 41"					C-48-10-A-c
Ấp 8	DC	xã Lộc Thái	H. Lộc Ninh	11° 47' 28"	106° 36' 17"					C-48-10-A-c
Ấp 9	DC	xã Lộc Thái	H. Lộc Ninh	11° 47' 36"	106° 36' 37"					C-48-10-A-c
Công ty TNHH MTV Cao su Lộc Ninh	KX	xã Lộc Thái	H. Lộc Ninh	11° 49' 14"	106° 35' 07"					C-48-10-A-c
suối Cây Cầy	TV	xã Lộc Thái	H. Lộc Ninh			11° 48' 27"	106° 35' 33"	11° 47' 54"	106° 35' 51"	C-48-10-A-c
Cầu Đỏ	KX	xã Lộc Thái	H. Lộc Ninh	11° 48' 26"	106° 36' 10"					C-48-10-A-c
chùa Giác Ngạn	KX	xã Lộc Thái	H. Lộc Ninh	11° 48' 17"	106° 35' 21"					C-48-10-A-c
chùa Lôi Âm	KX	xã Lộc Thái	H. Lộc Ninh	11° 49' 10"	106° 35' 43"					C-48-10-A-c
Cầu Mua	KX	xã Lộc Thái	H. Lộc Ninh	11° 49' 41"	106° 35' 34"					C-48-10-A-c
Đường QL.13	KX	xã Lộc Thái	H. Lộc Ninh			11° 21' 37"	106° 37' 44"	11° 58' 13"	106° 32' 26"	C-48-10-A-c
suối Rừng Cấm	TV	xã Lộc Thái	H. Lộc Ninh			11° 49' 50"	106° 35' 42"	11° 48' 00"	106° 37' 23"	C-48-10-A-c
suối Tonle Chàm	TV	xã Lộc Thái	H. Lộc Ninh			11° 49' 52"	106° 34' 41"	11° 49' 39"	106° 35' 44"	C-48-10-A-c
Cầu 3	KX	xã Lộc Thành	H. Lộc Ninh	11° 44' 36"	106° 28' 49"					C-48-9-D-b
Cầu 4	KX	xã Lộc Thành	H. Lộc Ninh	11° 43' 58"	106° 26' 51"					C-48-9-D-b
Công ty TNHH MTV Cao su Lộc Ninh	KX	xã Lộc Thành	H. Lộc Ninh	11° 49' 14"	106° 32' 37"					C-48-10-A-c
Ấp Cần Dực	DC	xã Lộc Thành	H. Lộc Ninh	11° 47' 55"	106° 30' 56"					C-48-10-A-c
suối Cần Dực	TV	xã Lộc Thành	H. Lộc Ninh			11° 49' 21"	106° 30' 54"	11° 47' 39"	106° 31' 34"	C-48-10-A-c
Rạch Chàm	TV	xã Lộc Thành	H. Lộc Ninh			11° 49' 30"	106° 26' 45"	11° 40' 22"	106° 27' 03"	C-48-9-B; C-48-9-D-b
suối Cham Keng	TV	xã Lộc Thành	H. Lộc Ninh			11° 48' 44"	106° 33' 43"	11° 44' 04"	106° 32' 44"	C-48-10-A-c; C-48-10-C-a
suối Cham Ri	TV	xã Lộc Thành	H. Lộc Ninh			11° 47' 01"	106° 32' 25"	11° 46' 25"	106° 32' 06"	C-48-10-A-c
Đường ĐT.754	KX	xã Lộc Thành	H. Lộc Ninh			11° 42' 50"	106° 25' 58"	11° 45' 14"	106° 34' 27"	C-48-9-B; C-48-9-D-b; C-48-10-A-c

Địa danh	Nhóm đối tượng	Tên ĐVHC cấp xã	Tên ĐVHC cấp huyện	Tọa độ vị trí tương đối của đối tượng						Phiên hiệu mảnh bản đồ địa hình
				Tọa độ trung tâm		Tọa độ điểm đầu		Tọa độ điểm cuối		
				Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	
suối Khlây	TV	xã Lộc Thành	H. Lộc Ninh			11° 48' 06"	106° 29' 37"	11° 41' 43"	106° 28' 20"	C-48-9-B; C-48-9-D-b
Ấp KLiêu	DC	xã Lộc Thành	H. Lộc Ninh	11° 47' 43"	106° 31' 44"					C-48-10-A-c
suối Kliêu	TV	xã Lộc Thành	H. Lộc Ninh			11° 50' 04"	106° 33' 29"	11° 47' 08"	106° 31' 48"	C-48-10-A-c
hồ KLiêu	TV	xã Lộc Thành	H. Lộc Ninh	11° 47' 39"	106° 31' 41"					C-48-10-A-c
Ấp Lộc Bình 1	DC	xã Lộc Thành	H. Lộc Ninh	11° 49' 39"	106° 33' 22"					C-48-10-A-c
Ấp Lộc Bình 2	DC	xã Lộc Thành	H. Lộc Ninh	11° 49' 28"	106° 33' 36"					C-48-10-A-c
suối Mlu	TV	xã Lộc Thành	H. Lộc Ninh			11° 47' 37"	106° 31' 42"	11° 45' 56"	106° 32' 36"	C-48-10-A-c
Suối Ngom	TV	xã Lộc Thành	H. Lộc Ninh			11° 49' 36"	106° 34' 19"	11° 48' 44"	106° 33' 43"	C-48-10-A-c
Prek Chơ Răng	TV	xã Lộc Thành	H. Lộc Ninh			11° 50' 02"	106° 29' 50"	11° 50' 09"	106° 27' 59"	C-48-9-B
Prek Lơ Vây	TV	xã Lộc Thành	H. Lộc Ninh			11° 50' 09"	106° 27' 59"	11° 49' 30"	106° 26' 45"	C-48-9-B
Prek Rom Đôn	TV	xã Lộc Thành	H. Lộc Ninh			11° 49' 14"	106° 29' 48"	11° 49' 03"	106° 29' 05"	C-48-9-B
Prek Ta Num	TV	xã Lộc Thành	H. Lộc Ninh			11° 48' 25"	106° 29' 01"	11° 49' 02"	106° 27' 27"	C-48-9-B
Prek Ta Pek	TV	xã Lộc Thành	H. Lộc Ninh			11° 49' 03"	106° 29' 05"	11° 49' 15"	106° 26' 35"	C-48-9-B
Prek Tram Ka	TV	xã Lộc Thành	H. Lộc Ninh			11° 46' 03"	106° 26' 51"	11° 44' 38"	106° 26' 54"	C-48-9-B; C-48-9-D-b
Prek Trây	TV	xã Lộc Thành	H. Lộc Ninh			11° 47' 31"	106° 26' 37"	11° 42' 09"	106° 26' 32"	C-48-9-B; C-48-9-D-b
Ấp Tà Tê 1	DC	xã Lộc Thành	H. Lộc Ninh	11° 48' 14"	106° 31' 29"					C-48-10-A-c
Ấp Tà Tê 2	DC	xã Lộc Thành	H. Lộc Ninh	11° 49' 35"	106° 31' 07"					C-48-10-A-c
hồ Tà Tê 2	TV	xã Lộc Thành	H. Lộc Ninh	11° 49' 32"	106° 30' 51"					C-48-10-A-c
khu di tích lịch sử Tà Thiết	KX	xã Lộc Thành	H. Lộc Ninh	11° 45' 25"	106° 28' 40"					C-48-9-B
Ấp Tân Bình 1	DC	xã Lộc Thành	H. Lộc Ninh	11° 49' 38"	106° 32' 35"					C-48-10-A-c
Ấp Tân Bình 2	DC	xã Lộc Thành	H. Lộc Ninh	11° 49' 07"	106° 32' 00"					C-48-10-A-c
Ấp Tân Mai	DC	xã Lộc Thành	H. Lộc Ninh	11° 48' 05"	106° 33' 32"					C-48-10-A-c
suối Tân Mai	TV	xã Lộc Thành	H. Lộc Ninh			11° 49' 22"	106° 33' 18"	11° 47' 08"	106° 32' 28"	C-48-10-A-c
Suối Bông	TV	xã Lộc Thạnh	H. Lộc Ninh			11° 57' 17"	106° 31' 19"	11° 58' 25"	106° 28' 11"	C-48-9-B-b; C-48-10-A-a

Địa danh	Nhóm đối tượng	Tên ĐVHC cấp xã	Tên ĐVHC cấp huyện	Tọa độ vị trí tương đối của đối tượng						Phiên hiệu mảnh bản đồ địa hình
				Tọa độ trung tâm		Tọa độ điểm đầu		Tọa độ điểm cuối		
				Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	
Công ty TNHH MTV Cao su Lộc Ninh	KX	xã Lộc Thạnh	H. Lộc Ninh	11° 54' 22"	106° 35' 16"					C-48-10-A-a
Suối Đá	TV	xã Lộc Thạnh	H. Lộc Ninh			11° 56' 49"	106° 26' 42"	11° 58' 20"	106° 26' 01"	C-48-9-B-b
chợ Hữu Nghị	KX	xã Lộc Thạnh	H. Lộc Ninh	11° 57' 28"	106° 32' 52"					C-48-10-A-a
Suối Lầy	TV	xã Lộc Thạnh	H. Lộc Ninh			11° 56' 59"	106° 27' 24"	11° 58' 23"	106° 25' 50"	C-48-9-B-b
nhà thờ Lộc Thạnh	KX	xã Lộc Thạnh	H. Lộc Ninh	11° 54' 52"	106° 33' 11"					C-48-10-A-a
Prek Chơ Riu	TV	xã Lộc Thạnh	H. Lộc Ninh			11° 58' 40"	106° 31' 36"	11° 58' 36"	106° 24' 27"	C-48-9-B-b; C-48-10-A-a
chùa Quang Minh	KX	xã Lộc Thạnh	H. Lộc Ninh	11° 53' 53"	106° 35' 42"					C-48-10-A-a
Đường QL.13	KX	xã Lộc Thạnh	H. Lộc Ninh			11° 21' 37"	106° 37' 44"	11° 58' 13"	106° 32' 26"	
suối Rin Chit	TV	xã Lộc Thạnh	H. Lộc Ninh			11° 56' 24"	106° 33' 39"	11° 55' 22"	106° 31' 27"	C-48-10-A-a
Ấp Thạnh Biên	DC	xã Lộc Thạnh	H. Lộc Ninh	11° 55' 11"	106° 33' 52"					C-48-10-A-a
Ấp Thạnh Cường	DC	xã Lộc Thạnh	H. Lộc Ninh	11° 53' 52"	106° 35' 26"					C-48-10-A-a
Ấp Thạnh Phú	DC	xã Lộc Thạnh	H. Lộc Ninh	11° 55' 09"	106° 31' 27"					C-48-10-A-a
Ấp Thạnh Tân	DC	xã Lộc Thạnh	H. Lộc Ninh	11° 53' 27"	106° 36' 01"					C-48-10-A-a
Ấp Thạnh Trung	DC	xã Lộc Thạnh	H. Lộc Ninh	11° 54' 05"	106° 35' 42"					C-48-10-A-a
sông Tonle Chàm	TV	xã Lộc Thạnh	H. Lộc Ninh			11° 56' 55"	106° 32' 57"	11° 54' 55"	106° 29' 58"	C-48-10-A-a
suối Tonle Tru	TV	xã Lộc Thạnh	H. Lộc Ninh			11° 53' 31"	106° 35' 39"	11° 55' 07"	106° 30' 55"	C-48-10-A-a
Ấp 1	DC	xã Lộc Thiện	H. Lộc Ninh	11° 50' 05"	106° 33' 57"					C-48-10-A-c
Ấp 10	DC	xã Lộc Thiện	H. Lộc Ninh	11° 51' 06"	106° 33' 55"					C-48-10-A-c
Ấp 11A	DC	xã Lộc Thiện	H. Lộc Ninh	11° 50' 20"	106° 34' 18"					C-48-10-A-c
Ấp 11B	DC	xã Lộc Thiện	H. Lộc Ninh	11° 50' 31"	106° 33' 40"					C-48-10-A-c
Công ty TNHH MTV Cao su Lộc Ninh	KX	xã Lộc Thiện	H. Lộc Ninh	11° 52' 53"	106° 37' 31"					C-48-10-A-c
Rạch Chàm	TV	xã Lộc Thiện	H. Lộc Ninh			11° 54' 55"	106° 29' 58"	11° 49' 30"	106° 26' 45"	C-48-9-B-b; C-48-9-B
Ấp K54	DC	xã Lộc Thiện	H. Lộc Ninh	11° 52' 02"	106° 33' 11"					C-48-10-A-c
suối Lavia	TV	xã Lộc Thiện	H. Lộc Ninh			11° 51' 56"	106° 33' 05"	11° 51' 49"	106° 30' 44"	C-48-10-A-c

Địa danh	Nhóm đối tượng	Tên ĐVHC cấp xã	Tên ĐVHC cấp huyện	Tọa độ vị trí tương đối của đối tượng						Phiên hiệu mảnh bản đồ địa hình
				Tọa độ trung tâm		Tọa độ điểm đầu		Tọa độ điểm cuối		
				Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	
nhà thờ Lộc Thiện	KX	xã Lộc Thiện	H. Lộc Ninh	11° 50' 16"	106° 34' 35"					C-48-10-A-c
Ấp Măng Cải	DC	xã Lộc Thiện	H. Lộc Ninh	11° 50' 45"	106° 33' 02"					C-48-10-A-c
di tích lịch sử Nhà thờ Làng	KX	xã Lộc Thiện	H. Lộc Ninh	11° 50' 15"	106° 34' 34"					C-48-10-A-c
chùa Phúc Lâm	KX	xã Lộc Thiện	H. Lộc Ninh	11° 50' 13"	106° 34' 37"					C-48-10-A-c
Prek Lơ Vây	TV	xã Lộc Thiện	H. Lộc Ninh			11° 50' 09"	106° 27' 59"	11° 49' 30"	106° 26' 45"	C-48-9-B
Prek Lơ Via	TV	xã Lộc Thiện	H. Lộc Ninh			11° 51' 49"	106° 30' 44"	11° 52' 24"	106° 28' 12"	C-48-9-B; C-48-10-A-c
Prek Prây Đây	TV	xã Lộc Thiện	H. Lộc Ninh			11° 51' 09"	106° 27' 53"	11° 49' 39"	106° 26' 48"	C-48-9-B
Prek Ta Pet	TV	xã Lộc Thiện	H. Lộc Ninh			11° 50' 46"	106° 29' 28"	11° 50' 09"	106° 27' 59"	C-48-9-B
chùa Vĩnh Lâm	KX	xã Lộc Thiện	H. Lộc Ninh	11° 51' 16"	106° 33' 53"					C-48-10-A-c
Ấp Vườn Bưởi	DC	xã Lộc Thiện	H. Lộc Ninh	11° 50' 39"	106° 31' 33"					C-48-10-A-c
Cầu 1	KX	xã Lộc Thịnh	H. Lộc Ninh	11° 45' 31"	106° 33' 36"					C-48-10-A-c
Suối 1	TV	xã Lộc Thịnh	H. Lộc Ninh			11° 49' 15"	106° 34' 15"	11° 43' 52"	106° 32' 28"	C-48-10-A-c; C-48-10-C-a
Cầu 2	KX	xã Lộc Thịnh	H. Lộc Ninh	11° 45' 28"	106° 32' 23"					C-48-10-A-c
Cầu 3	KX	xã Lộc Thịnh	H. Lộc Ninh	11° 44' 36"	106° 28' 49"					C-48-9-D-b
Cầu 4	KX	xã Lộc Thịnh	H. Lộc Ninh	11° 43' 58"	106° 26' 51"					C-48-9-D-b
Ấp Cần Lê	DC	xã Lộc Thịnh	H. Lộc Ninh	11° 44' 20"	106° 31' 45"					C-48-10-C-a
cầu Cần Lê	KX	xã Lộc Thịnh	H. Lộc Ninh	11° 44' 05"	106° 34' 27"					C-48-10-C-a
suối Cần Lê	TV	xã Lộc Thịnh	H. Lộc Ninh			11° 44' 28"	106° 35' 53"	11° 41' 55"	106° 29' 39"	C-48-9-D-b; C-48-10-C-a
cầu Cần Lê - Hưng Thịnh	KX	xã Lộc Thịnh	H. Lộc Ninh	11° 43' 59"	106° 32' 40"					C-48-10-C-a
suối Cây Sung	TV	xã Lộc Thịnh	H. Lộc Ninh			11° 45' 19"	106° 34' 58"	11° 44' 16"	106° 34' 27"	C-48-10-A-c; C-48-10-C-a
Ấp Chà Là	DC	xã Lộc Thịnh	H. Lộc Ninh	11° 45' 24"	106° 32' 18"					C-48-10-A-c
Rạch Chàm	TV	xã Lộc Thịnh	H. Lộc Ninh			11° 45' 57"	106° 24' 46"	11° 40' 22"	106° 27' 03"	C-48-9-D-b
suối Cham Keng	TV	xã Lộc Thịnh	H. Lộc Ninh			11° 48' 44"	106° 33' 43"	11° 44' 04"	106° 32' 44"	C-48-10-A-c; C-48-10-C-a

Địa danh	Nhóm đối tượng	Tên ĐVHC cấp xã	Tên ĐVHC cấp huyện	Tọa độ vị trí tương đối của đối tượng						Phiên hiệu mảnh bản đồ địa hình
				Tọa độ trung tâm		Tọa độ điểm đầu		Tọa độ điểm cuối		
				Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	
Đồn biên phòng Cửa khẩu Tà Vát	KX	xã Lộc Thịnh	H. Lộc Ninh	11° 44' 00"	106° 27' 14"					C-48-9-D-b
Ấp Đồng Tâm	DC	xã Lộc Thịnh	H. Lộc Ninh	11° 45' 28"	106° 33' 38"					C-48-10-A-c
Đường ĐT.754	KX	xã Lộc Thịnh	H. Lộc Ninh			11° 42' 50"	106° 25' 58"	11° 45' 14"	106° 34' 27"	C-48-9-B; C-48-9-D-b; C-48-10-A-c
Ấp Hưng Thịnh	DC	xã Lộc Thịnh	H. Lộc Ninh	11° 44' 20"	106° 34' 06"					C-48-10-A-c
Ấp Hưng Thủy	DC	xã Lộc Thịnh	H. Lộc Ninh	11° 44' 32"	106° 34' 27"					C-48-10-C-a
suối Khlây	TV	xã Lộc Thịnh	H. Lộc Ninh			11° 48' 06"	106° 29' 37"	11° 41' 43"	106° 28' 20"	C-48-9-D-b
suối Mlu	TV	xã Lộc Thịnh	H. Lộc Ninh			11° 47' 37"	106° 31' 42"	11° 45' 56"	106° 32' 36"	C-48-10-A-c
Prek Trây	TV	xã Lộc Thịnh	H. Lộc Ninh			11° 47' 31"	106° 26' 37"	11° 42' 09"	106° 26' 32"	C-48-9-D-b
Đường QL.13	KX	xã Lộc Thịnh	H. Lộc Ninh			11° 21' 37"	106° 37' 44"	11° 58' 13"	106° 32' 26"	C-48-10-A-c; C-48-10-C-a
Ấp Tà Thiết	DC	xã Lộc Thịnh	H. Lộc Ninh	11° 45' 15"	106° 30' 35"					C-48-10-A-c
suối Tam Bay	TV	xã Lộc Thịnh	H. Lộc Ninh			11° 44' 37"	106° 29' 47"	11° 43' 25"	106° 29' 55"	C-48-9-D-b
suối Tonle Chàm	TV	xã Lộc Thịnh	H. Lộc Ninh			11° 47' 54"	106° 38' 19"	11° 44' 28"	106° 35' 53"	C-48-10-A-c; C-48-10-C-a
sông Tonle Chàm	TV	xã Lộc Thịnh	H. Lộc Ninh			11° 40' 22"	106° 27' 03"	11° 38' 18"	106° 27' 44"	C-48-9-D-b
suối Tonle Tru	TV	xã Lộc Thịnh	H. Lộc Ninh			11° 41' 55"	106° 29' 39"	11° 39' 30"	106° 27' 14"	C-48-9-D-b
Ấp 1	DC	xã Lộc Thuận	H. Lộc Ninh	11° 49' 44"	106° 36' 54"					C-48-10-A-c
Ấp 2	DC	xã Lộc Thuận	H. Lộc Ninh	11° 50' 11"	106° 36' 50"					C-48-10-A-c
Ấp 4	DC	xã Lộc Thuận	H. Lộc Ninh	11° 50' 17"	106° 38' 03"					C-48-10-A-d
Ấp 5	DC	xã Lộc Thuận	H. Lộc Ninh	11° 49' 58"	106° 38' 40"					C-48-10-A-d
Ấp 6	DC	xã Lộc Thuận	H. Lộc Ninh	11° 49' 47"	106° 38' 50"					C-48-10-A-d
Ấp 7	DC	xã Lộc Thuận	H. Lộc Ninh	11° 50' 38"	106° 40' 31"					C-48-10-A-d
Ấp 8	DC	xã Lộc Thuận	H. Lộc Ninh	11° 49' 02"	106° 40' 36"					C-48-10-A-d
Ấp 9	DC	xã Lộc Thuận	H. Lộc Ninh	11° 49' 27"	106° 38' 02"					C-48-10-A-d
Ấp 10	DC	xã Lộc Thuận	H. Lộc Ninh	11° 50' 34"	106° 39' 18"					C-48-10-A-d
Ấp 11	DC	xã Lộc Thuận	H. Lộc Ninh	11° 51' 46"	106° 38' 54"					C-48-10-A-d

Địa danh	Nhóm đối tượng	Tên ĐVHC cấp xã	Tên ĐVHC cấp huyện	Tọa độ vị trí tương đối của đối tượng						Phiên hiệu mảnh bản đồ địa hình
				Tọa độ trung tâm		Tọa độ điểm đầu		Tọa độ điểm cuối		
				Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	
Ấp 3A 1	DC	xã Lộc Thuận	H. Lộc Ninh	11° 51' 01"	106° 36' 48"					C-48-10-A-c
Ấp 3A 2	DC	xã Lộc Thuận	H. Lộc Ninh	11° 51' 18"	106° 36' 12"					C-48-10-A-c
Ấp 3B	DC	xã Lộc Thuận	H. Lộc Ninh	11° 50' 44"	106° 36' 59"					C-48-10-A-c
hồ Bù Nâu	TV	xã Lộc Thuận	H. Lộc Ninh	11° 49' 27"	106° 38' 52"					C-48-10-A-d
Công ty TNHH MTV Cao su Lộc Linh	KX	xã Lộc Thuận	H. Lộc Ninh	11° 50' 01"	106° 37' 50"					C-48-10-A-d
suối Chang Roai	TV	xã Lộc Thuận	H. Lộc Ninh			11° 51' 00"	106° 38' 17"	11° 49' 29"	106° 39' 09"	C-48-10-A-d
di tích lịch sử Địa điểm chiến thắng Dốc 31	KX	xã Lộc Thuận	H. Lộc Ninh	11° 50' 09"	106° 36' 29"					C-48-10-A-c
chùa Linh Sơn	KX	xã Lộc Thuận	H. Lộc Ninh	11° 50' 07"	106° 37' 20"					C-48-10-A-c
hồ Lộc Quang	TV	xã Lộc Thuận	H. Lộc Ninh	11° 49' 21"	106° 41' 17"					C-48-10-A-d
suối Tăm Bua	TV	xã Lộc Thuận	H. Lộc Ninh			11° 51' 00"	106° 37' 02"	11° 49' 35"	106° 37' 08"	C-48-10-A-c
Suối Trào	TV	xã Lộc Thuận	H. Lộc Ninh			11° 51' 19"	106° 37' 17"	11° 51' 03"	106° 41' 42"	C-48-10-A-d

KT. BỘ TRƯỞNG
THỨ TRƯỞNG

Nguyễn Thị Phương Hoa

VĂN PHÒNG CHÍNH PHỦ XUẤT BẢN

Địa chỉ: Số 1, Hoàng Hoa Thám, Ba Đình, Hà Nội
Điện thoại liên hệ:
- Nội dung: 080.44417; Fax: 080.44517
- Phát hành: 080.48543
Email: congbao@chinhphu.vn
Website: http://congbao.chinhphu.vn
In tại: Xí nghiệp Bản đồ 1- Bộ Quốc phòng

Giá: 10.000 đồng